

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**NGÀNH SƯ PHẠM MĨ THUẬT**

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

*Hà Nội, tháng 04/2024*

## MỤC LỤC

MỤC LỤC .....	2
PHẦN I. KHÁI QUÁT .....	6
1.1. Đặt vấn đề .....	6
1.2. Tổng quan chung.....	10
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ.....	22
<b>Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo</b> .....	22
<b>Mở đầu</b> .....	22
Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.....	22
<b>Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo .....</b>	27
<b>Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được các yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai</b> .....	27
<b>Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo .....</b>	27
Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.....	27
<b>Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật</b> .....	27
<b>Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận .....</b>	27
<b>Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học....</b>	27
Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.....	27
<b>Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.</b> .....	27
Tiêu chí 3.3: Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp .....	27
<b>Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học .....</b>	63
Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan .....	63
Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra .....	65
Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học .....	68
<b>Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học.....</b>	70
Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.....	71
Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.....	73
Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.....	76
Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.....	76
<b>Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.....</b>	81
<b>Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.....</b>	84
Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ	84

nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	84
Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng .....	87
Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.....	93
Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và NCV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	105
<b>Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên .....</b>	<b>109</b>
Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	110
Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai .....	113
Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá .....	114
Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.....	117
Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	118
<b>Tiêu chuẩn 8. Người học và các hoạt động hỗ trợ người học ..Error! Bookmark not defined.</b>	
Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
<b>Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....</b>	<b>135</b>
Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....	135
Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. ....	137
Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu .....	140
Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. ....	142
Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật. ....	144
<b>Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng. ....</b>	<b>146</b>
Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.....	147
Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được	

đánh giá và cải tiến .....	151
Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.....	154
Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.....	157
Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.....	159
Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.....	162
<b>Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra.....</b>	<b>166</b>
Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thời học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng .....	167
Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng .....	171
Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. ....	174
Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng .....	177
Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng .....	180
<b>PHẦN III. KẾT LUẬN.....</b>	<b>183</b>
<b>3.1. Những điểm mạnh của chương trình đào tạo trình độ đại học ngành GDCD</b> Error! Bookmark not defined.	
<b>3.2. Một số điểm tồn tại.....</b> Error! Bookmark not defined.	
<b>3.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT:.....</b> Error! Bookmark not defined.	
<b>3.4. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo theo Thông tư04/2016</b> .....Error! r! Bookmark not defined.	
<b>PHẦN IV. PHỤ LỤC.....</b> Error! Bookmark not defined.	
<b>4.1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT .....</b> Error! Bookmark not defined.	
<b>4.2. Các tư liệu, tài liệu liên quan .....</b> Error! Bookmark not defined.	

**DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT**

<b>TT</b>	<b>CHỮ CÁI VIẾT TẮT</b>	<b>TÊN ĐẦY ĐỦ</b>
1.	BCNK	Ban chủ nhiệm khoa
2.	BGD&ĐT	Bộ Giáo dục và đào tạo
3.	CNTT	Công nghệ thông tin
4.	CSGD	Cơ sở giáo dục
5.	CTDH	Chương trình dạy học
6.	CTĐT	Chương trình đào tạo
7.	CĐR	Chuẩn đầu ra
8.	ĐHSPHN	Đại học Sư phạm Hà Nội
9.	SPMT	Sư phạm Mỹ thuật
10.	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
11.	GV	Giảng viên
12.	NT	Nghệ thuật
13.	LVTN	Luận văn tốt nghiệp
14.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
15.	NH	Người học
16.	NCS	Nghiên cứu sinh
17.	NV	Nhân viên
18.	NVSP	Nghiệp vụ sư phạm
19.	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
20.	PGS	Phó Giáo sư
21.	PPDH	Phương pháp dạy học
22.	SV	Sinh viên
23.	ThS	Thạc sĩ
24.	TS	Tiến sĩ
25.	TC	Tín chỉ
26.	TTSP	Thực tập sư phạm
27.	VHVL	Vừa học vừa làm
28.	TTĐBCL	Trung tâm Đảm bảo Chất lượng

## PHẦN I. KHÁI QUÁT

### 1.1. Đặt vấn đề

#### 1.1.1 Tóm tắt báo cáo tự đánh giá CTĐT

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Mĩ thuật (SPMT) được Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) phê duyệt theo quyết định số ...../QĐ- BGD&ĐT ngày ..../...../.... với mục tiêu là đào tạo và cung cấp cho xã hội các cử nhân SPMT có trình độ cao, đáp ứng nhu cầu của xã hội. Năm học 2003, Trường bắt đầu tuyển sinh và thực hiện chương trình đào tạo (CTĐT) cho hệ Cử nhân SPMT, đến nay đã có 18 khóa tốt nghiệp. Trong quá trình triển khai đào tạo, Trường ĐH Sư phạm Hà Nội và khoa NT luôn quan tâm đến công tác đào tạo và đổi mới chương trình để nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân SPMT. Để phục vụ cho hoạt động kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng theo “Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo” ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ trưởng BGD&ĐT, khoa NT tiến hành quá trình tự đánh giá CTĐT ngành SPMT.

\* Cấu trúc của Báo cáo tự đánh giá gồm có 4 phần chính là: Phần I: Khái quát; Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí; Phần III: Kết luận; Phần IV: Phụ lục.

Cụ thể các phần như sau:

#### ***- Phần I: Khái quát***

Trình bày tổng quan về cấu trúc và nội dung cơ bản của báo cáo tự đánh giá Chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành SPMT theo các tiêu chuẩn; giải thích cách mã hoá các minh chứng trong báo cáo tự đánh giá. Đồng thời, mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động tự đánh giá, sự tham gia của các bên liên quan. Phần này cũng nêu mục đích, quy trình, phạm vi, sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách chất lượng và hoạt động đảm bảo chất lượng của khoa NT, Trường ĐHSHPN.

#### ***- Phần II Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí***

Phần Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí trình bày báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành SPMT theo 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí ban hành kèm thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016. Cụ thể, đó là nội dung tự đánh giá về: (TC1) Mục tiêu và chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT; (TC2) Bản mô tả CTĐT; (TC3) Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học; (TC4) Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; (TC5) Đánh giá kết quả học tập của người học; (TC6) Đội ngũ giảng viên (GV),

nhà nghiên cứu viên (NCV); (TC7) Đội ngũ nhân viên (NV); (TC8) Người học và hoạt động hỗ trợ người học; (TC9) Cơ sở vật chất và trang thiết bị; (TC10) Nâng cao chất lượng; (TC11) Kết quả đầu ra.

Các tiêu chí của mỗi tiêu chuẩn được mô tả chi tiết nhằm nêu ra những điểm mạnh và những tồn tại thông qua đó lên kế hoạch hành động và các giải pháp cải tiến. Các tiêu chí sau khi phân tích được tự đánh giá một cách khách quan theo 7 mức quy định.

### **- Phần III: Kết luận**

Mô tả tóm tắt các điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại cần cải tiến chất lượng của CTĐT; đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng. Cuối phần Kết luận là bản Tổng hợp kết quả tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành SPMT của Trường ĐHSPHN.

**- Phần IV: Phụ lục:** Bao gồm bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; Công văn 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 về Tài liệu đánh giá chất lượng đào tạo các trình độ của giáo dục đại học và công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo; cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định văn bản liên quan khác và danh mục minh chứng.

### **\* Cách mã hoá minh chứng trong báo cáo**

Mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất **11 ký tự**, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: **Hn.ab.cd.ef.**

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp  $n \geq 10$  thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)
- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15, ...)

Ví dụ:

H1.01.01.01: là MC thứ nhất tiêu chí 1 của tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1;

H3.03.02.15: là MC thứ 15 tiêu chí 2 của tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3;

H4.04.03.25: là MC thứ 25 tiêu chí 03 của tiêu chuẩn 4, được đặt ở hộp 4;

H8.10.02.04: là MC thứ 4 tiêu chí 2 của tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 8;

H10.10.02.04: là MC thứ 4 tiêu chí 2 của tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 10.

### **1.1.2 Mục đích, quy trình, phạm vi, phương pháp, công cụ và các bên tham gia đánh giá**

*- Mục đích tự đánh giá:*

Mục đích của việc tự đánh giá CTĐT ngành SPMT là nhằm nhìn nhận lại toàn diện các mặt hoạt động của Khoa NT trong 5 năm qua (2019 - 2024). Trên cơ sở kết quả tự đánh giá, Khoa NT xác định rõ những điểm mạnh, những điểm còn tồn tại và đề ra kế hoạch hành động để duy trì, phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm còn tồn tại nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo của Khoa.

Kết quả tự đánh giá góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng của Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành SPMT. Thông qua việc tự rà soát và đánh giá thực trạng của chương trình tại thời điểm tự đánh giá, từ đó có kế hoạch hành động cải tiến và hoàn thiện hơn chất lượng CTĐT; đảm bảo tính khoa học cho việc điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo, lập kế hoạch nâng cao chất lượng và triển khai thực hiện kế hoạch.

Tự đánh giá CTĐT là căn cứ để triển khai công tác đánh giá ngoài, là cơ sở để Trường cải tiến chất lượng của CTĐT, đồng thời thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định.

Đồng thời, hoạt động tự đánh giá còn giúp Nhà trường, Khoa NT và mỗi cán bộ giảng viên trong khoa biết rõ các điểm mạnh cũng như các vấn đề còn tồn tại của CTĐT; từ đó có hướng giải quyết nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng chương trình, để đào tạo ra các cử nhân SPMT có năng lực, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

*- Quy trình tự đánh giá:* Quy trình tự đánh giá được thực hiện gồm các bước chính như sau:

+ *Bước 1:* Thành lập hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách. Để triển khai công tác tự đánh giá, Khoa đã thành lập Hội đồng Tự đánh giá, thành lập Ban Thư ký và 5 nhóm công tác chuyên trách. Mười một tiêu chuẩn tự đánh giá được phân công cụ thể cho 5 nhóm chuyên trách chịu trách nhiệm, dưới sự hỗ trợ trực tiếp của trưởng ban thư ký là Giám đốc của TT ĐBCL.

+ *Bước 2:* Lập kế hoạch tự đánh giá và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm chuyên trách. Các nhóm chuyên trách được giao nhiệm vụ cụ thể và tiến hành công việc theo lịch trình và kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt.

+ *Bước 3:* Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. Các nhóm chuyên trách đã tổ chức nhiều cuộc họp để phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và



minh chứng. Chuyên gia tư vấn của TT ĐBCL đã hướng dẫn các kỹ thuật thu thập minh chứng, kỹ thuật viết báo cáo tiêu chí cho tất cả các thành viên tham gia nhóm chuyên trách.

+ *Bước 4:* Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được. Quá trình xử lý, phân tích thông tin của các nhóm được thực hiện và tổ chức báo cáo trước hội đồng tự đánh giá của khoa để các nhóm cùng nắm thông tin, đồng bộ minh chứng, tránh được sự chồng chéo trong việc xử lý thông tin và minh chứng.

+ *Bước 5:* Viết báo cáo tự đánh giá. Trên cơ sở các thông tin và minh chứng thu được, dưới sự hỗ trợ trực tiếp của trưởng ban thư ký là giám đốc của TT ĐBCL, các nhóm chuyên trách viết báo cáo tự đánh giá từng tiêu chuẩn, tiêu chí đã được phân công; đồng thời mã hóa tất cả các minh chứng theo đúng hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Từ việc thu thập minh chứng theo các tiêu chuẩn đã được đặt ra từ các câu hỏi của nhóm về vấn đề cần trả lời cho từng tiêu chí, Thư ký các nhóm tiến hành tổng hợp và biên tập thành báo cáo tự đánh giá tổng thể cấp Khoa để trình bày tại Khoa. Các nhóm chuyên trách báo cáo các kết quả viết báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn.

Ban thư ký và các nhóm công tác hợp với TT Đảm bảo chất lượng của Trường để hoàn thiện các báo cáo tiêu chí tiêu chuẩn. Trên cơ sở các ý kiến góp ý của TT ĐBCL, Khoa tiến hành hoàn thiện báo cáo tự đánh giá. Công bố báo cáo cho các bên liên quan trong trường đọc và góp ý kiến, hoàn thiện lần cuối báo cáo tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành SPMT và đăng ký đánh giá ngoài.

- *Phạm vi tự đánh giá:* Trường ĐHSPTN thực hiện tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành SPMT dưới sự chỉ đạo của Ban giám hiệu Nhà trường và sự cung cấp thông tin của các phòng, ban chức năng trong Trường qua các thông tin và minh chứng trong 5 năm từ 2019 - 2024.

- *Phương pháp tự đánh giá:* Để thực hiện hoạt động tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành SPMT, khoa NT đã sử dụng các phương pháp thống kê, so sánh, đối chiếu, phân tích... để tự đánh giá.

- *Công cụ tự đánh giá:* Hoạt động tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành SPMT được đánh giá theo 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí của bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TTBGDDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng: Công văn số 1074/ KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 về việc hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học; Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 về việc hướng dẫn TĐG CTĐT; Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng

CTĐT các trình độ của giáo dục đại học; Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo; Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

- *Sự tham gia của các bên liên quan:*

Để có được báo cáo tự đánh giá CTĐT hoàn chỉnh cần có sự phối hợp của nhiều bên liên quan bao gồm: Đại diện Ban Giám hiệu trường ĐHSPHN, các phòng, ban chức năng, trung tâm của Nhà trường, cán bộ giảng viên của khoa NT. Mỗi bên liên quan thực hiện đúng trách nhiệm của mình trong việc cung cấp các minh chứng phục vụ quá trình tự đánh giá CTĐT ngành SPMT.

Trong quá trình tiến hành tự đánh giá, khoa NT còn lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng lao động, sự phản hồi của sinh viên (SV), các cựu SV để phục vụ cho việc tự đánh giá.

## **1.2. Tổng quan chung**

### **1.2.1 Thông tin chung về Trường ĐHSPHN:**

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (tên tiếng Anh: Hanoi National University of Education, viết tắt là HNUE) được thành lập ngày 11/10/1951 theo Nghị định số 276/NĐ của Bộ Quốc gia Giáo dục. Tháng 12 năm 1993, trường trở thành một trường thành viên của Đại học Quốc gia Hà Nội và đến tháng 10 năm 1999, theo quyết định số 201/QĐTTg của Thủ tướng Chính phủ, trường tách khỏi Đại học Quốc gia Hà Nội và chính thức lấy tên là Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Đến nay (2024), Trường đã có 73 năm xây dựng và phát triển với bề dày truyền thống và những thành tựu quan trọng, giữ vị trí trong top 10 bảng xếp hạng QS Châu Á của các trường đại học Việt Nam.

Về triết lý giáo dục: Ngày 6/5/2020, Quyết định số 930/QĐ-ĐHSPHN đã ban hành nội dung triết lý giáo dục của Trường là “đào tạo nhà giáo xuất sắc có tinh thần nhân văn, tư duy hiện đại, hành động tích cực vì sự phát triển cộng đồng”, hướng tới mục tiêu đào tạo ra những nhà giáo có lòng nhân ái, tình yêu thương con người, ý thức bảo tồn và phát huy văn hoá dân tộc; có tư duy độc lập, có khả năng cập nhật, sáng tạo cái mới có ích, có năng lực phản biện khoa học; xác định việc học đi đôi với việc hành, sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội và đất nước; hành động tích cực vì sự phát triển bền vững của quốc gia, dân tộc và nhân loại.

Về sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (ĐHSPHN) là trường trọng điểm, đầu ngành trong hệ thống các trường sư phạm, là trung tâm lớn nhất về đào tạo giáo viên, nghiên cứu khoa học, bao gồm cả khoa học giáo dục, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, nhân văn. Với việc xác định *giá trị cốt lõi* của Nhà trường là “Chuẩn mực - Sáng tạo - Tiên phong”, mục tiêu, *sứ mạng* xây dựng Trường

ĐHSPHN là trường đại học trọng điểm quốc gia và khu vực, đào tạo các chuyên gia xuất sắc có đóng góp đặc biệt quan trọng cho hệ thống giáo dục và xã hội

thông qua các chương trình nghiên cứu, hợp tác đào tạo đại học và sau đại học có chất lượng cao; phấn đấu đến năm 2030, Trường sẽ có những kết quả vượt trội trong nghiên cứu khoa học công nghệ, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học giáo dục, đào tạo giáo viên chất lượng cao ở tầm quốc gia và quốc tế.

Chức năng của Nhà trường được xác định là thực hiện đào tạo giáo viên chất lượng cao, chuyên gia xuất sắc; nghiên cứu khoa học đạt trình độ tiên tiến; cung cấp dịch vụ giáo dục và khoa học công nghệ phục vụ sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế của đất nước.

Tính đến năm học 2023-2024, mô hình cơ cấu tổ chức của Trường gồm 3 cấp: cấp trường - cấp khoa, phòng, phân hiệu, viện - cấp bộ môn. Cơ cấu tổ chức của Trường gồm Đảng uỷ; Hội đồng Trường; Ban Giám hiệu; Hội đồng Khoa học và đào tạo; Các đơn vị chức năng giúp Hiệu trưởng quản lý; Các khoa, viện và các bộ môn trực thuộc Trường thực hiện nhiệm vụ đào tạo (24 Khoa, 1 Viện), bao gồm: các khoa: Toán - Tin, Công nghệ Thông tin, Công tác xã hội, Việt Nam học, Triết học, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Lý luận chính trị - Giáo dục công dân, Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục Đặc biệt, Nghệ thuật, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Sư phạm Kỹ thuật và Viện Giáo dục và Đào tạo quốc tế; Các tổ chức khoa học và công nghệ gồm: Viện Khoa học xã hội, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển nghiệp vụ sư phạm, các Trung tâm nghiên cứu khoa học khác; Các đơn vị phục vụ đào tạo; Trường THPT chuyên ĐHS và các trường thực hành; phân hiệu Trường ĐHSPHN tại tỉnh Hà Nam; các đoàn thể và tổ chức xã hội gồm Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên.

Về đào tạo bậc đại học, cho đến nay trường có 40 chương trình đào tạo chính quy, trong đó có phải kể đến các chương trình chất lượng cao, chương trình dạy học bằng tiếng Anh và liên kết quốc tế. Đến nay, trường đã đào tạo được hàng vạn cử nhân cho ngành, cho đất nước.

Về đào tạo sau đại học, tính đến năm 2024, trường có 56 chương trình đào tạo thạc sĩ, 43 chương trình đào tạo tiến sĩ và một số chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ liên kết với nước ngoài. Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ từ năm 1976, thạc sĩ từ năm 1991. Đến nay, Trường đã đào tạo được hơn 1.650 tiến sĩ và hơn 22.000 thạc sĩ, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước, đặc biệt cho ngành giáo dục. Nhiều nhà khoa học, cán bộ quản lý, nhà giáo, đông đảo trí thức, văn nghệ sĩ, các nhà hoạt động xã hội trưởng thành từ Trường Đại học

Sư phạm Hà Nội đã và đang phát huy tốt vai trò của mình trong các lĩnh vực công tác khác nhau.

Không chỉ là một trung tâm đào tạo uy tín hàng đầu, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội còn là một *trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ lớn*. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội là đơn vị trọng điểm trong nghiên cứu khoa học và ứng dụng khoa học giáo dục của ngành. Từ năm 2010 đến tháng 8/ 2016, Trường có tổng số đề tài các cấp là 1.198 đề tài. Trong đó: Trong giai đoạn 2010 – 2015, Phòng quản lý trực tiếp 03 đề tài độc lập và chương trình cấp Nhà nước (01 đề tài độc lập, 01 đề tài chương trình Tây Bắc, 01 đề tài chương trình Bộ Công thương). Giai đoạn 2016 – 2020: 13 đề tài độc lập và chương trình cấp nhà nước (02 đề tài độc lập, 01 đề tài Quỹ gen, 02 dự án FRIST, 01 đề tài chương trình Bộ Công thương, 01 đề tài Chương trình Tây Bắc, 05 đề tài chương trình Khoa học Giáo dục – Bộ Giáo dục và Đào tạo, 01 chương trình Ủy ban Dân tộc). Bên cạnh đó, tính từ năm 2016 đến 2020, hệ thống các đề tài các cấp: Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước/NAFOTED: 53 đề tài; đề tài nghiên cứu cấp Bộ giáo dục, cấp Thành phố: 128; đề tài nghiên cứu cấp Trường: 132 đề tài. Trường ĐHSPhN là một trong những đơn vị đào tạo có kết quả hoạt động khoa học được đánh giá cao. Tính riêng năm học 2018-2019, Trường có tổng số 159 bài báo được công bố trên các tạp chí quốc tế trong danh mục SCI & SCIE; 106 bài báo công bố trên các tạp chí nước ngoài và 999 bài báo công bố trên các tạp chí, hội thảo trong nước có chỉ số. Xếp hạng uy tín khoa học của Trường Đại học ngày một tăng và có sức ảnh hưởng lớn.

Nhiều cán bộ của trường đã trở thành những nhà khoa học tầm cỡ quốc gia, quốc tế, nhiều người đã vinh dự được nhận các giải thưởng lớn của Nhà nước và quốc tế: 16 Giải thưởng Hồ Chí Minh, 15 Giải thưởng khoa học Nhà nước, 1 giải thưởng quốc tế Cosmos, 1 giải thưởng Nhân tài đất Việt, 1 giải thưởng tập thể Sáng tạo KH-CN Việt Nam VIFOTEC 2014...

Tạp chí khoa học ĐHSPhN (Journal of Science, HNUE) là một tạp chí khoa học có uy tín, ra 12 số 1 năm, trong đó có 4 số bằng tiếng Anh. Với sự đóng góp của đông đảo đội ngũ nhà khoa học của trường. Tạp chí khoa học của trường đang được đánh giá là một tạp chí có uy tín, là một địa chỉ tin cậy cho các nhà khoa học trong cả nước công bố các công trình nghiên cứu của mình thuộc các lĩnh vực khoa học.

Trường ĐHSP Hà Nội còn có nhiệm vụ đào tạo học sinh chuyên cấp trung học phổ thông; phát hiện, bồi dưỡng, đào tạo nhân tài; thử nghiệm các mô hình trường học, chương trình giáo dục mới. Do đó, Trường còn là một trong những trường có thành tích cao trong *đào tạo tài năng trẻ cho đất nước*... Học sinh Trường THPT Chuyên đã tham gia nhiều kỳ thi Học sinh giỏi và đạt thành tích cao; 20 học sinh Trường THPT Chuyên ĐHSP đã đạt học bổng từ 75% đến 100% của các trường Đại học uy tín ở nước ngoài; nhiều học sinh được nhận học bổng của chương trình trọng điểm phát triển Toán học giai đoạn 2010 – 2020, học bổng Odon Vale, của các quỹ và các tổ chức xã hội. Trong năm học 2018-2019, trong cuộc thi HSG các trường chuyên khu vực Duyên hải và Đồng bằng Bắc bộ, Trường giành được: 11 HCV, 15 HCB, 13 HCD, 11 giải KK. Trong cuộc thi Olympic Toán học dành cho học sinh, sinh viên, Trường giành được: 4 HCB, 1 HCD. Trong cuộc thi Học sinh giỏi Quốc gia, Trường giành được: 2 giải Nhất, 11 giải Nhì, 25 giải Ba, 14 giải KK và trong cuộc thi khoa kỹ thuật cấp quốc gia, Trường giành được 2 giải Nhì và 1 giải KK.

Trường ĐHSPHN cũng là trường có thành tích cao trong phong trào sinh viên nghiên cứu khoa học. Đây là hoạt động luôn được diễn ra sôi nổi và thực hiện theo đúng kế hoạch của Bộ GD-ĐT. Qua các năm học, trường đều có sinh viên đạt giải cao. Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ghi nhận là một trong những đơn vị đạt thành tích xuất sắc trong phong trào sinh viên nghiên cứu khoa học. Trong 10 năm trở lại đây, trường có 3 Giải Nhất, 8 Giải Nhì, 4 Giải Ba, 5 Giải Khuyến khích cấp bộ của sinh viên nghiên cứu khoa học và 6 giải thưởng EUREKA. Trường là một trong số các trường đại học có thành tích sinh viên nghiên cứu khoa học cao nhất cả nước.

*Về hợp tác quốc tế, Trường ĐHSPHN có quan hệ hợp tác* với hơn 100 trường đại học và các tổ chức giáo dục thuộc 34 quốc gia trên thế giới, trong đó có nhiều trường nổi tiếng của Nga, Trung Quốc, Pháp, Nhật Bản, Đức, Australia, Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Bỉ... Trường có các chương trình liên kết đào tạo quốc tế từ Cử nhân đến Thạc sĩ, Tiến sĩ và trực tiếp tham gia nhiều dự án giáo dục lớn do quốc tế tài trợ. Trong những năm gần đây, hàng ngàn lượt cán bộ của trường đã đi trao đổi đào tạo, NCKH ở nước ngoài và hàng nghìn lượt các nhà khoa học, chuyên gia, học sinh, sinh viên các nước đến công tác và học tập tại trường. Bên cạnh việc đào tạo lưu học sinh theo diện Hiệp định, năm học 2018-2019, Trường đã kí hợp đồng đào tạo với tập đoàn Dream Hill (Hàn Quốc), tổ chức các lớp thực tập tiếng Việt cho sinh viên các trường ĐH của Trung Quốc, Hàn Quốc; bên cạnh đó Trường đã và đang thí điểm tổ chức bồi dưỡng, thi đánh giá năng lực tiếng Việt dành cho người nước ngoài theo khung 6 bậc do Bộ GD&ĐT ban hành. Trong năm học 2018-2019, Trường đã trao học vị Cử nhân cho 40 sinh viên, học vị Thạc sĩ cho 05 học viên và học vị tiến sĩ cho 02 Nghiên cứu sinh

người nước ngoài; tiếp nhận 269 người nước ngoài đến học tập tại Trường; tổ chức thi và cấp chứng chỉ năng lực tiếng Việt cho 77 người nước ngoài; tổ chức bồi dưỡng ngắn hạn cho 139 người nước ngoài; bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, chuyên môn cho 40 giáo viên Lào.

Số lượng người nước ngoài và số quốc gia có người nước ngoài học tiếng Việt tại Trường tăng (năm học 2017-2018: 210 người, năm học 2018-2019: 331 người, số lượng quốc gia có người học tăng từ 6 lên đến 9 quốc gia).

Trường đã tham gia tổ chức tốt nhiều hoạt động quốc tế lớn như Olympic Vật lý quốc tế, Olympic Hoá học quốc tế, Olympic Sinh học quốc tế. Trường ĐHSPHN là một trong những đơn vị dẫn đầu toàn ngành về hoạt động hợp tác quốc tế và đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo nhiều năm liền tặng Bằng khen.

Trường ĐHSPHN là một trong những trường đại học có *tiềm năng cơ sở vật chất* và thiết bị lớn nhất trong hệ thống các trường đại học, đặc biệt là các trường sư phạm cả nước. Với hệ thống giảng đường phòng thí nghiệm, thực hành phòng nghiệp vụ, thư viện, sân vận động, nhà thi đấu đa năng, trường Chuyên, trường Thực hành, các phương tiện kỹ thuật ngày càng hiện đại, phục vụ cho việc dạy và học. Ký túc xá sinh viên được mở rộng và nâng cấp, cảnh quan và môi trường sư phạm ngày càng đổi mới, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH của Trường sư phạm đầu ngành và trọng điểm. Từ năm 2015 đến nay, Nhà trường đã có khá nhiều các dự án đầu tư thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học từ Ngân sách nhà nước, vốn ODA. Các dự án đầu tư thiết bị đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường, thể hiện ở kết quả công bố quốc tế của Trường hiện đứng thứ ba cả nước, thứ hạng của Trường gia tăng trong bảng xếp hạng các trường đại học trên thế giới.

Với những thành tích nổi bật về mọi mặt, Trường ĐHSPHN đã được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng, danh hiệu cao quý: *Huân chương Lao động hạng Ba năm 1961, Huân chương Lao động hạng Nhì năm 1962, Huân chương Lao động hạng Nhất năm 1981, Huân chương Độc lập hạng Nhì năm 1986, Huân chương Độc lập hạng Nhất năm 1996, Huân chương Hồ Chí Minh năm 2001, danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới năm 2004. Năm 2010, Trường ĐHSPHN đã được đề nghị Nhà nước tặng thưởng Huân chương Bảo vệ Tổ quốc.*

### **1.2.2 Thông tin về Khoa Nghệ thuật**

Đơn vị thực hiện CTĐT ngành SPMT là Khoa NT, một Khoa với sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực nghệ thuật. Lịch sử ra đời, xây dựng và phát triển của khoa NT (khoa Sư phạm Âm nhạc – Mĩ thuật trước đây) gắn liền với bề dày truyền thống lịch sử trường ĐHSP Hà Nội, gắn liền với lịch sử của nền giáo dục Việt Nam mới.

Khoa NT chính thức được thành lập ngày ..... theo Quyết định số .... của Bộ Giáo dục về việc thành lập khoa *Âm nhạc – Mĩ thuật* ở trường Đại học Sư phạm Hà Nội I. Đến

năm....., để đáp ứng những đòi hỏi về thực tiễn giáo dục của đất nước, thực hiện Nghị quyết 29 của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, Khoa Âm nhạc – Mĩ thuật đã có một quyết định quan trọng là đổi tên khoa Âm nhạc – Mĩ thuật thành *Khoa Nghệ thuật* theo Quyết định số ..... QĐ-ĐHSPHN, ngày .....tháng ..... năm ..... của Hiệu trưởng trường ĐHSP Hà Nội. Đến năm 2024, Khoa đã có truyền thống 23 năm xây dựng và phát triển, trở thành cơ sở đào tạo, nghiên cứu uy tín, dẫn đầu khối các trường sư phạm trong cả nước về đào tạo giảng viên, giáo viên Mĩ thuật và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cho ngành giáo dục và một số ngành liên quan của đất nước.

*Về triết lý giáo dục, mục tiêu, sứ mệnh lịch sử và tầm nhìn:* Sứ mệnh lịch sử của khoa NT gắn với sứ mệnh lịch sử của Trường ĐHSP Hà Nội qua các thời kỳ lịch sử. Ngay từ khi mới thành lập, Khoa không chỉ đảm nhiệm vai trò giảng dạy môn Nghệ thuật đại cương cho sinh viên một số khoa cơ bản trong toàn trường mà còn được giảng dạy chuyên sâu cho sinh viên thuộc chuyên ngành SPMT. Bên cạnh giảng dạy khoa NT còn đảm nhận nhiều hoạt động quan trọng về văn hóa nghệ thuật cho trường trong các dịp lễ lớn hoặc các phong trào, hội thi NVSP, VHTT,...của trường, của ngành, của Bộ,... Vị thế và tầm quan trọng của ngành SPMT nói riêng, khoa NT nói chung đã được nâng lên tầm cao mới, sánh vai cùng các ngành, bộ môn khoa học khác trong trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Cho đến nay, sứ mệnh lịch sử của Khoa là đào tạo nhà giáo, các cử nhân xuất sắc có tinh thần nhân văn, tư duy hiện đại, hành động tích cực vì sự phát triển cộng đồng trong lĩnh vực giảng dạy và nghiên cứu giáo dục mĩ thuật, mĩ thuật học; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành, cho đất nước ở các bậc cao học, đồng thời trở thành nơi nghiên cứu khoa học và bồi dưỡng giáo viên NT uy tín trên cả nước. Khoa NT, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội được xem là cơ sở đào tạo đầu ngành trong hệ thống các trường sư phạm, là trung tâm lớn nhất về đào tạo giảng viên, giáo viên các môn Mĩ thuật, Âm nhạc trên cả nước hiện nay.

Mục tiêu giáo dục của Khoa là đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mĩ thuật có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng; có năng lực tự học, tự nghiên cứu, năng lực tư duy, sáng tạo, phản biện xã hội, năng lực ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc và hội nhập quốc tế.

Trong chu kỳ tự đánh giá kể từ sau kiểm định cơ sở giáo dục của Trường năm 2018 và các CTĐT năm 2021, 2022, Khoa đã có những thay đổi, cải tiến chất lượng, thể hiện rõ sứ mạng, tầm nhìn riêng. Theo đó, Khoa có Sứ mạng là đào tạo trình độ đại học, sau đại học và bồi dưỡng giáo viên Mĩ thuật, Âm nhạc; nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học Mĩ thuật, Âm nhạc; chuyển giao tri thức phục vụ sự nghiệp giáo dục và phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.

Tầm nhìn đến năm 2030, Khoa NT trở thành đơn vị đào tạo giáo viên Mĩ thuật, Âm nhạc có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu xã hội, có đủ năng lực hội nhập với các nước trong khu vực Đông Nam Á về đào tạo giáo viên Mĩ thuật, Âm nhạc.

*Về cơ cấu tổ chức và đội ngũ:* Tính đến năm học 2023-2024, cơ cấu tổ chức của khoa bao gồm 5 tổ bộ môn là: Lí luận và phương pháp dạy học nghệ thuật (Bộ môn chung của 2 ngành SPMT và SPAN), Hình họa - Bố cục – Trang trí (ngành SPMT), Lí luận mĩ thuật (ngành SPMT), Thanh nhạc – Nhạc cụ, Lí luận Âm nhạc. Tổng số cán bộ của khoa hiện nay bao gồm 32 cán bộ, giảng viên với trình độ học vấn, chức danh, chuyên môn nghiệp vụ cao, trong đó có 02 Phó Giáo sư, 2 GVCC, 7 Tiến sĩ, 5 GVC còn lại là nghiên cứu sinh và thạc sĩ có năng lực chuyên môn và ngoại ngữ sẵn sàng đáp ứng với các yêu cầu đổi mới, hội nhập của Nhà trường và khoa. Tính đến nay, Khoa NT đã xây dựng được đội ngũ các giảng viên, nhà khoa học có uy tín, thương hiệu về chuyên môn và năng lực nghiên cứu, tham gia vào nhiều hoạt động chủ chốt của chương trình giáo dục phổ thông mới, đào tạo bồi dưỡng giáo viên cốt cán, đào tạo cử nhân, sau đại học cho Khoa, Nhà trường và các cơ sở đại học uy tín khác, tương xứng với *giá trị cốt lõi* của Nhà trường là “Chuẩn mực - Sáng tạo - Tiên phong”.

*Về hình thức đào tạo,* Khoa đang đào tạo 2 hệ là đại học (chính quy và vừa làm, vừa học), sau đại học (thạc sĩ). Về đào tạo đại học: Đối với đào tạo chuyên ngành, tính đến năm học 2021-2022, ở bậc cử nhân, Khoa NT đảm nhiệm đào tạo sinh viên 2 chuyên ngành: SPMT và SPAN. Tính từ khóa sinh viên đầu tiên có .... sinh viên, sau 23 năm xây dựng và phát triển cho đến nay, Khoa đã đào tạo được 18 khoá với hơn nghìn sinh viên đã tốt nghiệp.

Đối với đào tạo cử nhân ở ngoài trường, từ năm 2003 của thế kỷ 20, Khoa NT đã liên kết mở hệ đào tạo liên thông chính quy, vừa học vừa làm trên khắp cả nước như Điện Biên, Sơn La, Tuyên Quang, Phú Thọ, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Đà Nẵng, Đắk Lắk, Gia Lai, Khánh Hòa, Cần Thơ, Long An, Hậu Giang, Kiên Giang,..., đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cho các tỉnh.

Tính đến nay, Khoa đã mở được hàng trăm lớp với hàng chục nghìn học viên, trong đó đa số đã tốt nghiệp ra trường và giữ các chức vụ quan trọng trong hệ thống chính trị, trong ngành giáo dục địa phương.

Một nhiệm vụ quan trọng của Khoa gắn với lịch sử 70 năm truyền thống của Trường ĐHSPT Hà Nội là đảm nhận giảng dạy học phần Nghệ thuật học đại cương cho sinh viên một khoa cơ bản trong toàn trường bao gồm cả hệ đào tạo chính quy và không chính quy. Vượt qua khó khăn, thử thách, Khoa NT đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao phó. Mỗi một khoá sinh viên, học viên tốt nghiệp của Nhà trường đều có sự đóng góp của tập thể cán bộ, giảng viên Khoa NT.



Đối với đào tạo sau đại học chuyên ngành của khoa, năm...., Khoa chính thức được Bộ Giáo dục và Nhà trường cho phép đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Mỹ thuật, năm 2023 được phép đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Âm nhạc. Tính đến năm học 2023-2024, Khoa đã đào tạo được 4 khoá cao học chuyên ngành với tổng số trên ..... học viên cao học đã tốt nghiệp.

*Về nghiên cứu khoa học:* Trải qua quá trình xây dựng và phát triển, Khoa NT là một đơn vị có đội ngũ các nhà khoa học uy tín trong nghiên cứu và giảng dạy lý luận Mỹ thuật và Âm nhạc. Các công bố khoa học của cán bộ, giảng viên trong khoa về các bài báo trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế (theo quy định hội đồng chức danh giáo sư nhà nước), các sách giáo trình, sách tham khảo, sách giáo khoa... phục vụ đào tạo bậc phổ thông, đại học và sau đại học, các bài nghiên cứu tham gia các hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế ...không ngừng gia tăng chứng tỏ sự lớn mạnh, tiềm lực và khả năng sẵn sàng đảm đương các lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu mới của khoa NT trong bối cảnh đổi mới, hội nhập. Trong những năm trở lại đây với mục tiêu trở thành đơn vị đào tạo đồng thời là đơn vị nghiên cứu khoa học NT uy tín, Đảng uỷ, Ban Chủ nhiệm Khoa đã xây dựng chiến lược phát triển đơn vị hướng tới các công bố trong nước và quốc tế chất lượng. Theo thống kê khoa học, từ 2000 đến nay, các cán bộ, giảng viên của khoa đã biên soạn ..... giáo trình, sách giáo khoa, sách tham khảo sách hướng dẫn và sách giáo khoa phục vụ đào tạo và bồi dưỡng ở các bậc học và trên..... đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, gần .... đề tài cấp Trường, gần .... bài báo đăng trên các tạp chí khoa học, hội thảo quốc tế trong và ngoài nước. Hoạt động sáng tác tác phẩm mỹ thuật, nhiếp ảnh là một thế mạnh của hầu hết các giảng viên ngành SPMT. Thông qua hoạt động này GV được cọ sát, trau dồi nâng cao năng lực chuyên môn đáp ứng nhiệm vụ giảng dạy của Khoa, nhà trường. Hàng năm giảng viên ngành SPMT đều có tác phẩm được tuyển chọn tham dự các TLMT trong nước và quốc tế, một số tác phẩm được hội đồng nghệ thuật của TW Hội MTVN trao giải và bằng chứng nhận và được TW Hội sưu tập hoặc in trong các tập vụng triển lãm.

Trong hoạt động sinh viên nghiên cứu khoa học, thực hiện các kế hoạch triển khai của trường ĐHSP Hà Nội, phong trào sinh viên nghiên cứu khoa học ngày càng được nâng cao về số lượng và chất lượng. Hàng năm, khoa đều tổ chức hội nghị khoa học sinh viên, số lượng báo cáo có năm lên tới gần ..... công trình. Năm học 20.. – 20.. có .... đề tài được sinh viên tìm hiểu nghiên cứu và có.... đề tài được giải cấp trường. Bên cạnh đó, hoạt động sáng tạo tác phẩm mỹ thuật, nhiếp ảnh cũng là một thế mạnh của sinh viên ngành SPMT khoa NT.

Hàng năm SV ngành SPMT của khoa đều có tác phẩm mỹ thuật (các bài học chuyên khoa) chất lượng tham gia các triển lãm mỹ thuật các cấp như TLMT khu vực, TLMT sinh viên toàn quốc, TLMT toàn quốc... Số lượng các tác phẩm tham gia hàng năm đều tăng về số

lượng và chất lượng, nhiều tác phẩm được hội đồng chuyên môn đánh giá cao về tính học thuật cũng như chất lượng chuyên môn, thẩm mỹ.

*Về tập huấn, bồi dưỡng, tham gia đổi mới giáo dục phổ thông:* Khoa còn liên kết với các cơ sở giáo dục và đào tạo khác mở nhiều lớp bồi dưỡng, tập huấn cho giáo viên các môn MT và AN về phương pháp dạy học, phát triển chương trình, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh... Một số cán bộ, giảng viên, nhà khoa học có uy tín của Khoa được Trường, Dự án Etep của Bộ GD&ĐT giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng tài liệu tập huấn và tham gia tập huấn môn MT và AN trong chương trình giáo dục phổ thông mới cho các giáo viên phổ thông trên khắp các tỉnh thành phía bắc.

Bên cạnh đó GV trong khoa được các Nhà xuất bản uy tín trong nước kí kết, hợp tác làm Tổng chủ biên, chủ biên, tác giả biên soạn, tập huấn sách GK phổ thông môn MT, AN các cấp và trở thành chuyên gia uy tín trên các lĩnh vực MT và AN.

*Về hợp tác quốc tế:* Từ khi thành lập đến nay, khoa đã đào tạo được 01 viên Lào học chuyên ngành SPAN. Khoa còn cử các chuyên gia sang Đài Loan, Đức,... để giao lưu, học hỏi kinh nghiệm về GDDT Nghệ thuật. Khoa còn mời các chuyên gia về giáo dục MT và đến từ Nhật, Hàn Quốc, Pháp,... để trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ giảng viên và sinh viên của Khoa.

*Về cơ sở vật chất,* Khoa NT có cơ sở vật chất tốt, đáp ứng được yêu cầu trong đào tạo cử nhân và sau đại học: phòng học, phòng làm việc được trang bị hiện đại và một số trang thiết bị dạy học hiện đại. 100% cán bộ, giảng viên có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học trong môi trường trực tiếp và trực tuyến.

Như vậy, trải qua lịch sử hơn 20 năm và với các cơ sở về đội ngũ, thành tựu đào tạo đại học, sau đại học, khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế và cơ sở vật chất, Khoa NT có cơ sở nguồn lực vững vàng và sẵn sàng đảm đương các sứ mệnh đào tạo ở các chuyên ngành bậc cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ.

CTĐT đại học SPMT ban hành lần đầu năm 200... và tiếp tục ban hành chương trình theo hệ thống tín chỉ đổi mới theo quyết định số 122/QĐ-ĐHSPHN-ĐT ngày 9/1/2015, được xây dựng trên cơ sở khung chương trình do Bộ GD & ĐT ban hành với các quy định, hướng dẫn của Trường ĐHSPHN. Chương trình tín chỉ năm 2012 so với chương trình tín chỉ ban đầu 2009 đã có những đáp ứng phù hợp với nhu cầu nhân lực về giáo viên MT.

CTĐT đại học ngành SPMT theo hệ thống tín chỉ được ban hành theo quyết định số 122/QĐ-ĐHSPHN-ĐT ngày 9/1/2015 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPHN được xây dựng trên cơ sở khung chương trình do Bộ GD & ĐT ban hành với các quy định, hướng dẫn của trường ĐHSPHN.

Mục tiêu và CDR của CTĐT cũng nhận được sự đồng thuận và nhất trí cao của trường và khoa. Khoa luôn chú trọng xây dựng và phát triển đội ngũ GV có trình độ, tận tâm, sẵn sàng cập nhật kiến thức mới tham gia giảng dạy và hướng dẫn SV NCKH. SV cử nhân,

cao học đều có cơ hội tham dự các hội nghị KH hàng năm của khoa và các hoạt động bồi dưỡng của chuyên gia trong nước và nước ngoài hàng năm.

Năm 2019, căn cứ vào công văn số ...../ ĐHSPHN – ĐT, ngày tháng ... năm 2019 của Hiệu trưởng trường ĐHSP Hà Nội về việc rà soát lại chương trình đào tạo về đáp ứng chương trình phổ thông mới, Khoa NT đã chủ động đề nghị các Tổ bộ môn thực hiện rà soát và điều chỉnh nội dung giảng dạy đáp ứng nhu cầu của chương trình phổ thông mới theo tiếp cận năng lực.

Năm 2020, CTĐT mới được xây dựng theo tiếp cận chuẩn năng lực. Mục tiêu của chương trình là đào tạo cử nhân khoa học ngành GDCD có phẩm chất và năng lực dạy học và nghiên cứu chuyên ngành Giáo dục công dân, năng lực phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong thực tiễn, đặc biệt trong lĩnh vực Giáo dục công dân; có tư duy sáng tạo, phản biện, khả năng thích ứng với hoàn cảnh và hội nhập quốc tế; có kỹ năng nghiệp vụ sư phạm; hiểu rõ quan điểm, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng, có đạo đức nghề nghiệp và năng lực học tập suốt đời.

Tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành SPMT là cơ sở để Trường ĐHSPHN và khoa NT cải tiến chất lượng của chương trình đồng thời thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của đơn vị trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội; tạo cơ sở dữ liệu cơ bản, đảm bảo tính khoa học cho việc điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo, lập kế hoạch nâng cao chất lượng và triển khai thực hiện kế hoạch, đồng thời là căn cứ để triển khai công tác đánh giá ngoài CTĐT của Nhà trường.

Trước thách thức về nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao về lĩnh vực MT trong cả nước, đòi hỏi Nhà trường phải quyết tâm trong việc nâng cao chất lượng của các ngành đào tạo đặc biệt là đối với CTĐT đại học ngành SPMT.

Hoạt động đảm bảo chất lượng đã và đang được thực hiện một cách hiệu quả tại khoa NT, Trường ĐHSPHN. Khoa đã có những chiến lược và kế hoạch cụ thể để nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế như sau:

- *Công tác đào tạo đội ngũ cán bộ*: Khuyến khích và tạo điều kiện cho CB không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng các yêu cầu công việc được giao ở từng vị trí việc làm. Khoa cũng chủ động trong khuyến khích cán bộ nâng cao trình độ tiến sĩ. Các cán bộ, GV của khoa đều có khả năng sử dụng tin học và ngoại ngữ thành thạo.
- *Về quản lý đào tạo*: Thực hiện đúng các quy trình quản lý đào tạo; triển khai thực hiện Quy định về tổ chức và quản lý học lại đối với SV các hệ đại học chính quy, VHVL; Hướng dẫn SV thực hiện đào tạo đại học hệ chính quy học cùng lúc hai chương trình theo hệ thống tín chỉ;

- *Công tác ra đề, chấm bài và đánh giá thi tuyển sinh và tốt nghiệp:* Quản lý nghiêm túc đề thi, chấm bài, thực hiện nghiêm túc thi tuyển sinh và tốt nghiệp. Công tác đánh giá kết quả rèn luyện của SV, phân loại SV, lớp SV được thực hiện đúng quy định.

- *Về giảng dạy:* Thường xuyên áp dụng đổi mới và đa dạng giảng dạy tích cực và đa dạng hình thức thi cho tất cả các học phần của chuyên ngành đào tạo hệ chính quy. Các kỳ thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp thực hiện nghiêm túc theo đúng quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- *Công tác hỗ trợ, quản lí SV:* Quy định nhiệm vụ với công tác cố vấn học tập, các cố vấn học tập thường xuyên hỗ trợ SV. Khuyến khích SV tích cực tham gia các hoạt động và các hoạt động của Đoàn Trường. Thực hiện tốt công tác khen thưởng cho SV đạt thành tích cao trong học tập và rèn luyện.

- *Về công tác thực hành, TTSP:* Đảm bảo mạng lưới các trường thực hành về SPMT có chất lượng. Tăng cường sự kết hợp có hiệu quả thực hành trên lớp với việc triển khai, thực hành tại các trường.

- *Công tác NCKH:* Tăng cường NCKH, thường xuyên tổ chức sinh hoạt chuyên môn, semina tổ bộ môn về những nội dung khoa học, các nghiên cứu cập nhật về lĩnh vực SPMT. Các đề tài NCKH và hướng dẫn SV NCKH có nội dung gắn với các học phần, tạo điều kiện cho SV tham gia theo hướng các nghiên cứu của các chuyên ngành đào tạo, tạo môi trường NCKH sôi động, hiệu quả.

Việc tự đánh giá của Khoa và đánh giá ngoài của Trường đã có tác động tích cực đến các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt đến Khoa NT:

- Mọi cá nhân, đơn vị trong toàn Trường, Khoa ý thức được vai trò và trách nhiệm cũng như dẫn dắt cách thực hiện các hoạt động dạy, học, NCKH và các công tác khác. Các hoạt động trong Trường, Khoa đều được thực hiện theo đúng quy trình, quy định chuẩn, được ghi lại ở dạng văn bản để tiện đối chiếu, so sánh và đánh giá kết quả thực hiện.

- Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho SV, đặc biệt coi trọng các phẩm chất đạo đức giáo viên MT được coi trọng. SV được cán bộ cố vấn học tập, cần hỗ trợ kịp thời trong việc đăng ký tín chỉ, tư vấn và giải quyết tức thì vướng mắc của SV trong quá trình đăng kí, hướng dẫn; được động viên tham gia các hoạt động tập thể cấp khoa và cấp trường, những vấn đề khó khăn vướng mắc trong cuộc sống, tình cảm của SV được chia sẻ, giải quyết đúng lúc. Ban chủ nhiệm khoa, các GV nắm bắt và chấn chỉnh kịp thời ý thức học tập, rèn luyện của các SV.

- Đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học, tăng cường các hoạt động thực hành, hoạt động tập thể, tăng cường sử dụng các hình thức dạy học trên cơ sở ứng dụng CNTT và truyền thông.

- Cơ sở vật chất được đầu tư, các phòng học được trang bị điều hoà, máy chiếu giúp tăng chất lượng dạy và học.

- Môi trường cảnh quan thay đổi theo hướng tích cực: Kí túc xá SV được xây dựng lại với chất lượng tốt hơn, SV có nhiều hơn không gian để học tập và vui chơi.
- Có những cải tiến rõ nét trong chế độ lương thưởng: Thu nhập theo hoạt động, đóng góp của từng người, từng đơn vị nhằm động viên khuyến khích sự đóng góp tương xứng với thành quả và sự cố gắng của mỗi cá nhân và tập thể.

## **PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ**

### **Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

#### **Mở đầu**

Chương trình đào tạo (CTĐT) đại học ngành Sư phạm Mĩ thuật (SPMT) được xây dựng với mục tiêu được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học, đáp ứng những yêu cầu phát triển của xã hội trong quá trình hội nhập khu vực và quốc tế. CTĐT được xây dựng dựa trên mục tiêu và CDR nhằm vừa đảm bảo thực hiện sứ mạng và tầm nhìn của trường đại học, vừa đảm bảo cho người học có được những năng lực mong đợi đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

**Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.**

#### *1. Mô tả*

Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường ĐHSPhN mở mã ngành Sư phạm Mĩ thuật theo quyết định số 992/QĐ-BGD&ĐT ngày 01/03/2001 [H1.01.01.01]. Chương trình đào tạo ngành cử nhân sư phạm Mĩ thuật được xây dựng trên cơ sở khung chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và các quy định, hướng dẫn về đào tạo theo hệ thống tín chỉ, quy chế đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường ĐHSPhN, ban hành theo quyết định số 122//QĐ-ĐHSPhN-ĐT ngày 9/1/2015 và quyết định số 3980/QĐ-ĐHSPhN ngày 21/9/2021 [H1.01.01.02]. Mục tiêu đào tạo ngành SPMT được xác định rõ ràng trong CTĐT đại học ngành SPMT ban hành theo quyết định số 6163/QĐ- ĐHSPhN ngày 11/12/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPhN là: “Đào tạo cử nhân Sư phạm Mĩ thuật đáp ứng đầy đủ Khung chuẩn đầu ra về phẩm chất và năng lực của người học; Đào tạo giáo viên môn Mĩ thuật đáp ứng được đầy đủ yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nói chung và Chương trình môn Mĩ thuật 2018 nói riêng; Có phẩm chất và năng lực cần thiết đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực (thị trường lao động) và thích ứng với những thay đổi của xã hội hiện đại; Có kiến thức, kỹ năng khoa học ngành/liên ngành cần thiết và có khả năng vận dụng hiệu quả vào giảng dạy, nghiên cứu cũng như vào thực tiễn và tự học suốt đời; nhận biết được giá trị văn hoá của khoa học ngành/liên ngành” [H1.01.01.03].

So với mục tiêu của CTĐT cử nhân Sư phạm Mĩ thuật được xác định trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Mĩ thuật năm 2015 thì mục tiêu của CTĐT đại học ngành Sư phạm Mĩ thuật ban hành theo quyết định số 6163/QĐ - ĐHSPhN ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPhN và trong bản mô tả CTĐT, ma trận kỹ năng được nêu rõ ràng, cụ thể hơn [H1.01.01.03, H1.01.01.04, H1.01.01.05]. Các mục tiêu này thể hiện

người học sau khi tốt nghiệp ngoài việc đáp ứng công việc giảng dạy ở trong Nhà trường phổ thông, còn có khả năng nghiên cứu về khoa học chuyên ngành và phát triển các lĩnh vực liên quan phục vụ giáo dục và đời sống [H1.01.01.03, H1.01.01.04, H1.01.01.05]. Mục tiêu của CTĐT cũng được xây dựng dựa trên Khung trình độ quốc gia Việt Nam và mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục và Luật Giáo dục đại học [H1.01.01.06, H1.01.01.07, H1.01.01.08].

Mục tiêu cụ thể hướng tới phẩm chất và năng lực của sinh viên sau khi tốt nghiệp CTĐT cử nhân ngành SPMT bao gồm:

- *Về phẩm chất*: Tốt nghiệp chương trình đào tạo cử nhân SPMT, sinh viên có các phẩm chất cơ bản của người giáo viên trong thời đại mới: yêu nước, yêu học sinh, yêu nghề, có ý thức trách nhiệm cao, có đạo đức tốt, năng động, tích cực, sáng tạo, có phong cách mẫu mực của người giáo viên.

- *Về năng lực*: Tốt nghiệp chương trình đào tạo cử nhân SPMT, giúp người học hình thành và phát triển các năng lực, bao gồm các năng lực chung, năng lực sư phạm và năng lực ngành. Đáng chú ý là hình thành các năng lực ngành cốt lõi bao gồm:

+ Năng lực mỹ thuật;

+ Năng lực sử dụng các học vấn giáo dục tổng quát và học vấn mỹ thuật để giải thích các nội dung dạy học của Chương trình môn Mỹ thuật trong Chương trình giáo dục phổ thông.

+ Năng lực sử dụng các học vấn giáo dục tổng quát và tri thức mỹ thuật vào thực tiễn

+ Năng lực nghiên cứu khoa học ngành Mỹ thuật và khoa học giáo dục ngành Mỹ thuật

+ Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn ngành Mỹ thuật

+ Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chuyên môn [H1.01.01.03].

Mục tiêu của CTĐT ngành SPMT phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật giáo dục đại học [H1.01.01.07] và Luật giáo dục [H1.01.01.08]. Luật giáo dục đại học nêu rõ mục tiêu của giáo dục đại học là đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; đào tạo NH có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân. Mục tiêu riêng với bậc học đại học là SV có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo [H1.01.01.07]. Luật Giáo dục năm 2019 cũng đã xác định mục tiêu GDĐH là nhằm phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức

khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp; có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân; có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế [H1.01.01.08].

Như vậy, sự phù hợp thể hiện ở chỗ mục tiêu của CTĐT ngành SPMT hướng tới thực hiện mục tiêu chung của giáo dục Việt Nam và mục tiêu của giáo dục đại học Việt Nam.

Cụ thể: CTĐT ngành SPMT nhằm cung cấp, trang bị cho SV một hệ thống kiến thức chuyên môn toàn diện về các nội dung khác nhau của ngành SPMT trên cơ sở nắm vững đặc điểm phát triển của học sinh phổ thông, có kỹ năng nghiệp vụ sư phạm, thực hành giảng dạy, giáo dục học sinh, từ đó SV sau khi tốt nghiệp có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực giáo dục mỹ thuật [H1.01.01.03].

Mục tiêu của CTĐT ngành SPMT phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục và kế hoạch phát triển của Trường ĐHSPHN được công bố năm 2016 và năm 2019 [H1.01.01.09, H1.01.01.10, H1.01.01.11]. Mục tiêu của CTĐT ngành SPMT góp phần thực hiện sứ mạng của Trường ĐHSPHN là “đào tạo các chuyên gia xuất sắc có đóng góp đặc biệt quan trọng cho hệ thống giáo dục và xã hội thông qua các chương trình nghiên cứu, hợp tác đào tạo đại học và sau đại học có chất lượng cao” và tầm nhìn được Trường ĐHSPHN xác định “đến năm 2030, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội sẽ có những kết quả vượt trội trong nghiên cứu khoa học công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục, đào tạo giáo viên chất lượng cao ở tầm quốc gia và quốc tế” [H1.01.01.10]. Triết lý giáo dục của Trường ĐHSPHN xác định “Đào tạo nhà giáo xuất sắc có tinh thần nhân văn, tư duy hiện đại, hành động tích cực vì sự phát triển cộng đồng” [H1.01.01.11]. Mục tiêu của CTĐT ngành SPMT đã đáp ứng phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn phát triển của Trường ĐHSPHN ở chỗ đã thể hiện rõ mục tiêu đào tạo đội ngũ giáo viên, nguồn nhân lực giảng dạy, nghiên cứu và phát triển ngành nghề sư phạm mỹ thuật. Đội ngũ giáo viên mỹ thuật được đào tạo sẽ đóng góp đặc biệt quan trọng cho hệ thống giáo dục và xã hội.

Bên cạnh đó, mục tiêu CTĐT còn đáp ứng thay đổi của chương trình giáo dục phổ thông mới môn Mỹ thuật [H1.01.01.12]. Trong chương trình GDPT 2018, môn Mỹ thuật ở phổ thông có những thay đổi. Nội dung giáo dục mỹ thuật được phân chia theo hai giai đoạn: giai đoạn giáo dục cơ bản và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp. Giai đoạn giáo dục cơ bản: Mỹ thuật là nội dung giáo dục bắt buộc từ lớp 1 đến lớp 9. Chương trình tạo cơ hội cho học sinh làm quen và trải nghiệm kiến thức mỹ thuật thông qua nhiều hình thức hoạt động; hình thành, phát triển ở học sinh khả năng quan sát và cảm thụ nghệ thuật, nhận thức và biểu đạt thể giới; khả năng cảm nhận và tìm hiểu, thể nghiệm các giá trị văn hoá, thẩm mỹ trong đời sống và nghệ thuật. Giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp: Mỹ thuật là môn học được lựa chọn theo nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp của học



sinh. Nội dung giáo dục mỹ thuật được mở rộng, phát triển kiến thức, kỹ năng mỹ thuật đã hình thành ở giai đoạn giáo dục cơ bản, tiếp cận các nhóm ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác và có tính ứng dụng trong thực tiễn; Do đó, trong mục tiêu CTĐT “Đào tạo giáo viên môn Mỹ thuật đáp ứng được đầy đủ yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nói chung và Chương trình môn Mỹ thuật 2018 nói riêng; Đáp ứng được vị trí, khả năng công tác và khả năng học tập nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp, có phẩm chất và năng lực cần thiết đáp ứng chuẩn nghề nghiệp của giáo viên, và chuẩn bị cho việc học ở các bậc học tiếp theo hoặc phát triển nghề nghiệp; Có phẩm chất và năng lực cần thiết đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực (thị trường lao động) và thích ứng với những thay đổi của xã hội hiện đại...” đã bám sát những thay đổi trong chương trình phổ thông mới [H1.01.01.03].

Mục tiêu của CTĐT ngành SPMT cũng đã phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động. Trong quá trình xây dựng mục tiêu và nội dung CTĐT ngành SPMT, khoa Nghệ thuật đã tiến hành khảo sát và lấy ý kiến của các bên liên quan, trong đó cụ thể là ý kiến của cựu sinh viên và nhà tuyển dụng về yêu cầu của thị trường lao động đối với người tốt nghiệp chương trình đào tạo Cử nhân SPMT [H1.01.01.13]. Dựa trên những ý kiến này, mục tiêu đào tạo nhấn mạnh tới những năng lực mà sinh viên ngành SPMT cần có để đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của ngành giáo dục và của xã hội, đó là:

- Về năng lực chung: Cần chú trọng hình thành, phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác: Cần củng cố thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng hợp tác; Chú trọng rèn luyện năng lực nhận thức về văn hóa – xã hội và năng lực tư duy phản biện.
- Về năng lực sư phạm: Nâng cao năng lực về ngôn ngữ và kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong giảng dạy, giao tiếp để truyền tải kiến thức và ý tưởng cho người học; Cần củng cố thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng giao tiếp sư phạm.
- Về năng lực ngành: Hình thành năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giảng dạy và học tập Mỹ thuật; Sử dụng tương đối thành thạo các phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh [H1.01.01.13].

Quá trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT ngành SPMT của khoa luôn có sự tham khảo ý kiến của các bên liên quan. Qua mỗi lần điều chỉnh, nội dung chương trình đào tạo đã có sự tích hợp, cải tiến cho phù hợp với yêu cầu của tình hình mới [H1.01.01.03]. Từ năm 2019, thực hiện chủ trương chuyển đổi phương thức sang đào tạo với mục tiêu hình thành, phát triển năng lực và phẩm chất cho sinh viên, đáp ứng chương trình phổ thông mới, khoa Nghệ thuật đã tiếp tục tiến hành đổi mới thông qua việc lấy ý kiến các bên liên quan về chương trình đào tạo SPMT [H1.01.01.14], nhằm xác định rõ ràng hơn mục tiêu, nội dung cốt lõi chương trình đào tạo ngành SPMT. Đây cũng chính là sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHSPTN đã được nêu ở trên, đó là “cơ sở đào tạo giáo viên có chất lượng tốt nhất của cả

nước; cung cấp dịch vụ giáo dục và khoa học công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế”.

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các bên, chương trình đào tạo ngành SPMT đã được điều chỉnh, ban hành với mục tiêu rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHSPHN, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học, ý kiến của các bên liên quan, nhu cầu của thị trường lao động. CTĐT mới từ năm 2020 đã được Trường ĐHSPHN kí quyết định ban hành, đã được công khai trên website của trường để người học và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, từ đó khoa có thể lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan về CTĐT [H1.01.01.15]. Như vậy, trải qua quá trình xây dựng và điều chỉnh mục tiêu của CTĐT ngành SPMT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHSPHN, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học được quy định trong Luật giáo dục và phản ánh mục tiêu, triết lý đặc thù của ngành SPMT.

## 2. Điểm mạnh

Mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành SPMT được xác định rõ ràng, thể hiện được sứ mạng của Trường ĐHSPHN, đáp ứng đòi hỏi đổi mới thực tiễn, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học trong Luật Giáo dục đại học. Mục tiêu được cụ thể hóa trên các khía cạnh phẩm chất và năng lực của sinh viên, hướng tới việc phát triển nghề nghiệp trong tương lai và phát triển toàn diện sinh viên ngành SPMT.

## 3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát các bên liên quan để xem xét điều chỉnh và cập nhật mục tiêu của CTĐT chưa được thực hiện trên phạm vi rộng; các nhà tuyển dụng chưa tích cực trong việc phản hồi về mục tiêu của CTĐT.

## 4. Kế hoạch hành động

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát để điều chỉnh mục tiêu đào tạo cho phù hợp hơn với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường trong lần điều chỉnh tiếp theo	Khoa a Nghệ thuật	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Mục tiêu đào tạo đáp ứng đầy đủ và rõ ràng các yêu cầu chung giáo dục đại học và yêu cầu riêng biệt dành cho SV SPMT	Khoa Nghệ thuật	Từ năm học 2024 - 2025	

5. Tự đánh giá: Đạt: 5/7

**Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo**

1. Mô tả

Chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo cử nhân SPMT được xác định rõ ràng qua Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần năm 2020 và năm 2022, đã bao quát, phản ánh được các yêu cầu chung và chuyên biệt của CTĐT ngành SPMT [H1.01.02.01].

Chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT cử nhân SPMT năm 2020 và năm 2022 – Trường ĐHSPT Hà Nội gồm 4 tiêu chuẩn (23 tiêu chí), được xác định rõ ràng, bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT, bảo đảm hình thành được cho người học những phẩm chất, năng lực chung, năng lực sư phạm và năng lực chuyên ngành SPMT[H1.01.02.01]. Cụ thể:

**Bảng 1.2.1. Các tiêu chuẩn, tiêu chí của CĐR CTĐT ngành SPMT năm 2020, 2022**

<b>Tiêu chuẩn</b>	<b>Tiêu chí</b>	<b>Số chỉ báo</b>
<b>Tiêu chuẩn 1: Phẩm chất</b>	Tiêu chí 1: Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước	3
	Tiêu chí 2: Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh	3
	Tiêu chí 3: Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học	3
	Tiêu chí 4: Trung thực và đáng tin cậy	3
	Tiêu chí 5: Trách nhiệm và tận tâm	5
	Tiêu chí 6: Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	3
<b>Tiêu chuẩn 2: Năng lực chung</b>	Tiêu chí 1: Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi	5
	Tiêu chí 2: Năng lực giao tiếp và hợp tác	8
	Tiêu chí 3: Năng lực lãnh đạo	3
	Tiêu chí 4: Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	6
	Tiêu chí 5: Năng lực nhận thức về văn hoá xã hội	3
	Tiêu chí 6: Năng lực phản biện	3
<b>Tiêu chuẩn 3: Năng</b>	Tiêu chí 1: Năng lực dạy học	9
	Tiêu chí 2: Năng lực giáo dục	9
	Tiêu chí 3: Năng lực định hướng sự phát triển học	3

<b>lực sư phạm</b>	sinh	
	Tiêu chí 4: Năng lực hoạt động xã hội	3
	Tiêu chí 5: Năng lực phát triển nghề nghiệp	4
<b>Tiêu chuẩn 4: Năng lực ngành</b>	Tiêu chí 1: Năng lực mỹ thuật	5
	Tiêu chí 2: Năng lực sử dụng các học vấn giáo dục tổng quát và học vấn mỹ thuật để giải thích các nội dung dạy học của Chương trình môn Mỹ thuật trong Chương trình giáo dục phổ thông	3
	Tiêu chí 3: Năng lực sử dụng các học vấn giáo dục tổng quát và tri thức mỹ thuật vào thực tiễn	3
	Tiêu chí 4: Năng lực nghiên cứu khoa học ngành Mỹ thuật và khoa học giáo dục ngành Mỹ thuật	2
	Tiêu chí 5: Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn ngành Mỹ thuật	2
	Tiêu chí 6: Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chuyên môn	3

Phân tích các tiêu chuẩn trên có thể thấy rõ, CĐR của Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành sư phạm mỹ thuật năm 2020, 2022 với tiêu chuẩn 1,2,3 đã bao quát được yêu cầu chung của ngành học sư phạm nói chung và ngành SPMT nói riêng. Tiêu chuẩn 4 với 06 tiêu chí về năng lực khoa học ngành SPMT và các chỉ báo cụ thể đã bao quát được yêu cầu chuyên biệt của ngành SPMT [H1.01.02.01, H1.01.02.02].

CĐR của CTĐT ngành SPMT năm 2020 và 2022 đã tiếp cận kỹ về các nhóm năng lực, xác định các nhóm năng lực chung của SV sư phạm và năng lực chuyên biệt của SV ngành SPMT, đáp ứng mức tự chủ và trách nhiệm đối với sinh viên tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai. Có thể thấy rằng, với các tiêu chí cụ thể, CĐR của CTĐT ngành SPMT bao quát được các yêu cầu chung mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT “Đào tạo cử nhân Sư phạm Mỹ thuật đáp ứng đầy đủ Khung chuẩn đầu ra về phẩm chất và năng lực của người học; Đào tạo giáo viên môn Mỹ thuật đáp ứng được đầy đủ yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nói chung và Chương trình môn Mỹ thuật 2018 nói riêng; Đáp ứng được vị trí, khả năng công tác và khả năng học tập nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp, đó là: Có phẩm chất và năng lực cần thiết đáp ứng chuẩn nghề nghiệp của giáo viên, và chuẩn bị cho việc học ở các bậc học tiếp theo hoặc phát triển nghề nghiệp; Có phẩm chất và năng lực cần thiết đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực (thị trường lao động) và thích ứng với những thay đổi của xã hội hiện đại; Có kiến thức, kỹ năng khoa học ngành/liên ngành cần thiết và có khả năng vận dụng hiệu quả vào giảng dạy, nghiên cứu cũng như vào thực tiễn và tự học suốt đời; nhận biết được

giá trị văn hoá của khoa học ngành/liên ngành.” [H1.01.02.01]. CDR cũng đã nêu rõ những yêu cầu chung (6 tiêu chí về phẩm chất và 6 tiêu chí về các năng lực chung) cho sinh viên và các yêu cầu chuyên biệt (5 tiêu chí về năng lực sư phạm và 6 tiêu chí về năng lực ngành đặc thù) để họ thể hiện được các phẩm chất và năng lực nghề nghiệp của mình. CDR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, nhằm mục tiêu đảm bảo cơ hội học tập công bằng cũng như khả năng phát triển học vấn cho SV, qua đó khuyến khích tinh thần nghiên cứu và học tập có trách nhiệm và khả năng học tập suốt đời.

Bảng ma trận kỹ năng ngành SPMT cũng đã thể hiện rõ nét đảm bảo rằng tất cả CDR được đánh giá trong từng học phần thông qua các phương pháp kiểm tra, đánh giá [H1.01.02.02]. Bốn nhóm tiêu chuẩn với 23 tiêu chí/CDR của sinh viên ngành SPMT được mô tả chi tiết qua từng khối học vấn và từng học phần (bắt buộc và tự chọn) được xây dựng chi tiết, rõ ràng mức độ đóng góp của các CDR đối với từng học phần.

Ngoài ra, CDR của CTĐT phù hợp với mục tiêu của CTĐT. Các mục tiêu về phẩm chất được cụ thể hoá ở 6 CDR của tiêu chuẩn 1. Các mục tiêu về năng lực được cụ thể hoá ở các CDR của các tiêu chuẩn 2, 3, 4. Việc xây dựng CDR với 3 cấp độ, cấp độ nhỏ nhất là các chỉ báo (đặc biệt tiêu chuẩn 4 còn cụ thể thành các biểu hiện) cho thấy CDR của CTĐT được thiết kế rõ ràng đảm bảo có thể dễ dàng quan sát cũng như đo lường và đánh giá được. Điều này được thể hiện cụ thể trong bảng ma trận kỹ năng, đảm bảo rằng tất cả CDR được đánh giá trong từng học phần thông qua các phương pháp kiểm tra, đánh giá [H1.01.02.02]. CDR cũng đã nêu rõ những yêu cầu chung (6 tiêu chí về phẩm chất và 6 tiêu chí về các năng lực chung) cho sinh viên và các yêu cầu chuyên biệt (5 tiêu chí về năng lực sư phạm và 6 tiêu chí về năng lực ngành đặc thù) để sau khi hoàn thành CTĐT, sinh viên thể hiện được các phẩm chất và năng lực nghề nghiệp của mình. CDR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, nhằm mục tiêu đảm bảo cơ hội học tập công bằng cũng như khả năng phát triển học vấn cho SV, qua đó khuyến khích tinh thần nghiên cứu và học tập có trách nhiệm và khả năng học tập suốt đời.

Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo, CDR được lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan như: GV, cựu SV, nhà tuyển dụng... [H1.01.01.03] và CDR được công khai trên trang thông tin của Khoa và Nhà trường [H1.01.02.04]

(<http://daotao.hnue.edu.vn/Uploads/files/CDRSPMT.pdf>); (<http://nghethuat.hnue.edu.vn/>)

để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, bao gồm Ban chủ nhiệm Khoa Nghệ thuật, chuyên gia, đại diện giáo viên trường phổ thông, đại diện cán bộ quản lý các cấp và toàn thể giảng viên trong khoa, từ đó Hội đồng khoa học khoa và khoa có thể lấy ý kiến đóng góp khách quan, khoa học, kịp thời như: cần bắt tay ngay vào việc hoàn thiện, chỉnh sửa chuẩn đầu ra, tập trung vào tiêu chuẩn 4; Rà soát các học phần bắt buộc, tự chọn ở các khối kiến thức. Cập nhật, điều chỉnh nội dung các môn học/học phần trong chương trình; Đối với các nhóm chuyên môn, tập trung xem xét, rà soát, điều chỉnh: Mục tiêu/chuẩn năng lực cần hình

thành, nội dung học phần, cập nhật Tài liệu tham khảo, bổ sung điều kiện tiên quyết cho các học phần chuyên ngành [H1.01.02.03].

Có thể thấy rằng, CĐR của CTĐT ngành SPMT đã đáp ứng được yêu cầu về khung trình độ quốc gia ứng với bậc đào tạo đại học [H1.01.02.05] và phù hợp với mục tiêu, sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHSP Hà Nội [H1.01.02.06]. CĐR được xây dựng chi tiết, rõ ràng, có thể đo lường và đánh giá qua 4 nhóm tiêu chuẩn và 23 tiêu chí mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp. CĐR vừa đáp ứng được yêu cầu chung của sư phạm vừa đáp ứng yêu cầu chuyên biệt của ngành SPMT, đáp ứng mức tự chủ và trách nhiệm đối với sinh viên tốt nghiệp ngành SPMT và triển vọng việc làm trong tương lai.

CĐR của CTĐT ngành SPMT đã khẳng định năng lực và các vị trí việc làm của sinh viên có thể đảm nhiệm được sau khi tốt nghiệp, bao gồm: Giáo viên giảng dạy môn Mỹ thuật ở trường TH, THCS, THPT; nhà thiết kế, họa sĩ, nhà quản lý làm việc tại các cơ quan, tổ chức giáo dục. Có đủ khả năng tiếp tục phát triển chuyên môn ở trình độ Thạc sĩ và Tiến sĩ chuyên ngành khoa học giáo dục như: lý luận và phương pháp dạy học Mỹ thuật, lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Mỹ thuật

## 2. Điểm mạnh

CĐR của chương trình đào tạo cử nhân SPMT được xác định rõ ràng, phản ánh được mục tiêu của CTĐT, đáp ứng được yêu cầu chung về CĐR của đào tạo đại học và yêu cầu chuyên biệt của ngành SPMT. CĐR đáp ứng được yêu cầu của thị trường việc làm và các nhà tuyển dụng.

## 3. Điểm tồn tại

Trong quá trình xây dựng CTĐT, CĐR được lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan về yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành khoá học, tuy nhiên sự phản hồi của các bên liên quan chưa tích cực.

## 4. Kế hoạch hành động

T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đề xuất những phương án hợp lý khảo sát CĐR, lấy ý kiến các bên liên quan (nhà tuyển dụng, cựu SV, GV) về yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành khóa học.	Khoa Nghệ thuật	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy	Định kỳ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung CĐR của CTĐT	Khoa Nghệ thuật	Từ năm học 2024	

	điểm mạnh	đáp ứng nhu cầu xã hội, điều chỉnh theo hướng dẫn, quy định bổ sung của Trường ĐHSP (nếu có) và xu hướng giáo dục mỹ thuật của khu vực, thế giới.		- 2025	
--	-----------	---	--	--------	--

5. Tự đánh giá: Đạt: 5/7

**Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được các yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.**

1. *Mô tả*

CĐR của CTĐT cử nhân ngành SPMT được nêu trong Bản mô tả CTĐT phản ánh được yêu cầu và có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan: Việc lấy ý kiến của các bên liên quan được thực hiện thường xuyên trong quá trình xây dựng, điều chỉnh CĐR và CTĐT. Ngoài thông tin khảo sát chung của TTĐBCL Trường ĐHSPHN từ phía các bên liên quan [H1.01.03.01], CĐR của CTĐT ngành SPMT [H1.01.03.02] được xây dựng với sự tham gia và đóng góp ý kiến của các bên liên quan bao gồm ý kiến Hội đồng khoa học khoa, các giảng viên, đại diện các sở, trường phổ thông, các cựu sinh viên, sinh viên năm cuối và các nhà sử dụng lao động [H1.01.03.03], [H1.01.03.04], [H1.01.03.05]. Cụ thể:

Việc lấy ý kiến các bên liên quan trong đó có cựu sinh viên và các cơ sở tuyển dụng nhân lực [H1.01.03.03] là căn cứ giúp Khoa và Nhà trường nắm bắt và điều chỉnh tốt các vấn đề trong CTĐT để có thể đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường lao động, việc làm hiện nay. Từ kết quả khảo sát ý kiến Cựu sinh viên mức độ cần thiết về phẩm chất và năng lực mà người tốt nghiệp CTĐT Cử nhân sư phạm Mỹ thuật cần đạt được cho thấy, cựu sinh viên đánh giá cao mức độ cần thiết và mức độ mong đợi về phẩm chất và năng lực mà người tốt nghiệp cần đạt được, thể hiện ở mức độ cần thiết (đạt được) rất cao. Hội đồng khoa học đào tạo cũng đã tiếp thu các ý kiến góp ý cần bổ sung từ phía cựu sinh viên trong xây dựng CĐR về phẩm chất, năng lực ngành SPMT năm 2020 gồm: Đáp ứng yêu cầu mới của công nghệ trong giảng dạy; năng lực NVSP; năng lực mỹ thuật [H1.01.03.03].

Về phía nhà tuyển dụng, trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo và CĐR ngành SPMT, Hội đồng khoa học đào tạo của khoa Nghệ thuật cũng đã tiến hành khảo sát và lấy ý kiến đóng góp từ phía các nhà tuyển dụng [H1.01.03.03]. Kết quả đánh giá của đơn vị sử dụng lao động về mức độ cần thiết và mức độ mong đợi được thể hiện cho thấy họ đánh giá cao sự cần thiết của tất cả các chuẩn đầu ra của CTĐT, trong đó:

Đơn vị sử dụng lao động đánh giá tất cả các CĐR đều cần thiết; Đơn vị sử dụng lao động đánh giá mạnh nhất về mức độ mong đợi của các CĐR 4 Năng lực ngành sư phạm kỹ thuật. Những ý kiến của nhà tuyển dụng đã được ghi nhận trong CĐR như sinh viên tốt nghiệp cần có những năng lực chung và năng lực chuyên môn chuyên biệt (6 tiêu chí về năng lực chung và 6 tiêu chí về năng lực chuyên biệt) để từ đó thực hiện được các kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm bổ trợ. Sinh viên cần có năng lực tự học, năng lực phát triển nghề nghiệp và các năng lực liên quan đến ngoại ngữ và tin học trong công tác chuyên môn [H1.01.03.03]. Bên cạnh đó, CĐR cũng thể hiện rõ mong đợi của nhà tuyển dụng trong việc sinh viên cần có phẩm chất, thái độ tích cực và đạo đức nghề nghiệp. Các ý kiến đóng góp về xây dựng CĐR của các nhà tuyển dụng cũng được Hội đồng khoa học và đào tạo tiếp thu để xây dựng CTĐT ngành SPMT, cụ thể:

Về năng lực chung: Cần củng cố thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng hợp tác. Chú trọng rèn luyện các năng lực nhận thức về văn hóa – xã hội và năng lực tư duy phản biện.

Về năng lực sư phạm: Cần củng cố thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng giao tiếp sư phạm.

Về năng lực ngành: Chú trọng năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động học tập. Sử dụng giảng viên đối thành thạo các phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh [H1.01.03.03]. Các phản hồi tích cực từ phía cựu sinh viên và nhà tuyển dụng của trường và khoa là một kênh thông tin quan trọng để Hội đồng khoa học đào tạo Khoa tiếp thu và có những điều chỉnh phù hợp.

Bên cạnh đó, trong những năm qua, Hội đồng khoa học đào tạo cũng tích cực tiếp thu đến ý kiến của các bên liên quan, bao gồm giảng viên, đại diện giáo viên trường phổ thông, đại diện CBQL cấp cơ sở và toàn thể giảng viên ngành SPMT [H1.01.03.04]. Từ năm 2019 đến nay, Hội đồng khoa học đào tạo của khoa Nghệ thuật đã tiến hành rất nhiều các cuộc họp để thống nhất xây dựng nội dung [H1.01.03.05], trong đó các ý kiến đóng góp từ các bên liên quan đã được ghi nhận: Xây dựng ma trận chuẩn đầu ra và nội dung chương trình; Rà soát các học phần bắt buộc, tự chọn ở các khối kiến thức. Cập nhật, điều chỉnh nội dung các môn học/học phần trong chương trình. Đối với các nhóm chuyên môn, tập trung xem xét, rà soát, điều chỉnh: Mục tiêu/chuẩn năng lực cần hình thành, nội dung học phần, tài liệu tham khảo; bổ sung điều kiện tiên quyết, vấn đề kiểm tra, đánh giá của học phần; Khoa sẽ lên kế hoạch để định kỳ khảo sát nhu cầu, đánh giá của sinh viên, cựu học viên, các bên có liên quan để phát triển chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Năm 2022, trong cuộc họp bàn về xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo ngành SPMT với các bên liên quan, Hội đồng khoa học đào tạo đã tiếp tục tiếp thu các ý kiến góp ý, thể



hiện ở việc Khoa cần bắt tay ngay vào việc hoàn thiện, chỉnh sửa chuẩn đầu ra, tập trung vào tiêu chuẩn 4. Xây dựng ma trận chuẩn đầu ra và nội dung chương trình. Đối với các nhóm chuyên môn, tập trung xem xét, rà soát, điều chỉnh: Mục tiêu/chuẩn năng lực cần hình thành, nội dung học phần, cập nhật tài liệu tham khảo; bổ sung các học phần tiên quyết cho các học phần chuyên ngành, vấn đề kiểm tra, đánh giá của học phần. Những đề xuất thay đổi trên đã được tiếp thu và đưa vào trong xây dựng CĐR của CTĐT ngành SPMT năm 2020 đã được Nhà trường phê duyệt [H1.01.03.03], [H1.01.03.05].

Không những vậy, trong quá trình triển khai xây dựng CĐR ngành SPMT, Hội đồng khoa học và đào tạo đã thực hiện báo cáo đối sánh với CĐR, CTĐT của các cơ sở liên quan tới đào tạo ngành SPMT trong nước [H1.01.03.06], cụ thể là thực hiện đối sánh với CTĐT ngành SPMT của Trường Đại học kỹ thuật Việt Nam, Trường Đại học Sư phạm nghệ thuật Trung ương. Kết quả đối sánh cho thấy chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành SPMT của Trường ĐHSPT Hà Nội nhìn chung phù hợp, tiếp cận được với chuẩn chung. Thậm chí, một số tiêu chí còn được tiếp cận sâu hơn, lĩnh vực đa dạng hơn [H1.01.03.06]. Báo cáo đối sánh cũng là nguồn thông tin tốt cho quá trình xây dựng, điều chỉnh CĐR của CTĐT ngành SPMT.

Ngoài ra, các khảo sát về tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp [H1.01.03.07] là căn cứ để Hội đồng Khoa học khoa đề xuất với Nhà trường các điều chỉnh kịp thời nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra và nhu cầu của nhà tuyển dụng.

Với việc tìm hiểu nhu cầu của các bên liên quan như vậy, các cuộc họp hoàn thiện CĐR chương trình đào tạo đã được khoa triển khai thường xuyên, nghiêm túc trong những năm 2019, 2020 và rà soát năm 2022 nhằm chỉnh sửa CĐR và CTĐT theo yêu cầu của Nhà trường, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu của người học. Kết quả cho thấy, CĐR của CTĐT ngành SPMT những năm 2020, 2022 đã phản ánh các yêu cầu của các bên liên quan. Với các nội dung bao gồm năng lực chung và các năng lực chuyên ngành, người học sau khi hoàn thành CTĐT đáp ứng được những yêu cầu của CTĐT và ma trận kỹ năng [H1.01.03.08], có khả năng thích ứng nhanh với yêu cầu công việc trong thực tiễn, bắt nhịp được với công việc của cơ sở sử dụng lao động là các sinh viên tốt nghiệp ngành sư phạm.

CĐR của chương trình đào tạo ngành SPMT đã được định kỳ rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện qua các năm. CĐR của CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh 2 năm một lần theo kế hoạch của Nhà trường, cụ thể là Căn cứ vào công văn số 271/ ĐHSPTN – ĐT, ngày 5 tháng 6 năm 2017 của Hiệu trưởng trường ĐHSPT Hà Nội về việc Rà soát CTĐT đáp ứng chương trình phổ thông mới, Công văn về khảo sát chất lượng CTĐT, Công văn triệu tập toạ đàm về CTĐT và CĐR năm 2019 [H1.01.03.09], [H1.01.03.10], [H1.01.03.11]. Trong quá trình chỉnh sửa, khoa Nghệ thuật đã chủ

động đề nghị các Tổ bộ môn rà soát và điều chỉnh đề cương các môn học và nội dung giảng dạy đáp ứng yêu cầu mới, đáp ứng CĐR [H1.01.03.05]. Đến năm 2022, CĐR của CTĐT ngành SPMT được điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn và nhu cầu của nhà tuyển dụng. CĐR của CTĐT ngành SPMT được thể hiện rõ nét qua Bản mô tả/Đề cương CTĐT và bản mô tả/ đề cương học phần và Ma trận các kỹ năng ngành SPMT, được công bố công khai trên trang thông tin của trường ĐHSPHN và khoa Nghệ thuật.

CĐR của CTĐT ngành SPMT được công khai rộng rãi, cập nhật trên các kênh thông tin. CĐR được thể hiện trong bản mô tả CTĐT, trong khung chương trình do Nhà trường phát hành; được thông tin trên trang website của khoa Nghệ thuật, trang website của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, tài liệu quảng bá các ngành tuyển sinh, các khoá học của khoa và trường [H1.01.03.12], [H1.01.03.13], [H1.01.03.14]. Với việc công bố bằng các phương tiện nêu trên, những tập thể, cá nhân quan tâm có thể dễ dàng tiếp cận phục vụ việc tra cứu, tìm hiểu của mình. CĐR cũng là cơ sở để đội ngũ cán bộ, giảng viên xây dựng chương trình khung và chương trình chi tiết môn học.

Như vậy, chuẩn đầu ra của CTĐT ngành SPMT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai, ngày càng đáp ứng tốt nhu cầu của đào tạo giáo viên SPMT và phù hợp với sự phát triển xã hội.

## 2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT cử nhân SPMT đã phản ánh được yêu cầu các bên liên quan trong quá trình đào tạo và đáp ứng của thị trường lao động. CĐR được công bố công khai trên các kênh thông tin, giúp sinh viên và các bên liên quan có thể tiếp cận và tìm hiểu về ngành đào tạo. CĐR của Chương trình đào tạo ngành SPMT được định kỳ rà soát, điều chỉnh dựa trên sự tham vấn của các bên liên quan.

## 3. Điểm tồn tại

Hình thức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CĐR chưa đa dạng, tập trung nhiều vào khảo sát định lượng.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức định kỳ lấy ý kiến của các bên liên quan góp ý cho CĐR của CTĐT và rà soát CĐR bằng hình thức đa dạng hơn.	Khoa Nghệ thuật và TTĐBCL	Từ năm học 2024 - 2025	

2	Phát huy điểm mạnh	Công bố trên website CDR, đề cương chi tiết môn học để NH và các đơn vị sử dụng lao động có thể nắm bắt, phản hồi góp ý; tăng cường quảng bá qua các kênh truyền thông và mạng xã hội về CTĐT của khoa.	Khoa Nghệ thuật	Từ năm học 2024 - 2025	
---	--------------------	---	-----------------	------------------------	--

5. *Tự đánh giá:* Đạt 5/7

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 1:**

Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học được quy định tại Luật giáo dục đại học. CDR của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát cả những yêu cầu chung và những yêu cầu đặc thù của ngành Sư phạm Mĩ thuật. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ. Nội dung của CTĐT đã có sự tích hợp, được cải tiến cho phù hợp với yêu cầu của tình hình mới. CDR được xây dựng, rà soát chỉnh sửa định kỳ dựa trên ý kiến của các bên liên quan đáp ứng được yêu cầu của đào tạo đại học nói chung và của ngành sư phạm Mĩ thuật nói riêng, đặc biệt ý kiến của giảng viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng...có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng mục tiêu, CDR cho CTĐT ngành SPMT. Mục tiêu và CDR của chương trình đào tạo đã được công bố công khai qua nhiều kênh để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Tuy nhiên, việc trao đổi, hợp tác, phản hồi và khảo sát định kỳ lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT chưa được tiến hành đa dạng. Do đó, trong thời gian tới, Khoa Nghệ thuật cần có những kế hoạch, giải pháp nhằm khắc phục tồn tại, phát huy ưu thế trong xây dựng mục tiêu và CDR của chương trình đào tạo ngành SPMT: Rà soát để điều chỉnh mục tiêu đào tạo cho phù hợp hơn với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường trong lần điều chỉnh tiếp theo; Định kỳ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung mục tiêu đào tạo và CDR đáp ứng hơn nữa nhu cầu xã hội và xu hướng phát triển của khu vực và thế giới, điều chỉnh theo theo hướng dẫn, quy định bổ sung của trường ĐHSPTN (nếu có). Tổ chức định kỳ lấy ý kiến của các các bên liên quan góp ý cho CDR của CTĐT và rà soát CDR thường xuyên, đầy đủ hơn.

### **Tự đánh giá tiêu chuẩn 1**

Tiêu chuẩn 1	Thang đánh giá	
	Chưa đạt	Đạt

	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 1.1					x		
Tiêu chí 1.2					x		
Tiêu chí 1.3					x		
<b>Điểm tiêu chuẩn</b>	<b>5.0</b>						

## **Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo**

### **Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật**

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Bản mô tả CTĐT ngành SPMT được xây dựng theo các quy định của Bộ GD&ĐT về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học và công văn hướng dẫn của trường ĐHSPHN về rà soát chương trình đào tạo [H2.02.01.01, H2.02.01.02, H2.02.01.03]. Bản mô tả CTĐT 2020, 2022 của ngành SPMT có đầy đủ các thông tin cơ bản về CTĐT. Bản mô tả CTĐT ngành SPMT [H2.02.01.04] đã có đầy đủ các nội dung, bao gồm:

- (1) Tóm tắt mục tiêu ĐT, CDR, cấu trúc khóa học, nội dung, phương pháp và hoạt động đào tạo;
- (2) Có đầy đủ các thông tin, bao gồm: tên Trường/cơ sở cấp bằng; cơ sở đào tạo, giảng dạy; tên gọi của văn bằng; tên CTĐT; thời gian đào tạo; mục tiêu ĐT; CDR của CTĐT; tiêu chí tuyển sinh hay các yêu cầu đầu vào của CTĐT được quy định rõ ràng và được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường, Khoa và trong các tài liệu quảng bá về CTĐT [H2.02.01.06].
- (3) Cấu trúc của bản mô tả CTĐT yêu cầu bao gồm trình độ, môn học, số TC... được ban hành vào năm 2020 và thời điểm điều chỉnh, cập nhật CTĐT [H2.02.01.05];
- (4) Có mô tả cách đánh giá, phương pháp dạy học xuyên suốt. SV sau khi tốt nghiệp CTĐT ngành SPMT được cấp bằng tốt nghiệp đại học ngành SPMT
- (5) Trong bản mô tả chương trình đào tạo ngành SPMT, đặc biệt bản mô tả năm 2020, phần thông tin về các yêu cầu của SPMT, thông tin CDR, vị trí việc làm được trình bày cụ thể cũng thường xuyên được cập nhật cho phù hợp với các thông tin tuyển sinh, tài liệu quảng bá về ngành như các công văn về xét tuyển, thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật cho phù hợp với các đề án tuyển sinh đại học, với các thông tin tuyển sinh đại học, quy định thi, xét tuyển sinh và trên các kênh thông tin của trường và khoa. Các quy định về tuyển sinh rõ ràng và được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường, Khoa và trong các tài liệu quảng bá về CTĐT, poster tuyếnsinh hàng năm [H2.02.01.06], [H2.02.01.07].

Bản mô tả CTĐT ngành SPMT được điều chỉnh, bổ sung, cập nhật theo hướng dẫn của Trường ĐHSPHN [H2.02.01.03] và các đợt lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về CTĐT, đặc biệt ý kiến của lãnh đạo khoa Nghệ thuật, đại diện giáo viên trường phổ thông, đại diện CBQL cấp cơ sở và toàn thể giảng viên trong khoa [H2.02.01.08]. Bản mô tả CTĐT cũng được Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa họp xét đưa các ý kiến góp ý và có kế hoạch điều chỉnh chương trình [H2.02.01.09]. Ngoài ra, bản mô tả CTĐT ngành SPMT, cùng với chuẩn đầu ra cũng được rà soát, cập nhật từ các kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp 2019 - 2023 [H2.01.01.11], báo cáo kết quả khảo sát về hiệu quả, chất lượng đào tạo - sinh viên vừa tốt nghiệp trường ĐHSPHN 2019 -2022 [H2.01.01.12]. Dựa trên các căn cứ khoa học đó, bản mô tả chương trình đã đầy đủ các thông tin và đáp ứng được yêu cầu cập nhật được các nội dung có tính thời sự, hiện đại, đáp ứng được các yêu cầu đa dạng của thực tiễn.

Bên cạnh đó, bản mô tả CTĐT năm 2020 còn tiếp tục được cập nhật thay đổi chương trình theo xu thế đào tạo giáo viên để xác định các môn học đáp ứng các chuẩn đầu ra về phẩm chất, năng lực được mô tả, chi tiết, rõ ràng hơn, đặc biệt các tiêu chuẩn về năng lực được xoay theo ba nhóm: năng lực chung, năng lực nghiệp vụ sư phạm và năng lực khoa học chuyên ngành SPMT. Chuẩn đầu ra: của CTĐT ngành SPMT năm 2020 đã được điều chỉnh để vừa có những CĐR bao quát, nền tảng của khối ngành sư phạm (gồm 3 tiêu chuẩn cơ bản của khối ngành sư phạm) vừa bao gồm những CĐR riêng của ngành SPMT (gồm 1 tiêu chuẩn và 6 tiêu chí). Nhóm tiêu chuẩn về năng lực ngành SPMT đã được cụ thể hóa thành 6 tiêu chí, là các năng lực cụ thể của khoa học chuyên ngành SPMT mà sinh viên cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT [H2.02.01.04]. Việc xác định CĐR như này giúp sinh viên theo học chuyên ngành SPMT sau khi hoàn thành CTĐT vừa có những năng lực chung làm nền tảng cho những năng lực chuyên ngành, vừa có năng lực nghiệp vụ sư phạm và năng lực giảng dạy, nghiên cứu SPMT để đáp ứng yêu cầu việc làm và theo đuổi tiếp việc học trong tương lai của người học ở những ngành SPMT và những ngành có liên quan.

Về cấu trúc CTĐT ngành SPMT có sự thay đổi so với cấu trúc CTĐT theo xu hướng tập trung vào 3 khối học vấn: Khối kiến thức chung, khối kiến thức chuyên ngành và khối kiến thức năng lực sư phạm [H2.02.01.04]. Cụ thể: CTĐT 2020 đã cấu trúc lại các khối học vấn thành khối học vấn chung của khối ngành đại học, khối học vấn đào tạo năng lực sư phạm, khối học vấn đào tạo năng lực chuyên môn SPMT. Việc cấu trúc lại CTĐT như vậy nhằm mục đích giúp cho người học có nhiều cơ hội thuận lợi có thể đạt nhiều bằng cử nhân và đào tạo giáo viên dạy môn tích hợp. Đồng thời, việc tăng số tín chỉ ở khối kiến thức nhóm ngành, chuyên ngành để đào tạo chuyên sâu, giúp hình thành các năng lực, hoàn thành chuẩn đầu ra đã đổi

mới, vừa hoàn thành các CDR chung, vừa giúp người học tập trung vào Tiêu chuẩn 4 - hình thành, phát triển năng lực khoa học chuyên ngành SPMT.

Tổng số tín chỉ người học cần hoàn thành để tốt nghiệp CTĐT ngành SPMT bao gồm: 136 tín chỉ, trong đó:

Khối học vấn chung (Không tính GDTC và GDQP): 35 tín chỉ

Khối học vấn đào tạo năng lực chuyên môn: 66 tín chỉ, trong đó Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương: 6 tín chỉ.

Khối học vấn đào tạo năng lực sư phạm: 35 tín chỉ

### So sánh các học phần trong CTĐT năm 2015 và năm 2020

Cấu trúc CTĐT	Năm 2015		Năm 2020	
	Khối học vấn chung	20TC	12 học phần	35 TC; Trong đó: - Khối học vấn chung của trường: 25TC - Khối học vấn chung của nhóm ngành: 10 TC
Khối học vấn chuyên ngành	81TC	35 học phần	66TC; Trong đó: Khối học vấn lí thuyết/lí luận: 11 TC; Khối học vấn lí thuyết/thực hành/bài tập: 29 TC; Khối học vấn tự chọn: 20 TC. Khối học vấn cuối khoá/đồ án: 06TC	34 học phần
Khối học vấn đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm	34TC	12 học phần	35 TC	13 học phần
<b>Tổng số TC</b>	<b>135</b>		<b>136</b>	

Bản mô tả CTĐT ngành SPMT cũng cập nhật thông tin về tiến trình đào tạo chương trình cử nhân ngành SPMT thông qua liệt kê rõ ràng sự phân bổ các học phần theo từng học kì cụ thể, theo từng năm học. Các đề cương học phần được mô tả chi tiết, rõ ràng từ mục tiêu, nội dung, phương pháp, kiểm tra, đánh giá đáp ứng CDR của học phần [H2.02.01.05].

Ngoài ra, CTĐT ngành SPMT năm 2020 cũng có một số điểm mới đó là việc xây dựng các ma trận gồm Ma trận chương trình dạy học thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra, Ma trận tích hợp phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá của học phần với CDR, mục tiêu đào tạo được thể hiện rất rõ ở mục số 9 của Bản mô tả

CTĐT ngành SPMT và mục II của Đề cương chi tiết các học phần [H2.02.01.05]. Đây là điểm rất mới trong Bản mô tả CTĐT cập nhật vì có ma trận đánh giá sự đóng góp của từng học phần cho CĐR của CTĐT và ma trận tích hợp giữa CĐR, ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR. Các ma trận này đã mô tả rõ hơn mối quan hệ giữa mục tiêu đào tạo với chuẩn đầu ra của từng học phần, gắn liền mục tiêu đào tạo và CĐR với những yêu cầu về phương pháp kiểm tra đánh giá và phương pháp giảng dạy, điều được xem như công cụ để thực hiện mục tiêu đào tạo và CĐR. Điều này giúp giảng viên nhìn thấy rõ mối quan hệ của mục tiêu đào tạo, CĐR với từng nội dung, phương pháp giảng dạy – phương pháp kiểm tra đánh giá trong môn học mình đảm nhận, giúp cho người dạy có thể xác định rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, hình thức đánh giá học phần, góp phần hình thành, phát triển những CĐR cho người học ở học phần đó.

Các nội dung đối sánh và tham chiếu bên ngoài: Hội đồng khoa học đào tạo khoa Nghệ thuật đã tiến hành cập nhật các nội dung đối sánh và tham chiếu với các chương trình đào tạo chuyên ngành SPMT của các trường đại học uy tín ở Việt Nam như Đại học Mĩ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW [H2.02.01.13].

***So sánh CTĐT ngành SPMT của Trường ĐHSPTHN với một số cơ sở đào tạo khác***

<b>Tên cơ sở đào tạo</b>	<b>Cấu trúc CTĐT</b>			
ĐHSP Hà Nội (136TC)	Khối học vắn chung: 35TC	Khối học vắn ngành SPMT: 66 TC	Khối học vắn đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm: 35TC	
ĐHMT Thành phố Hồ Chí Minh (135TC)	Khối học vắn chung: 46TC	Khối học vắn cơ sở ngành và chuyên ngành: 83TC	Khối học vắn đào tạo và rèn luyện nghiệp vụ SP: 05TC	Tiểu luận, tác phẩm tốt nghiệp và học phần thay thế: 12TC
ĐHSP Nghệ thuật TW (139TC)	Khối học vắn chung: 27TC Khối học vắn cơ bản chung của nhóm ngành: 11TC	Khối học vắn cơ sở ngành: 17TC Khối học vắn chuyên ngành: 47TC Khối học vắn thực tập chuyên môn: 6TC	Khối học vắn nghiệp vụ sư phạm: 17TC Khối học vắn thực tập sư phạm: 6TC	Khối kiến thức cuối khóa: 8TC

CTĐT của ĐHMT thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW khá tương đồng với CTĐT ngành SPMT của Trường ĐHSPHN. Như vậy CTĐT ngành SPMT của Trường ĐHSPHN đảm bảo cho việc đào tạo SV về kiến thức nền tảng cơ bản và năng lực chuyên môn. Bản mô tả CTĐT ngành SPMT được cập nhật, bổ sung năm 2020 không những có ma trận đánh giá sự đóng góp của từng học phần cho CĐR của CTĐT mà còn có ma trận tích hợp giữa CĐR của học phần với CĐR của CTĐT, ma trận giữa mục tiêu học phần và CĐR, ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR đã giúp người học có cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT.

## 2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành SPMT đã cung cấp đầy đủ những thông tin cơ bản, cần thiết nhất của một CTĐT theo đúng quy định. Bản mô tả CTĐT cũng được cập nhật thường xuyên để bổ sung, điều chỉnh các mục tiêu đào tạo, điều chỉnh các CĐR, bổ sung những ma trận đánh giá sự đóng góp của từng học phần với CĐR của CTĐT mà còn có ma trận tích hợp giữa CĐR của học phần với CĐR của CTĐT, ma trận giữa mục tiêu học phần và CĐR, ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR.

Bản mô tả CTĐT được cập nhật thường xuyên theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục đào tạo và Nhà trường, được điều chỉnh thường xuyên dựa trên tiếp thu ý kiến của các bên liên quan, đáp ứng các yêu cầu xã hội đặt ra về hoạt động đào tạo nguồn nhân lực giáo viên SPMT cho đất nước. Các quy định về tuyển sinh rõ ràng và được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường, Khoa và trong các tài liệu quảng bá về CTĐT.

## 3. Điểm tồn tại

Hình thức trình bày bản mô tả CTĐT chưa thực sự đa dạng, thu hút người đọc

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Phối hợp với Phòng đào tạo, Phòng Công tác chính trị học sinh – SV, phối hợp với giảng viên, cựu sinh viên, sinh viên của khoa tăng cường các hình thức truyền thông, quảng bá đa dạng, cung cấp thông tin	Khoa Nghệ thuật Phòng CTCT - HSSV Trung tâm ĐBCL	Năm học 2024 - 2025	



		đến rộng rãi các bên liên quan về ngành SPMT. Phối hợp với TTĐBCL có kế hoạch mở rộng ý kiến góp ý của các bên liên quan định kỳ theo năm học.			
2	Phát huy điểm mạnh	Hội đồng khoa học đào tạo, BCN Khoa, các tổ bộ môn và giảng viên tiếp tục tổ chức rà soát, đánh giá và điều chỉnh lại tiến trình đào tạo các môn học thuộc các khối kiến thức chung, ngành và chuyên ngành. Các đề xuất điều chỉnh, thay đổi được thông qua sẽ được đưa vào bản mô tả.	Hội đồng khoa học đào tạo. BCN Khoa Các tổ bộ môn Tất cả GV của khoa	Thực hiện trong các năm học	

### 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

#### Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

##### 1. Mô tả hiện trạng

Toàn bộ đề cương chi tiết các học phần của CTĐT ngành SPMT được điều chỉnh, bổ sung năm 2020, rà soát năm 2022 có đầy đủ các thông tin gồm: Tên học phần, tên đơn vị/ giảng viên đảm nhận giảng dạy, mã học phần, số tín chỉ, mục tiêu học phần, CĐR học phần, ma trận liên kết nội dung với CĐR các yêu cầu của môn học, cấu trúc các chương của môn học, phương pháp dạy - học, phương thức kiểm tra/ đánh giá, tài liệu chính và tham khảo [H2.02.02.01].

Đề cương chi tiết của mỗi học phần được các giảng viên rà soát và cập nhật thường xuyên theo các hoạt động sinh hoạt chuyên môn của các tổ bộ môn dưới sự tư vấn của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa: Rà soát về mục tiêu học phần, cập nhật, điều chỉnh các nội dung học phần, rà soát, bổ sung tài liệu tham khảo, phương thức kiểm tra đánh giá học phần [H2.02.02.02, H2.02.02.03, H2.02.02.04].

Đề cương học phần của CTĐT ngành SPMT được xây dựng theo mẫu chung của Nhà trường. Đề cương chi tiết mỗi học phần của chương trình đào tạo ngành SPMT thực hiện trên cơ sở quyết định, hướng dẫn của Trường ĐHSPHN. Năm 2018, Trường

ĐHSPHN thành lập Ban xây dựng chương trình đào tạo Đại học và Sau Đại học, thực hiện kế hoạch rà soát, hoàn thiện CĐR và ma trận quan hệ giữa môn học và CĐR các ngành đào tạo trong Nhà trường phục vụ đổi mới chương trình đào tạo [H2.02.02.05]; Năm 2019, thực hiện kế hoạch xây dựng CTĐT của Trường ĐHSPHN, Nhà trường tổ chức Tọa đàm về mô hình đào tạo và xây dựng CĐR [H2.02.03.06], [H2.02.02.07] và tổ chức khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan, cụ thể là ý kiến của giảng viên, nhà sử dụng lao động và cựu SV về các CTĐT hiện hành [H2.02.02.08].

Căn cứ hướng dẫn của Nhà trường, Khoa đã tổ chức thực hiện xây dựng đề cương học phần theo các bước sau:

Bước 1: Trưởng khoa phân công cho Tổ bộ môn hoặc các nhóm chuyên trách. Bước 2: Trưởng bộ môn phân công cho các GV xây dựng đề cương học phần.

Bước 3: Giảng viên xây dựng dự thảo đề cương học phần.

Bước 4: Bộ môn tổ chức thảo luận, góp ý cho dự thảo đề cương học phần.

Bước 5: GV biên soạn đề cương học phần chỉnh sửa và hoàn thiện sau thảo luận cấp bộ môn

Bước 6: Khoa tổ chức thẩm định đề cương học phần

Bước 7: GV chỉnh sửa theo kết quả thẩm định cấp Khoa; Khoa trình Hiệu trưởng ký quyết định ban hành đề cương học phần.

Trong bản cập nhật Đề cương chi tiết học phần ngành SPMT được bổ sung năm 2020 bao gồm các nội dung [H2.02.02.01]

1) Thông tin chung gồm: tên học phần tiếng Việt và tiếng Anh; mã số học phần; số TC; điều kiện tiên quyết của học phần; bộ môn phụ trách; thông tin của GV giảng dạy.

2) Học liệu: tài liệu tham khảo bắt buộc và tài liệu tham khảo tự chọn (sách, bài báo/tạp chí, bài hội thảo/hội nghị, đề tài khoa học, luận văn, luận án, kỷ yếu hội nghị,...), website tham khảo nếu có.

3) Mô tả mục tiêu của học phần.

4) CĐR của học phần (về kiến thức, kỹ năng, về năng lực tự chủ và trách nhiệm).

5) Nội dung, phương pháp giảng dạy (PPGD), phương pháp kiểm tra, đánh giá:

5.1. Nội dung của học phần:

Buổi/Bài	Nội dung giảng dạy	Số tín chỉ	Phân bổ thời gian		
			Số tiết trên lớp		Tự học có hướng dẫn
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận	

Tổng cộng (tiết)					

Ma trận tích hợp giữa CĐR học phần với CĐR của CTĐT

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CĐR của học phần

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR học phần

### 5.2. Nội dung chi tiết, PPGD:

Tuần 1	Bài 1						
	CĐR CTĐT	CĐR học phần	Nội dung giảng	Phương pháp KT, ĐG	PPGD	Phương pháp học tập	Yêu cầu SV chuẩn bị (tự học có hướng dẫn)

### 5.3. Phương pháp kiểm tra đánh giá

Hình thức, tỷ trọng đánh giá

Ma trận tích hợp CĐR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, PPGD, học tập.

Tiêu chí đánh giá: yêu cầu chung đối với các bài tập, bài tập nhóm, bài tập lớp, thi kết thúc

học phần

#### 1) Chính sách đối với học phần.

Đề cương chi tiết tất cả các môn học được rà soát hàng năm tại các tổ bộ môn, có kiểm tra, giám sát từ Hội đồng Khoa học của khoa Nghệ Thuật. Bản đề cương chi tiết được cập nhật theo kết quả của các đợt lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về CĐR, CTĐT, về nội dung, chất lượng đào tạo [H2.02.02.07]; các bản đề cương môn học chi tiết cũng luôn được các giảng viên rà soát, cập nhật về mục tiêu, nội dung đào tạo, các phương pháp giảng dạy, hình thức kiểm tra đánh giá từ các kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp 2019 – 2023 [H2.02.02.09], kết quả khảo sát về hiệu quả, chất lượng đào tạo - sinh viên vừa tốt nghiệp trường ĐHSPHN 2019- 2023, trong đó có sinh viên ngành SPMT, khoa Nghệ Thuật [H2. 02.02.10].

Đặc biệt, bổ sung, điều chỉnh một số học phần mới đáp ứng yêu cầu mới của CĐR năm 2019 như: Thống kê xã hội học, Nhập môn về khoa học xã hội và nhân văn, Nhân học đại cương, Xã hội học, Lịch sử văn minh thế giới [H2.02.02.01] theo yêu cầu từ phía Nhà trường thì đối với các học phần liên quan do khoa đảm nhiệm cũng có những điều chỉnh mới. Trong cuộc họp tháng 6 năm 2019 đã có những đề xuất,

chỉnh sửa bản mô tả CTĐT, điều chỉnh chuẩn đầu ra và mục tiêu đào tạo, đề cương chi tiết các học phần cũng được điều chỉnh, bổ sung để đáp ứng các yêu cầu mới [H2.02.02.03]. Cụ thể:

- Về chuẩn đầu ra: Sẽ rà soát lại các CĐR, điều chỉnh lại cách trình bày và một số nội dung cho phù hợp với cách tiếp cận phẩm chất và năng lực của người học.
- Về phân phối các học phần trong chương trình đào tạo: Sẽ rà soát và điều chỉnh các khối kiến thức, học phần trong chương trình khung ngành SPMT.
- Về các học phần: Sẽ điều chỉnh mục tiêu học phần (từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận phẩm chất và năng lực người học), cách trình bày và nội dung giảng dạy trong một số học phần, đặc biệt là các học phần gắn liền với Chương trình GDPT mới; điều chỉnh lại nội dung về phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá.
- Về phần công triển khai công việc: Các bộ môn tiếp nhận bản mô tả chương trình đào tạo hiện hành, triển khai rà soát, điều chỉnh các học phần do bộ môn mình phụ trách; Thống nhất cách trình bày bản mô tả, thư kí hội đồng tổng hợp ý kiến, nội dung điều chỉnh, tổng hợp lại bản mô tả chương trình đào tạo [H2.02.02.03].

Điểm mới nổi bật của đề cương chi tiết là các ma trận này đã mô tả rõ hơn mối quan hệ giữa mục tiêu đào tạo với chuẩn đầu ra của từng học phần, gắn liền mục tiêu đào tạo và CĐR với những yêu cầu về phương pháp kiểm tra đánh giá và phương pháp giảng dạy, điều được xem như công cụ để thực hiện mục tiêu đào tạo và CĐR. Điều này giúp giảng viên nhìn thấy rõ mối quan hệ của mục tiêu đào tạo, CĐR với từng nội dung, phương pháp giảng dạy – phương pháp kiểm tra đánh giá trong môn học mình đảm nhận, góp phần quan trọng để giảng viên nâng cao ý thức thực hiện mục tiêu chương trình và CĐR. Đồng thời, thông qua nhìn nhận các ma trận CĐR tích hợp trong khung CTĐT ngành SPMT, sinh viên cũng có cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT cử nhân sư phạm SPMT, nhận thức rõ các yêu cầu về mức độ năng lực và phẩm chất của mỗi học phần và toàn bộ chương trình cần đạt được [H2.02.02.11].

2. Điểm mạnh: Các đề cương môn học chương trình đào tạo ngành SPMT, đặc biệt đề cương môn học năm 2020 đã phản ánh đầy đủ thông tin, cập nhật nội dung cơ bản một cách rõ ràng, chi tiết các thông số của một đề cương học phần tích hợp ma trận CĐR.

Các đề cương môn học liên tục được cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển hiện nay và được xây dựng trên cơ sở khoa học: nhu cầu thực tiễn, sự chỉ đạo từ Nhà trường, ý kiến của các bên liên quan, thực trạng tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp...

Trong mỗi đề cương chi tiết học phần đều có ma trận tích hợp giữa CĐR học phần với CĐR của CTĐT; ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CĐR của học phần;

ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CDR học phần; ma trận tích hợp CDR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập. Sự đầy đủ, chi tiết của đề cương học phần là căn cứ quan trọng giúp người học có kế hoạch học tập, lộ trình, phương pháp học tập của bản thân phù hợp và hiệu quả nhất.

3. *Điểm tồn tại:* Các đề cương chi tiết học phần được chỉnh sửa, cập nhật định kỳ, tuy nhiên do đặc thù của ngành SPMT nên còn gặp nhiều khó khăn khi so sánh, tham chiếu với chương trình quốc tế.

4. *Kế hoạch hành động:*

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Bổ sung việc tìm kiếm tham khảo các CTĐT liên quan đến ngành SPMT trên thế giới để cập nhật vào đề cương chi tiết học phần và mời các chuyên gia tọa đàm, trao đổi về chương trình SPMT ở khu vực và thế giới.	Khoa p hội hợp với Nhà trường	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Hội đồng KH&ĐT Khoa tiếp tục và thường xuyên chỉ đạo GV toàn khoa và tổ bộ môn rà soát đề cương chi tiết, cập nhật và điều chỉnh các nội dung đào tạo theo CTĐT mới. Giảng viên tham gia đào tạo cử nhân ngành SPMT thường xuyên rà soát, bổ sung, cập nhật các nội dung mới liên quan tới học phần giảng dạy. Nếu thấy hợp lý, cần thiết thì đề xuất chỉnh sửa học phần.	Hội đồng KH&ĐT Khoa, các tổ bộ môn và toàn thể GV ngành SPMT của khoa Nghệ Thuật	Năm học 2024 - 2025	

5. *Tự đánh giá:* Đạt 5/7

### **Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận**

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Bản mô tả chương trình đào tạo cử nhân ngành SPMT đã phê duyệt và được công khai tới các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau như công khai trong đề án tuyển sinh đại học các năm, trang thông tin công bố CDR của ngành, thông tin tuyển sinh trên website của trường và khoa [H2.02.03.01], [H2.02.03.02], [H2.02.03.03], [H2.02.03.04], [H2.02.03.05], [H2.02.03.06]. Sinh viên được giới thiệu về Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần vào tuần sinh hoạt công dân và ngày gặp mặt tân SV với Ban chủ nhiệm khoa, Trợ lý đào tạo và cố vấn học tập sau khi sinh viên nhập học. Việc giới thiệu CTĐT một cách tổng quát vào thời điểm này giúp cho SV có cái nhìn tổng thể về ngành đào tạo và khung chương trình để xây dựng một kế hoạch học tập tốt nhất cho bản thân và hoàn thành các điều kiện tốt nghiệp ngành cử nhân SPMT. Sinh viên cũng được cung cấp bản số tay sinh viên để có thể tra cứu các thông tin quan trọng liên quan tới quá trình đào tạo [H2.02.03.07].

Tất cả các đề cương chi tiết các học phần của CTĐT cử nhân ngành SPMT đã phê duyệt và được công khai bằng nhiều hình thức khác nhau tới các bên liên quan. Việc công bố các đề cương môn học bằng nhiều hình thức trên đã giúp cho SV nắm được các học phần có thể đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong năm học và khóa học. Trong buổi gặp gỡ đầu năm, Khoa Nghệ Thuật cũng có các hình thức giới thiệu, phổ biến, hướng dẫn người học sử dụng các đề cương môn học: Đầu năm học SV được nghe và trao đổi về chương trình học, đề cương các môn học của học kỳ đó để nắm bắt khối lượng, nội dung kiến thức sẽ học trong kỳ đó. Đối với mỗi học phần, đề cương chi tiết của từng học phần một lần nữa được giảng viên cung cấp cho các SV trong tiết đầu tiên của mỗi môn học để các em có cái nhìn tổng thể về môn học sắp diễn ra, qua đó SV nắm rõ thông tin từng học phần và nhận thức đầy đủ mục tiêu, CDR và các nội dung hoạt động dạy học, nhiệm vụ học tập cũng như các sản phẩm học tập trong nội dung học phần của mình cần đạt được [H2.02.03.01], [H2.02.03.02].

Đặc biệt, trong giai đoạn triển khai hoạt động đào tạo trực tuyến thích ứng với bối cảnh đại dịch Covid -19 ở Việt Nam, đề cương các học phần đã được công bố công khai tới sinh viên trên hệ thống học tập trực tuyến của Trường ĐHSP Hà Nội [H2.02.03.08]. Do bối cảnh giãn cách xã hội, việc cung cấp đề cương chi tiết các học phần cùng với bản mềm các giáo trình và tài liệu tham khảo có ý nghĩa vô cùng quan trọng giúp sinh viên khắc phục khó khăn trong học tập trực tuyến, lập được kế hoạch học tập, ôn tập phù hợp cho từng học phần. Ngoài ra, sinh viên còn có thể tìm kiếm thông tin và sự trợ giúp từ các nhóm chính thức do Liên chi Đoàn Khoa thành

lập thuộc trang mạng xã hội Facebook của sinh viên khoa Nghệ Thuật, kèm theo sổ tay sinh viên nơi các em có thể ghi chép những thông tin hữu ích [H2.02.03.09].

Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, sinh viên, sinh viên đã tốt nghiệp ... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và các thông tin tuyển sinh một cách dễ dàng và thuận tiện nhất thông qua các kênh thông tin như website của Trường, Khoa, đề án, thông tin tuyển sinh của khoa đối với ngành SPMT [H2.02.03.04], [H2.02.03.05], [H2.02.03.06].

### 2. Điểm mạnh:

Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần với mục tiêu, nội dung rõ ràng, chi tiết đã được công bố công khai dưới nhiều hình thức khác nhau, khai giúp cho giảng viên, sinh viên trong Khoa cũng như trong Trường và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận một cách dễ dàng, thuận tiện nhất.

Bản đề cương chi tiết các học phần cung cấp nguồn thông tin về mọi mặt cho giảng viên và sinh viên về chương trình đào tạo xuyên suốt 4 năm, đặc biệt giúp sinh viên tiếp cận dễ dàng hiểu để có khả năng chủ động và tư chủ trong quá trình học tập.

### 3. Điểm tồn tại:

Hình thức công bố CTĐT ngành SPMT tới các bên liên quan chưa đa dạng, phong phú.

## 4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Mở rộng đa dạng hình thức lấy ý kiến của các bên liên quan về đề cương chi tiết học phần, trung cầu ý kiến phản hồi của sinh viên sau khi kết thúc học phần.	Khoa Nghệ Thuật và toàn thể giảng viên của khoa	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục công bố, phổ biến rộng rãi CTĐT và đề cương học phần đến những bên liên quan, với hình thức đa dạng. Tham gia chương trình tư vấn tuyển sinh, ngày hội việc làm, giới thiệu quảng bá về Khoa và CTĐT cho những học	Tất cả cán bộ, GV trong Khoa	Thực hiện trong các năm học	

		sinh và các bên liên quan.			
--	--	----------------------------	--	--	--

5. *Tự đánh giá: Đạt 5/7*

### **Kết luận chung về Tiêu chuẩn 2**

Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được dày công biên soạn, đã có đầy đủ thông tin cần thiết theo đúng tiêu chuẩn đào tạo; được rà soát và cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan đến CTĐT hiện nay. Đề cương chi tiết các học phần đã thể hiện được đầy đủ các thông tin cần thiết cho các bên liên quan tiếp cận, đã công khai để các bên liên quan có thể tiếp cận dễ dàng. Với bản mô tả này, người đọc có thể dễ dàng hình dung được một cách khái quát về CTĐT cử nhân ngành SPMT của khoa NT, các CDR chung và đặc thù của ngành. Bản mô tả chi tiết các đề cương học phần có mô tả tiếp cận theo hướng năng lực một cách cụ thể thông qua các ma trận liên hệ giữa CĐT, mục tiêu đào tạo với từng mục tiêu, nội dung trong học phần. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần được công bố công khai dưới nhiều hình thức khác nhau, giúp cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Tuy nhiên, hình thức công bố về CTĐT ngành SPMT đã được triển khai nhưng chưa phong phú, đa dạng.

Để phát huy điểm mạnh, khắc phục tồn tại, khoa NT đề xuất kế hoạch cải tiến chất lượng Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần bằng những giải pháp sau: Phối hợp với Phòng đào tạo, Phòng Công tác chính trị HS – SV, phối hợp với giảng viên, cựu sinh viên, sinh viên của khoa tăng cường các hình thức truyền thông, quảng bá đa dạng, cung cấp thông tin đến rộng rãi các bên liên quan về ngành SPMT; Phối hợp với TTĐBCL có kế hoạch mở rộng ý kiến góp ý của các bên liên quan định kỳ theo năm học. Hội đồng khoa học đào tạo, BCN Khoa, các tổ bộ môn và giảng viên tiếp tục tổ chức rà soát, đánh giá và điều chỉnh lại tiến trình đào tạo các môn học thuộc các khối kiến thức chung, ngành và chuyên ngành. Các đề xuất điều chỉnh, thay đổi mới được thông qua sẽ được đưa vào bản mô tả; Bổ sung việc tìm kiếm tham khảo các CTĐT ngành SPMT trên toàn quốc và thế giới nếu có để cập nhật vào đề cương chi tiết học phần và mời các chuyên gia tọa đàm, trao đổi về chương trình SPMT; Hội đồng KH&ĐT Khoa tiếp tục và thường xuyên chỉ đạo GV toàn khoa và tổ bộ môn rà soát đề cương chi tiết, cập nhật và điều chỉnh các nội dung đào tạo theo CTĐT mới. Mở rộng đa dạng hình thức lấy ý kiến của các bên liên quan về đề cương chi tiết học phần, trung cầu ý kiến phản hồi của sinh viên sau khi kết thúc học phần; Tiếp tục công bố, phổ biến rộng rãi CTĐT và đề cương học phần đến những bên liên quan, với hình thức đa dạng. Tham gia chương trình tư vấn tuyển



sinh, ngày hội việc làm, giới thiệu quảng bá về Khoa và CTĐT cho những học sinh và các bên liên quan.

**Tự đánh giá tiêu chuẩn 2:**

Tiêu chuẩn 2	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 2.1					5		
Tiêu chí 2.2					5		
Tiêu chí 2.3					5		
<b>Điểm tiêu chuẩn</b>	<b>5.0</b>						

**Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

**Mở đầu**

Chương trình dạy học (CTDH) đại học ngành SPMT được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra của CTĐT ngành SPMT. Mỗi học phần trong CTDH cử nhân SPMT đều thể hiện được các yêu cầu của CĐR rất rõ ràng. CTDH được xây dựng theo cấu trúc nhất quán, hợp lý, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp. Đồng thời, CTDH cũng đáp ứng các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTDH của Trường ĐHSPHN và Bộ GD&ĐT.

**Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra**

*1. Mô tả*

CTDH trình độ đại học ngành SPMT được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về phẩm chất và các năng lực chung cũng như năng lực nghề nghiệp. Điều này đã thể hiện rõ nét trong bản mô tả CTDH và bản mô tả CTĐT ngành SPMT năm 2020, 2022 [H3.03.01.01].

CĐR bao gồm 4 nhóm tiêu chuẩn và 23 tiêu chí tương ứng với các yêu cầu về phẩm chất và năng lực chung, năng lực sư phạm, năng lực ngành mà người học cần đạt được trong quá trình đào tạo.

Phân tích các tiêu chuẩn trong CTDH ngành SPMT có thể thấy rõ, CĐR của Chương trình dạy học cử nhân sư phạm ngành SPMT đã bao quát được yêu cầu chung của ngành học sư phạm của Trường ĐHSP Hà Nội nói chung và ngành SPMT nói riêng. Đặc biệt, tiêu chuẩn 4 - Năng lực ngành SPMT với 06 tiêu chí cụ thể là: Năng lực Mĩ thuật; Năng lực sử dụng các học vấn giáo dục tổng quát và học vấn mĩ thuật để giải thích các nội dung dạy học của Chương trình môn Mĩ thuật trong Chương trình giáo dục phổ thông; Năng lực sử dụng các học vấn giáo dục tổng quát và tri thức mĩ thuật vào thực tiễn; Năng lực nghiên cứu khoa học ngành Mĩ thuật và khoa học giáo

dục ngành Mỹ thuật; Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn ngành Mỹ thuật; Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chuyên môn. Có thể khẳng định việc xác định năng lực khoa học ngành SPMT và các chỉ báo cụ thể đã bao quát được yêu cầu chuyên biệt chương trình DH cũng như CTĐT của ngành SPMT [H3.03.01.02].

Căn cứ vào Bản mô tả CTDH và bản mô tả CTĐT ngành SPMT có thể thấy, cấu trúc CTDH được thiết kế bao gồm 3 khối học vấn: Khối học vấn chung; khối học vấn ngành Mỹ thuật; Khối học vấn đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm. Các học phần ở các khối kiến thức này đảm bảo đáp ứng yêu cầu về kiến thức của CĐR, được thể hiện cụ thể ở Bảng 3.1.1. Bảng này cho thấy cấu trúc các học phần trong CTDH có thể hiện tỷ lệ cân đối, logic với cấu phần của CĐR (CĐR chung, CĐR chuyên ngành, kiến thức, kỹ năng cứng, kỹ năng mềm, thái độ, tự chủ và nghề nghiệp).

**Bảng 3.1.1. Học phần trong CTDH tương ứng yêu cầu về CĐR**

Học phần trong CTDH	Yêu cầu về CĐR
<p>- <i>Các học phần thuộc khối kiến thức chung (35 TC) chiếm gần 25%.</i></p> <p>+ Triết học Mác - Lênin; Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh, Tâm lý giáo dục...Tâm lý học; Giáo dục học; Giáo dục thể chất; Giáo dục Quốc phòng; Tiếng Việt thực hành/Nghệ thuật đại cương; Cơ sở văn hoá Việt Nam; Thống kê xã hội học; Nhập môn KHXH và nhân văn; Nhân học đại cương; Xã hội học đại cương; Nhân học đại cương; Lịch sử văn minh thế giới</p> <p>+ Ngoại ngữ</p>	<p>+ Hiểu và chấp hành nghiêm túc đường lối, chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần bảo vệ và xây dựng đất nước. Yêu quê hương, yêu đất nước; giữ gìn và bảo vệ những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.</p> <p>+ Nhận thức được ba giá trị cốt lõi làm nền tảng cho hệ giá trị nghề dạy học trong thời đại hiện nay là: giá trị liên quan đến người học; ý nghĩa tác động sư phạm của giáo dục; trách nhiệm giáo dục mà xã hội giao phó.</p> <p>+ Bước đầu có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp và nghiên cứu các tài liệu tham khảo chuyên ngành</p>

<p>- <b>Khối học vấn đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm gồm 35 tín chỉ chiếm gần 26%.</b></p> <p>Gồm các học phần như: Giáo dục học; Lí luận dạy học; Lí luận và phương pháp dạy học mỹ thuật ; Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên; Xây dựng kế hoạch dạy học mỹ thuật ; Giao tiếp sư phạm; Tổ chức dạy học mỹ thuật ; Đánh giá trong giáo dục; Thực hành tại trường sư phạm/ Trải nghiệm hoạt động dạy học; Thực tập sư phạm 1; Thực tập sư phạm 2.</p> <p><b>Khối học vấn ngành Mỹ thuật gồm 66 TC chiếm 48%,</b> gồm khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, Khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, Các học phần cuối khóa. Khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc gồm các học phần như: Giải phẫu tạo hình, Luật xa gần, Lịch sử mỹ thuật thế giới, Lịch sử mỹ thuật Việt Nam, Mỹ thuật đại cương, Bố cục cơ bản 1, Bố cục cơ bản 2, Hình họa cơ bản 1, Hình họa cơ bản 2, Hình họa 4,..: Khối Kiến thức chuyên ngành tự chọn gồm các học phần như: Chuyên đề, Đặc biệt kiến trúc, Điều khắc, Hình họa 6, Hình họa 7, Kí họa 3, Nhiếp ảnh căn bản, Phân tích tác phẩm mỹ thuật,. Các học phần cuối khóa gồm: Sáng tác tranh, Lí luận mỹ thuật.</p>	<p>- Có đủ kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo dạy học môn Mỹ thuật ở bậc phổ thông và có đủ năng lực học tập ở bậc cao hơn.</p> <p>- Có đủ kiến thức để giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn dạy học, giáo dục bằng con đường tổng kết kinh nghiệm, NCKH. Biết xây dựng các giả thuyết khoa học, soạn đề cương nghiên cứu, triển khai nghiên cứu, viết báo cáo khoa học và triển khai ứng dụng những kết quả nghiên cứu vào thực tiễn. Có tiềm lực để tự hoàn thiện trình độ của mình, đáp ứng những yêu cầu mới của giáo dục.</p> <p>- Có khả năng đáp ứng các yêu cầu về đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy và học; kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục ở phổ thông.</p> <p>- Có năng lực tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục ở trường phổ thông. Có khả năng vận dụng những kiến thức khoa học đã được đào tạo để đáp ứng mục tiêu giáo dục cho học sinh phổ thông.</p>
---	--

Việc thiết kế các học phần trong CTDH là chặt chẽ và khoa học, được thể hiện ở việc lựa chọn các học phần đáp ứng CDR tương ứng. Đây là điểm mới là cũng là bước tiến trong quá trình xây dựng CTDH ngành SPMT năm 2020 so với CTDH ngành SPMT năm 2015 khi mà toàn bộ CTDH cũng như đề cương mỗi học phần đều

hướng đến đạt CĐR cho người học [H3.03.01.01]; [H3.03.01.02].

Mỗi học phần trong CTĐT trình độ ĐH ngành SPMT thể hiện đầy đủ điều kiện tiên quyết, mục tiêu, nội dung đào tạo, thời lượng đối với mỗi nội dung, ma trận tích hợp CĐR, phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra, đánh giá, giáo trình, tài liệu tham khảo [H3.03.01.01]. Mục tiêu ở mỗi học phần trong CTDH cử nhân ngành SPMT được trình bày rõ ràng, thể hiện những yêu cầu về phẩm chất năng lực, kiến thức và kỹ năng, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm mà người học sẽ có được sau khi kết thúc học phần và đều góp phần hình thành các năng lực cần thiết trong 4 nhóm tiêu chuẩn về phẩm chất, năng lực theo yêu cầu của CĐR thể hiện ở ma trận kỹ năng [H3.03.01.03].

Các PPDH, phương pháp học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá được xây dựng dựa trên CĐR và nội dung học tập. Toàn bộ các môn học/học phần trong CTDH đã xác định được rõ ràng tổ hợp PPDH, phương pháp học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá người học một cách phù hợp, góp phần đạt được CĐR và ma trận kỹ năng [H3.03.01.01], [H3.03.01.03], [H3.03.01.04]. Trong ma trận các PPDH và KTĐG, CTDH ngành SPMT sử dụng đa dạng các phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá [H3.03.01.04]

Mỗi môn học đều sử dụng kết hợp đa dạng các phương pháp dạy học truyền thống và các phương pháp dạy học hiện đại, trong đó nhấn mạnh sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học hiện đại phát huy tính tích cực của người học như: Thảo luận nhóm, tình huống, dạy học theo dự án, động não, thực hành trải nghiệm. Những nội dung lý thuyết sẽ sử dụng các PPDH như: thuyết trình, vấn đáp; các phương pháp học tập như: nghe giảng và ghi chép, nêu vấn đề, làm báo cáo và thuyết trình, câu hỏi ngắn. Những nội dung thực hành sẽ sử dụng các PPDH như: thuyết trình, vấn đáp, thực hành, trực quan; các phương pháp học tập như: thực hành, làm tiểu luận, làm báo cáo và thuyết trình. .... Sự đa dạng phương pháp dạy học giúp tăng khả năng tiếp thu kiến thức, cải thiện về kỹ năng và hình thành mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm cho SV trong quá trình học tập, qua đó SV đạt được CĐR của CTĐT. Các phương pháp học tập của người học cũng được xác định rõ ràng, các phương pháp học tập thúc đẩy sự chủ động của người học như: tự đọc và nghiên cứu tài liệu, làm báo cáo, tiểu luận, thảo luận, ...

Các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được sử dụng khá phong phú và đa dạng, không chỉ tập trung vào đánh giá kết quả cuối cùng mà bao gồm cả đánh giá trong suốt quá trình học tập của người học [H3.03.01.04]. Đánh giá quá trình học tập gồm các phương pháp kiểm tra đánh giá như: làm bài tập về nhà, thuyết trình, báo cáo. Đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ sử dụng các phương pháp kiểm tra đánh giá như: thi tự luận, thi thực hành, thi vấn đáp [H3.03.01.01]. Tuy nhiên, trong

thực tiễn vận dụng và đặc thù tri thức môn học, hình thức đánh giá chủ yếu ở các môn chuyên ngành SPMT vẫn thiên về phương pháp thực hành. Nhìn chung các phương pháp đánh giá, kiểm tra và công cụ được sử dụng là phù hợp với CĐR, đảm bảo đánh giá được đầy đủ và chính xác về ý thức thái độ học tập trên lớp, khả năng lĩnh hội kiến thức để liên hệ và giải quyết các vấn đề trong thực tế. Sự phối hợp nhiều hình thức đánh giá góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR của CTĐT ngành SPMT. Đồng thời, các hình thức, cách thức KTĐG như trên đòi hỏi SV phải tích cực, chủ động, tự giác trong việc chuẩn bị, chiếm lĩnh kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong quá trình học tập hướng đến đạt CĐR.

Như vậy có thể thấy, các PPDH và kiểm tra đánh giá tương thích với CĐR của học phần và CTĐT. Điều này được thể hiện trong ma trận PPDH và phương pháp kiểm tra đánh giá [H3.03.01.04]. Các PPDH và kiểm tra đánh giá nhằm hình thành cho người học các phẩm chất và năng lực cần thiết như: yêu nghề, ý thức tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học ngành (hoặc liên ngành) vào thực tiễn.

Trong giai đoạn 2019 – 2024, để thực hiện CTDH ngành SPMT đáp ứng CĐR, trong mỗi năm học, Khoa Nghệ thuật đã tiến hành xây dựng kế hoạch chi tiết về thời khóa biểu và phân công giảng dạy [H3.03.01.05], công khai kinh phí chi thường xuyên phục vụ đào tạo [H3.03.01.06]. Để thực hiện CTDH, đội ngũ GV của khoa có trình độ về chuyên môn, năng lực, phẩm chất cũng được lựa chọn dựa trên sự phù hợp chuyên môn của GV và với yêu cầu CĐR. [H3.03.01.07]. Không những vậy, trong quá trình xây dựng CTDH đáp ứng CĐR ngành SPMT, khoa Nghệ thuật cũng đã tiến hành lấy ý kiến của các bên liên quan nhằm cung cấp thêm các ý kiến đánh giá khách quan đối với CTDH [H3.03.01.08], [H3.03.01.09].

Từ số liệu cho thấy, cựu sinh viên, giảng viên có phản hồi tích cực về nội dung, cấu trúc, tổ chức và thực hiện CTDH, thể hiện ở khoảng 80% giảng viên, sinh viên phản hồi đồng ý và hoàn toàn đồng ý về nội dung và cấu trúc CTDH. Ngoài ra, đơn vị sử dụng lao động cũng có nhận xét tích cực về kiến thức, kỹ năng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của cựu sinh viên thể hiện ở đánh giá phù hợp (50%) và rất phù hợp chiếm (25 %) về sự phù hợp của CTDH so với yêu cầu vị trí việc làm của đơn vị. Qua đây có thể thấy, CTDH ngành SPMT đã đáp ứng tốt yêu cầu của CĐR [H3.03.01.02], [H3.03.01.08], [H3.03.01.09].

## 2. Điểm mạnh

CTDH ngành SPMT được thiết kế dựa trên các yêu cầu về CĐR của ngành sư phạm và đặc thù ngành SPMT có mục tiêu cụ thể, rõ ràng, có cấu trúc hợp lý, có tính hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực. Toàn bộ các học phần trong CTDH ở các khối học vấn đều đã xác định được tổ hợp nội dung của

CTDH, các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với yêu cầu đặt ra, góp phần đạt được CĐR cho người học trong quá trình đào tạo.

### 3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan như cơ sở giáo dục đào tạo, đơn vị tuyển dụng về CTDH chưa đa dạng, phong phú.

### 4. Kế hoạch hành động

T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CTDH bằng nhiều hình thức hơn.	Khoa Nghệ thuật TTĐBCL	Năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa chỉ đạo các Bộ môn và GV tiếp tục rà soát và điều chỉnh để CTDH đáp ứng CĐR tốt hơn nữa.	Tất cả GV của khoa Nghệ thuật	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.**

#### 1. Mô tả

Tất cả các môn học/học phần trong CTDH đã có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp rõ ràng của mỗi môn học/học phần nhằm đạt được CĐR [H3.03.02.01] Khoa đã xây dựng kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện chương trình dạy học [H3.03.02.02]. Mức độ đóng góp của mỗi học phần trong chương trình được thể hiện rõ qua Ma trận đóng góp của các học phần cho CĐR [H3.03.02.03]. Cụ thể như sau:

Với nhóm tiêu chuẩn 1/nhóm CĐR 1 - Về phẩm chất với 6 tiêu chí, hầu hết các môn học có đóng góp từ mức trung bình trở lên, trong đó có 34 môn có đóng góp từ trung bình đến nhiều (điểm trung bình từ 2.0-3.0), có 26 môn có đóng góp từ ít đến trung bình (điểm trung bình từ 1.0-2.0), có 01 môn đóng góp ít (điểm trung bình dưới 1), không có môn nào không có đóng góp cho nhóm CĐR 1.

Với nhóm tiêu chuẩn 2/nhóm CĐR 2- Về năng lực chung, hầu hết các môn học có đóng góp từ mức trung bình trở lên, trong đó có 17 môn đóng góp nhiều, có 43 môn có đóng góp từ trung bình đến nhiều (điểm trung bình từ 2.0-3.0), có 1 môn có đóng góp từ ít đến trung bình (điểm trung bình từ 1.0-2.0), không có môn nào không có đóng góp cho nhóm CĐR 2.

Với nhóm tiêu chuẩn 3/nhóm CĐR 3 - Về năng lực sư phạm, hầu hết các môn học có đóng góp từ mức trung bình trở lên, trong đó có 15 môn đóng góp nhiều, có 45 môn có đóng góp từ trung bình đến nhiều (điểm trung bình từ 2.0-3.0), có 1 môn có đóng góp từ ít đến trung bình (điểm trung bình từ 1.0-2.0), có 1 môn không có đóng góp cho nhóm CĐR 3.

Với nhóm tiêu chuẩn 4/nhóm CĐR 4 - Về năng lực khoa học ngành SPMT, hầu hết các môn học có đóng góp từ mức trung bình trở lên, trong đó có 16 môn đóng góp nhiều, có 43 môn có đóng góp từ trung bình đến nhiều (điểm trung bình từ 2.0- 3.0), có 2 môn có đóng góp từ ít đến trung bình (điểm trung bình từ 1.0-2.0), không có môn nào không có đóng góp cho nhóm CĐR 4 [H3.03.02.02].

Các học phần chuyên ngành có thể chia thành các khối cơ bản sau: Khối kiến thức chuyên ngành với các học phần bắt buộc như: Giải phẫu tạo hình Luật xa gần, Lịch sử mỹ thuật thế giới, Lịch sử mỹ thuật Việt Nam, Mỹ thuật đại cương, Bố cục cơ bản 1, Bố cục cơ bản 2, Hình họa cơ bản 1, Hình họa cơ bản, Hình họa cơ bản 3, Hình họa 4, Hình họa 5, Kí họa 1, Kí họa 2 ,Trang trí cơ bản... Các học phần tự chọn như: Thiết kế đồ dùng và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Mỹ thuật, Chuyên đề, Đặc biệt Kiến trúc, Điêu khắc, Hình họa 6, Hình họa 7,... Các học phần cuối khóa gồm: Sáng tác tranh, Lí luận mỹ thuật. Khối học vấn ngành sư phạm mỹ thuật: Lí luận và phương pháp dạy học Mỹ thuật, Xây dựng kế hoạch dạy học môn Mỹ thuật, Tổ chức dạy học môn Mỹ thuật, Thực hành dạy học tại trường sư phạm...[H3.03.02.01]. Mỗi học phần trong khối các học phần trên đều được xây dựng để chuyển tải rõ ràng về phẩm chất, năng lực trong CĐR hoặc một số thành phần của CĐR và đều gắn liền với việc nâng cao năng lực thực hiện các hoạt động giáo dục và dạy học môn Mỹ thuật , chú trọng khả năng vận dụng thực tiễn và đạt được CĐR [H3.03.02.01]. Có thể minh họa sự đóng góp của học phần với CĐR qua ma trận liên kết nội dung giảng dạy của 1 học phần cụ thể với CĐR dưới đây:

**Bảng 3.2.1. Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR học phần Hình họa cơ bản 1**

Nội dung giảng dạy		CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
Chương	Mục	1	2	3	4
Chương 1: Nhập môn hình họa	1.1	1	1	3	3
	1.2	1	1	3	3
	1.3	1	1	3	3
	1.4	1	1	3	3
Chương 2: Nội dung cốt lõi của hình họa cơ	2.1	1	1	3	3
	2.2	1	1	3	3

bản 1					
Chương 3: Vận dụng thực hành vẽ hình họa khối cơ bản và hình họa tĩnh vật.	3.1	1	1	3	3
	3.2	1	1	3	3
	3.3	1	1	3	3

*Ba bậc đóng góp: nhiều (3), trung bình (2), ít (1) và không đóng góp: (0)*

Trong chương trình dạy học ngành SPMT, các học phần như: Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Thống kê xã hội học, Nhân học đại cương, Xã hội học đại cương, Cơ sở văn hoá Việt Nam, Lịch sử văn minh thế giới... trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng nền tảng cần thiết về khoa học xã hội. Các học phần như: Tâm lý học giáo dục, Giáo dục học, Lí luận dạy học, Đánh giá trong giáo dục, Thực hành kỹ năng giáo dục; Giao tiếp sư phạm, Phát triển mối quan hệ Nhà trường, Phát triển chương trình Nhà trường, Lí luận và phương pháp dạy học Mĩ thuật, Xây dựng kế hoạch dạy học Mĩ thuật, Triển khai chương trình giáo dục phổ thông trong Nhà trường, Thực hành tại trường sư phạm, Trải nghiệm hoạt động dạy học góp phần lớn trong việc rèn luyện các năng lực thuộc nhóm năng lực sư phạm (như năng lực chuyên ngành, năng lực định hướng phát triển của người học, năng lực dạy học và giáo dục) và các năng lực thuộc nhóm năng lực phát triển cộng đồng nghề và xã hội.

Những học phần trong 66 TC cho khối kiến thức chuyên ngành như Hình họa, Trang trí cơ bản, Bố cục, Lịch sử mĩ thuật Việt Nam, Lịch sử mĩ thuật thế giới, Giải phẫu tạo hình, Luật xa gần, Kí họa, ... và các học phần tự chọn đóng góp lớn cho rèn luyện năng lực năng lực tự học, năng lực chuyên ngành Mĩ thuật, năng lực NCKH và năng lực phát triển nghề nghiệp.

Không chỉ tương thích về nội dung, tất cả các học phần trong ngành SPMT đều xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Mỗi học phần đều xác định các phương pháp dạy học theo hướng kết hợp giữa các phương pháp dạy học truyền thống và các phương pháp dạy học hiện đại. Tùy đặc thù mỗi môn học mà phương pháp dạy và học ưu thế ở mỗi học phần là khác nhau, nhưng nhìn chung, các phương pháp dạy học của tất cả các học phần đều được xây dựng đáp ứng phát triển năng lực tự học, năng lực hợp tác, năng lực NCKH của người học, phù hợp với nhu cầu và năng lực củabản thân người học và phù hợp đáp ứng CĐR [H3.03.02.04]. Các học phần trong CTDH cũng xác định được các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhaunhằm đạt được CĐR. Các phương pháp kiểm tra đánh giá khá đa dạng và phong phú, không chỉ đánh giá kết quả cuối cùng mà còn đánh giá thường



xuyên quá trình học tập của người học. Các phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng tương thích với nội dung dạy học nhằm đạt được tối đa CĐR học phần. [H3.03.02.04]. Phương pháp kiểm tra đánh giá của mỗi học phần được nêu trong Bản mô tả CTĐT, Bản mô tả CTDH và được thông tin tới người học vào đầu mỗi học phần [H3.03.01.01].

Nội dung các môn học/học phần trong CTDH ngành SPMT thể hiện việc đạt được CĐR và định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan về nội dung môn học do Khoa Nghệ thuật thực hiện đã thu được những phản hồi tích cực cho quá trình xây dựng CTDH và các học phần [H3.03.02.05], [H3.03.02.06]. Cụ thể:

Về nội dung khảo sát “Mỗi học phần đóng góp rõ ràng vào việc đạt được chuẩn đầu ra của CTDH” được đánh giá nhiều nhất ở mức hoàn toàn đồng ý. Đơn vị sử dụng lao động có phản hồi rất tích cực về sự hữu ích của các kiến thức, kỹ năng học việc được đào tạo đối với công việc của đơn vị, thể hiện ở đánh giá hữu ích và rất hữu ích chiếm đa số [H3.03.02.05].

Trên cơ sở đó, CTDH và đề cương học phần đã được rà soát, chỉnh sửa, phù hợp với yêu cầu của CTĐT và ý kiến của các bên liên quan, được nghiệm thu và đưa vào tổ chức dạy học [H3.03.02.06], [H3.03.02.07].

#### 2. Điểm mạnh

CTDH đã thể hiện rõ sự đóng góp rõ ràng, chi tiết của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR. Phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá mỗi học phần được thiết kế phù hợp với CĐR và đã được định kỳ lấy ý kiến từ các bên liên quan.

#### 3. Điểm tồn tại

Nội dung các môn học/học phần trong CTDH đạt được CĐR và định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan nhưng sự phản hồi của các bên liên quan còn chưa được thường xuyên.

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường liên hệ, đổi mới hình thức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về nội dung học phần trong CTDH.	Khoa Nghệ thuật và toàn thể giảng viên	Năm học 2024 - 2025	

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy đóng góp của các môn học/ học phần đáp ứng yêu cầu CDR.	Khoa Nghệ thuật	Từ năm học 2024 - 2025	
---	--------------------	---	-----------------	------------------------	--

5. *Tự đánh giá: Đạt 5/7*

### **Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.**

#### *1. Mô tả*

Các học phần trong CTDH có cấu trúc, trình tự logic, đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. CTDH ngành sư phạm SPMT được thiết kế có cấu trúc chặt, các học phần được sắp xếp logic, đảm bảo cho SV có thể tiếp thu kiến thức hiệu quả từ năm thứ nhất đến năm thứ tư. Cụ thể là: các học phần được thiết kế trong CTDH theo trình tự hợp lý, logic và khoa học, liên kết chặt chẽ với nhau, đi từ đơn giản đến phức tạp, từ lý thuyết đến thực hành, từ cơ bản đến chuyên sâu, chặt chẽ theo một trình tự logic. [H3.03.03.01]; [H3.03.03.02]; Trong đó khối kiến thức chung bao gồm các môn học như: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, tư tưởng Hồ Chí Minh.... Những môn học này cung cấp cho người học những phẩm chất và năng lực chung. Khối kiến thức chung của nhóm ngành gồm khối học vấn chung và khối học vấn ngành với các môn học như: Giáo dục học, Lí luận dạy học, Lí luận và phương pháp dạy học Mĩ thuật, ... Những môn học này cung cấp cho người học những năng lực dạy học và giáo dục chung của ngành. Khối kiến thức chuyên ngành được chia ra thành các học phần theo khối học vấn chung của ngành, khối học vấn chuyên ngành và khối học vấn bổ trợ của chuyên ngành.

CTDH được bố trí hợp lý về cấu trúc, trình tự các khối học vấn [H3.03.03.02]. Trong đó: Khối học vấn chung: 35 tín (chiếm 26%); Khối học vấn ngành Mĩ thuật: 66 tín (chiếm 48%); Khối học vấn đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm: 35 tín (chiếm 26%). Tất cả các học phần đều hướng tới giúp người học đạt được CDR của ngành Mĩ thuật với 4 tiêu chuẩn và 23 tiêu chí. Khối kiến thức chung được bố trí bắt đầu từ kì 1 đến kì 3; khối học vấn nghiệp vụ sư phạm bắt đầu ở kì 3; khối học vấn ngành thì được bắt đầu với tỉ lệ nhất định ngay từ học kì 1 để sinh viên làm quen một phần; Thời lượng của học phần từ 2 đến 4 tín chỉ phụ thuộc vào sự đóng góp của học phần đó trong việc đạt được CDR.

Tổng số tín chỉ của CTDH là 136 tín chỉ (số tín chỉ bắt buộc là 113 tín chỉ/số tín chỉ tự chọn là 23). Tỷ lệ này cho thấy sự cân đối và logic trong thiết kế nhóm học phần bắt buộc và tự chọn. Các học phần bắt buộc và tự chọn trong CTĐT được phân bố hợp lý,

khoa học, gắn với CĐR của CTĐT phân nhiệm cho các học phần. Cơ cấu các khối kiến thức trong CTĐT hợp lý, đáp ứng triết lý trong đào tạo cử nhân SPMT, phục vụ nhu cầu xã hội ngày càng cao. Việc thiết kế các học phần trong CTĐT khá chặt chẽ và khoa học, có sự lựa chọn phù hợp trong các học phần để đáp ứng với CĐR tương ứng. Về phân bố các học phần như: Các học phần bắt buộc/tự chọn, chung/cơ sở/chuyên ngành/tiên quyết được phân bố hợp lý nhằm giúp SV chủ động trong việc lựa chọn các học phần theo kế hoạch. Các học phần trong chương trình được phân bố hợp lý và gắn kết hỗ trợ lẫn nhau. [H3.03.03.02].

CTDH được khoa Nghệ thuật xây dựng trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Nhà trường, tiến hành rà soát định kỳ trên cơ sở lấy ý kiến các bên liên quan, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật công khai [H3.03.03.03], [H3.03.03.04], [H3.03.03.05], [H3.03.03.06]. Trong các năm từ 2019 đến 2024 việc rà soát chương trình dạy học được Hội đồng Khoa học đào tạo Nghệ thuật tiến hành thường xuyên cùng với việc rà soát đối với toàn bộ CTĐT và CTDH ngành SPMT [H3.03.03.03], [H3.03.03.05]. CTĐT, CTDH năm 2020 đã được xây dựng với cấu trúc mới [H3.03.03.01] tập trung hướng vào chuẩn đạt các năng lực và phẩm chất sau đây:

Về phẩm chất: Có phẩm chất chung của người giáo viên: Nhận thức được ba giá trị cốt lõi làm nền tảng cho hệ giá trị nghề dạy học trong thời đại hiện nay là: giá trị liên quan đến người học; ý nghĩa tác động sư phạm của giáo dục; trách nhiệm giáo dục mà xã hội giao phó; Yêu nghề, tận tâm với nghề; Tạo dựng được niềm tin và tự hào về nghề dạy học. Ý thức được vai trò và ý nghĩa của tự học, tự nghiên cứu suốt đời đối với người giáo viên.

Về năng lực: gồm năng lực khoa học chuyên ngành, năng lực sư phạm. Trong đó năng lực chuyên ngành được thể hiện ở: Liệt kê, mô tả và sử dụng được hệ thống lí luận kĩ thuật, Thực hành được hệ thống bài tập nghiên cứu kĩ thuật cơ bản (kĩ năng thực hành), Sáng tạo/sáng tác được sản phẩm/tác phẩm kĩ thuật (hội họa; đồ họa, điêu khắc...), Phân tích, diễn giải được các vấn đề tạo hình trên sản phẩm, tác phẩm kĩ thuật, Giải thích được mối quan hệ giữa học vấn kĩ thuật chuyên nghiệp với giáo dục kĩ thuật phổ thông. Năng lực sư phạm được thể hiện cụ thể như: Năng lực dạy học; Năng lực giáo dục; Năng lực định hướng sự phát triển của học sinh; Năng lực phát triển cá nhân [H3.03.03.01].

Từ năm 2017, thực hiện hướng dẫn của trường nhằm xây dựng CTĐT và CTDH đáp ứng CĐR, Hội đồng Khoa học đào tạo tiếp tục rà soát, chỉnh sửa xây dựng CTDH và đề cương các học phần tích hợp ma trận CĐR [H3.03.03.03] [H3.03.03.05]. Theo đó, toàn bộ các học phần sẽ được rà soát lại, bổ sung thêm điều kiện tiên quyết ở các học phần chuyên ngành, bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo mới. So với CTĐT năm 2015, CTĐT năm 2020 được cấu trúc lại theo kết cấu đáp ứng CĐR của chương

trình, Đổi tên một số học phần; Giảm khối kiến thức chuyên ngành xuống còn 66 tín chỉ; Tăng 10 tín chỉ khối kiến thức nghiệp vụ; Xác định khối học vắn cốt lõi của ngành [H3.03.03.03].

**Bảng 3.3.1. So sánh các học phần trong CTĐT năm 2015 và năm 2020**

CTĐT	Năm 2015		Năm 2020	
Khối học vắn chung	20TC. Trong đó: - Khoa học Mác – Lê nin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 10TC; - Ngoại ngữ: 10TC.	12 học phần	35TC. Trong đó: Khối học vắn chung của trường: 25TC Khối học vắn chung của nhóm ngành: 10TC	17 học phần
Khối học vắn đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm	34TC. Trong đó: - Khối kiến thức cơ sở chung: 14 TC; - Kiến thức, kỹ năng và NLDH chuyên ngành: 8TC; - Thực hành sư phạm: 12TC.	12 học phần	35TC	13 học phần
Khối học vắn của ngành	81 TC. Trong đó: - Bắt buộc là 53 TC; - Tự chọn là 22 TC; - Khoá luận tốt nghiệp hoặc tương đương: 6 TC	30 học phần	66 TC. Trong đó: - Khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc: 40 TC - Khối kiến thức chuyên ngành tự chọn: 20 TC - Các học phần cuối khóa: 6 TC	23 học phần
Tổng số TC	135		136	

Đồng thời, với việc tiến hành khảo sát ý kiến các bên liên quan [H3.03.03.04], bao gồm giảng viên tham gia giảng dạy chương trình ngành SPMT, cựu sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành SPMT và đơn vị sử dụng lao động đã cho thấy, về cơ bản các bên liên quan đồng ý rằng nội dung chương trình dạy học cập nhật được những tri thức mới, hiện đại của ngành học, CTDH có cấu trúc, trình tự logic, các môn học được sắp xếp hợp lý, có tính hệ thống [H3.03.03.03]. Kết quả này cũng chỉ cho Khoa và GV thấy được cần phải tiếp tục chỉnh sửa để các môn học trong CTDH mang tính hệ thống và logic hơn. Bản thân mỗi GV cần liên tục cập nhật và bổ sung các nội

dung mới và cập nhật liên quan đến nội dung môn học mình phụ trách [H3.03.03.05]. Trên cơ sở đó, CTDH và đề cương các học phần ngành SPMT được tiếp tục chỉnh sửa, điều chỉnh phù hợp, được nghiệm thu và được Nhà trường ra quyết định triển khai thực hiện dạy học ngành SPMT theo Bản mô tả CTDH mới năm 2022 [H3.03.03.06], [H3.03.03.02]. Cấu trúc CTDH và đề cương các học phần được đảm bảo theo đúng hướng dẫn của Nhà trường [H3.03.03.07]. Mặc dù CTDH đã được thể hiện tương đối rõ ràng trong bản mô tả CTĐT, song việc rà soát, xây dựng một bản mô tả CTDH ngành SPMT riêng giúp cho người dạy và người học có thể tập trung tốt hơn vào quá trình dạy học, kiểm tra đánh giá nhằm đạt CDR đối với ngành SPMT. Quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTDH ngành SPMT Khoa Nghệ thuật cũng đã tiến hành đối sánh, tham khảo các CTĐT ở các cơ sở giáo dục đào tạo ngành SPMT có uy tín trong cả nước [H3.03.03.08]. Bản mô tả CTDH ngành SPMT thể hiện rõ ràng, đầy đủ thông tin còn ở các nội dung đối sánh và tham chiếu với bên ngoài. Hội đồng khoa học đào tạo khoa Nghệ thuật đã tiến hành cập nhật các nội dung đối sánh và tham chiếu với các chương trình đào tạo chuyên ngành SPMT của các trường đại học uy tín ở Việt Nam như Đại học Sư phạm nghệ thuật Trung ương, Đại học Mỹ thuật Việt Nam. Trên cơ sở đó, khẳng định điểm tương đồng và thế mạnh đặc trưng của CTDH của ngành SPMT, Trường ĐHSPT Hà Nội.

### *1. Điểm mạnh*

CTDH ngành SPMT được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp cao và đáp ứng các yêu cầu đặt ra và mong muốn của các bên liên quan với việc đổi mới giảng dạy môn Mỹ thuật. CTDH đáp ứng được năng lực của SV tốt nghiệp, SV có khả năng đáp ứng được các yêu cầu của công việc.

Cấu trúc CTDH và các học phần trong CTDH đáp ứng các chuẩn đầu ra, đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất, gắn kết lẫn nhau giữa các khối học vấn. Các cán bộ GV của khoa luôn có ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo ở mỗi học phần, nhằm trợ giúp tốt hơn cho SV trong việc đạt được kết quả đầu ra.

Quá trình xây dựng CTDH có tham khảo một số CTĐT của một số cơ sở giáo dục đại học khác như chương trình SPMT của trường Đại học Sư phạm nghệ thuật Trung ương, Đại học Mỹ thuật Việt Nam nhằm có sự đối sánh, soi chiếu điểm mạnh và khác biệt trong cùng hệ thống các cơ sở có đào tạo ngành SPMT.

### *2. Điểm tồn tại*

Chưa tham khảo nhiều các chương trình dạy học trong nước trong quá trình xây dựng chương trình dạy học.

### *3. Kế hoạch hành động*

T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tham khảo thêm các CTDH trong nước để có những bổ sung, chỉnh sửa phù hợp.	Khoa Nghệ thuật	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Cấu trúc, trình tự logic, nội dung của CTDH hợp lí, liên mạch và tham chiếu với các cơ sở giáo dục khác.	Tất cả GV của khoa Nghệ thuật ngành SP MT	Từ năm học 2024 - 2025	

4. Tự đánh giá: Đạt 5/7

### **Kết luận chung về tiêu chuẩn 3:**

CTDH trình độ Đại học ngành SPMT được xây dựng, thiết kế dựa trên CĐR, đáp ứng các yêu cầu về phẩm chất và năng lực, CĐR của ngành SPMT. Mỗi học phần trong CTDH đều đóng góp để đạt được CĐR. Tất cả các học phần trong CTDH ngành SPMT có sự tương thích về nội dung và thể hiện trong sự đóng góp cụ thể của mỗi môn học nhằm đạt được các CĐR, các tổ hợp các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra/ đánh giá cũng phù hợp và hỗ trợ tốt cho việc đạt được CĐR. CTDH có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp, được rà soát định kỳ và có sự điều chỉnh trên cơ sở góp ý của các bên liên quan và đối sánh với các cơ sở giáo dục đại học uy tín có đào tạo ngành SPMT.

Tuy nhiên, chưa tham khảo nhiều các chương trình dạy học trong nước, chưa tham khảo chương trình quốc tế trong quá trình xây dựng chương trình dạy học ngành SPMT.

Để khắc phục các tồn tại và phát huy điểm thế mạnh đang có về chương trình dạy học, trong thời gian tới, Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa chỉ đạo các Bộ môn và GV tiếp tục rà soát và điều chỉnh để CTDH đáp ứng CĐR tốt hơn nữa, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thực tiễn đổi mới giáo dục hiện nay.

### **Tự đánh giá tiêu chuẩn 3:**

Tiêu chuẩn 3	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 3.1					X		

Tiêu chí 3.2					x		
Tiêu chí 3.3					x		
Điểm tiêu chuẩn	5.0						

## **Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học**

### **Mở đầu**

Phương pháp tiếp cận trong dạy học quyết định đến chất lượng giáo dục và cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục. Việc dạy học theo hướng tiếp cận nội dung sẽ hướng tới yêu cầu về nội dung nên định hướng đào tạo thường nặng về lí thuyết, mang tính “hàn lâm”, đây là xu hướng tiếp cận trong dạy học trước đây. Trong giai đoạn hiện nay, phương pháp tiếp cận trong dạy học của Trường ĐHSPHN nói chung và ngành SPMT Khoa NT nói riêng là phương pháp dạy học theo hướng tiếp cận năng lực và phẩm chất, đây là hướng tiếp cận phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục ở Việt Nam hiện nay.

Tiếp cận chuẩn đầu ra theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực sẽ quy định việc thiết kế các hoạt động dạy học phù hợp, thông qua các hoạt động dạy và học, thúc đẩy việc rèn luyện các kĩ năng, năng lực và khả năng học tập suốt đời của người học.

### **Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan**

#### **1. Mô tả**

Nhà trường có văn bản tuyên bố chính thức về mục tiêu giáo dục và triết lý giáo dục. Mục tiêu giáo dục của Trường ĐHSPHN được tuyên bố rõ ràng trong Đề án Quy hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHSPHN trọng điểm đến năm 2015 đó là “Xây dựng Trường ĐHSPHN thành trường đại học trọng điểm của cả nước, để đào tạo đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lí giáo dục, cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ đại học và sau đại học CLC, đạt chuẩn trình độ giáo dục đại học của các nước trong khu vực và trên thế giới; kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo, NCKH và sản xuất; thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản, các nhiệm vụ ưu tiên, trọng điểm của nhà nước, đặc biệt là khoa học giáo dục, làm nòng cốt thúc đẩy sự phát triển của hệ thống sư phạm trong hệ thống giáo dục quốc dân, góp phần tích cực phát triển sự nghiệp giáo dục, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.” [H4.04.01.01]. Kế hoạch chiến lược phát triển của Trường ĐHSPHN giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến 2030, trong đó đã xác định Sứ mạng, Tầm nhìn, Mục tiêu chiến lược. Mục tiêu đào tạo của Trường được rà soát, chỉnh sửa là: “Phát triển đồng bộ, hợp lí về quy mô và nâng cao chất lượng các hệ đào tạo, chủ yếu là đào tạo đại học và sau đại học, đáp ứng tốt nhất nhu cầu đa dạng nguồn nhân lực CLC của hệ thống giáo dục quốc dân và xã hội” [H4.04.01.02]. Năm 2019, trong Kế hoạch chiến lược của Trường ĐHSPHN giai

đoạn 2017-2022, tầm nhìn 2030, Nhà trường đã điều chỉnh lại Mục tiêu chung là: Xây dựng Trường ĐHSPHN trở thành trường Đại học sư phạm “chuẩn mực, sáng tạo và tiên phong” trong đào tạo giáo viên, chuyên gia và lãnh đạo giáo dục, các nhà nghiên cứu CLC ở cấp quốc gia và khu vực, năng lực NCKH công nghệ (đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học cơ bản) đạt tầm khu vực và quốc tế [H4.04.01.03].

Triết lý giáo dục của Trường ĐHSPHN sau khi đưa ra góp ý và chỉnh sửa đã được ban hành theo quyết định số ngày 06/05/2020 với nội dung là đào tạo nhà giáo xuất sắc có tinh thần nhân văn, tư duy hiện đại, hành động tích cực vì sự phát triển cộng đồng hướng tới mục tiêu đào tạo những nhà giáo có lòng nhân ái, tình yêu con người, có ý thức bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc; có tư duy độc lập, có khả năng cập nhật, sáng tạo cái mới, có năng lực phản biện khoa học; sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng; hành động tích cực vì sự phát triển bền vững của quốc gia, dân tộc và nhân loại [H04.04.01.04, H04.04.01.05, H04.04.01.06].

Triết lý giáo dục của Trường được phổ biến tới các bên liên quan như phổ biến cho các cán bộ, GV của Nhà trường trong các Hội nghị của Trường, hội nghị của các khoa [H4.04.01.07, H4.04.01.08, H4.04.01.09], đăng trên trang web của Trường; phổ biến tới SV trong sổ tay SV [H4.04.01.10, H4.04.01.11]. Triết lý giáo dục được phổ biến cho SV học tập tại Trường ĐHSPHN, SV được giới thiệu, cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu giáo dục cũng như CTĐT ngay từ khi nhập học. Vào đầu mỗi năm học, Nhà trường tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân – HSSV” để giới thiệu, phổ biến cho SV về mục tiêu đào tạo cũng như các kỹ năng cần thiết cho người học hiểu rõ và thực hiện [H4.04.01.12].

## **2. Điểm mạnh**

Trường có văn bản tuyên bố về triết lý giáo dục và triết lý giáo dục của Trường. Triết lý giáo dục được tất cả cán bộ, GV, người học hiểu rõ và được cụ thể hóa trong các CTĐT của các ngành, trong đó có CTĐT cử nhân Sư phạm Mĩ thuật. Triết lý giáo dục của Nhà trường đã được phổ biến tới GV, SV và các bên liên quan.

Mục tiêu giáo dục trong CTĐT cử nhân Sư phạm Mĩ thuật phù hợp với mục tiêu giáo dục và triết lý giáo dục của Nhà trường. Chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Mĩ thuật có các mục tiêu sau: Đào tạo cử nhân Sư phạm Mĩ thuật đáp ứng đầy đủ Khung chuẩn đầu ra của Trường ĐHSPHN về phẩm chất và năng lực của người học; Đào tạo giáo viên môn Mĩ thuật đáp ứng được đầy đủ yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nói chung và Chương trình giáo dục phổ thông môn Mĩ thuật 2018 nói riêng; Đáp ứng được vị trí, khả năng công tác và khả năng học tập nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp, bao gồm:

- Có khả năng dạy học môn Mĩ thuật ở trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông.



- Có khả năng dạy học môn Mĩ thuật ở các trường Cao đẳng, Đại học.
- Có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ [H4.04.01.07].

### 3. Điểm tồn tại

Tài liệu trên mạng còn chưa được chi tiết và chưa có kế hoạch cụ thể để phổ biến các triết lý giáo dục cho các bên liên quan như các cơ sở giáo dục.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Lên kế hoạch và thực hiện phổ biến mục tiêu giáo dục tới các nhà tuyển dụng và xã hội thường xuyên.	Phòng Hành chính – Đối ngoại và các Khoa	Liên tục hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì việc phổ biến các triết lý và mục tiêu giáo dục đến sinh viên và giáo viên. Điều chỉnh CTĐT luôn bám sát mục tiêu giáo dục của Trường	Trường và tất cả các Khoa, các ngành đào tạo	Liên tục hàng năm

### 5. Tự đánh giá: đạt 5/7

#### Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

##### 1. Mô tả

Chuẩn đầu ra là cơ sở để phát triển chương trình dạy học, vì vậy các hoạt động dạy và học được đề ra trong CTĐT cử nhân Sư phạm Mĩ thuật được thiết kế phù hợp để đạt được CDR về phẩm chất, năng lực. Hàng năm, các bộ môn trong ngành Mĩ thuật, khoa Nghệ thuật và mỗi giảng viên đều xây dựng kế hoạch dạy học, kế hoạch thực hành, thực tế chuyên môn như: Kế hoạch hoạt động triển lãm tranh, ký họa thực tế, tổ chức workshop, seminar vv. Việc xây dựng các kế hoạch dạy học và kế hoạch thực tế chuyên môn thể hiện rõ đặc thù của ngành đào tạo Sư phạm Mĩ thuật, đáp ứng mục tiêu và đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT về phẩm chất, năng lực chung, năng lực sư phạm, năng lực ngành. Để phát triển các năng lực chung như: năng lực tự chủ, tự học, tự nghiên cứu, năng lực giao tiếp, hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, thông qua các môn học, giảng viên thường tổ chức cho SV học tập theo nhóm, tham gia các dự án học học tập, làm đề tài NCKH theo nhóm vv. Trong CTĐT cử nhân sư phạm Mĩ thuật ngoài việc xác định năng lực chung, còn có các năng lực sư

phạm gồm các năng lực như: năng lực dạy học; năng lực giáo dục: năng lực định hướng sự phát triển học sinh: năng lực hoạt động xã hội; năng lực phát triển nghề nghiệp. Các năng lực ngành như: năng lực Mĩ thuật; năng lực sử dụng các học vấn tổng quát và học vấn Mĩ thuật để giải thích các nội dung dạy học của chương trình môn Mĩ thuật trong chương trình giáo dục phổ thông; năng lực sử dụng các học vấn giáo dục tổng quát và tri thức mĩ thuật vào thực tiễn; năng lực nghiên cứu khoa học ngành Mĩ thuật; năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn ngành Mĩ thuật; năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chuyên môn. Việc tổ chức dạy học phát triển được các năng lực này cho sinh viên, giảng viên phải lựa chọn và sử dụng các phương pháp dạy học linh hoạt, phù hợp với mỗi môn học, mỗi hoạt động dạy học, hoạt động thực tế chuyên môn để mang lại hiệu quả trong dạy học, đạt được CĐR của môn học, CĐR của chương trình đào tạo. [H4.04.02.01, H4.04.02.02].

Nhà trường và khoa luôn chỉ đạo việc nghiên cứu đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực người học, thông qua các buổi tổ chức seminar cấp khoa về phương pháp dạy học tích cực, các hội thảo chia sẻ của chuyên gia về chương trình giáo dục phổ thông 2018, các buổi dự giờ trao đổi chuyên môn và phương pháp dạy học của các giảng viên trong tổ bộ môn để cùng nhau lựa chọn các phương pháp dạy học hiệu quả cho mỗi học phần/ môn học. Các phương pháp dạy học thường được các bộ môn sử dụng trong dạy học như: dạy học trải nghiệm, dạy học tình huống, dạy học nhóm, dạy học giải quyết vấn đề, dạy học hợp tác, dạy học tích hợp vv. Các sinh viên trong khoa đều được hướng dẫn các phương pháp học tập, phương pháp NCKH phù hợp, giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập, tạo ra các sản phẩm học tập đa dạng, phong phú như: Các sản phẩm trình chiếu powerpoint, poster, các bài thực hành, thiết kế và thực hiện các dự án học tập, thực tế chuyên môn nhằm đạt mục tiêu học tập, đáp ứng được CĐR, [H4.04.02.03, H4.04.02.04, H4.04.02.09]. Song song với việc đào tạo kiến thức chuyên ngành, việc đào tạo NVSP, đặc biệt là rèn luyện kỹ năng sư phạm, thực tập sư phạm là nội dung quan trọng đối với sinh viên với số tín chỉ chiếm tỷ lệ cao trong CTĐT. Các học phần này giúp sinh viên phát triển năng lực chuyên môn và nghề nghiệp, đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng [H4.04.01.08].

Bên cạnh việc học tập, việc NCKH của sinh viên cũng là một hoạt động quan trọng nhằm đảm bảo mục tiêu của CTĐT. Hàng năm khoa thường xuyên tổ chức cho sinh viên năm thứ 2, thứ 3, thứ 4 tham gia làm đề tài nghiên cứu khoa học, sáng tác tranh tham ra triển lãm cấp khoa, triển lãm sinh viên toàn quốc. Trong mỗi năm học, khoa thường tổ chức Hội nghị sinh viên NCKH vào khoảng tháng 4 tạo điều kiện cho các sinh viên được tham dự, trao đổi, thảo luận, được nghe các giảng viên nhận xét, góp ý

cho bài NCKH của cá nhân, nhóm. Thông qua hoạt động NCKH, giúp sinh viên rèn luyện phẩm chất của nhà khoa học, đồng thời phát triển năng lực NCKH và các năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, vv. Từ hội nghị sinh viên NCKH cấp khoa, lựa chọn những báo cáo tốt gửi lên trường để tham gia hội nghị NCKH SV cấp Trường [H4.04.02.05, H4.04.02.06].

Khảo sát sinh viên, giảng viên định kỳ hàng năm là công việc được nhà trường thực hiện nhằm thu thập thông tin từ người dạy, người học về CTĐT trong đó có nội dung đánh giá về phương pháp dạy học. Thông qua các báo cáo khảo sát sinh viên định kỳ hàng năm và sinh viên tốt nghiệp cho thấy hầu hết giảng viên và người học hài lòng với các phương pháp dạy học được sử dụng trong CTĐT. Qua kết quả khảo sát trên 1.360 sinh viên tốt nghiệp năm 2022 được đánh giá tích cực về phương pháp dạy học, tất cả các nội dung đánh giá đều nhận được sự hài lòng cao trên (95%). Nội dung được đánh giá cao nhất là “ Nhìn chung phương pháp giảng dạy của giảng viên đã tích cực hóa người học”, “ Nhìn chung các giảng viên dạy khóa học này nhiệt tình, tận tâm với người học.” ( đều đạt được 95,7%).

Kết quả khảo sát 1555 SV tốt nghiệp năm 2023 đánh giá tích cực về phương pháp giảng dạy, tất cả các nội dung đánh giá đều nhận được sự hài lòng cao (trên 95%). Nội dung được đánh giá cao nhất là “GV chú trọng giới thiệu với SV các nguồn tài liệu tham khảo, tìm kiếm thông tin phục vụ môn học”, “Người học được khuyến khích thảo luận” (đều đạt 95.9%).[H4.04.02.07].

Kết quả khảo sát trên 441 GV năm học 2020-2021 với các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT cho thấy: GV đánh giá khá tích cực về phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá của giảng viên. Tuy nhiên, trong các nội dung đánh giá thì câu 19: Phương pháp dạy học đang áp dụng phù hợp với chuẩn đầu ra CTĐT có tỷ lệ 10.6% GV không đồng ý với nội dung này và câu 21: Nhìn chung GV đã thực hiện hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực có tỷ lệ GV không đồng ý với nội dung này là 9.9%. Như vậy có thể thấy người học khá hài lòng với phương pháp giảng dạy của giáo viên trong trường nói chung và trong khoa Nghệ thuật nói riêng. [H4.04.01.07]

## **2. Điểm mạnh**

Các hoạt động dạy và học trong CTĐT, các kế hoạch dạy học, kế hoạch hoạt động chuyên môn, các bài giảng của giảng viên đã sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, tập trung vào các phương pháp dạy học tích cực, phù hợp để đạt được CDR.

## **3. Điểm tồn tại**

Còn một số sinh viên tiếp cận chậm với phương pháp dạy học tích cực.

## **4. Kế hoạch hành động**

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng câu lạc bộ sinh viên về rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, trao đổi, học hỏi và phương pháp học tập và giảng dạy.	CVHT	Các năm học
2	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức seminar cho giảng viên và sinh viên, duy trì việc dạy mẫu và dự giờ, rút kinh nghiệm các tiết dạy	Tất cả GV các bộ môn	Hàng năm

**5. Tự đánh giá:** đạt 5/7

**Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kĩ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học**

**1. Mô tả**

Trong CTĐT ngành cử nhân Sư phạm Mĩ thuật, 100% đề cương chi tiết các môn học/học phần trong CTĐT 2020 đều mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp, nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, đặc thù của môn học, ngành học và kỹ năng mềm. Tổ hợp các phương pháp dạy học trong các học phần của CTĐT được các giảng viên xây dựng và thực hiện thành thạo, đa dạng bao gồm: phương pháp dạy học như: Trực quan (sử dụng, tranh ảnh, vật mẫu, mô hình, sơ đồ, video), dạy học thực hành (ký họa thực tế, tạo các sản phẩm, tác phẩm Mĩ thuật vv), dạy học dự án, dạy học giải quyết vấn đề, dạy học hợp tác, vv. Các hoạt động dạy học trong CTĐT đảm bảo cho sinh viên rèn luyện được các kỹ năng như kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thực hành, kỹ năng giải quyết vấn đề vv. Nội dung các môn học trong CTĐT đều hình thành và phát triển cho người học các kỹ năng như: kỹ năng khai thác thông tin phục vụ cho môn học, bài học; kỹ năng giao tiếp sư phạm; kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp; kỹ năng quản lý lớp học; kỹ năng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh; kỹ năng xây dựng và phát triển chương trình vv.[H4.04.03.01, H4.04.03.02, H4.04.03.03, H4.04.03.06]. Các kỹ năng này không chỉ được rèn luyện thường xuyên trong các giờ học, tiết học trên lớp mà còn rèn luyện trong tuần lễ NVSP vào dịp 20/11 hàng năm do nhà trường tổ chức, ngoài ra sinh viên còn được tham gia rèn luyện các kỹ năng toàn diện thông qua các đợt thực tập sư phạm 10 tuần ở các trường phổ thông. Trong mỗi đợt thực tập, sinh viên được thực tập cả nội dung giảng dạy và thực tập nội dung giáo dục, với sự hướng dẫn của các giáo viên phổ thông và các thầy cô trong khoa. Qua đợt thực tập và tuần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, sinh viên được trau dồi, phát triển

toàn diện các kỹ năng nghề nghiệp. [H4.04.03.04, H4.04.02.08].

Trong CTĐT, 100% các học phần đều nhấn mạnh đến hoạt động tự học, tự nghiên cứu, nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Theo qui chế đào tạo theo tín chỉ của Trường ĐHSPHN, để tiếp thu một tín chỉ (tương đương với 15 tiết chuẩn) thì sinh viên cần có 30 giờ tự học tự nghiên cứu, điều này được thể hiện trong đề cương chi tiết của tất cả các học phần trong CTĐT cử nhân Sư phạm Mĩ thuật, với số tiết tự học của các môn học đều gấp 2 lần số tiết qui định của môn học đó. Để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên, tất cả các đề cương môn học đều cung cấp giáo trình môn học, tài liệu tham khảo, trang website, đường link chính thống để sinh viên dễ dàng tìm hiểu, tra cứu phục vụ cho học tập [H4.04.03.01, H4.04.03.06]. Trong phần nhiệm vụ học tập của sinh viên ở các học phần đều thể hiện rõ sinh viên có nhiệm vụ nghiên cứu trước bài học, hoàn thành nội dung tự học, tự nghiên cứu, sưu tầm và chuẩn bị các đồ dùng, học liệu, tài liệu phục vụ cho học tập. Trong rất nhiều học phần, sinh viên đóng vai trò quan trọng trong việc chuẩn bị nội dung học tập, báo cáo, thuyết trình dưới sự hướng dẫn của giảng viên, việc này thể hiện rõ năng lực tự chủ, tự học, năng lực giải quyết vấn đề của sinh viên. Ngoài các hoạt động học tập, việc nghiên cứu khoa học của sinh viên cũng được chú trọng và quan tâm, nhằm nâng cao năng lực học tập suốt đời để có thể tiếp tục tiếp cận, khám phá những kiến thức mới, phương pháp, kỹ thuật dạy học mới, phục vụ cho công tác giảng dạy sau này đáp ứng CDR của chương trình đào tạo [H4.04.03.01].

Kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa định kì hàng năm về CTĐT, trong đó có nội dung khảo sát khả năng rèn luyện các kỹ năng và khả năng học tập suốt đời của người học, cho kết quả hầu hết sinh viên hài lòng với các phương pháp dạy học trong CTĐT [H4.04.02.07].

Qua khảo sát đánh giá về chất lượng giảng dạy của giảng viên, lấy phản hồi từ sinh viên về phương pháp giảng dạy của giảng viên năm học 2022-2023. Số SV phản hồi 854 khảo sát cho 34 học phần, kết quả đánh giá với điểm trung bình 13,62 xếp mức tốt. Điều này cho thấy giảng viên đã sử dụng các phương pháp dạy học phù hợp, đa dạng, phong phú, rèn luyện được các kỹ năng, năng lực cho SV trong quá trình học tập và nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học, [H4.04.03.05].

## **2. Điểm mạnh**

Các phương pháp dạy học được sử dụng đa dạng, phong phú, phù hợp với từng môn học. Tổ chức các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, năng lực của người học, đồng thời nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

## **3. Điểm tồn tại**

Ở một số môn học, còn chưa sử dụng đa dạng các phương pháp dạy học, giảng viên

chủ yếu sử dụng phương pháp thuyết trình kết hợp sử dụng các phương tiện trực quan.

#### **4. Kế hoạch hành động**

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Khắc phục việc sử dụng các phương pháp dạy học thụ động, tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học tích cực ở một số môn.	Giảng viên các bộ môn	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Lựa chọn và sử dụng các phương pháp dạy học tích cực đa dạng và phong phú. Phát huy khả năng tự học tự nghiên cứu phù hợp với ngành đào tạo như: Triển lãm tranh, ký họa thực tế vv.	Giảng viên các bộ môn	Hàng năm

#### **5. Tự đánh giá: đạt 5/7**

##### **Kết luận tiêu chuẩn 4**

Trường có văn bản tuyên bố về mục tiêu giáo dục và triết lý giáo dục của Trường. Mục tiêu giáo dục được tất cả CB, GV, người học hiểu rõ và được cụ thể hóa trong các CTĐT của các ngành, trong đó có CTĐT cử nhân Sư phạm Mĩ thuật. Mục tiêu giáo dục của nhà trường đã được phổ biến tới GV, SV và các bên liên quan tuy nhiên, việc tuyên truyền phổ biến mục tiêu giáo dục của nhà trường chưa được thực hiện thường xuyên và rộng rãi tới các bên liên quan bên ngoài trường, các nhà tuyển dụng và xã hội.

Các hoạt động dạy và học trong CTĐT, với các phương pháp dạy học được sử dụng đa dạng, phong phú và phát huy tính tích cực của người học. Hoạt động dạy và học thúc đẩy được việc rèn luyện các kỹ năng, năng lực của người học, đồng thời nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Tuy nhiên còn một số môn học chưa sử dụng đa dạng các phương pháp dạy học, giảng viên chủ yếu sử dụng phương pháp thuyết trình kết hợp sử dụng các phương tiện trực quan, một số sinh viên tiếp cận với phương pháp dạy học tích cực còn hạn chế.

##### **Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học**

###### **Mở đầu**

Đánh giá kết quả học tập của người học là một phần quan trọng của quá trình dạy

học. Để đánh giá kết quả học tập khách quan, công bằng, Nhà trường đã xây dựng Quy trình đánh giá và các quy định về khiếu nại, phúc khảo. Trường ĐHSP Hà Nội dựa theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng các quy định đánh giá kết quả học tập cụ thể, rõ ràng và được thông báo công khai tới NH. Việc đánh giá bắt đầu ngay từ khâu tuyển sinh đầu vào và xuyên suốt quá trình học tập của SV cho tới khi tốt nghiệp. Mục đích của việc kiểm tra đánh giá là nhằm xác định mức độ kiến thức, kỹ năng, năng lực mà SV cần đạt được so với mục tiêu môn học và mục tiêu CTĐT. Các phương pháp và nội dung kiểm tra đánh giá đa dạng và có tính liên tục, phù hợp với đặc thù của từng học phần, từng môn học. Việc đánh giá kết quả học tập của SV căn cứ vào CDR của chương trình và luôn kịp thời phản hồi để người học cải thiện việc học tập. Các quy định về kiểm tra đánh giá được công bố công khai cho GV, SV và các bên liên quan trước khi bắt đầu CTĐT.

**Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.**

### ***1. Mô tả***

Đánh giá kết quả người học đạt được CDR được quy định cụ thể trong Quy định tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả trong kỳ thi kết thúc học phần của Trường ĐHSPHN và Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống TC của Trường ĐHSPHN. Đề án quy định về các phương án tuyển sinh và những lưu ý về tổ hợp xét tuyển, chỉ tiêu cho từng tổ hợp và phương thức xét tuyển [H5.05.01.01, H5.05.01.02, H5.05.01.03]. Các thông tin cụ thể liên quan đến người học bao gồm: Thời gian và hình thức thi, trách nhiệm của người học trong khi thi, quy định về khiếu nại điểm, phúc khảo bài thi, các hình thức xử lý kỷ luật sinh viên vi phạm quy chế thi. Quy định đánh giá học phần tốt nghiệp được thực hiện theo quy định của các môn thay thế tốt nghiệp. Đối với từng môn học cụ thể, các quy định về kiểm tra đánh giá chuyên cần (10%) giữa kì (30%), cuối kì (60%) được quy định cụ thể và thông báo cho người học ngay từ đầu mỗi học kì ở Quy chế đào tạo trong sổ tay sinh viên [H5.05.01.02, H5.05.01.03, H5.05.01.04, H5.05.01.06].

Từ quy định về Đánh giá học phần của nhà trường, các Khoa và bộ môn xây dựng các hình thức và phương pháp đánh giá chuyên cần (tỉ lệ % thời gian có mặt tương ứng với điểm số), kiểm tra giữa kì, cuối kì và các cách thức thi, tổ hợp phương pháp (viết, vấn đáp, thực hành, bài tập lớn,...), công cụ đánh giá (câu hỏi, phiếu đánh giá,...). Điều này được thể hiện trong CTĐT và cập nhật trong Kế hoạch năm học [H5.05.01.05].

Về cách thức ra đề, tiêu chí chấm thi các học phần lý thuyết, thực hành, phù hợp với yêu cầu của CDR, khoa Nghệ thuật thực hiện theo Quy định tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả trong kỳ thi kết thúc học phần của Trường [H5.05.01.02].

Điều này thể hiện rõ trong các đề thi, bài tập lớn, đáp án, hướng dẫn chấm các bài thi cuối kì của khoa [H5.05.01.07, H5.05.01.08, H5.05.01.09, H5.05.01.10]. Việc kiểm tra đánh giá được khoa thực hiện nghiêm túc, chủ động và đảm bảo đúng tiến độ: cách thức ra đề thi, hình thức đề thi được làm theo mẫu của trường, nội dung đề thi nằm trong khối lượng kiến thức kỹ năng đã giảng dạy, phù hợp với nội dung đã quy định trong CTĐT, đảm bảo phân loại được kết quả học tập,...

Tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế đa dạng, phong phú, phù hợp nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức độ đạt được CĐR.

Đối với kiểm tra giữa kì, các học phần đều kết hợp các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá khác nhau như: Làm bài tập cá nhân, nhóm, tự luận, vấn đáp, thực hành, vv. Với hình thức thi này, vừa đánh giá được mức độ đạt được CĐR vừa phát triển ở sinh viên các năng lực Mĩ thuật, năng lực chung. Việc đánh giá bằng các hình thức và phương pháp đa dạng, khác nhau đáp ứng được các CĐR của CTĐT [H5.05.01.07].

Đối với kiểm tra cuối kì, hình thức thi chủ yếu là: Tự luận, vấn đáp, thực hành, bài tập lớn. Với hình thức thi thực hành, đề thi kiểm tra thể hiện được mức độ đạt được về kiến thức và kỹ năng thực hành. Với hình thức kiểm tra viết, đề thi đáp ứng được các mức độ: Biết, hiểu, vận dụng phù hợp với mục tiêu của học phần.

Đối với hình thức thi vấn đáp, khoa tổ chức thành các phòng thi, mỗi sinh viên sẽ được 2 GV hỏi vấn đáp, sinh viên bốc thăm câu hỏi, có thời gian chuẩn bị nội dung và trả lời. GV có thể đặt thêm các câu hỏi phụ cho sinh viên. Các câu hỏi chuẩn bị sẵn không quá dài nhưng phủ khắp chương trình giảng dạy, giúp sinh viên có kế hoạch học tập tích cực ngay từ đầu. Cuối buổi thi 2 GV chấm thi trao đổi, thống nhất và thông báo kết quả thi cho sinh viên. Hình thức thi vấn đáp cũng rèn luyện cho sinh viên sự tự tin trong giao tiếp, có kỹ năng thuyết trình một vấn đề mạch lạc, rõ ràng, như vậy, hình thức này tương thích với các mục tiêu của học phần và đáp ứng được CĐR của học phần và CĐR của CTĐT [H5.05.01.08].

Hình thức làm bài tập lớn thường được áp dụng với các học phần lí luận mĩ thuật, nghiên cứu khoa học giáo dục Mĩ thuật. Với hình thức này, GV có thể yêu cầu sinh viên làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm, sinh viên tự chọn đề tài hoặc giảng viên giao đề tài cho sinh viên thực hiện, nghiên cứu. Với hình thức thi này, sinh viên sẽ chủ động hơn khi thực hiện đề tài, phát huy thế mạnh của từng cá nhân, nhóm, phát huy được năng lực nghiên cứu của sinh viên, đảm bảo đạt được mục tiêu học phần và đo được CĐR [H5.05.01.08].

Đối với thực tập sư phạm, Trường ĐHSPhn và Khoa Nghệ thuật có các văn bản hướng dẫn, tiêu chí đánh giá kết quả thực tập cụ thể. Sinh viên khoa Nghệ thuật được thực



tập tại các trường Trung học cơ sở, thời gian thực tập sư phạm của 1 khóa đào tạo là 10 tuần, chia thành 2 đợt nối tiếp nhau. Mỗi đợt thực tập có yêu cầu khác nhau về thực hiện nhiệm vụ thực tập giáo dục và giảng dạy. Kết quả thực tập của sinh viên được đánh giá theo tiêu chí được quy định trong Quy chế thực tập sư phạm [H5.05.01.12].

Như vậy, hình thức, phương pháp đánh giá sinh viên ngành Sư phạm Mĩ thuật khá đa dạng, phong phú và linh hoạt, qua đó, đánh giá được sinh viên theo các mức độ, đáp ứng được CĐR của môn học và CĐR của CTĐT.

## 2. Điểm mạnh

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện đúng quy định của khoa và nhà trường, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng. Các phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá được xây dựng trên cơ sở khoa học nhằm đảm bảo đánh giá đúng CĐR theo từng giai đoạn của người học.

## 3. Điểm tồn tại

Phần mô tả phương pháp kiểm tra đánh giá trong đề cương chi tiết các môn học chưa được rõ ràng về thời gian cho mỗi hình thức bài thi cuối kì.

## 4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc p hục tồn tại	Cụ thể thời gian cho mỗi hình thức bài thi cuối kì ở các môn học.	Khoa Nghệ thuật, các bộ môn	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức các kì kiểm tra khách quan, công bằng, nghiêm túc. Các phương pháp kiểm tra đánh giá đáp ứng CĐR.	Khoa Nghệ thuật, các bộ môn	Liên tục các năm

## 5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

**Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.**

### 1. Mô tả

Đào tạo cử nhân sư phạm Mĩ thuật đã xác định và xây dựng được các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học một cách rõ ràng. Đánh giá đầu vào được thể hiện trong thông tin tuyển sinh hàng năm. Trường ĐHSPhN xây dựng Đề án

tuyển sinh và công bố công khai trên website của trường và qua các thông báo tờ rơi, các hội thảo, hội nghị, vv... [H5.05.02.01]. Kết quả tuyển sinh được công bố công khai trên website của Trường: [https://hnue.edu.vn/Daotao/DaotaoDaihoc/Quychedaotao\\_Daihoc.aspx](https://hnue.edu.vn/Daotao/DaotaoDaihoc/Quychedaotao_Daihoc.aspx)

Tổ chức các hoạt động ngoại khóa và dịch vụ hỗ trợ giúp cải thiện việc học tập của sinh viên do Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Trường, Liên chi đoàn Khoa chỉ đạo và triển khai thực hiện. Hàng năm các hoạt động chào tân sinh viên nhập trường luôn được LCĐ của Khoa kết hợp với BCN Khoa tổ chức trang trọng, hướng dẫn sinh viên mới làm quen với các hoạt động học tập và phong trào đoàn thể tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội [H5.05.02.02]. Trong 2 năm đại dịch covid, 2020-2021, Khoa tổ chức chào Tân sinh viên bằng hình thức trực tuyến nhưng vẫn đảm bảo các nội dung như hàng năm làm trực tiếp và đảm bảo được việc hướng dẫn sinh viên làm quen với các hoạt động học tập và phong trào tập thể.

Nhà trường đã ban hành qui chế hoạt động của Cổng thông tin điện tử nhằm quảng bá hình ảnh của Trường và các đơn vị trực thuộc trên mạng internet, cung cấp thông tin và hệ thống các văn bản, biểu mẫu, tài liệu liên quan đến tổ chức, hoạt động của Trường và các đơn vị trực thuộc, vv. thông qua 2 địa chỉ bằng Tiếng Việt <https://hnue.edu.vn/> và bằng tiếng Anh <http://english.hnue.edu.vn/>. Giảng viên và sinh viên dễ dàng truy cập 2 trang thông tin trên để cập nhật các thông tin liên quan để SV nắm được thời khóa biểu, lịch thi, kết quả học tập hoặc các thông báo của Trường, đáp ứng được yêu cầu đổi mới CNTT trong thời đại 4.0 [H5.05.02.03]. Qua đó, SV chủ động trong việc đăng ký tín chỉ học tập, cũng như giáo vụ Khoa dễ dàng quản lý được quá trình học của SV.

Bên cạnh đó, Khoa đã đưa ra một số giải pháp nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, thông qua việc giao cho các Bộ môn, Đoàn thanh niên tổ chức các buổi trao đổi với sinh viên để nâng cao kỹ năng nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng ứng dụng CNTT hay kỹ năng mềm cho sinh viên. Ngoài ra, các kỹ năng mềm hay một số năng lực nghề nghiệp khác cũng đã được tăng cường cho SV thông qua Tuần lễ rèn luyện NVSP diễn ra thường niên vào tháng 11. Mỗi năm Trường và Khoa tổ chức tuần lễ NVSP vào dịp 20/11 nhằm rèn luyện cho sinh viên kỹ năng nghề nghiệp, ở Tuần lễ này Trường và Khoa tổ chức các buổi học với nội dung phù hợp với các khoá học theo quy định của tuần rèn luyện NVSP, tổ chức các nội dung thi như: Kỹ năng viết bảng, biểu diễn, sáng chế đồ dùng dạy học, thi tình huống sư phạm, thi thiết kế video, thi giảng,... [H5.05.02.04].

Quy định chấm điểm kỹ năng NVSP cấp khoa của khoa Nghệ thuật được thông báo rõ ràng: màn chào hỏi 20 điểm, trong đó (Nội dung giới thiệu được những nét đặc trưng nhất về khoa, ngành học 10 điểm. Ý tưởng sáng tạo 4 điểm, tính hấp dẫn hài

hước 4 điểm, trang phục đẹp 2 điểm). Hiểu biết sự phạm 10 điểm, thi theo hình thức chọn bộ gồm 10 câu hỏi trắc nghiệm và trả lời câu hỏi trong thời gian 10 giây/ 1 câu hỏi (số lượng sinh viên 5). Thi ứng xử tình huống sự phạm 20 điểm. Thiết kế video giới thiệu về khoa (về các chuyên ngành đào tạo) Mỗi đội tự thiết kế một video trình chiếu 3 phút với thang điểm là 20 điểm. Năng khiếu 30 điểm, mỗi đội lựa chọn nội dung thi như: hát, múa, thời trang, kịch, kể chuyện, cắm hoa... thời gian 5 phút (không giới hạn số sinh viên tham gia). Cơ cấu giải thưởng mỗi nội dung có 3 giải: Nhất, Nhì, Ba [H5.05.02.05].

Việc thông báo kết quả SV đăng ký học và các thông tin liên quan đến hoạt động đào tạo, kiểm tra, thi được cập nhật tại địa chỉ:

<http://hnue.edu.vn/Daotao/DaotaoDaihoc/QuychedaotaoDaihoc.aspx> và phần mềm Unisoft nhằm giúp SV nắm rõ các quy định về quy trình tổ chức kiểm tra kết quả học tập. Hệ thống quản lý của các khoa, TT ĐBCL, TT CNTT và Nhà trường thống nhất và kết hợp chặt chẽ trong việc tổ chức thi và công bố điểm cho SV. Phần mềm quản lý đào tạo UniSoft giúp người học được phản hồi kịp thời về kết quả kiểm tra đánh giá sau mỗi kì thi từ đó có biện pháp để cải thiện việc học tập [H5.05.02.06].

## 2. Điểm mạnh

Các quy định về đánh giá kết quả học tập và rèn luyện NVSP của người học đã được đưa vào Quy chế đào tạo và các văn bản liên quan tới kế hoạch đào tạo đầy đủ và rõ ràng giúp người học lĩnh hội ngay từ đầu khóa học. Các hình thức, phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu của CTĐT. Các quy định về kiểm tra đánh giá thường xuyên được công bố công khai, minh bạch đến người học thông qua nhiều hình thức khác nhau.

## 3. Điểm tồn tại

Các kỹ năng NVSP, kỹ năng mềm của SV còn hạn chế, cần phải tiếp tục rèn luyện, nâng cao hơn nữa.

## 4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Ban chủ nhiệm khoa phối hợp với các tổ bộ môn, đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động rèn luyện, nâng cao kỹ năng NVSP cho sinh viên.	Ban chủ nhiệm khoa, Đoàn thanh niên, các tổ bộ môn	Hàng năm

2	Phát huy điểm mạnh	Các hình thức, phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu của CTĐT.	Khoa Nghệ thuật, các tổ bộ môn	Liên tục các năm
---	--------------------	---	--------------------------------	------------------

### 5. Tự đánh giá:

Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

### Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

#### 1. Mô tả

Quá trình đào tạo cử nhân sư phạm Mĩ thuật, việc xây dựng kế hoạch đánh giá kết quả học tập đã được xây dựng cụ thể, đa dạng, đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng trong đánh giá, đáp ứng được mục tiêu của mỗi học phần và CĐR của chương trình đào tạo.

Đối với những môn học thực hành, phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng đa dạng, phong phú với mục đích phát triển và đánh giá các kỹ năng, năng lực của người học sau mỗi học phần. Các hình thức kiểm tra đánh giá như: kiểm tra giữa kì và cuối kì thì có một phần lý thuyết, còn lại phần thực hành chiếm tỉ trọng lớn hơn. Quá trình kiểm tra thực hành sẽ tạo ra các sản phẩm học tập của sinh viên như: Thực hành tạo các sản phẩm Mĩ thuật, thực hành tổ chức dạy học mĩ thuật vv... Đối với các môn học lý thuyết, các hình thức, phương pháp đánh giá chủ yếu như: Tự luận, vấn đáp, bài tập lớn, trắc nghiệm vv... Ví dụ ở học phần Lí luận và phương pháp dạy học môn Mĩ thuật, các CĐR tập trung vào việc trình bày, phân tích và giải thích được vị trí, quan điểm xây dựng, mục tiêu của chương trình giáo dục phổ thông và chương trình môn học, mối quan hệ giữa khoa học Mĩ thuật và tri thức Mĩ thuật trong nhà trường phổ thông, giới thiệu các mạch nội dung Mĩ thuật qua các cấp, lớp học, việc lựa chọn phương pháp dạy học và công cụ, hình thức kiểm tra, đánh giá cuối kì có hình thức tự luận và tiêu chí đánh giá là: Đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng đạt 100% điểm; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm. Đối với học phần Thực hành dạy học tại trường sư phạm, CĐR là sinh viên có tình yêu nghề, có ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời, hình thành được các năng lực sư phạm, năng lực vận dụng kiến thức chuyên môn, kiến thức sư phạm vào thực tiễn và sử dụng được công nghệ thông tin để thiết kế nhiều dạng bài dạy Mĩ thuật. Do đó, hình thức thi cuối kì là thực hành sinh viên dạy trực tiếp trên lớp học giả định. Tiêu chí đánh giá: Kế hoạch dạy học rõ ràng, đúng, đầy đủ kiến thức và PPDH, bài giảng đạt mục tiêu dạy học đã đề ra, vận dụng phương pháp dạy học và sử dụng phương tiện dạy học linh hoạt, hợp lý. [H5.05.01.08].

Phương pháp đánh giá kết quả học tập trên cho thấy sự đa dạng, phong phú, phù hợp, đảm bảo độ tin cậy, đáp ứng được mục tiêu môn học và CĐR của CTĐT.

Về tổ chức thi, quy trình được tiến hành nghiêm ngặt, đảm bảo nghiêm túc, Khoa tổ chức thi: Lên lịch thi, in đề thi, phân công cán bộ coi thi, chấm thi đảm bảo đúng quy trình. Công tác chấm thi khách quan, chính xác và công bằng. Cán bộ chấm thi chấm bài thi theo đúng thang điểm trong phiếu chấm và đáp án chính thức được phê duyệt của trưởng bộ môn và ban chủ nhiệm khoa. Bài thi chấm xong chuyển cho giáo vụ nhập điểm trên phần mềm quản lí của nhà trường. Ban chủ nhiệm khoa xác nhận điểm và lưu hồ sơ, sau khi tổng hợp, giáo vụ khoa thông báo điểm cho sinh viên được biết. Nếu sinh viên muốn phúc khảo kết quả thì viết đơn theo mẫu, văn phòng khoa sẽ nhận đơn phúc khảo của sinh viên và tổ chức cho giảng viên chấm phúc khảo theo đúng quy định [H5.05.01.02, H5.05.01.08, H5.05.03.01].

Cuối mỗi học kì, trường ĐHSP Hà Nội đều tiến hành khảo sát chất lượng giảng dạy và các báo cáo cho thấy mức độ hài lòng của sinh viên về hoạt động giảng dạy trên lớp của các giảng viên, trong đó bao gồm các nội dung liên quan đến các giờ thực hành, bài tập; giáo trình tài liệu tham khảo; kiến thức kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp của giảng viên; sự đáp ứng của mục tiêu sau khi kết thúc học phần; phương pháp đánh giá kết quả học tập của giáo viên và sự hứng thú của sinh viên đối với các giờ học của học phần đó.

Thông qua kết quả khảo sát hiệu quả, chất lượng đào tạo của sinh viên vừa tốt nghiệp năm 2023, số sinh viên được khảo sát: 1555 sinh viên, kết quả cho thấy sinh viên đánh giá tích cực nội dung này về hoạt động kiểm tra đánh giá, các câu hỏi đều có 95% các ý kiến đánh giá tích cực. Đặc biệt với nội dung “Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của các môn học thể hiện tính đa dạng, có sự đổi mới” được sinh viên đánh giá đạt 95,8% [H5.05.01.11].

## 2. Điểm mạnh

Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, phong phú, phù hợp, đáp ứng được mục tiêu môn học và CĐR của CTĐT.

Quy trình thi kiểm tra đánh giá được tiến hành nghiêm ngặt, đảm bảo tính nghiêm túc, công bằng, khách quan, tin cậy.

Khoa và các tổ bộ môn thực hiện công tác thường lấy ý kiến phản hồi của người học, cựu người học, nhà tuyển dụng, chuyên gia giáo dục về chương trình đào tạo và chất lượng đào tạo, nhu cầu nhân lực; về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp.

## 3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi người học về chất lượng giảng dạy còn gặp khó khăn và chưa linh hoạt, đa dạng hình thức lấy ý kiến.

## 4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Thời gian và phương pháp lấy ý kiến phản hồi từ người học về chất lượng giảng dạy cần được khoa tổ chức linh hoạt hơn.	Khoa Nghệ thuật, các bộ môn	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Đa dạng hóa các phương pháp kiểm tra, đánh giá đảm bảo độ chính xác, khách quan, tin cậy. phù hợp với hình thức đào tạo đáp ứng được mục tiêu môn học và CDR của CTĐT.	Khoa Nghệ thuật, các bộ môn	Liên tục các năm

5. Tự đánh giá: đạt 5/7

#### **Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.**

##### *1. Mô tả*

Theo quy định tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả trong kì thi kết thúc học phần của Trường ĐHSPTN, [H5.05.01.02], việc phản hồi đánh giá kết quả học tập của người học kịp thời, phù hợp với quy định về kiểm tra, đánh giá của Bộ GD&ĐT. Các khoa chuyên môn thực hiện công tác lấy ý kiến phản hồi của người học, cựu người học, nhà tuyển dụng, chuyên gia giáo dục và chuẩn đầu ra, về chương trình đào tạo và chất lượng đào tạo về nhu cầu nhân lực; về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp chương trình đào tạo tại các vị trí việc làm và viết báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát. Sau khi tiến hành khảo sát, các thông tin, dữ liệu thu thập kiểm tra, phân tích và nhập vào phần mềm, sau đó dữ liệu được xử lý. Căn cứ kết quả khảo sát, các khoa, phòng, trung tâm xây dựng và thực hiện điều chỉnh chương trình đào tạo, cải tiến nâng cao chất lượng các dịch vụ tiện ích và hoạt động hỗ trợ người học nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo. [H5.05.04.01]

Trong quá trình đào tạo, khoa cũng thường xuyên quan tâm đến tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp, việc lấy ý kiến của các bên liên quan trong đó có cựu sinh viên và các cơ sở tuyển dụng nhân lực là căn cứ giúp Khoa và Nhà trường nắm bắt và điều chỉnh các vấn đề trong CTĐT để có thể đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường lao động, việc làm hiện nay. Các báo cáo khảo sát về hiệu quả và chất lượng sinh viên

vừa tốt nghiệp trong các năm để từ đó thu thập các thông tin phản hồi về chất lượng sinh viên và các nội dung chuyên môn khác. Các thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được xử lý và sử dụng làm căn cứ để Khoa rà soát, điều chỉnh và phát triển CTDH trong CTĐT theo qui định 2 năm một lần. Công tác tổ chức thực hiện hoạt động dạy - học, phương pháp giảng dạy, kiểm tra - đánh giá; hoạt động hỗ trợ học tập; sự hài lòng của người học. Trong năm học 2021 - 2022, TT ĐBCL đã xây dựng kế hoạch cải tiến hoạt động lấy ý kiến các bên liên quan và triển khai thực hiện các hoạt động cải tiến trong kế hoạch nhằm cải tiến cơ chế phản hồi của các bên liên quan. Hệ thống phiếu khảo sát cũng đều có sự điều chỉnh cho phù hợp nhằm thu thập thông tin chuẩn xác hơn [H5.05.01.09, H5.05.04.01].

Về điểm đánh giá giữa kì, GV nhập điểm đánh giá giữa kì trên phần mềm quản lý học tập của Trường muộn nhất là 07 ngày trước khi học phần kết thúc. Do đó, SV nắm được quyền đủ điều kiện dự thi/ không đủ điều kiện dự thi học kì của mình và ý kiến phản hồi để được giải quyết kịp thời [H5.05.04.03].

Về điểm các học phần, khoa quản lý kết quả học tập của SV theo từng học kỳ. Sau mỗi kỳ thi, khoa nhập điểm học phần vào Hệ thống quản lý kết quả học tập và công bố điểm thi kết thúc học phần muộn nhất là 02 ngày sau khi hết thời gian chấm thi học phần và gửi Bảng điểm có chữ ký của GV và BCN Khoa về TT ĐBCL và Phòng Đào tạo. Thời gian chấm thi cũng như thông báo kết quả thi cho người học (7 ngày sau mỗi kỳ thi). Với quy định này, người học kịp thời có quyết định về cải thiện tình hình học tập của mình. Điều này thể hiện rõ trong kết quả học tập của SV [H5.05.01.10]

Sổ tay CVHT có chức năng ghi chép các buổi họp với các lớp, các sự kiện hoạt động của sinh viên tham gia hoạt động trong khoa và trường. Sổ tay CVHT được ghi chép đầy đủ, theo dõi sinh viên rèn luyện trong các hoạt động trong quá trình học tập chuyên môn, cũng như những cảnh báo kết quả học tập của sinh viên dưới sự phụ trách của CVHT sau đó thông báo lại cho Khoa, trường về những việc giải đáp thắc mắc, tháo gỡ khó khăn cho sinh viên trong quá trình học tập, giúp hỗ trợ sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, tạo môi trường hoạt động, học tập tích cực, hiệu quả, giúp sinh viên rèn luyện và phát triển phẩm chất, năng lực. CVHT chủ trì họp bình xét điểm kết quả rèn luyện, phân tích chấm điểm cho từng cá nhân, kết quả được tổng hợp ghi chép đầy trong sổ tay CVHT, sau đó chuyển kết quả điểm rèn luyện của sinh viên gửi về khoa để thống kê gửi lên cấp trường [H5.05.04.02].

Từ các kết quả trên CVHT thông báo, nhắc nhở đến sinh viên qua kênh như: gọi điện riêng, liên chi đoàn, nhóm lớp. CVHT hàng kì họp với lớp thông báo kết quả học tập, khối lượng học tập được thể hiện qua từng kỳ như sau: Số TC tích lũy, điểm trung bình tích lũy, điểm trung bình của từng kỳ, số TC tích lũy của kỳ của từng sinh viên

để điều chỉnh, cải thiện tình hình học tập kịp tiếp theo cho kịp tiến độ CTĐT. Khoa và nhà trường có cơ sở dữ liệu theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ học tập, thôi học, tốt nghiệp theo hàng năm. Đó là các báo cáo kết quả, tiến độ học tập và rèn luyện được lưu trữ tại các phòng ban chức năng. Việc đánh giá khách quan, công bằng, minh bạch, tổ chức thi nghiêm minh đã tạo được nề nếp dạy và học tích cực. Phần mềm quản lý đào tạo UniSoft cập nhật nhanh chóng các thông tin về học tập, rèn luyện của sinh viên và được phản hồi kịp thời về kết quả kiểm tra đánh giá sau mỗi kì thi. Do đó, việc quản lý kết quả học tập của người học chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao và hỗ trợ người học tra cứu kết quả học tập của mình dễ dàng, nhanh chóng. Từ đó, sinh viên có thể điều chỉnh kế hoạch học tập cho phù hợp [H5.05.04.03].

Cảnh báo học tập, khoa Nghệ thuật có các cán bộ chuyên trách được phân công giám sát bao gồm giáo vụ khoa và cố vấn học tập, cố vấn học tập là các giảng viên có thâm niên tối thiểu ba năm giảng dạy chính thức tại khoa, có nhiệm vụ tư vấn, hướng dẫn về học tập cho sinh viên, quản lý và góp phần đánh giá chính xác kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên. Bên cạnh các cố vấn học tập, giáo vụ khoa được phân công giám sát sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ đối với người học nói chung và sinh viên ngành Sư phạm Mỹ thuật nói riêng [H5.05.04.02; H5.05.04.05]. Thông qua các cán bộ chuyên trách, ban chủ nhiệm khoa nắm bắt được quá trình học tập và rèn luyện của sinh viên ngành Sư phạm Mỹ thuật để có biện pháp hỗ trợ sinh viên học tập đạt kết quả tốt hơn. Xét tốt nghiệp, giáo vụ khoa tham gia, ghi chép và lưu giữ các biên bản các cuộc họp xét tiêu chuẩn đối với sinh viên có đủ điều kiện tốt nghiệp như: Lập danh sách các sinh viên bị cảnh báo học tập, sinh viên thôi học và báo cáo cho Ban Chủ Nhiệm khoa, từ đó Ban chủ nhiệm nắm được chính xác và cập nhật tình hình học tập của sinh viên theo học CTĐT Cử nhân Sư phạm Mỹ thuật qua các năm. Khoa Nghệ thuật kết hợp chặt chẽ với nhà trường để ban hành các quyết định cảnh báo kịp thời giúp sinh viên có những điều chỉnh trong quá trình học tập và rèn luyện, để đạt được mục tiêu CĐR. Nhà trường và khoa Nghệ thuật đã có những kế hoạch rõ ràng từ khâu tuyển sinh đầu vào, có quy trình đánh giá theo từng học phần (bao gồm đánh giá chuyên cần, giữa kì và cuối kì) trong suốt quá trình học và xét tốt nghiệp cuối khóa cho cử nhân Sư phạm Mỹ thuật [H5.05.04.04; H5.05.04.05].

## *2. Điểm mạnh*

Nhà trường có công cụ và hệ thống quản lý, giám sát tỉ lệ thôi học và tỉ lệ tốt nghiệp của sinh viên một cách chặt chẽ, qua các bước đi từ cấp khoa với đội ngũ CVHT, cán bộ quản lý sinh viên, giáo vụ khoa đến cấp trường với đơn vị chịu trách nhiệm là phòng đào tạo thông qua công cụ giám sát là phần mềm Unisoft. Từ đây, số sinh viên thôi học, tốt nghiệp được cập nhật chính xác. Mặt khác, việc phân tích, tìm hiểu



nguyên nhân và đưa ra các biện pháp hỗ trợ người học tốt nghiệp đúng hạn, giảm thiểu tỉ lệ sinh viên thôi học cũng đã được triển khai khá hiệu quả thông qua đội ngũ CVHT.

### 3. Điểm tồn tại

Tỉ lệ sinh viên thôi học vẫn còn, tỉ lệ tốt nghiệp chậm so với thời gian đào tạo, do nợ môn học chưa trả đúng hạn vẫn còn tồn tại.

### 4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Giảm tỉ lệ thôi học và tốt nghiệp muộn thông qua các hoạt động như: Thường xuyên tổ chức các buổi tọa đàm, ngoại khóa tìm hiểu CTĐT, hướng dẫn sinh viên đăng ký tín chỉ, XD kế hoạch học tập, phương pháp học tập hiệu quả.	Khoa Nghệ thuật, các bộ môn.	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tăng cường vai trò của CVHT trong hoạt động tư vấn, giám sát kế hoạch học tập của sinh viên. Duy trì và nâng cấp chất lượng của phần mềm quản lý đào tạo.	Khoa Nghệ thuật, các bộ môn	Liên tục các năm

### 5. Tự đánh giá: đạt 5/7

#### Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

##### 1. Mô tả

Theo Quy định, quy chế về việc tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả trong kỳ thi kết thúc học phần của Trường ĐHSPHN. Việc tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá được tiến hành nghiêm ngặt, đảm bảo nghiêm túc, công bằng. Công tác chấm thi khách quan, chính xác, cán bộ chấm thi phải chấm bài thi theo đúng thang điểm và đáp án chính thức được phê duyệt. Bài thi chấm xong chuyển cho giáo vụ nhập điểm trên phần mềm HRM [H5.05.04.03]. Ban chủ nhiệm khoa xác nhận điểm và lưu hồ sơ, sau khi tổng hợp, giáo vụ khoa công bố và thông báo điểm cho sinh viên. Sau khi công bố điểm thi các học phần, đơn vị tổ chức thi công bố công khai thời gian nhận đơn phúc khảo điểm bài thi của sinh viên trên cổng thông tin điện tử phần mềm Unisoft và hệ thống quản lý kết quả học tập của nhà trường. Nếu sinh viên có khiếu nại hoặc xin phúc khảo điểm thi sẽ làm đơn phúc khảo theo mẫu và nộp cho

TTĐBCL đối với môn chung và nộp đơn cho văn phòng khoa đối với các môn chuyên ngành [H5.05.05.01]. Theo quy trình trong quy định sau 07 ngày từ ngày kết thúc nhận đơn phúc khảo, trung tâm ĐBCL và khoa sẽ phản hồi cho sinh viên biết kết quả giải quyết đơn phúc khảo của sinh viên một cách rõ ràng và cụ thể.

Tất cả các sinh viên muốn khiếu nại hoặc xin phúc khảo đều có thể tiếp cận thông tin về thời gian, quy trình, thủ tục khiếu nại, phúc khảo kết quả bài thi trên cổng thông tin điện tử và hệ thống quản lý học tập của nhà trường [H5.05.04.03].

Hàng năm, việc khiếu nại về kết quả học tập của sinh viên đều được khoa Nghệ thuật xử lý kịp thời và thỏa đáng, điều này cho thấy sự công khai minh bạch trong việc phản hồi kết quả học tập đến người học. Quy trình khiếu nại về kết quả học tập nhằm đảm bảo công bằng trong việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập cho mọi sinh viên, đồng, thời phát huy tính dân chủ trong cộng đồng sinh viên và tạo ra một môi trường học tập tích cực. Bên cạnh đó các giảng viên cũng rút kinh nghiệm để đảm bảo việc chấm thi trong các học phần tiếp theo được chính xác hơn [H5.05.01.02, H5.05.03.01].

### 2. Điểm mạnh

Quy trình khiếu nại kiểm tra đánh giá được quy định cụ thể và triển khai kịp thời đến tất cả các sinh viên.

### 3. Điểm tồn tại

Giảng viên và sinh viên chưa có nhiều thời gian để trao đổi, giúp sinh viên thấy được những ưu điểm, hạn chế trong kiểm tra đánh giá của một số học phần. Từ đó, sinh viên điều chỉnh phương pháp học tập đạt hiệu quả hơn.

### 4. Kế hoạch hành động

<b>T T</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>
1	Khắc phục tồn tại	Cần tăng cường trao đổi giữa giảng viên giảng dạy và người học để hỗ trợ sinh viên các phương pháp học tập và triển khai đánh giá tốt hơn.	Khoa Nghệ thuật, Giảng viên các bộ môn	Cuối học phần Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Quá trình kiểm tra đánh giá được thực hiện nghiêm túc, minh bạch, nhanh chóng trong việc giải quyết khiếu nại về đánh giá kết quả học tập của sinh viên.	Khoa Nghệ thuật, giáo vụ khoa, giảng viên	Cuối học phần hàng năm

### 5. Tự đánh giá: đạt 5/7

#### Kết luận về tiêu chuẩn 5

Chương trình đào tạo của khoa Nghệ thuật được xây dựng và áp dụng dựa trên việc bám sát yêu cầu CDR cho sinh viên. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học đều được cung cấp rất chi tiết, rõ ràng và đồng thời được công bố công khai. Khoa Nghệ thuật sử dụng đa dạng các hình thức kiểm tra như: Sinh viên sẽ có các hoạt động thực hành các kỹ năng giảng dạy ngay trên lớp. Các hình thức kiểm tra đánh giá bên cạnh kiểm tra viết giữa kì và cuối kì thì có một phần chiếm tỉ trọng lớn là các sản phẩm thực tế của sinh viên như giáo án, tập giảng. Tương tự thế, có thể thấy các học phần trong chương trình đều có phương pháp dạy và học và kiểm tra đánh giá đa dạng từ viết, vấn đáp đến các hình thức tích hợp khác như thuyết trình, viết tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm vv...

Đánh giá với sinh viên ngành sư phạm Mĩ thuật nhằm mục đích thu được kết quả đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy. Thông qua việc đánh giá khách quan, công tác tổ chức coi thi và chấm thi nghiêm túc đã mang lại sự công bằng và xây dựng được nề nếp dạy và học tập tích cực. Sinh viên nhận được phản hồi từ giảng viên ngay trong quá trình học tập. Kết quả đánh giá được công bố công khai và ý kiến phản hồi cũng được tiếp nhận kịp thời nhằm giúp người học cải thiện việc học tập, điều chỉnh phương pháp học và có động lực để cố gắng hơn. Đơn phúc khảo của sinh viên được tiếp nhận và xử lý kịp thời, đảm bảo tính công bằng và minh bạch.

Công việc ra đề thi của khoa Nghệ thuật thường được giao cho giảng viên có chuyên môn tốt thực hiện, sau đó được duyệt bởi Tổ trưởng tổ bộ môn và Hội đồng khoa học khoa. Phản hồi chữa bài và thông báo kết quả của các bài kiểm tra giữa kỳ và kết thúc học phần được công khai và giải đáp với SV trên trang web, đảm bảo tính riêng tư và bảo mật cá nhân mỗi SV. Việc trao đổi thông tin giữa giảng viên chấm thi và sinh viên về kết quả thi và giải quyết khiếu nại lại, giúp hạn chế các tiêu cực liên quan đến việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên trong suốt quá trình đào tạo.

#### Đánh giá tiêu chuẩn 5

Tiêu chuẩn 5	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 5.1					5		
Tiêu chí 5.2					5		
Tiêu chí 5.3					5		
Tiêu chí 5.4					5		
Tiêu chí 5.5					5		

<b>Điểm tiêu chuẩn</b>	<b>5.0</b>
------------------------	------------

## **Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**

### **Mở đầu**

Trường Đại học sư phạm Hà Nội luôn chú trọng, đặt nhiệm vụ xây dựng và phát triển đội ngũ lên hàng đầu. Với Ngành sư phạm Mĩ thuật, Khoa Nghệ thuật lực lượng tham gia vào công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng là đội ngũ giảng viên. Đây là lực lượng có trình độ, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ giảng dạy, trình độ ngoại ngữ, tin học, kỹ năng mềm và luôn có ý thức phấn đấu, bồi dưỡng, đáp ứng tốt các yêu cầu xây dựng và phát triển chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm mĩ thuật. Việc quy hoạch đội ngũ, tuyển dụng, kế hoạch phát triển, năng lực của đội ngũ GV luôn được xác định, đánh giá, thực hiện công khai, minh bạch theo đúng quy định. Nhà trường luôn chú trọng đến việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ GV tại các cơ sở trong và ngoài nước, đồng thời động viên GV bằng nhiều hình thức khen thưởng đã giúp cho đội ngũ của Khoa Nghệ thuật nói riêng và các khoa trong trường nói chung ngày càng vững mạnh.

**Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng**

#### *1. Mô tả*

Căn cứ chiến lược phát triển của Trường Đại học sư phạm Hà Nội giai đoạn 2011 - 2020 và giai đoạn 2017 - 2021, tầm nhìn 2030; căn cứ theo đề án về vị trí việc làm của trường, căn cứ theo Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường ĐHSPhN[H6.06.01.01;H6.06.01.02;H6.06.01.03] từ yêu cầu thực tiễn của xã hội, đặt ra với nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu, phục vụ cộng đồng trong hiện tại và tương lai, Ngành sư phạm Mĩ thuật, Khoa Nghệ thuật đã có chiến lược quy hoạch đội ngũ GV phục vụ cho chương trình đào tạo cử nhân Mỹ thuật [H6.06.01.04] Trong biên bản, nghị quyết Hội nghị cán bộ viên chức và người lao động của Khoa hàng năm đã luôn đánh giá và định hướng cho công tác quy hoạch cán bộ đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, phù hợp với nhiệm vụ phát triển của Khoa và Nhà trường [H6.06.01.05].

Đội ngũ GV trong Ngành sư phạm Mĩ thuật tính đến nay (6/2024) gồm có 11 người, số lượng nam bằng 54,5% số lượng GV, độ tuổi từ 41 - 50 tuổi chiếm tỉ lệ lớn (46,5%), có 2 TS, và 9 ThS. Cơ cấu về độ tuổi, giới tính và trình độ chuyên môn của GV Ngành sư phạm Mĩ thuật đảm bảo quy hoạch, kế hoạch của Khoa và phù hợp với cơ cấu của Nhà trường [H6.06.01.06:H6.06.01.07].

**Bảng 6.1.1. Cơ cấu về độ tuổi, giới tính và trình độ chuyên môn của GV tính**

**đến tháng 6/2023**

N ã m	Tôn g số	Giới tính		Độ tuổi					Học hàm		Học vị		
		N a m	N ữ	< = 3 0	31 - 40	41 - 50	51 - 60	> 6 0	G S	P G S	T S	T h S	Đ H
2 0 1 9	14	7	7	0	3	6	4	1	0	1	2	1 2	0
2 0 2 0	14	7	7	0	3	7	4	1	0	1	2	1 2	0
2 0 2 1	14	7	7	0	3	7	4	1	0	1	2	1 2	0
2 0 2 2	14	7	7	0	2	7	6	1	0	1	3	1 1	0
2 0 2 3	13	6	7	0	2	7	5	0	0	1	3	1 0	0
2 0 2 4	11	4	7	0	1	6	5	0	0	0	2	9	0

Đội ngũ GV của Khoa thực hiện nghiêm túc và hiệu quả những Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với GV của trường ĐHSPTHN [H6.06.01.08]. Ngành Sư phạm Mỹ thuật quy hoạch đội ngũ GV theo 3 bộ môn: Bộ môn Hình họa-Bố cục-Trang trí (5 GV), Bộ môn Lí luận Mỹ thuật (4GV), Bộ môn Lí luận và Phương pháp giảng dạy MT (2GV). Đội ngũ GV hầu hết là những cán bộ có năng lực và nhiệt huyết với nghề, đảm bảo chuyên môn, được đào tạo đúng chuyên ngành Mỹ thuật và Lí luận NT; đều có Quyết định của Trường ĐHSPTHN về tuyển dụng, bổ nhiệm viên chức và hợp đồng lao động không thời hạn đối với từng GV ngành Mỹ thuật [H6.06.01.06:H6.06.01.09]

Nhằm nâng cao năng lực của đội ngũ GV trường đã có các hoạt động khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giai đoạn 2019-2024 theo công văn số 174/ĐHSPTHN ngày 18/4/2017 về việc lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của các đơn vị.Đội ngũ GV ngành Mỹ thuật được yêu cầu không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng các yêu cầu công việc được giao ở từng vị trí việc làm.Giai đoạn 2020-2025, Ngành Mỹ thuật có 01 GV đang tham gia học Tiến sỹ, 10 lượt GV tham gia các lớp bồi dưỡng ngắn hạn nâng cao năng lực ngoại ngữ, tin học, năng lực quản lí, nghiệp vụ sư phạm và năng lực chuyên môn khác trong trường và

ngoài trường.Đến 4/2024 100% cán bộ trong khoa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về văn bằng chứng chỉ NVSP, ngoại ngữ, tin học,CDNN,của Trường ĐHSP Hà Nội .  
[H6.06.01.10:H6.06.01.12]

**Bảng 6.1.2. Bảng thống kê số lượng GV tham gia các khóa bồi dưỡng tính đến tháng 4/2024**

Năm	Tổng số	Học hàm		Học vị			CC tin học VP	CC NVSP	CCGV hạng 1/hạng 2	CC ngoại ngữ/VB NN
		GS	PGS	TS	ThS	ĐH				
2020	14	0	1	1	0	0	14	14	5	14
2021	14	0	1	1	0	0	14	14	5	14
2022	13	0	1	2	0	0	14	13	12	14

Hiện nay, đội ngũ giảng viên của Ngành sư phạm Mĩ thuật về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu giảng dạy và tương đối ổn định. Tính đến tháng 4/2024, tổng số cán bộ tham gia công tác đào tạo ngành sư phạm Mĩ thuật có 11 giảng viên. Hiện độ tuổi bình quân của cán bộ cơ hữu của Ngành là 48 tuổi,số cán bộ đạt trình độ Tiến sĩ là 2 (chiếm 11,8%).số lượng GV trong khoa để có trình độ tiến sĩ vẫn đang tiếp tục được đào tạo, phát triển. Trong tiến trình hội nhập và quốc tế hóa, đặc biệt trước những yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn, nên GV của vẫn phải tự chủ học tập nâng cao trình độ trường chưa có cơ chế cho đội ngũ đi học thêm nhiều bằng và không có kinh phí hỗ trợ cho GV phần nào ảnh hưởng tới sự phát triển chuyên môn và bằng cấp đối với đội ngũ khoa NT [H6.06.01.06]

Việc bổ nhiệm cán bộ vào các ngạch giảng viên chính, giảng viên cao cấp được thực hiện theo đúng quy trình. Các giảng viên đảm bảo các yêu cầu, sau khi có kết quả thi đạt kì thi thăng hạng sẽ được bổ nhiệm vào ngạch Giảng viên chính và Giảng viên cao cấp. Từ năm 2019 đến năm 2023 Ngành MT 1GV được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giảng viên chính. Việc bổ nhiệm vào các chức danh nghề nghiệp cao hơn khẳng định sự phát triển của đội ngũ GV của khoa [H6.06.01.13].

Nhà trường và Khoa NT có kế hoạch cho việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm và bố trí cán bộ được thực hiện theo đúng quy trình, với các tiêu chí rõ ràng, công khai và minh bạch [H6.06.01.14]. Theo đó, thời gian kéo dài làm việc đối với GV có chức danh PGS không quá 07 năm. Hàng năm, Trường xem xét đánh giá nhu cầu giảng dạy và nghiên cứu khoa học, sức khỏe và sự tự nguyện của GV cũng như kết quả thực hiện nhiệm vụ để quyết định việc tiếp tục hoặc không tiếp tục kéo dài thời gian làm việc của GV. Việc nghỉ hưu của GV cũng được thông báo 06 tháng trước thời điểm GV đủ tuổi nghỉ hưu và

hoàn thành các bước thủ tục theo đúng quy định. Năm 2019 và 2023 Ngành Mĩ thuật đã đề xuất lên Nhà trường kéo dài thời gian làm việc với 1 GV là đ/c Nguyễn Thu Tuấn [H6.06.01.15] Nhà trường có những quyết định, quy định, thông báo, hướng dẫn quy hoạch đội ngũ GV cập nhật, giúp Ngành Mĩ thuật có thể nắm bắt và triển khai phù hợp, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

### 2. Điểm mạnh

Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) đáp ứng nhu cầu đào tạo.

Nhà trường thực hiện tốt kế hoạch đào tạo giảng viên, có tính kế thừa để đáp ứng tốt yêu cầu phục vụ cộng đồng.

### 3. Điểm tồn tại

Một số giảng viên chưa nâng cao trình độ theo đúng yêu cầu của trường (ngoại ngữ, tiến sĩ trước 35 tuổi).

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Nhà trường nghiên cứu với khoa đặc thù như NT để có cơ chế hỗ trợ kinh phí cho ngũ GV học tập nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng nhu cầu đào tạo và đáp ứng nhu cầu xã hội. - Tuyển chọn, bổ nhiệm thêm vị trí việc làm (3 GV) có kinh nghiệm, trình độ để phát triển chương trình đào tạo cử nhân SPMT.	Trường ĐHSPHN  Trường ĐHSPHN và Khoa NT	Từ năm 2019-2022 Giai đoạn 2024-2029
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa tiếp tục phát huy thực hiện kế hoạch/quy hoạch tuyển dụng, bổ nhiệm, cho nghỉ hưu dựa trên chiến lược phát triển đội ngũ nhằm đáp ứng được yêu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Đảng ủy, BCN Khoa và CB chủ chốt của Khoa	Giai đoạn Từ năm 2022

### 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng**

#### 1. Mô tả

Căn cứ theo thông tư 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/2/2018 của Bộ GD&ĐT về Quy định việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên, trình độ đại học, ThS, TS, tỉ lệ GV trên SV của CTĐT CNSPDL (nhóm ngành I) quy định tối đa 20 SV/1GV. Điều này được thể hiện rõ trong đề án tuyển sinh của Trường ĐHSPHN [H6.06.02.01]. Số lượng SV tuyển sinh và số lượng GV

tương ứng trong các năm học từ 2017-2018 đến 2021-2022 được thể hiện trong bảng 6.2.1 dưới đây:

**Bảng 6.2.1. Số lượng giảng viên và trình độ giảng viên Ngành Mĩ thuật giai đoạn 2019 - 2024**

Năm học	Cử nhân	Thạc sỹ	Tiến sỹ	PGS	GS	Tổng số GV
2019 – 2020	0	12	2	1	1	14
2020 – 2021	0	12	2	1	1	14
2021 – 2022	0	12	2	1	1	14
2022 – 2023	0	11	2	1	1	13
2023– 2024	0	11	2	0	1	11

Nhà trường đã có Quyết định số 857/QĐ-ĐHSPHN-TCCB về quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với GV của Trường ĐHSPHN. Tiếp đó, đến tháng 3 năm 2022, Nhà trường ban hành Quyết định 556/QĐ v/v ban hành Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc của GV Trường ĐHSPHN (Số 556 /QĐ-ĐHSPHN ngày 11/3/2022) thay thế cho Quyết định số 857 để phù hợp hơn với tình hình thực tế, trong đó quy định rõ định mức giờ chuẩn nghĩa vụ của GV trong một năm học (Bảng 6.2.2) [H6.06.02.02; H6.06.02.03; H6.06.02.04]

**Bảng 6.2.2. Tỷ lệ GV/người học của Ngành Mĩ thuật giai đoạn 2019 - 2024**

Năm học	Tổng số sinh viên chính quy	Tổng số GV	Tổng số GV quy đổi	Tỷ lệ GV/người học
2019– 2020	30	14	67	0,46
2020– 2021	42	14	63	0,35
2021 – 2022	51	14	59	0,27
2022 – 2023	86	13	46	0,011
2023 – 2024	136	11	34	0,08

Tỉ lệ người học/giảng viên của Ngành Mĩ thuật sau khi quy đổi dao động trong khoảng từ 0,08 đến 0,46 giảng viên/sinh viên đảm bảo tỷ lệ theo chuẩn chung của Bộ GD&ĐT Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học của các cơ sở giáo dục [H6.06.02.01; H6.06.02.02]



Hiện nay, đội ngũ giảng viên của Ngành sư phạm Mĩ thuật về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu giảng dạy và tương đối ổn định. Khối lượng công việc của đội ngũ GV thực hiện CTĐT cử nhân Ngành Mĩ thuật được xác định, được quy đổi theo giờ chuẩn và đo lường được. Nội dung công việc cụ thể của mỗi GV được thể hiện rõ trong Đề án vị trí việc làm của Trường và Bản mô tả vị trí việc làm của Khoa [6.06.02.03].

Nhà trường cũng ban hành Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với GV và GVTH của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và sửa đổi bổ sung cho phù hợp sau quá trình thực hiện [H6.06.02.02]. Theo đó, việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV, GVTH theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết và được triển khai thực hiện. Theo cách tính của trường thì định mức giờ chuẩn giảng dạy cho GV trong 1 năm học là 270 giờ, giờ nghiên cứu khoa học là 150 giờ và giờ khác là 20 giờ. Bắt đầu từ năm học 2022-2023, định mức khối lượng công việc của giảng viên có sự thay đổi: định mức giờ chuẩn giảng dạy cho GV trong 1 năm học tính theo chức danh giảng viên. Cụ thể là: (1) Giảng viên cao cấp (hạng 1): 270 giờ dạy, 283 giờ NCKH và 34 giờ khác; (2) Giảng viên chính (hạng 2): 290 giờ dạy, 250 giờ NCKH và 47 giờ khác; (3) Giảng viên (hạng 3): 310 giờ dạy, 200 giờ NCKH và 77 giờ khác; (4) Giảng viên tập sự: 155 giờ dạy, 0 giờ NCKH và 432 giờ khác.[H6.06.02.05].

Nhà trường cũng ban hành Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với GV và GVTH của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và sửa đổi bổ sung cho phù hợp sau quá trình thực hiện Nhà trường thực hiện giám sát khối lượng công việc của đội ngũ GV để cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Mỗi cán bộ được cung cấp một tài khoản cá nhân trên hệ thống quản lý giờ giảng tại website của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội để chủ động kê khai, minh chứng các công việc đã làm và xác định được tổng khối lượng đã đạt, chưa đạt, hay vượt giờ theo quy định. Hệ thống tự động tính toán quy đổi số giờ theo quy định của trường trên cơ sở khai báo của giảng viên và xác định giảng viên đã hoàn thành hay chưa hoàn thành nhiệm vụ. Khoa Nghệ thuật các giảng viên đảm bảo số lượng giờ dạy các năm theo qui định của nhà trường bao gồm giờ giảng dạy chính qui và vừa học vừa làm. Ngành Mĩ thuật đã triển khai thực hiện cách tính giờ chuẩn cho GV, đảm bảo giai đoạn 2019 - 2024 GV đáp ứng yêu cầu của trường, nhiều GV hoàn thành vượt mức số giờ quy định.[H6.06.02.05].

Cụ thể, bên cạnh TT ĐBCL của Trường lấy ý kiến phản hồi về giờ giảng của GV, Khoa cũng chủ động thu thập ý kiến phản hồi của SV qua các kênh cán bộ quản lý SV, CVHT, chi đoàn, chi hội. Kết quả khảo sát cho thấy mức độ hài lòng của sinh viên đối với hoạt động giảng dạy của GV thực hiện CTĐT CNSPĐL theo Báo cáo khảo sát lấy ý kiến phản hồi về GV của TT ĐBCL: năm học 2020-2021 có 19/22 GV được đánh giá cao về giảng dạy, chiếm 95% tổng số GV [H6.06.02.06]. Bộ môn cũng thường xuyên

lên kế hoạch tổ chức dự giờ và đánh giá rút kinh nghiệm cho các giảng viên và chương trình đào tạo. [H6.06.02.07]

Nhà trường có các quy định cụ thể về chất lượng công việc đối với đội ngũ GV làm căn cứ cải thiện chất lượng hoạt động đào tạo và NCKH. Trước tình hình đào tạo trong thời kỳ mới, Ngành sư phạm Mĩ thuật nhận thấy nhiệm vụ nghiên cứu trao đổi, hợp tác toàn quốc rất cần thiết để chú trọng tập trung phát triển nâng cao chất lượng đội ngũ, cũng là điểm mạnh trong phát triển chương trình đào tạo cử nhân sư phạm Mĩ thuật.

**Bảng 6.2.3. Bảng thống kê nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng giai đoạn 2017 - 2022**

S T T	Phân loại đề tài	Số lượng đề tài nghiệm thu				
		2019	2020	2021	2022	Tổng
		20	20	20	20	20
		19	0-	21	2-	23
		-	202	-	202	-
		20	1	20	3	20
		20		22		24
1	Đề tài cấp NN/ Quỹ	2	0	0	0	0
3	Đề tài cấp trường	02	02	03	01	0
	<b>Tổng:</b>	<b>04</b>	<b>02</b>	<b>03</b>	<b>01</b>	<b>0</b>
	Phân loại tạp chí	Số lượng tạp chí				
		2019	2020	2021	2022	Tổng
		20	20	20	20	20
		19	0-	21	2-	23
		-	202	-	202	-
		20	1	20	3	20
		20		22		24
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	4	1	2	1	0
	<b>Tổng:</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>0</b>
	Phân loại sách	Số lượng sách				
		2019	2020	2021	2022	Tổng
		20	20	20	20	20
		19	0-	21	2-	23
		-	202	-	202	-
		20	1	20	3	20
		20		22		24
1	Sách tham khảo	5	6	6	5	5
2	Sách giáo khoa phổ thông	1	3	3	3	3

Trên thực tiễn, hoạt động NCKH và phục vụ cộng đồng của GV trong Khoa đã thể hiện rõ năng lực làm việc và chất lượng công việc của GV. Từ năm 2019 - 2023, các GV trong Ngành sư phạm Mỹ thuật đã thực hiện 2 đề tài KH cấp nhà nước, viết bài báo, tham gia biên soạn giáo trình, biên soạn sách giáo khoa phổ thông và nhiều cuốn sách phục vụ môn học. Các giảng viên Ngành sư phạm Mỹ thuật thường xuyên tham gia các tiền lãm Mỹ thuật trên toàn quốc đồng thời hàng năm tổ chức các hoạt động nghệ thuật bao gồm trình diễn âm nhạc và triển lãm mỹ thuật tại trường ĐHSPTHN. Các GV cũng đã nghiên cứu và tham gia đăng bài trên các tạp chí trong và ngoài nước để nâng cao năng lực của bản thân. Nhiệm vụ NCKH được các GV thực hiện nghiêm túc, đảm bảo yêu cầu đặt ra đối với chương trình đào tạo cử nhân ngành Ngành sư phạm Mỹ thuật. [H6.06.02.08]. Cùng với việc đánh giá hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy, dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ NCKH và các nhiệm vụ khác, hàng năm Hội đồng thi đua của Khoa đều tiến hành đánh giá trên các mặt và bình bầu thi đua cũng như đề xuất hình thức khen thưởng các cấp nhằm động viên kịp thời cho GV [H6.06.02.09; H6.06.02.10, H6.06.02.11, H6.06.02.12, H6.06.02.13, H6.06.02.14, H6.06.02.15]

Hầu hết đội ngũ GV của Khoa cảm thấy tương đối hài lòng về khối lượng, chất lượng công việc được giao. Hài lòng vì được giảng dạy, nghiên cứu trong môi trường làm việc phù hợp, có chế độ đãi ngộ đảm bảo.

**Bảng 6.2.4. Mức độ hài lòng của giảng viên Ngành Mỹ thuật đối với các tiêu chí đánh giá và kết quả đánh giá phân loại giảng viên hàng năm giai đoạn 2019 - 2024**

Nội dung	Mức độ hài lòng					Điểm TB
	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	
Tiêu chí đánh giá, phân loại viên chức và thi đua khen thưởng đối với cán bộ của Trường ĐHSPTHà	3	3	7	8	10	3,61

Nội						
Kết quả đánh giá phân loại viên chức và kết quả thi đua khen thưởng hàng năm của Trường ĐHSP Hà Nội	3	3	7	8	10	3,61

## 2. Điểm mạnh

Công việc của giảng viên được đo lường một cách khoa học, minh bạch dưới sự giám sát chất lượng chặt chẽ từ Bộ môn, Khoa và các đơn vị phòng ban chức năng trong Nhà trường. Giảng viên trong khoa đáp ứng tốt định mức công việc về giảng dạy, nghiên cứu khoa học và tham gia các hoạt động theo yêu cầu quy định của trường đề ra.

## 3. Điểm tồn tại

Chưa có quy định và tiêu chí cụ thể đối với những hoạt động đóng góp cho cộng đồng của giảng viên.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Việc quy đổi tính giờ giảng dạy, giờ nghiên cứu và các công việc khác phục vụ cộng đồng cần tiếp tục được cải tiến phù hợp với đặc thù các đơn vị như khoa NT để nâng cao khả năng sáng tạo và tính chủ động của các đơn vị, phát huy được năng lực đội ngũ, đặc thù của chuyên ngành.	Trường ĐHSPHN	Bắt đầu từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện đảm bảo tỷ lệ giảng viên/người học của CTĐT CNMT đáp ứng yêu cầu quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành.	Khoa NT	Giai đoạn 2024-2029
		Tiếp tục bám sát tài liệu/hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên theo	Trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2022-2024

		chuẩn, đảm bảo khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được quy đổi theo giờ chuẩn và đo lường cụ thể, chính xác.		
--	--	---	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

### **Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai**

#### **1. Mô tả**

Trường ĐHSPTHN đã xây dựng tiêu chí rõ ràng về “Quy chế tuyển dụng viên chức” cũng như xét tuyển đặc cách [H6.06.03.01], trong đó ban hành văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng. Ngoài các điều kiện chung về đạo đức, năng lực chuyên môn, sức khỏe... các ứng viên dự thi ngạch GV cần đảm bảo: có trình độ từ thạc sĩ trở lên. Đối với ứng viên tạo nguồn cần điều kiện tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên (có thể tốt nghiệp loại khá đối với những chuyên ngành đặc thù, hoặc người có năng lực đặc biệt trong một lĩnh vực cụ thể), thời gian làm việc tại đơn vị tạo nguồn được đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ. Quy định về tuổi dự tuyển không quá 35 đối với người có học vị Thạc sĩ và không quá 45 đối với người có học vị tiến sĩ, không quá 50 đối với người có chức danh Phó Giáo sư. Đồng thời trường đã ra Quyết định Thành lập các Ban giúp việc cho Hội đồng tuyển dụng viên chức Trường [H6.06.03.02].

Nhà trường căn cứ vào đề xuất của đơn vị và Đề án vị trí việc làm để tuyển dụng GV hàng năm. Trong quy định của Nhà trường, ứng viên tham gia xét tuyển phải có đủ các tiêu chuẩn thể hiện trong Quy chế tuyển dụng của Trường, Quy chế xét tuyển đặc cách, và theo các quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Luật viên chức. Yêu cầu về chuyên môn cũng được quy định rõ ràng bao gồm điều kiện cần và điều kiện đủ. Bên cạnh Hội đồng tuyển dụng ở Khoa, Trường sẽ tổ chức một Hội đồng độc lập mời chuyên gia ngoài trường thuộc lĩnh vực chuyên môn tuyển dụng để đánh giá cả chuyên môn và ngoại ngữ cũng như NVSP. [H6.06.03.03].

**Bảng 6.3.1. Danh sách giảng viên được bổ nhiệm giai đoạn 2019 -2024**

<b>Họ và tên</b>	<b>Năm sinh</b>	<b>Chức vụ từ năm 2019-2024</b>	<b>Chức vụ được bổ nhiệm</b>	<b>Trình độ</b>	<b>Ngoại ngữ</b>
Nguyễn Tuấn Khoa	1975		Phó Trưởng BM	ThS	Tiếng Anh
Phạm Đình Bình	1973	Trưởng BM HH-TT-BC	Phó Trưởng khoa	ThS	Tiếng Anh

Nguyễn Thị Thu Lan	1972		Phụ trách tổ HH-TT-BC	ThS	Tiếng Anh
--------------------	------	--	-----------------------	-----	-----------

Việc bổ nhiệm GV của ngành sư phạm Mĩ thuật vào các chức vụ lãnh đạo, quản lí được thực hiện theo Quy chế (bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lí). Quy trình lựa chọn ứng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) cho các chức vụ lãnh đạo, quản lí thực hiện công khai minh bạch và được thông báo đến toàn Khoa, các bước xem xét và bình bầu trực tiếp ở Tổ bộ môn tập thể lãnh đạo Khoa, trước khi trình lên Lãnh đạo Trường. [H6.06.03.04]

Khoa Nghệ thuật luôn tuân thủ chặt chẽ công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý về tiêu chuẩn bổ nhiệm Trưởng, phó Khoa và Trưởng/Phó Bộ môn cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của giảng viên (Giảng viên chính, Phó giáo sư) trong đó nhấn mạnh đến các tiêu chuẩn, tiêu chí về công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế. Hiện nay, tổng số giảng viên trong khoa là 29 người đã đảm bảo các yêu cầu tuyển dụng của nhà trường và lưu giữ đầy đủ các Quyết định bổ nhiệm ngạch viên chức của đội ngũ GV. Số lượng GV tinh gọn đáp ứng được nhiệm vụ đào tạo được giao, thể hiện rõ trọng bản mô tả vị trí công việc của từng giảng viên trong Khoa theo các năm. Trong giai đoạn 2019 - 2023 Ngành sư phạm mĩ thuật có 3 cán bộ quản lý được bổ nhiệm và bổ nhiệm lại [H6.06.03.04].

Dựa theo Công văn bổ nhiệm CDNN giảng viên cao cấp của Bộ nội vụ và Công văn và Kết quả thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giảng viên (Hạng III) lên giảng viên chính (hạng II) của Bộ GD và ĐT trong giai đoạn 2019-2023 Ngành sư phạm Mĩ thuật có 01 GV được bổ nhiệm GVC. [H6.06.03.05]

**Bảng 6.3.2. Danh sách giảng viên được bổ nhiệm GVCC và GVC giai đoạn 2019 -2023**

Họ và tên	Năm sinh	Năm công nhận	Trình độ	Ngoại ngữ
Giảng viên chính				
Nguyễn Thị Hồng Thắm	1986	2023	ThS	Tiếng Anh

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có các tài liệu/văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn

giảng viên để tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển công tác. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến công khai. Nhà trường có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giảng viên để tạo nguồn tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển.

### 3. Điểm tồn tại

Dù nhà trường công khai quy trình nhưng một số giảng viên còn lúng túng khi thực hiện quy trình đó (Tính chủ động của một số cán bộ giảng viên trong việc tiếp thu thông tin còn chưa cao).

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Giảng viên tích cực và chủ động trong việc cập nhật và tiếp thu các văn bản trong quá trình thực thi nhiệm vụ.	Trường ĐHSPHN	Bắt đầu từ năm học 2022-2025
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục hoàn thiện các tài liệu/văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên để tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển công tác. - Tiếp tục tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV để bổ nhiệm, điều chuyển đảm bảo công khai, minh bạch.	Trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2022-2029

### 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

## Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá

### 1. Mô tả

Năng lực của đội ngũ cán bộ, GV của Khoa Nghệ thuật được xác định và đáp ứng các quy định hiện hành của Nhà nước. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV dựa vào năng lực đã được cụ thể hóa trong Quy chế tuyển dụng viên chức của Trường ĐHSPHN [H6.06.03.01]. Các tiêu chí xác định năng lực của GV và chế độ ưu đãi về việc nâng cao năng lực được thể hiện trong Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với GV [H6.06.02.04] và Quy định về trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học đối với cán bộ, GV [H6.06.03.02]. Các quy định xác định các năng lực của GV như năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: (a) Về năng lực giảng dạy: có kiến thức vững vàng về các môn học, nắm vững mục tiêu, kế hoạch, nội dung, chương trình các môn học, chủ trì hoặc tham gia biên soạn sách phục vụ đào tạo. (b) Về năng lực NCKH: chủ trì hoặc tham gia đề tài NCKH, công bố bài báo khoa học, sáng tạo nghệ thuật. [H6.06.02.08].

Ngoài ra còn năng lực ứng dụng và sử dụng CNTT trong dạy học; năng lực ngoại ngữ. Các năng lực này đáp ứng quy định tùy theo từng loại chức danh GV được quy định trong Luật Giáo dục đại Học, Luật viên chức [H6.06.03.03] và trong Thông tư

liên tịch về mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập tương ứng với các chức danh GV hạng I, II, III [H6.06.03.05]. Nhà trường hướng dẫn cụ thể về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của GV thông qua Quy định về đánh giá, phân loại đối với đơn vị, công chức, viên chức [H6.06.04.04]. Quy định này được xây dựng dựa trên các tiêu chí về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và thể hiện cụ thể ở các nhiệm vụ của GV về: giảng dạy, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng khác. Năng lực của GV được đánh giá từng học kỳ và cả năm học theo 4 bước: bước 1- GV tự đánh giá, bước 2- Bộ môn đánh giá, bước 3- Lãnh đạo đơn vị đánh giá, bước 4- Hội đồng đánh giá cấp trường xét duyệt và Hiệu trưởng quyết định. Việc đánh giá năng lực của GV bao gồm: Các tiêu chí về nhiệm vụ giảng

dạy chuyên môn như đảm bảo khối lượng, chất lượng giảng dạy và thực hiện các công việc liên quan tới giảng dạy bao gồm cả giảng dạy đại học, sau đại học; Các tiêu chí về nhiệm vụ NCKH và chuyển giao công nghệ: chủ trì, tham gia đề tài, công bố bài báo, sách; Các tiêu chí về nhiệm vụ phục vụ cộng đồng: tham gia các hội đồng đánh giá, hướng dẫn SV, cao học, NCS, coi thi, vv. Các quy định về chế độ làm việc đối với GV Khoa Nghệ thuật thay đổi theo thời gian: ví dụ năm 2021, định mức giờ làm việc đối với GV được quy định chung, không biệt hạng chức danh nghề nghiệp GV. Cụ thể giờ chuẩn giảng dạy 270 giờ, nhiệm vụ NCKH là 150 giờ chuẩn và các nhiệm vụ phục vụ cộng đồng là 20 giờ chuẩn [H6.06.02.05]. Tuy nhiên, năm 2022 các định mức này đã thay đổi tùy thuộc vào chức danh nghề nghiệp. Ví dụ: đối với GV hạng I có giờ chuẩn giảng dạy là 270 giờ, nhiệm vụ NCKH là 283 giờ và các nhiệm vụ phục vụ cộng đồng là 34 giờ.

Trong khi GV hạng III có giờ chuẩn giảng dạy là 310 giờ, nhiệm vụ NCKH là 200 giờ và các nhiệm vụ phục vụ cộng đồng là 77 giờ [H6.06.02.05]. Khi đánh giá kết quả công việc của GV theo học kỳ, các nhiệm vụ đã hoàn thành được quy đổi thành giờ chuẩn. Từ năm học 2021-2022 trở về trước, các GV được xếp loại với các mức A, B, C1, C2, D; Từ năm học 2021-2022, các GV được xếp loại với các mức A+, A, B, C. Việc đánh giá theo học kỳ được sử dụng làm căn cứ để đánh giá cả năm với 4 mức: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (vượt mức kế hoạch, kết quả xếp loại từng học kỳ không có mức C1, C2, D – trước đây hay B, C- hiện nay); hoàn thành tốt nhiệm vụ (hoàn thành kế hoạch, có phần vượt mức, kết quả xếp loại từng học kỳ không có mức C1, C2, D – trước đây hay B, C – hiện nay); hoàn thành nhiệm vụ (hoàn thành kế hoạch, kết quả xếp loại từng học kỳ không có mức D – trước đây hay C - hiện nay) và không hoàn thành nhiệm vụ (có vi phạm bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên) [H6.06.04.02].

**Bảng 6.4.1. Bảng thống kê số lượng GV đáp ứng các chứng chỉ bồi dưỡng**



**tính đến tháng 6/2024**

Năm	Tổng số	Học hàm		Học vị			CC tin học VP	CC NVSP	CCGV hạng 1/hạng 2	CC ngoại ngữ/VB NN
		GS	PGS	TS	ThS	ĐH				
2021		0	1	2	11	0	14	14	14	14
2023		0	1	3	9	0	11	11	11	11

Văn bản quy định cụ thể về năng lực và đánh giá năng lực của GV được thảo luận và thống nhất sử dụng trong toàn trường. Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến của các cán bộ, viên chức về các tiêu chí đánh giá năng lực của cán bộ, GV qua Góp ý Dự thảo "Quy định về công tác đánh giá cán bộ" của Trường [H6.06.04.02]. Việc đánh giá cán bộ GV được Nhà trường thực hiện hàng năm theo đúng quy định hiện hành dựa trên nguyên tắc công bằng và khách quan. [H6.06.04.03]. Cuối năm học, dựa trên kết quả thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng, từng bộ môn sẽ tổ chức họp để đánh giá năng lực GV, xếp hạng GV theo trình tự: từ các nhân tự đánh giá đến đơn vị đánh giá. Các kết quả đánh giá của cá nhân và Bộ môn được thể hiện trong Báo cáo tổng kết, kiểm điểm cá nhân hàng năm. Biên bản tổng kết, bình xét thi đua của Bộ môn [H6.06.04.04]. Các kết quả đánh giá năng lực hàng năm của GV được Khoa tổng hợp, xét duyệt và gửi lên Trường để tiếp tục thực hiện đánh giá, phân loại. Kết quả đánh giá được công bố công khai trong các văn bản của Nhà trường hàng năm (Bảng 6.4.1) [H6.06.04.05]. Năng lực của GV còn được đánh giá thông qua phản hồi của sinh viên theo học các môn học mà GV đảm nhận. Vào cuối mỗi học kỳ, Trung tâm ĐBCL (Trường ĐHSPHN) phối hợp với Giáo vụ Khoa Nghệ thuật tiến hành lấy ý kiến khảo sát của sinh viên đối với hoạt động giảng dạy của GV [H6.06.04.14]. Kết quả khảo sát giai đoạn 2017-2022 cho thấy sinh viên đánh giá chất lượng giảng dạy của GV đạt trung bình tổng thể trên 90% và năm 2022

có 2 GV được xếp vào nhóm 10% GV có điểm phản hồi của sinh viên cao nhất năm học 2021-2022 [H6.06.02.06]. Đến thời điểm hiện nay, đội ngũ GV Ngành sư phạm Mĩ thuật tham gia

CTĐT (11 GV) có trình độ, có kiến thức vững vàng về các môn học được phân công giảng dạy; có phương pháp dạy học hiệu quả, phù hợp với nội dung môn học; nắm vững mục tiêu, kế hoạch, nội dung, chuẩn đầu ra của chương trình các môn học được phân công giảng dạy; nắm bắt yêu cầu thực tiễn đối với chuyên ngành đào tạo; tham gia NCKH, biên soạn giáo trình, tài liệu... và nhận được sự động viên kịp thời của Nhà trường. Căn cứ trên các kết quả đánh giá này mà Nhà trường phân bổ thu nhập tăng thêm hàng tháng phù hợp với các quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ đã đề ra [H6.06.04.08]

**Bảng 6.4.2. Bảng thống kê số liệu đánh giá của người học đối với công tác giảng dạy của giảng viên tính đến tháng 6/2024**

Năm học	Nề nếp (%)			Thái độ (%)			Nội dung dạy học (%)			Phương pháp giảng dạy (%)			Kiểm tra đánh giá (%)				Đánh giá chung (%)			Ghi chú
	XS	Tốt	K h á	XS	Tốt	K h á	XS	Tốt	Kh á	XS	Tốt	Kh á	XS	Tốt	Kh á	Đạ t	XS	Tốt	Kh á	
2018 - 2019 (HK1)	6,3	93,7		31,3	62,3	6,3	25	62,5	12,5	0	87,5	12,5	6,3	81,3	12,5	0	6,25	93,8	0	
2018 - 2019 (HK2)	6,3	87,5	6,3	18,8	81,3	0	12,5	81,3	6,3	0	87,5	12,5	12,5	81,3	6,3	0	12,5	87,5	0	
2019 - 2020 (HK1)	6,7	93,3	0	13,3	86,7	0	0	100	0	0	100	0	0	100	0	0	0	100	0	
2019 - 2020 (HK2)	20	80	0	40	60	0	20	60	20	50	40	10	20	60	10	10	20	70	10	
2020 - 2021 (HK1)	37,5	56,3	6,3	37,5	62,5	0	31,25	62,5	6,3	37,5	56,3	6,25	31,3	56,3	6,3	0	37,5	62,5	0	
2020 - 2021 (HK2)	50	50	0	50	50	0	50	50	0	38,9	61,1	0	44,4	55,6	0	0	50	50	0	
2021 - 2022 (HK1)	33,3	61,9	4,8	28,6	71,4	0	23,8	76,2	0	14,3	85,7	0	19	81	0	0	14,3	85,3	0,4	
2021 - 2022 (HK2)	0	100	0	10,5	89,5	0	0	100	0	5,2	94,8	0	5,2	94,8	0	0	0	100	0	

(Nguồn dẫn: Báo cáo kết quả đánh giá chất lượng giảng dạy học phần Trường Đại học Sư phạm Hà Nội giai đoạn 2018-2022- Trung tâm Đảm bảo chất lượng giáo dục và khảo thí)

## 2. Điểm mạnh:

Nhà trường có các văn bản quy định và hướng dẫn khá cụ thể về tiêu chí đánh giá năng lực của giảng viên. Phương thức, quy trình đánh giá năng lực của đội ngũ GV được triển khai một cách rõ ràng, minh bạch.

## 3. Điểm tồn tại:

Hồ sơ lưu trữ của giảng viên, kết quả nghiên cứu khoa học chưa được cập nhật đầy đủ, thường xuyên.

## 4. Kế hoạch hành động:

T	Mục	Nội dung	Đơn vị, người	Thời gian
---	-----	----------	---------------	-----------

T	tiêu		thực hiện	thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Cập nhật thường xuyên, định kỳ hồ sơ lưu trữ của giảng viên, kết quả nghiên cứu khoa học trên hệ thống quản lý của nhà trường và khoa	Trường ĐHSPHN Khoa NT	Bắt đầu từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện các văn bản quy định về các tiêu chí xác định năng lực của GV cập nhật hơn. Rà soát, chỉnh sửa các văn bản hướng dẫn cụ thể hơn nữa về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của GV	Trường ĐHSPHN; P.TCCB; Các phòng chức năng; Khoa NT và các Khoa đào tạo khác	Giai đoạn 2024-2029

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.**

#### 1. Mô tả

Xác định rõ nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ GV là rất cần thiết, Nhà trường thực hiện khảo sát và đánh giá nhu cầu của đối tượng này. GV tự viết Phiếu thông tin về quá trình đào tạo, bồi dưỡng của cá nhân (tính đến 04/2024) và đăng ký đi đào tạo bồi dưỡng giai đoạn 2019-2024. Đồng thời vào đầu mỗi năm học, các bộ môn tiến hành khảo sát, phân tích nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của GV. Trên cơ sở phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ GV và yêu cầu của CTĐT, Khoa Nghệ thuật đã tổng hợp và gửi Phòng Tổ chức cán bộ tập hợp, trình Ban Giám hiệu xét duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của các đơn vị [H6.06.05.01; H6.06.05.02] và căn cứ vào qui chế chi tiêu nội bộ [H6.06.05.03] để có công văn cử đi bồi dưỡng với nguồn kinh phí bồi dưỡng cụ thể. Kinh phí do nhà trường quyết định và trực tiếp chi trả cho các GV trên đề xuất của Khoa, Khoa không có khoản kinh phí để hỗ trợ bồi dưỡng, đào tạo cho đội ngũ GV.

Nhà trường và Khoa có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV và kế hoạch được xây dựng dựa trên yêu cầu của đào tạo, phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển của trường [H6.06.05.04]. Việc bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ là nhiệm vụ của GV được quy định trong Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc

đối với GV của Trường [H6.06.04.05]. Kế hoạch phát triển, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV được chú trọng trong Kế hoạch chiến lược phát triển của Trường giai đoạn 2011-2020, 2017-2022 và tầm nhìn đến 2030 và còn được thể hiện trong báo cáo tổng kết hàng năm của Trường và của Khoa [H6.06.05.04, H6.06.05.05, H6.06.05.06]. Nhà trường chú trọng nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng năng lực chuyên môn, ngoại ngữ và tin học của GV và có chế độ ưu đãi về kinh phí đào tạo thể hiện trong Quy định về trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học đối với GV và Quy chế chi tiêu nội bộ [H6.06.04.07, H6.06.05.08].

Song song với đào tạo và phát triển chuyên môn, Khoa còn chú trọng đến công tác bồi dưỡng về khoa học giáo dục, nghiệp vụ sư phạm. Một số GV được bồi dưỡng về đánh giá giáo dục theo tiếp cận năng lực và được cung cấp kinh phí [H6.06.05.03]. Nhằm mục đích nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, Nhà trường và Khoa luôn khuyến khích các GV có tham gia các chương trình trao đổi chuyên môn, các khóa tập huấn, liên kết hợp tác với nước ngoài. Nâng cao trình độ ngoại ngữ và tin học cũng được chú trọng nhằm đảm bảo các GV sử dụng thành thạo ngoại ngữ trong chuyên môn, giao tiếp và ứng dụng hiệu quả CNTT trong hoạt động giảng dạy và NCKH [H6.06.05.03, H6.06.05.07, H6.06.05.08]. Trong năm 2019, 2021 theo Công văn v/v cử viên chức tham gia lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý của Trường, Khoa đã cử 6 cán bộ tham gia học bồi dưỡng để nâng cao năng lực quản lý và các cán bộ đã hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập [H6.06.05.09]. 90% GV ngành Mĩ thuật được bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm và Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo kế hoạch của Trường, Khoa. Giai đoạn 2019 - 2023, Ngành Mĩ thuật cũng đã có 02 GV được cấp bằng TS, 01 GV đang làm NCS. Cũng trong giai đoạn 2019 - 2023, ngành Mĩ thuật khoa Nghệ thuật đã có: 01 GV của khoa được Nhà trường bổ nhiệm học hàm PGS; 02 GV được bổ nhiệm Tiến sĩ và Giảng viên chính [H6.06.04.11, H6.06.03.12; H6.06.03.14, H6.06.15 H6.06.16.]. Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được giám sát, đánh giá thông qua các kết quả thực hiện. [H6.06.05.18]

Trong Khoa có 100% cán bộ giảng dạy tham gia tổ chức seminar bộ môn [H6.06.05.12]. Đội ngũ GV tích cực tham gia nghiên cứu khoa học và có nhiều công trình chất lượng; trình độ chuyên môn của giảng viên luôn được xác định rõ ràng và đáp ứng được yêu cầu của công việc, có danh sách và thống kê đội ngũ GV được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ các năm từ 2019 - 2023; QĐ cử viên chức đi học chương trình đào tạo TS của nhà trường cho cán bộ của Khoa; Các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên khoa Nghệ thuật và Báo cáo thống kê các đề tài/công trình/sản phẩm NCKH hàng năm của giảng viên, khoa Nghệ thuật từ 2019 - 2023 [H6.06.05.10; H6.06.02.08]

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa đảm bảo cho đội ngũ GV được đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn. Các GV khoa có kế hoạch tự xác định nhu cầu và phát triển chuyên môn của bản thân và không ngừng nỗ lực, phấn đấu.

Kế hoạch đào tạo, phát triển chuyên môn được xây dựng phù hợp đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo, qui hoạch chiến lược phát triển nhà trường và được triển khai nghiêm túc.

## 3. Điểm tồn tại

Còn một số giảng viên chưa hoàn thiện bằng tiến sĩ trước 35 tuổi.

## 4. Kế hoạch hành động

T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Khoa tạo điều kiện về thời gian và công việc để GV tập trung hoàn thiện chương trình đào tạo TS.	Khoa Nghệ thuật	Bắt đầu từ năm học 2024-2025
		- Nhà trường chú ý tới đặc thù GV của khoa Nghệ thuật và có chính sách hỗ trợ và để tạo động lực giúp đội ngũ hoàn thành chương trình đào tạo TS.	Nhà trường	từ 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	- Mỗi GV của Khoa cần làm sâu sắc bản kế hoạch tự xác định cá nhân. - Đảm bảo 100% GV được đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn theo lĩnh vực nghiên cứu.	Tất cả GV Khoa Nghệ thuật	Giai đoạn 2024-2029

## 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.**

### 1. Mô tả

Căn cứ vào Nghị định 56 Về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức của Chính Phủ, Trường ĐHSPTHN đã triển khai quản trị theo kết quả công việc của đội ngũ giảng viên, NCV dựa theo những Nghị định và thông tư một cách phù hợp

[H6.06.06.01, H6.06.06.02][H6.06.06.03];

Nhà trường có quy định rất cụ thể về trách nhiệm giảng dạy và nghiên cứu khoa học của các GV theo chức danh. Cụ thể là, trong 1 năm học, ngoài việc phải giảng dạy đủ giờ chuẩn theo định mức, GV còn phải có các công trình nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác như soạn bài giảng, đề cương bài giảng, viết bài báo, giáo trình, hướng dẫn SV NCKH, tham gia hội thảo, seminar... căn cứ theo bản mô tả công việc của Nhà trường [H6.06.02.04].

Đầu năm học, dựa trên kế hoạch đào tạo, kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ của GV, bộ môn phân công khối lượng giảng dạy cho GV đảm bảo cân đối giữa các GV. Các GV Khoa Nghệ thuật có kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành các công việc được giao và đảm bảo tiến độ công việc và định mức lao động [H6.06.06.053, H6.06.02.06]. Để đánh giá chất lượng giảng dạy của các GV các bộ môn tổ chức đi dự giờ, sau đó nhận xét, góp ý, rút kinh nghiệm đối với người giảng theo qui trình: GV được dự giờ trình bày mục đích và nội dung của giờ giảng..., sau đó các thành viên dự giờ đóng góp ý kiến theo những tiêu chí cụ thể [H6.06.02.07, H6.06.02.08]. Từ năm học 2019-2020, các cấp quản lý và GV có thể theo dõi kết quả thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy, NCKH, và các nhiệm vụ khác như hướng dẫn SV nghiên cứu khoa học, đào tạo sau đại học... trên hệ thống quản lý giờ giảng [H6.06.02.9, H6.06.02.10, H7.07.05.04]. Bên cạnh đó, cứ 6 tháng một lần, các GV cập nhật các kết quả công việc từ giảng dạy, NCKH, thành tích khen thưởng... đồng thời, các kết quả NCKH như sách, bài báo, đề tài NCKH cũng được cập nhật theo kỳ 6 tháng, 1 năm

**Bảng 6.6.1. Bảng thống kê nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng giai đoạn 2019 - 2023**

S	T	T	Số lượng đề tài nghiệm thu				
			2019	2020	2021	2022	2023
			19	0-	21	2-	23
			-	202	-	202	-
			20	1	20	3	20
			20		22		24
1	Đề tài cấp NN/ Quỹ		0	0	1	0	0
2	Đề tài cấp Bộ		1	1	1	1	
3	Đề tài cấp trường		2	2	1	1	1
4	Đề tài cấp Trường trọng điểm						
	Tổng:		02	02	03	02	02
	Phân loại tạp chí		Số lượng tạp chí				

S T T	Phân loại đề tài	Số lượng đề tài nghiệm thu				
		20 19 - 20 20	202 0- 202 1	20 21 - 20 22	202 2- 202 3	20 23 - 20 24
		20 19 - 20 20	202 0- 202 1	20 21 - 20 22	202 2- 202 3	20 23 - 20 24
1	Tạp chí KH Nước ngoài	0	0	0	0	0
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	10	5	6	3	2
3	Kỷ yếu hội nghị trong nước và quốc tế					
	Tổng:	10	5	6	3	2
	Phân loại sách	Số lượng sách				
		20 19 - 20 20	202 0- 202 1	20 21 - 20 22	202 2- 202 3	20 23 - 20 24
1	Sách giáo trình			5		
2	Sách giáo khoa phổ thông	3	14	7	9	5
3	Sách tham khảo				2	
4	Sách chuyên khảo				1	
5	Sách hướng dẫn					8
	Tổng:	3	14	7	12	13

Việc triển khai thực hiện quản trị theo kết quả công việc được tiến hành công khai, minh bạch, định kỳ hàng tháng, hàng năm. Nhà trường ban hành văn bản quy định quy trình, tiêu chí rõ ràng để đánh giá, phân loại đơn vị, công chức, viên chức, người lao động và văn bản công nhận hiệu quả công việc của GV trong công tác giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng [H6.06.04.01, H6.06.04.03, H6.06.04.04, H6.06.04.05 H6.06.04.06].

Hàng năm, Khoa Nghệ thuật tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng

giảng viên theo Hướng dẫn của Nhà trường với những quy định cụ thể về khối lượng công việc cũng như các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau [H6.06.06.05]. Các hình thức thi đua khen thưởng được công bố công khai trong quy chế hoạt động của Khoa và của quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà Trường. Quyết định của Hội đồng thi đua khen thưởng của Nhà trường được đưa về Khoa và công khai cho toàn cán bộ trong toàn Khoa [H6.06.06.05].

**Bảng 6.6.2. Bảng thống kê kết quả đánh giá thi đua, khen thưởng của ngành Mỹ thuật khoa Nghệ thuật**

STT	Nội dung khen thưởng	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Lao động tiên tiến	15	15	15	15	
2	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	3/15	3/15	2/15	2/15	
3	Tập thể lao động tiên tiến					
4	Tập thể lao động xuất sắc					
5	Chiến Sĩ Thi đua cấp Bộ					
6	Bảng khen của Bộ trưởng					
7	Bảng khen của Thủ tướng chính phủ					
8	Giấy Khen của Hiệu trưởng					
9	Tập thể/ cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động NCKH của sinh viên	1	1	1	1	
10	Khen thưởng GV và nhóm SV đạt giải SVNCKH cấp Bộ					

### 2. Điểm mạnh

Việc quản trị kết quả công việc trên trang <https://qlnt.hnue.edu.vn/Account/Login> của nhà trường dành cho đội ngũ GV khá thuận tiện và chính xác. Hệ thống qui chế, qui định để đánh giá hiệu quả công việc của Giảng viên được xây dựng với tiêu chí qui trình rõ ràng. Chế độ thi đua khen thưởng công khai, minh bạch.

### 3. Điểm tồn tại

Việc quản trị kết quả công việc của đội ngũ GV về hoạt động cộng đồng chưa được số hóa trên hệ thống quản lý nhà trường.

### 4. Kế hoạch hành động



T T	Mục c tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Kh ắc phụ c điể m tồn tại	Bổ sung khai báo kết quả hoạt động cộng đồng đối với GV trên trang qlnt.hnue.edu.vn của nhà trường	Khoa Nghệ thuật	Bắt đầu từ năm học 2024- 2025
2	Phá t huy điể m mạ nh	- Tiếp tục thực hiện công tác bình xét, đánh giá, thi đua một cách công bằng, minh bạch. Hoàn thiện và phát triển phần mềm quản lý giờ giảng để ngày càng cập nhật và đầy đủ hơn.	Khoa Nghệ thuật Trường ĐHSP HN	Giai đoạn 2024- 2029

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

### **Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và NCV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng**

#### *1. Mô tả*

Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV đã được trường Đại học Sư phạm Hà Nội quy định cụ thể trong các văn bản: Quy định về hoạt động NCKH của Trường ĐHSPHN, Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với GV của Trường ĐHSP Hà Nội [H6.06.07.01]. Ngoài ra, phòng Khoa học công nghệ cũng soạn các tài liệu hướng dẫn nghiên cứu khoa học gồm các mẫu giấy tờ, văn bản, hợp đồng, đề tài nhằm hỗ trợ GV thực hiện công tác nghiên cứu khoa học một cách thuận lợi nhất [H6.06.07.02]. Từ 01/07/2017, Nhà trường và Khoa đã thực hiện quy đổi giờ NCKH từ các bài báo khoa học, đề tài và các hoạt động khác cho GV để xác định đúng khối lượng công việc mà mỗi GV đảm nhận, tạo sự công bằng, tạo động lực thúc đẩy làm việc.

Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV được giám sát. Đầu

mỗi năm học, các GV tham gia họp Bộ môn, họp Khoa để triển khai các công tác trong năm học. Do quy định của trường về số giờ chuẩn hoạt động NCKH với mỗi chức danh, học vị của GV, Khoa đề xuất phân công nhiệm vụ cho các GV trong đơn vị, từ đó bộ môn họp bàn và thống nhất phân công [H6.06.07.03, H6.06.07.04].

Nhà trường đã quy định số giờ chuẩn hoạt động khoa học công nghệ hàng năm đối với mỗi chức danh, học vị của GV trong Trường và số lượng giờ quy đổi ứng với từng loại hình. Cụ thể, đối với GV cao cấp, Giáo sư/Phó giáo sư, GV chính, GV có thời gian công tác trên 5 năm là 150 giờ; GV có thời gian công tác dưới 5 năm là 90 giờ, giảng viên tập sự là 75 giờ; giảng viên đang trong thời gian học Cao học, Nghiên cứu sinh trong nước là 75 giờ. Theo phân công của Khoa và Bộ môn, nhiệm vụ NCKH của mỗi GV là hoàn thành ít nhất 1 bài báo và đó là cơ sở để đánh giá hoàn thành nhiệm vụ cuối năm học. Đối với các GV làm đề tài, bộ môn, Khoa chủ động đôn đốc và kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài của các GV. Để theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH, trên phần mềm quản lý giờ giảng của GV phải có minh chứng cụ thể hoạt động NCKH trong năm để đảm bảo quy định; hàng năm Nhà trường và khoa định kỳ thành lập các Hội đồng kiểm tra tiến độ thực hiện và hội đồng nghiệm thu đề tài các cấp [H6.06.07.05]

Các loại hình, số lượng các hoạt động NCKH của GV được đối sánh để cải tiến chất lượng. Hàng năm, Khoa đều tiến hành tổng kết công tác NCKH của Khoa theo công văn tổng kết công tác NCKH của trường [H6.06.07.06, H6.06.07.07]. Số đề tài KH-CN mà GV, khoa Nghệ thuật tham gia giảng dạy chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Mỹ thuật qua các năm được thống kê cụ thể [H6.06.07.08, H6.06.07.09, H6.06.07.10].

**Bảng 6.7.1. Thống kê đề tài NCKH giai đoạn 2019-2023 của khoa Nghệ thuật**

S	T	T	Phân loại đề tài	Số lượng đề tài nghiệm thu				
				2019	2020	2021	2022	2023
				20	20	20	20	20
				19	0-	21	2-	23
				-	202	-	202	-
				20	1	20	3	20
				20		22		24
1			Đề tài cấp NN/ Quỹ	0	0	1	0	0
2			Đề tài cấp Bộ	1	1			
3			Đề tài cấp trường	2	2	1	1	1
4			Đề tài cấp Trường trọng điểm	1	1	1	1	
			Tổng:	4	4	3	2	1

Cùng với việc triển khai đề tài NCKH các cấp, số lượng các bài báo của giảng viên

Khoa Nghệ thuật tham gia chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Mĩ thuật trong 5 năm qua tăng lên đáng kể. Song song với việc triển khai các đề tài khoa học, một số GV còn tích cực viết sách, tài liệu tham khảo và giáo trình đại học phục vụ cho giảng dạy, tuân theo các thủ tục qui định về xuất bản giáo trình. Trong đó, số lượng sách GV viết tăng dần theo các năm, đặc biệt là các sách tham khảo, tổng số sách viết năm 2020 là cuốn [H6.06.07.02].

**Bảng 6.7.2. Thống kê bài báo, sách tham khảo, giáo trình giai đoạn 2019-2023**

	Phân loại tạp chí	Số lượng tạp chí				
		2019	2020	2021	2022	2023
		0	0	0	0	0
1	Tạp chí KH Nước ngoài	10	5	6	3	2
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước					
3	Kỷ yếu hội nghị trong nước và quốc tế					
	Tổng:	10	5	6	3	2
	Phân loại sách	Số lượng sách				
		2019	2020	2021	2022	2023
		3	14	7	9	5
1	Sách giáo trình				2	
2	Sách giáo khoa phổ thông				1	
3	Sách tham khảo					8
4	Sách chuyên khảo					
5	Sách hướng dẫn					
	Tổng:	3	14	7	12	13

Những thành tích NCKH của các bộ môn, thành tích về NCKH của cán bộ được Khoa, Nhà Trường ghi nhận, kịp thời động viên khuyến khích các cán bộ trong Khoa không ngừng phấn đấu, say mê trong công tác NCKH, góp phần đẩy mạnh công tác NCKH của Trường [H6.06.07.10].

Việc đánh giá mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động

NCKH của GV cũng là cơ sở cho việc đánh giá phân loại GV hàng năm. Các GV khoa Nghệ thuật có năng lực tốt, đáp ứng các yêu cầu về NCKH và phục vụ cộng đồng. Hàng năm, đội ngũ này luôn được bình xét đánh giá, phân loại danh hiệu thi đua Lao động tiên tiến, danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở [H6.06.07.10]

### 2. Điểm mạnh

- Đã xác lập chi tiết, công bố công khai các loại hình, số lượng hoạt động NCKH của giảng viên.
- Các hoạt động nghiên cứu đa dạng, chất lượng.

### 3. Điểm tồn tại

Chưa có cơ chế khuyến khích động viên, khen thưởng phù hợp cho những giảng viên thực hiện vượt định mức giờ NCKH.

### 4. Kế hoạch hành động

<b>T T</b>	<b>Mục c tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
1	Kh ắc phụ c điểm tồn tại	- Hình thành các nhóm nghiên cứu trong Khoa, mở rộng nhóm nghiên cứu ra ngoài Trường và tổ chức hội thảo chuyên ngành, - Tổ chức rà soát, bổ sung kế hoạch nghiên cứu khoa học và xây dựng cơ chế khen thưởng các cá nhân nghiên cứu, ra ấn phẩm khoa học.	HĐK H Khoa Nghệ thuật	Bắt đầu từ năm học 2024- 2025
		- Nhà trường cần tăng số lượng các đề tài NCKH để nâng cao các hướng NCKH cho GV Mỹ thuật	Phòng KHC N	Từ 2024- 2025
2	Phá t huy điểm mạ nh	- Tham gia nhiều loại hình nghiên cứu hơn. Tăng cường xuất bản sách chuyên khảo và sách phục vụ đào tạo. Tăng cường các bài báo khoa học và công bố trên các tạp chí trong nước và hướng đến quốc tế	Tất cả GV Khoa Nghệ thuật	Giai đoạn 2024- 2029

### 5. Tự đánh giá: Đạt 6/7

**Kết luận về tiêu chuẩn 6:**

Đội ngũ Giảng viên ngành sư phạm Mĩ thuật của khoa Nghệ thuật đã đảm bảo về số lượng, chất lượng về năng lực chuyên môn đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ này được tuyển dụng theo đúng quy định về quy trình và tiêu chí tuyển dụng của Nhà trường và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển đã được xác định và phổ biến công khai. Năng lực của đội ngũ giảng viên viên được xác định và đánh giá thường xuyên để đảm bảo đáp ứng được yêu cầu của CTĐT. Thêm vào đó việc đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên được thực hiện đầy đủ, đúng kế hoạch và đáp ứng được yêu cầu đặt ra trong tình hình mới. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên cũng được Nhà trường triển khai kịp thời để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tuy nhiên, kinh phí dành cho hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ nhân viên còn hạn chế; các tiêu chí Thi đua còn chưa xét đến đặc thù công việc đối với đội ngũ nhân viên nên số lượng nhân viên đạt thành tích thi đua khen thưởng cấp cao còn ít. Mặc dù vậy, chất lượng đội ngũ nhân viên hiện nay của Nhà trường nói chung và của Ngành SP Mĩ thuật khoa Nghệ thuật nói riêng nhìn chung đã đảm bảo công tác phục vụ giảng dạy, NCKH của Khoa và Nhà trường.

**Đánh giá tiêu chuẩn 6:**

Tiêu chuẩn 6	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 6.1					X		
Tiêu chí 6.2					X		
Tiêu chí 6.3					X		
Tiêu chí 6.4					X		
Tiêu chí 6.5					X		
Tiêu chí 6.6					X		
Tiêu chí 6.7					X		
Điểm tiêu chuẩn	5.0						

**Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên****Mở đầu**

Đội ngũ nhân viên của trường ĐHSPHN làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác. Đội ngũ làm việc tại khoa Nghệ thuật trực tiếp hỗ trợ CTĐT của khoa đủ về số lượng và được đào tạo cơ bản về chuyên

môn, kỹ thuật vững vàng, đủ khả năng để hỗ trợ giảng dạy cho giảng viên và tư vấn chuyên môn cho sinh viên. Nhà trường và Khoa Nghệ thuật đã có những chiến lược về quy hoạch đội ngũ nhân viên, tiêu chuẩn và tiêu chí tuyển dụng rõ ràng để tuyển được đội ngũ nhân viên giỏi nghề và có phẩm chất đạo đức tốt. Trong quá trình công tác, đội ngũ nhân viên được tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng phục vụ hỗ trợ đào tạo, có quá trình đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên, khảo sát mức độ hài lòng của GV và người học để có hướng khắc phục và phát triển hiệu quả hơn đối với đội ngũ nhân viên.

**Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.**

### *1. Mô tả*

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, phù hợp với chiến lược phát triển trường ĐHSPTHN giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn 2030 và giai đoạn 2017 - 2022, tầm nhìn 2030 [H7.07.01.01]. Để làm tốt công tác này, Nhà trường xây dựng đề án vị trí việc làm để làm cơ sở tuyển dụng đội ngũ hỗ trợ phục vụ công tác đào tạo, NCKH cũng như hoàn thành nhiệm vụ của Nhà trường [H7.07.01.02]. Nhà trường cũng ban hành quyết định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ làm việc đối với viên chức hành chính, người lao động [H7.07.01.03]. Để đảm bảo số lượng người làm việc tại văn phòng các khoa đáp ứng yêu cầu đào tạo, trường đã ban hành Quy định số lượng người làm việc tại văn phòng các khoa [H7.07.01.04].

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Mĩ thuật được hỗ trợ về tài liệu, thông tin thông qua đội ngũ nhân viên thư viện Trường; hỗ trợ Công nghệ thông tin và hệ thống mạng từ TTCNTT; hỗ trợ về cơ sở vật chất (các tòa nhà, giảng đường, thực hành,...) từ phòng Quản trị; cũng như được hỗ trợ về công tác tư vấn người học đăng ký tín chỉ, công tác sinh viên, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa... từ Phòng Đào tạo, Phòng CTCT-HSSV và Đoàn thanh niên. Đội ngũ nhân viên này của trường đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp đáp ứng tốt cho công việc. Tính đến năm 2021, Trung tâm Thông tin - Thư viện trường ĐHSPTHN có tổng số 30 người: trong đó có 12 thạc sĩ, 16 cử nhân, 01 trình độ khác, đáp ứng được tiêu chuẩn của Luật Thư viện đối với đội ngũ nhân viên và các yêu cầu do CTĐT đặt ra về số lượng và năng lực phục vụ cho học viên, sinh viên toàn trường. Trung tâm thông tin - Thư viện trường có vai trò thực hiện chức năng phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập, đào tạo, nghiên cứu khoa học, triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ và quản lý của Nhà trường thông qua việc sử dụng, khai thác các

loại tài liệu có trong thư viện (tài liệu chép tay, in, sao chụp, khắc trên mọi chất liệu, tài liệu điện tử, mạng Internet...). Đội ngũ nhân viên phòng đào tạo gồm 15 người: 2 tiến sĩ, 8 thạc sĩ, 5 cử nhân tham mưu giúp Hiệu trưởng, quản lí, tổ chức, triển khai thực hiện công tác đào tạo, bao gồm kế hoạch, chương trình, học liệu, tổ chức giảng dạy và chất lượng giảng dạy theo quy chế đào tạo của Bộ và quy định của Trường đã ban hành. Phòng Hành chính - Đối ngoại gồm 12 người: 1 tiến sĩ, 2 thạc sĩ, 8 cử nhân và 1 trình độ khác có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng về công tác quản lý hành chính và hợp tác quốc tế của Trường. Phòng Công tác chính trị, học sinh - sinh viên gồm 7 người: 5 thạc sĩ, 2 cử nhân, là đơn vị có chức năng tham mưu, giúp việc Hiệu trưởng về công tác chính trị tư tưởng, công tác tuyên huấn và công tác quảng bá hình ảnh của trường, công tác học sinh, sinh viên. Trung tâm CNTT gồm 3 người: 2 thạc sĩ, 1 cử nhân, đây là đơn vị tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong hoạch định chiến lược và quản lý các công tác liên quan đến công nghệ thông tin (CNTT) và truyền thông của Trường. Như vậy, đội ngũ nhân viên trong trường có trình độ chuyên môn tốt, đáp ứng tốt nhu cầu phục vụ CTĐT cử nhân ngành Sư phạm Mĩ thuật. Tuy nhiên, sự phối hợp giữa đội ngũ chuyên viên của Khoa với các đơn vị trong trường còn hạn chế [H7.07.01.05].

Trong đội ngũ nhân viên phục vụ CTĐT cử nhân ngành Sư phạm Mĩ thuật, có vai trò rất quan trọng của đội ngũ nhân viên làm việc tại Khoa Nghệ thuật. Hiện nay đội ngũ nhân viên của khoa gồm 02 nhân viên (01 chuyên viên phụ trách công tác Giáo vụ; 01 chuyên viên phụ trách công tác cán bộ, quản lý công tác chính trị HSSV). Đội ngũ cố vấn học tập được Khoa lựa chọn từ đội ngũ giảng viên có đủ tiêu chuẩn về thâm niên giảng dạy, am hiểu nội dung, chương trình và phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ, nhiệt tình với hoạt động của sinh viên. Dựa trên bản mô tả công việc của nhà trường, các chuyên viên và đội ngũ cố vấn học tập của Khoa có bản mô tả công việc cá nhân rõ ràng, đầy đủ [H7.07.01.02; H7.07.01.03; H7.07.01.05; H7.07.01.06]. Hồ sơ lí lịch của đội ngũ nhân viên được cập nhật hàng năm. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên Khoa Nghệ thuật, trường ĐHSPHN được thực hiện đáp ứng các nhu cầu về đào tạo và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Căn cứ vào công việc và con người cụ thể, khoa cũng phân công đội ngũ nhân viên tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng như công đoàn, đoàn thanh niên, các trợ lý [H7.07.01.07, H7.07.01.08], do đó đã huy động được cán bộ toàn khoa cùng cộng tác hỗ trợ nhau hoàn thành tốt mọi công việc.

Ở phạm vi cấp Trường, Trung tâm đảm bảo chất lượng đã thực hiện khảo sát mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên hỗ trợ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng và đã nhận được những phản hồi tích cực. Kết quả khảo sát cho thấy trên 95% ý kiến đánh giá chất lượng nhân viên hành chính

ở mức tốt, xuất sắc và không có ý kiến đánh giá đạt hay mức cần cải thiện [H7.07.01.09]. Với 2 nhân viên của Khoa Nghệ thuật, việc triển khai lấy ý kiến thông qua phiếu khảo sát của các bên liên quan chưa được Khoa thiết kế điều tra thường xuyên, định kỳ.

### 2. Điểm mạnh

Việc qui hoạch đội ngũ nhân viên của Nhà trường hợp lý, phù hợp và đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và tình hình thực tế của trường.

### 3. Điểm tồn tại

Khoa Nghệ thuật chưa thực hiện được thường xuyên khảo sát đánh giá phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên của khoa.

### 4. Kế hoạch hành động:

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khảo sát phản hồi định kỳ các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên và cố vấn học tập trong việc thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Ngành SP Mĩ thuật khoa Nghệ thuật	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục hoàn thiện chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác. - Nhân viên làm việc tại Khoa có đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng cần được tiếp tục tập trung bồi dưỡng.	Ngành SP Mĩ thuật khoa Nghệ thuật	Từ năm học 2024-2025

### 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7



## **Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai**

### *1. Mô tả*

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được Trường ĐHSPHN xác định phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển trường giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030, giai đoạn 2017-2020 và tầm nhìn 2030 [H7.07.02.01 H7.07.02.02; ]. Nhà trường ban hành văn bản quy định về quy trình và tiêu chí tuyển dụng rõ ràng minh bạch đối với đội ngũ nhân viên trong đó có các tiêu chí về đạo đức, về năng lực chuyên môn, về độ tuổi, về chuyên ngành phù hợp với từng vị trí việc làm theo nhu cầu và chiến lược phát triển chung của Nhà trường, phù hợp với nhu cầu thực tế của các đơn vị trong trường.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các đơn vị trong toàn trường. Trước khi ban hành các văn bản để thực hiện, Nhà trường luôn có công văn để lấy ý kiến đóng góp của GV và được tổng hợp theo đơn vị để gửi các phòng chức năng tập hợp, sau đó Hội đồng Trường họp, thảo luận, thống nhất và ban hành sử dụng trong toàn trường, điển hình là Góp ý dự thảo Đề án vị trí việc làm của Trường.

Các tiêu chí tuyển dụng, kế hoạch, thời gian thi tuyển và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm và điều chuyển được phổ biến công khai. Đối với ngạch cán sự và ngạch nhân viên ngoài điều kiện chung cần có: bằng tốt nghiệp phổ thông trở lên, văn bằng chứng chỉ phù hợp với công việc tuyển dụng đạt loại Khá trở lên, tuổi đời dự tuyển không quá 35, trình độ ngoại ngữ và tin học do Hội đồng tuyển dụng quyết định với từng vị trí việc làm Công tác tuyển dụng nhân sự được thực hiện đúng theo quy định và quy trình tuyển dụng viên chức. Các tiêu chí bổ nhiệm được quy định đầy đủ rõ ràng, minh bạch: các cán bộ được bổ nhiệm bảo đảm tiêu chuẩn chung về: chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, trình độ chuyên môn, năng lực và uy tín; và thỏa mãn những tiêu chuẩn cụ thể đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý như trưởng phòng đào tạo, giám đốc trung tâm thông tin thư viện... [H7.07.02.03 H7.07.02.04; ].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và công khai bằng nhiều hình thức Đối với công tác tuyển dụng: Thông báo tuyển dụng được đăng trên trang thông tin điện tử của Trường, Trên Báo Hà Nội mới và dán tại Bảng tin Phòng Tổ chức cán bộ. Thông báo trúng tuyển cũng được đăng tải trên Website Trường và niêm yết tại Bảng tin Phòng Tổ chức cán bộ. Đối với việc bổ nhiệm, điều chuyển, Nhà trường phổ biến tới cá nhân, đơn vị và công khai trên trang thông tin điện tử của Trường

[<http://docs.hnue.edu.vn/Vanbanden.aspx>].

Khoa Nghệ thuật luôn tuân thủ mọi quy định của Nhà trường trong công tác tuyển

dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên của Nhà trường. Khoa đã ban hành quy chế làm việc mô tả vị trí công việc của nhân viên hỗ trợ trong Quy chế tổ chức và hoạt động Khoa Nghệ thuật. Đối với nhân viên Khoa Nghệ thuật có các quyết định tuyển dụng của nhân viên Khoa Nghệ thuật

### 2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có văn bản qui định đầy đủ các tiêu chí về tuyển dụng, lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển. Công tác tuyển dụng đều có quy trình rõ ràng, công khai, minh bạch và phù hợp.

### 3. Điểm tồn tại

Thông tin về tuyển dụng và lựa chọn nhân viên trên hệ thống thông tin của trường chưa được sắp xếp một cách khoa học, khó cho người tìm kiếm.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nâng cấp hệ thống thông tin, sắp xếp lại các mục để tiện theo dõi trên trang Web của trường	Nhà trường	Giai đoạn 2024 - 2029
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục rà soát hoàn thiện văn bản quy định về việc tuyển dụng bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên phù hợp tình hình thực tế. - Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và được công khai rõ ràng trang thông tin điện tử của CSGD.	Trường ĐHSPHN; P.TCCB; Khoa Nghệ thuật	Giai đoạn 2024-2029

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

## Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

### 1. Mô tả

Năng lực của đội ngũ nhân viên Nhà trường được xác định thông qua hiệu quả thực hiện các công việc, nhiệm vụ cụ thể được quy định trong các văn bản:

Quy định đánh giá, phân loại đối với đơn vị, công chức, viên chức của Trường

ĐHSPHN [H7.07.03.01], Quy định Công tác thi đua, khen thưởng của Trường ĐHSPHN [H7.07.03.02, H7.07.03.03], Quy định nâng bậc lương trước thời hạn do có thành tích xuất sắc. Trong văn bản Quy định đánh giá, phân loại đối với đơn vị, công chức, viên chức, Nhà trường đã cụ thể hóa các yêu cầu, thời gian, nội dung, trình tự cũng như tiêu chuẩn đánh giá, phân loại viên chức và người lao động. Từ năm 2019, theo quy định mới, viên chức hành chính và người lao động được đánh giá phân loại theo tháng, trình tự đánh giá được thực hiện theo quy trình gồm bốn bước: Các cá nhân tự đánh giá, chấm điểm về hiệu quả công việc, kỹ năng, thái độ của bản thân theo mẫu nhà trường ban hành; Tập thể (Phòng, Tổ, Bộ môn) góp ý cho bản tự đánh giá của cá nhân; Trên cơ sở tham khảo ý kiến của tập thể lãnh đạo đơn vị, Trưởng đơn vị trực tiếp đánh giá và phân loại đội ngũ nhân viên; Căn cứ vào đề nghị phân loại của các Trưởng đơn vị, Phòng TCCB rà soát, hoàn tất thủ tục trình Hội đồng đánh giá cấp Trường xét duyệt và Hiệu trưởng quyết định [H7.07.03.04]. Trình tự đánh giá cả năm cũng được quy định cụ thể trong văn bản này.

Các nhân viên sau khi được đánh giá sẽ được xếp loại theo thang gồm 5 loại A, B, C1, C2, D. Dựa trên kết quả đó, nhân viên sẽ được đánh giá, phân loại cho cả năm theo các mức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Kết quả này sẽ là cơ sở để đánh giá thi đua, khen thưởng theo năm học, đồng thời cũng là cơ sở để Nhà trường phân bổ thu nhập tăng thêm, cũng như xét nâng bậc lương trước thời hạn. Năm 2022, Trường ban hành quy định số 05/QĐ-ĐHSPHN đánh giá phân loại đơn vị, viên chức, công chức có điều chỉnh. Năm viên hành chính đánh giá theo Quý, theo năm học. Mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (A+) phải từ 101 điểm, hoàn thành tốt nhiệm vụ (A) từ 91-100 điểm, hoàn thành nhiệm vụ (B) từ 81-90 điểm, không hoàn thành nhiệm vụ (C) dưới 60 điểm. Quy định này được áp dụng cho đánh giá thi đua cuối năm học 2021-2022 [QĐ số 05/QĐ-ĐHSPHN].

Hằng năm, trước khi kết thúc năm học, Nhà trường đều có công văn hướng dẫn cụ thể về việc đánh giá phân loại cán bộ, viên chức và công văn hướng dẫn bình xét thi đua của năm học [H7.07.03.05, H7.07.03.06; H7.07.03.07]. Nhà trường cũng có văn bản hướng dẫn về xét nâng lương trước thời hạn do có thành tích xuất sắc vào tháng 12 hằng năm. Khoa Nghệ thuật đã thực hiện theo đúng các văn bản hướng dẫn. Theo đó, kế hoạch đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên được thực hiện theo trình tự: tự đánh giá, cấp trên đánh giá, đồng nghiệp đánh giá, người học đánh giá. Dựa trên kế hoạch năm học và kết quả thực hiện các công việc được giao trên cơ sở phiếu đánh giá phân loại hàng tháng, nhân viên tự viết phiếu đánh giá kết quả thực hiện công việc của bản thân trong năm học, tiếp đó các Tổ, Bộ môn tổ chức đánh giá, bình xét năng lực của các nhân viên, rồi nộp biên bản cho Khoa [H7.07.03.07,

H7.07.03.08; H7.07.03.09]. Trường Khoa, Hội đồng thi đua của Khoa sẽ họp để quyết định danh sách đề xuất lên Trường. Kết quả về phân loại CCVC và Kết quả thi đua của mỗi năm học sau khi được Hội đồng Thi đua Khen thưởng của Trường họp và quyết định đều được công khai trên hệ thống văn bản của trường. Theo kết quả đánh giá phân loại hàng tháng đối với nhân viên hành chính, từ 2019-2024, các nhân viên hành chính khoa Nghệ thuật đều xếp loại A, cuối năm học đạt danh hiệu thi đua Lao động tiên tiến.

Bên cạnh đó, Trung tâm đảm bảo chất lượng, Trường ĐHSPHN cũng thực hiện đánh giá về việc thực hiện quy định về thời gian, tác phong làm việc, thái độ ứng xử, hiệu quả giải quyết công việc của các cán bộ hành chính các khoa thông qua phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên đối với cán bộ hành chính. Kết quả khảo sát năm 2019, tỉ lệ cán bộ hành chính của Nhà trường được sinh viên phản hồi đánh giá tổng thể ở mức tốt và xuất sắc trên 95% [H07.03.10, H7.07.03.11].

### 2. Điểm mạnh

Việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên được thực hiện theo quy trình dựa trên các tiêu chí cụ thể, rõ ràng, công khai, đảm bảo sự công bằng, theo đúng quy định. Giảng viên ngành Sư phạm Mỹ thuật, khoa Nghệ thuật có đội ngũ nhân viên có năng lực đáp ứng đa dạng các nhu cầu hỗ trợ đào tạo NCKH và phục vụ cộng đồng.

### 3. Điểm tồn tại

Tỉ lệ đội ngũ nhân viên của Khoa đạt các danh hiệu thi đua cấp cao còn thấp.

### 4. Kế hoạch hành động

<b>T T</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>
1	Khắc phục điểm tồn tại	Động viên đội ngũ nhân viên tích cực, chủ động tham gia các hoạt động để nâng cao thành tích thi đua.	Ngành SP Mỹ thuật khoa Nghệ thuật	Giai đoạn 2024-2029
2	Phát huy điểm	Tiếp tục tạo điều kiện đội ngũ nhân viên phát huy năng lực phù hợp với vị trí việc làm	Ngành SP Mỹ thuật	Giai đoạn 2024-

	manh		khoa Nghệ thuật	2029
--	------	--	-----------------------	------

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó**

*1. Mô tả*

Chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo là một thành tố quan trọng góp phần làm nên chất lượng giáo dục và đào tạo của Trường ĐHSPPH. Vì vậy, Nhà trường luôn chú trọng đến việc đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên, lập kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn [H7.07.04.01].

Trên cơ sở phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV thông qua các bản đăng ký nhu cầu bồi dưỡng cá nhân, Khoa và Nhà trường xét duyệt kinh phí, lập kế hoạch bồi dưỡng đào tạo phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên dựa trên yêu cầu của CTĐT và đưa ra hướng dẫn tạo nguồn cán bộ tuyển dụng, đào tạo cán bộ [H7.07.04.02; H7.07.04.03, H7.07.04.04].

Bên cạnh các chuyên viên của Khoa Nghệ thuật luôn nâng cao tinh thần tự học hỏi, tự nghiên cứu, Khoa Nghệ thuật cũng có các chuyên viên được nhà trường cử đi học. Khoa đã thống kê danh sách đội ngũ chuyên viên được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ các năm từ 2019-2024. Mặc dù Khoa và Nhà trường không có nhiều lớp tập huấn, kinh phí dành cho đội ngũ chuyên viên để nâng cao trình độ nhưng bản thân chuyên viên Khoa Nghệ thuật cũng đã tự ý thức bồi dưỡng trau dồi học tập, đào tạo nâng cao trình độ [H7.07.04.05, H7.07.04.06; H7.07.04.07]. Nhà trường hỗ trợ về kinh phí học tập, đi lại và hỗ trợ về mặt thời gian tạo điều kiện tối đa cho họ hoàn thành nhiệm vụ học tập.

*2. Điểm mạnh*

Nhà trường và Khoa thực hiện việc xác định/đánh giá nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên và có kế hoạch triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên.

Đội ngũ nhân viên được tạo điều kiện khuyến khích đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao trình độ cũng như phục vụ hiệu quả cho công tác hỗ trợ đào tạo và NCKH ở Khoa và ở Trường.

*3. Điểm tồn tại*

Kinh phí dành cho hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ nhân viên còn hạn chế, việc bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ của cá nhân trong đội ngũ nhân viên, nếu không thuộc yêu cầu cấp thiết, bắt buộc, các cá nhân sẽ phải tự túc kinh phí.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Dành thêm một phần kinh phí cho việc đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân viên nếu nhân viên tự ý thức đi học dù không thuộc yêu cầu cấp thiết, bắt buộc.	Ngành SP Mĩ thuật khoa Nghệ thuật, Trường ĐHSPH N	Giai đoạn 2024-2029
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tạo điều kiện khuyến khích nhân viên tự học, tự bồi dưỡng trau dồi kĩ năng, chuyên môn, nghiệp vụ	Ngành SP Mĩ thuật khoa Nghệ thuật, Trường ĐHSPH N	Giai đoạn 2024-2029

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.**

1. Mô tả

Nhà trường có hệ thống văn bản quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên. [H7.07.05.01].

Nhà trường cũng có văn bản quy định chi tiết về thời gian làm việc của công chức, viên chức và người lao động. Theo đó, giờ làm việc nhân viên hành chính cụ thể là: buổi sáng từ 8h00 đến 12h00; buổi chiều từ 13h00 đến 17h00. Đa số các cán bộ

đều tuân thủ nghiêm túc theo khung giờ đã quy định. Để đảm bảo công bằng cũng như giám sát việc tuân thủ giờ giấc làm việc của đội ngũ nhân viên, Nhà trường còn thành lập Tổ kiểm tra hành chính và Công vụ theo quyết định số 3148 /QĐ-ĐHSPHN [H7.07.05.02].

Việc đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên được thực hiện theo Quy định đánh giá, phân loại đối với đơn vị, công chức, viên chức của Trường ĐHSPHN. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc và phân loại cán bộ viên chức sẽ là cơ sở để đề xuất xét Thi đua, Khen thưởng theo quy định của Nhà trường cũng như phân bổ thu nhập tăng thêm. Các nhân viên có thành tích xuất sắc còn được xem xét đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn theo Quy định. Các chính sách trên đã có tác dụng động viên kịp thời, thúc đẩy các cán bộ nhân viên Nhà trường luôn hăng say làm việc và cống hiến hết mình để thực hiện sứ mệnh của Nhà trường [H7.07.05.03; H7.07.05.04; H7.07.05.05].

Trong giai đoạn 2019-2024, đội ngũ nhân viên hành chính tham gia thực hiện CTĐT trình độ đại học ngành Mỹ thuật luôn được xếp loại A và đạt danh hiệu Lao động tiên tiến. Đội ngũ nhân viên của Khoa luôn tích cực, hoàn thành tốt các công việc được giao. Tuy nhiên, số lượng nhân viên đạt thành tích thi đua khen thưởng cấp cao còn hạn chế.

Trước khi ra quyết định ban hành Quy định về đánh giá, Nhà trường luôn xây dựng bản dự thảo, sau đó có công văn yêu cầu các CCVC tại các đơn vị góp ý cho Dự thảo. Tất cả các cán bộ GV và nhân viên của Nhà trường được tham gia góp ý một cách dân chủ. Biên bản góp ý của Bộ môn được gửi lên Khoa, Khoa tập hợp gửi lên Trường. Nhà trường căn cứ vào các ý kiến đóng góp của toàn thể cán bộ, GV, nhân viên của Trường để điều chỉnh, sửa đổi trước khi ban hành các quyết định chính thức [H7.07.05.06].

Đội ngũ nhân viên của Trường và Khoa cơ bản là hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc. Trong giai đoạn 2019-2024, đội ngũ nhân viên của Khoa không có bất kỳ khiếu nại nào về công tác thi đua khen thưởng, đánh giá phân loại viên chức bởi vì các quy định là rất rõ ràng và cụ thể, đánh giá đúng mức năng lực và hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên.

Nhà trường cũng thường xuyên tiếp thu các ý kiến góp ý của toàn thể cán bộ, nhân viên để tiếp tục hoàn thiện các chính sách động viên, khuyến khích kịp thời thông qua việc tăng khoản hỗ trợ thu nhập tăng thêm hàng tháng, các khoản phúc lợi khác, cũng như kinh phí khen thưởng hàng năm, tạo động lực để đội ngũ nhân viên cố gắng phấn đấu, trau dồi kỹ năng nghiệp vụ, hỗ trợ và phục vụ ngày càng hiệu quả hơn cho công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng

## *2. Điểm mạnh*

Việc quản trị theo kết quả công việc của đội ngũ nhân viên Nhà trường được quy định rõ ràng và được triển khai một cách dân chủ, hiệu quả, góp phần thúc đẩy, tạo động lực cho đội ngũ nhân viên của Khoa, của Trường thực hiện tốt vai trò phục vụ, hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH. Đội ngũ nhân viên của Khoa luôn tích cực, nhiệt tình, hoàn thành tốt các công việc được giao.

### 3. Điểm tồn tại

Một số tiêu chí đánh giá kết quả chưa hoàn toàn phù hợp với đặc thù công việc của đội ngũ nhân viên của Khoa.

### 4. Kế hoạch hành động

<b>T T</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>
1	Khắc phục điểm tồn tại	Ban chủ nhiệm Khoa đề xuất với Nhà trường về việc điều chỉnh một số tiêu chí phù hợp với đặc thù công việc của đội ngũ nhân viên trong khoa.	Ngành SP Mĩ thuật khoa Nghệ thuật, Trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2024-2029
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý công việc để đội ngũ nhân viên phát huy hiệu quả công việc. Tiếp tục thực hiện quản trị theo kết quả công việc của nhân viên để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Ngành SP Mĩ thuật khoa Nghệ thuật Trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2024-2029

### 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7



### **Kết luận về tiêu chuẩn 7:**

Đội ngũ nhân viên của Nhà trường nói chung và của CTĐT hệ cử nhân ngành Ngành SP Mĩ thuật khoa Nghệ thuật nói riêng đã đảm bảo về số lượng, chất lượng về năng lực chuyên môn đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ này được tuyển dụng theo đúng quy định về quy trình và tiêu chí tuyển dụng của Nhà trường và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển đã được xác định và phổ biến công khai. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và đánh giá thường xuyên để đảm bảo đáp ứng được yêu cầu của CTĐT. Thêm vào đó việc đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên được thực hiện đầy đủ, đúng kế hoạch và đáp ứng được yêu cầu đặt ra trong tình hình mới. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên cũng được Nhà trường triển khai kịp thời để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tuy nhiên, kinh phí dành cho hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ nhân viên còn hạn chế; các tiêu chí Thi đua còn chưa xét đến đặc thù công việc đối với đội ngũ nhân viên nên số lượng nhân viên đạt thành tích thi đua khen thưởng cấp cao còn ít. Mặc dù vậy, chất lượng đội ngũ nhân viên hiện nay của Nhà trường nói chung và của Ngành SP Mĩ thuật khoa Nghệ thuật nói riêng nhìn chung đã đảm bảo công tác phục vụ giảng dạy, NCKH của Khoa và Nhà trường.

### **Đánh giá tiêu chuẩn 7:**

Tiêu chuẩn 6	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 7.1					x		
Tiêu chí 7.2					x		
Tiêu chí 7.3					x		
Tiêu chí 7.4					x		
Tiêu chí 7.5					x		
Điểm tiêu chuẩn	5.0						

### **Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

#### **Mở đầu**

Chất lượng người học là một trong những yếu tố quan trọng của chương trình đào tạo (CTĐT). Nếu có chất lượng đầu vào tốt, hoạt động đào tạo sẽ có được kết quả tích cực. Vì vậy, Khoa Nghệ thuật đã nỗ lực thực hiện tốt công tác liên quan đến người học và các hoạt động hỗ trợ người học. Tuân thủ các chính sách của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (ĐHSPHN), Khoa đã xây dựng được chính sách tuyển sinh rõ

ràng, cụ thể; phương pháp xét tuyển sinh công khai; hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học được triển khai minh bạch; các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện kịp thời, thường xuyên; xây dựng môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan khuôn viên trường sạch, đẹp trang thiết bị dạy-học hiện đại, tiện ích, từ đó góp phần nâng cao chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học nói riêng, chất lượng đào tạo nói chung.

### **Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật**

#### *1. Mô tả*

Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy nhóm ngành đào tạo giáo viên của Bộ GD&ĐT năm 2017 đã đưa ra các quy định chung về việc tổ chức tuyển sinh, việc xây dựng đề án tuyển sinh của các Trường; việc chỉ đạo, thanh tra công tác tuyển sinh; điều kiện tham gia tuyển sinh của thí sinh; các chính sách ưu tiên trong tuyển sinh. Quy chế cũng quy định rõ công tác tuyển sinh tại các Trường sử dụng kết quả của kì thi THPT Quốc gia, cũng như công tác tuyển sinh tại các Trường không sử dụng kết quả của kì thi THPT Quốc gia. Từ các căn cứ đó, Trường ĐHSPHN đã xây dựng các chính sách và quy định tuyển sinh của Trường cho các chương trình đào tạo cụ thể bao gồm: đối tượng tuyển sinh, phạm vi tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến và tổ hợp môn xét tuyển, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào và điều kiện nhận đăng ký xét tuyển cùng các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký xét tuyển vào CTĐT, tổ chức tuyển sinh, chính sách ưu tiên, tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển, lệ phí xét tuyển/thi tuyển, học phí, thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm [H8.08.01.01].

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Mỹ thuật (SPMT) được tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT cũng như quy chế tuyển sinh của Nhà trường. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, minh bạch trong Đề án tuyển sinh hàng năm [H8.08.01.01]. Năm 2023, Ngành SPMT được tuyển sinh trong cả nước với ba phương thức tuyển sinh chính là PT4 [H8.08.01.05]: Thi năng khiếu (Hát và Thảm âm, tiết tấu) và điều kiện được xét dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia và xét học bạ năm lớp 12 phải từ loại khá trở lên hoặc điểm thi năng khiếu từ 9,0 điểm trở lên (thí sinh chỉ cần tốt nghiệp THPT); PT1: Xét tuyển sử dụng điểm thi năng khiếu kết hợp với điểm thi tốt nghiệp THPT 2023 của môn Văn hoặc môn Toán; PT5: Sử dụng kết quả thi năng khiếu kết hợp với kết quả thi đánh giá năng lực do Trường tổ chức. Theo quy định của Trường ĐHSPHN, các thí sinh phải có hạnh kiểm khá trở lên ở tất cả các kỳ học ở cấp học THPT. Chính sách tuyển sinh của Khoa cũng được cập nhật hàng năm, đặc biệt là cập nhật một số nội dung liên quan đến chỉ tiêu, đối tượng, quy trình xét tuyển, phương thức xét tuyển [H8.08.01.01].

Chính sách và quy định tuyển sinh của Trường nêu rõ phạm vi tuyển sinh trên cả nước [H8.08.01.01]. Do vậy, Nhà trường đã công bố công khai các thông tin tuyển sinh thông qua các kênh và sử dụng nhiều hình thức khác nhau. Đó là thông qua website chính thức của Trường: <https://hnue.edu.vn/> ở chuyên mục tuyển sinh, hay trên website riêng của Khoa Nghệ thuật: [k.nghethuat.hnue.edu.vn/](http://k.nghethuat.hnue.edu.vn/) ở mục tuyển sinh và trên kênh thông tin tại page facebook của Khoa Nghệ thuật tại địa chỉ: <https://web.facebook.com/khoanghethuatdhsphn> [H8.08.01.03] Đặc biệt, để việc thông báo được cụ thể và rõ ràng hơn, từ năm 2019, Nhà trường đã có xây dựng chuyên trang riêng về thông tin tuyển sinh của trường ở địa chỉ: <https://tuyensinh.hnue.edu.vn/>. Ngoài ra, thông tin tuyển sinh của trường các năm cũng được công khai trên các trang thông tin tuyển sinh điện tử, báo điện tử khác để người quan tâm có thể tìm đọc [H8.08.01.02]. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa đã thiết kế các Tờ rơi tuyển sinh có những thông tin tuyển sinh gửi trực tiếp đến những người quan tâm trong các buổi Tư vấn tuyển sinh hoặc gửi đến các địa phương, trường THPT trong và ngoài thành phố để các trường THPT gửi đến các phụ huynh, học sinh quan tâm [H8.08.01.03].

Trước mỗi kỳ tuyển sinh, Nhà trường tổ chức tư vấn, giới thiệu về chính sách tuyển sinh thông qua nhiều hình thức hoạt động, Chương trình thăm quan trường (ngày Open Day) cho học sinh các trường phổ thông, bao gồm các hoạt động: nghe giới thiệu tổng quan về Nhà trường, các ngành Đào tạo, tham quan và trải nghiệm thực tế ngành nghề của trường tại khu giảng đường, khu phòng thực hành; nghe giới thiệu chính sách tuyển sinh mà trọng tâm là các điểm nổi bật, các chính sách thu hút, học bổng, cơ hội việc làm,...[H8.08.01.03]. Năm 2019, Ngày hội tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp của Nhà trường được tổ chức ở các tỉnh thành để phụ huynh và học sinh ở các địa phương xa được tiếp cận thông tin tuyển sinh và nhận tư vấn những thắc mắc tuyển sinh hay lựa chọn ngành nghề phù hợp cho mình. Cùng với Ban tư vấn tuyển sinh của Nhà trường, Khoa cùng các khoa bộ môn khác trong toàn trường đều cử đại diện của khoa để tư vấn, thu hút người học cho CTĐT của Khoa mình. Đặc biệt, Nhà trường, Khoa đã tổ chức các chương trình tư vấn tuyển sinh trực tuyến nhằm giải đáp trực tiếp các thắc mắc về tuyển sinh cho phụ huynh và các em học sinh trên truyền thông [H8.08.01.03]. Khoa cũng giới thiệu tư vấn tuyển sinh trực tuyến, qua mạng facebook, hay trang tư vấn tuyển sinh của Trường nhằm thu hút nhiều người học vào CTĐT [H8.08.01.03].

Chính sách tuyển sinh được Trường cập nhật hàng năm theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT cùng với các thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy chế tuyển sinh các năm 2018, 2019 [H8.08.01.01]. Thực hiện đề án đổi mới công tác tuyển sinh đại học, từ năm 2015, Nhà trường đã sử dụng kết quả thi THPT quốc gia

để xét tuyển các thí sinh vào hệ đại học chính quy cho CTĐT. Khi xét tuyển, các đối tượng thuộc diện ưu tiên theo khu vực theo chế độ chính sách được thụ hưởng điểm ưu tiên vào tổng điểm xét duyệt theo đúng quy định [H8.08.01.01]. Trong các năm gần đây, chính sách tuyển sinh của Trường có nhiều thay đổi, cập nhật [H8.08.01.02], đó là mở rộng đối tượng xét tuyển với 3 phương thức xét tuyển và 2 tổ hợp xét tuyển từ năm 2020. Đặc biệt trong chính sách tuyển sinh năm 2022 của Trường đã bổ sung thêm phương thức xét tuyển dựa trên kết quả thi của một hoặc một số môn thi đánh giá năng lực do Trường ĐHSPHN tổ chức.

Chính sách tuyển sinh của Trường được xây dựng theo đúng các quy định hiện hành về lựa chọn các tổ hợp xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh và các yêu cầu đặc thù ngành [H8.08.01.02]. Phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực thông qua các yếu tố: Số lượng SV được tuyển hàng năm, SV nhập học, tình hình việc làm của SV đã tốt nghiệp hàng năm của Trường và của CTĐT [H8.08.01.02], [H8.08.01.04]. Theo thống kê, tỉ lệ sinh viên có việc làm trên tổng số sinh viên tốt nghiệp hàng năm của Khoa Nghệ thuật đạt tỉ lệ cao, đạt trên 80%.

### 2. Điểm mạnh

Công tác tuyển sinh của Nhà trường, Khoa được thực hiện đúng quy định của Bộ GD&ĐT; chính sách tuyển sinh của khoa mang tính lượng hóa (quy định về số điểm trúng tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh) giúp cho khoa có thể tuyển được thí sinh có kết quả thi tuyển tốt và đánh giá được năng lực người học từ cao xuống thấp. Ngoài ra, chính sách tuyển sinh được công khai và cập nhật hàng năm từ đó người học có thông tin về ngành học, chương trình học tập, tạo ra tâm thế học tập tích cực cho sinh viên ngay từ năm thứ nhất.

### 3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát ý kiến các bên liên quan về chính sách tuyển sinh của chương trình đào tạo ngành SPMT còn chưa thực sự đa dạng (chủ yếu tập trung lấy ý kiến của người học, giảng viên, còn chưa lấy được ý kiến của nhiều nhà tuyển dụng). Quá trình phân tích, dự báo nguồn nhân lực đôi khi còn chưa cụ thể hoặc chưa sát hợp với tình hình thực tiễn.

### 4. Kế hoạch hành động

<b>T T</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
1	Khắc phục tồn tại	- Bổ sung hoạt động lấy ý kiến của nhà tuyển dụng về chương trình tuyển sinh - Cập nhật việc phân tích nguồn nhân lực từ chính sách của nhà nước, từ	Toàn thể giảng viên Khoa	Bắt đầu từ năm 2024

		các nhà tuyển dụng	Nghệ thuật	
--	--	--------------------	------------	--

### 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

#### **Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.**

##### 1. Mô tả

Những năm gần đây, Trường đã tuyển sinh dựa trên 05 phương thức với các tiêu chí và cách xét tuyển cụ thể, rõ ràng. Quy trình, phương pháp và tiêu chí tuyển chọn người học ngành theo ngành SPMT được Nhà trường và Khoa Nghệ thuật xác định rõ ràng dựa trên quy chế tuyển sinh của Bộ giáo dục và đào tạo [H8.08.02.01], đồng thời tiếp thu sự góp ý của các bên liên quan để hoàn thiện đề án tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh hàng năm.

Căn cứ vào thông báo của Bộ GD&ĐT về điểm sàn xét tuyển đối với các Trường, Trường ĐHSPHN đưa ra quyết định về điểm sàn xét tuyển. Căn cứ vào các tiêu chí tuyển chọn người học cho CTĐT đã được công khai, thí sinh sẽ đăng kí xét tuyển. Căn cứ vào chỉ tiêu, số lượng thí sinh đăng kí cũng như thí sinh đăng kí xét tuyển thẳng, Trường sẽ thông báo điểm chuẩn xét tuyển cho CTĐT [H8.08.02.02]. Điểm trúng tuyển theo các tổ hợp xét tuyển trong các năm gần đây gồm kết hợp điểm thi tốt nghiệp THPT Quốc gia môn toán hoặc môn văn cộng với điểm dự thi năng khiếu do trường tổ chức theo PT1; xét tuyển thẳng với học sinh đạt yêu cầu theo PT2, xét học bạ với thi năng khiếu (Hình hoạ, Trang trí) theo PT4; thi đánh giá năng lực (toán, văn) và điểm thi năng khiếu theo PT5. Danh sách trúng tuyển, công nhận kết quả và nhập học cho SV vào ngành CTĐT được thực hiện theo đúng quy định [H8.08.02.02], [H8.08.02.05].

Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh/ tuyển chọn người học được Trường, Khoa rà soát, đánh giá hàng năm sau các kỳ tuyển sinh và chuẩn bị các kỳ tuyển sinh tiếp theo [H8.08.02.02], [H8.08.02.03], [H8.08.02.04]. Trước kỳ tuyển sinh, trong các cuộc họp giao ban ở Khoa, lãnh đạo các Bộ môn, chính sách tuyển sinh cũng được bàn bạc, trao đổi và sau đó xin ý kiến của các GV để đề xuất với Nhà trường chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh phù hợp. Sau mỗi đợt tuyển sinh, Khoa tổ chức cuộc họp để đánh giá các chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh hàng năm. Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa tiếp thu ý kiến của các thành viên trong cuộc họp và tổng hợp, đề xuất với hội đồng tuyển sinh Nhà trường để đưa vào kế hoạch năm học, kế hoạch và quy định tuyển sinh năm sau [H8.08.01.02], [H8.08.02.04].

##### 2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học rõ ràng, được đánh giá khách quan, minh bạch, theo đúng các quy định chung của Bộ GD&ĐT. Thông tin phản hồi

của học sinh, sinh viên và các bên liên quan về công tác tuyển sinh của Khoa và của Nhà trường được sử dụng để có sự điều chỉnh hợp lý phương pháp, chính sách tuyển sinh.

### 3. Điểm tồn tại

- Tiêu chí tuyển chọn người học vẫn chủ yếu dựa trên cơ sở kết quả thi năng khiếu và kỳ thi THPT, học bạ mà chưa có những thay đổi đột phá để tiệm cận với quan điểm tuyển sinh theo tiếp cận năng lực thực hiện của người học.

### 4. Kế hoạch hành động

T T	M u c t i ê u	N o i d u n g	Đ o n v ị, n g u ờ i t h u c h i ệ n	T h o i g i a n t h u c h i ệ n h o ặ c h o à n t h à n h
1	Khá c p h u c đ i ể m t o n t ạ i	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường khảo sát các bên liên quan để xây dựng tiêu chí tuyển sinh dựa trên đánh giá năng lực người học; bổ sung tổ hợp xét tuyển để đa dạng hóa đối tượng tuyển sinh.</li> <li>- Phối hợp với trung tâm công nghệ thông tin của trường để xây dựng cơ sở dữ liệu tuyển sinh một cách đầy đủ, khái quát và giúp cho việc tra cứu thuận tiện.</li> <li>- Đa dạng hóa cách thức tuyển sinh theo yêu cầu đổi mới giáo dục đại học.</li> </ul>	Khoa Nghệ thuật, phòng đào tạo, trung tâm công nghệ thông tin, trung tâm khảo thí và đảm bảo chất lượng của Trường ĐHSP HN	Từ năm học 2024 - 2025
2	Phá t h u y đ i ể m m ạ n h	- Duy trì và đẩy mạnh các nội dung truyền thông của ban tuyển sinh của Khoa .	Ban chủ nhiệm khoa, ban tuyển sinh và giảng viên của Khoa	Từ năm học 2024 - 2025
		- Thường xuyên cải tiến, cập nhật thông tin và cách thức tuyển sinh theo hướng phát triển năng lực của người học.		

### 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

#### **Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.**

##### 1. Mô tả

Quá trình học tập và rèn luyện cũng như kết quả học tập và khối lượng học tập của người học thuộc CTĐT là các vấn đề được Nhà trường và Khoa Nghệ thuật quan tâm, giám sát phù hợp để đạt được hiệu quả cao nhất của CTĐT. Hệ thống giám sát được Trường phân công cho các phòng ban chức năng phụ trách là: Phòng Đào tạo, Phòng Công tác Chính trị và Học sinh sinh viên (CTCT&HSSV), Đoàn thanh niên với các nhiệm vụ giám sát sự tiến bộ học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, cảnh báo học tập [H8.08.03.08]. Dựa trên các quy định của Nhà trường, Khoa đã phân công đội ngũ cố vấn HT, giáo vụ và trợ lý SV để giám sát tiến bộ học tập và rèn luyện của người học [H8.08.03.01], [H8.08.03.06]. Trong các năm gần đây, CVHT đóng vai trò quan trọng trong đào tạo theo học chế tín chỉ. Do đó, Trường đã ban hành quyết định phân công nhiệm vụ, nguyên tắc làm việc của CVHT. CVHT cho tất cả các lớp tại Khoa đều là GV thuộc CTĐT nên đảm bảo hiểu sâu sắc về ngành và các SV. Tất cả SV ở các lớp được CVHT tư vấn về học tập, được theo dõi kế hoạch và tiến độ học tập, được làm thủ tục đăng ký TC từng học kỳ theo đúng quy định. Ngoài ra, CVHT cũng theo sát về ý thức học tập, các hoạt động ngoại khóa... của SV. Các hoạt động trên nhằm mục đích đánh giá điểm rèn luyện từng kỳ của SV, kịp thời nhắc nhở, giúp đỡ SV trong quá trình học tập. [H8.08.03.02].

Các dữ liệu về theo dõi tiến độ học tập, rèn luyện, những quy định về học tập theo TC, khối lượng học tập của người học cùng với các quy định về xét cảnh báo học tập, thôi học, dừng học đều được thể hiện trong Sổ tay SV Trường và Quy chế đào tạo theo hệ thống TC [H8.08.03.02], [H8.08.03.07]. Khung chương trình CTĐT cũng được thông báo công khai trên trang web: <https://hnue.edu.vn/Daotao> [H8.08.03.03]. Đầu mỗi năm học, Nhà trường đều xây dựng kế hoạch đào tạo và gửi về cho các đơn vị trong toàn trường, lấy ý kiến góp ý, sau đó ban hành cho cán bộ và toàn thể người học [H8.08.03.04]. Kế hoạch đào tạo được dán công khai ở các khu vực giảng đường hoặc tìm kiếm dễ dàng trên trang web của trường và phòng đào tạo: [daotao.hnue.edu.vn](http://daotao.hnue.edu.vn); rất tiện lợi cho GV, SV theo dõi và thực hiện. Trường đã xây dựng, phát triển phần mềm quản lý đào tạo, hệ thống đào tạo TC, cung cấp tài khoản cho người học, người dạy, cán bộ văn phòng Khoa [H8.08.03.07]. Kết quả học tập của người học được Giáo vụ khoa quản lý giám sát và người học có tài khoản riêng để cập nhật tình hình học tập, đăng ký TC, cảnh báo học vụ.

Theo thiết kế của CTĐT, khối lượng học tập mỗi học kỳ đối với CTĐT tối thiểu 14 TC, trừ học kỳ cuối khóa [H8.08.03.03]. Khối lượng học tập này được thiết kế cho người học có lực học trung bình để hoàn thành chương trình đúng thời gian quy định. SV được phép đăng ký học tập với khối lượng học tập nhỏ hơn khối lượng thiết kế mỗi học kỳ nhưng không được ít hơn 10 TC. Đặc biệt, đối với SV từ học kỳ 3 nếu có điểm trung bình chung tích lũy dưới 2.0 chỉ được phép đăng ký học tối đa 16 tín, điều này đảm bảo khối lượng học phù hợp với sức học của SV. Ngoài ra, hàng năm từ tháng 6 - tháng 8, Nhà trường đều tổ chức học kỳ 3, với học kỳ này sẽ giúp cho sv có cơ hội cải thiện điểm với những học phần điểm thấp hay học lại với học phần bị trượt, giúp giảm gánh nặng học tập cho SV ở những kỳ học chính (Kỳ 1 và kỳ 2). Nội dung này cũng được thông tin rõ ràng cho SV ở Sổ tay SV từ năm 2018 [H8.08.03.02].

Trường ban hành Quy định việc đánh giá kết quả rèn luyện của SV, 2497 QĐ/ĐHSPHN-ĐT ngày 03 tháng 05 năm 2018 [H8.08.03.09]. Quy định nêu rõ phạm vi đối tượng, nguyên tắc đánh giá, nội dung đánh giá và thang điểm, phân loại để đánh giá, quy trình đánh giá kết quả rèn luyện, sử dụng kết quả rèn luyện, quyền khiếu nại, chức năng nhiệm vụ của Phòng Đào tạo và các Khoa. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện được trình bày rõ ràng trong Quy định này và được thực hiện công khai. SV tự đánh giá, CVHT chủ trì lớp và đề nghị văn bản đến BCN Khoa kèm theo biên bản họp lớp, điểm rèn luyện của SV. BCN Khoa họp và giao cho cán bộ thông báo công khai đến SV. Cuối năm gửi kết quả điểm rèn luyện cùng kết quả học tập cho gia đình người học.

Công tác xét sự tiến bộ học tập và rèn luyện của SV thường được sự quan tâm, là nhiệm vụ có sự kết hợp giữa CVHT, giáo vụ Khoa, Liên chi đoàn và BCN Khoa. CVHT thường xuyên bám sát, hỗ trợ và giám sát SV trong học tập và rèn luyện. Kết thúc mỗi kỳ học Khoa triển khai cho Giáo vụ khoa, trợ lý SV và Liên chi đoàn tiến hành đánh giá tình hình học tập và rèn luyện của SV. Điểm rèn luyện của SV đều được đánh giá qua các mốc phân loại: Xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu và kém. Ngoài ra số liệu kết quả thi, số lượng và tỷ lệ SV thôi học, buộc thôi học, SV cảnh báo kết quả học tập, SV đạt điểm học tập xuất sắc, giỏi, khá, trung bình, yếu và những lưu ý về SV được thống kê trong báo cáo xét lên lớp từng học kỳ của CVHT [H8.08.03.08]. Kết quả đánh giá rèn luyện và học tập sinh được Khoa gửi lên Trường. Đại diện khoa, Phòng Đào tạo, Phòng CTCT&HSSV tiếp tục đưa ra kết quả đánh giá để xét các loại học bổng theo quy định cũng như các học bổng khác [H8.08.03.10]. Từ các kết quả trên CVHT thông báo, nhắc nhở đến SV qua kênh CVHT, chi đoàn, lớp. Mặc dù số lượng SV lớn, việc thông báo kết quả học tập, điểm rèn luyện đều được tiến hành theo các bước như trên với sự tham gia của CVHT, của Ban cán sự lớp, của quản lý SV và BCN Khoa. Ngoài ra, Khoa và Liên chi đoàn cũng có những



phương thức phù hợp để hỗ trợ Khoa trong công tác này, như phổ biến, theo dõi SV tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm [H8.08.03.05].

Nhà trường làm báo cáo và gửi về Khoa thông tin về kết quả học tập, khối lượng học tập được thể hiện qua từng kỳ như sau: số TC tích lũy, điểm trung bình chung tích lũy, điểm trung bình của kỳ, số TC tích lũy của kỳ, của từng môn học. Nhà trường ra quyết định xét cảnh báo học tập, dừng học theo học kỳ và năm học và chỉ đạo Khoa và CVHT thông báo tư vấn, hỗ trợ các SV dạng cảnh báo chú ý cải thiện tình hình học tập [H8.08.03.08]. Khoa và Nhà trường có cơ sở dữ liệu theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp theo hàng năm. Đó là các báo cáo kết quả, tiến độ học tập và rèn luyện được lưu trữ tại các phòng ban chức năng như phòng Đào tạo, Phòng CTCT&HSSV và Văn phòng khoa, ngoài ra còn được lưu trực tiếp trong tài khoản cá nhân của mỗi SV, trong hệ thống quản lý trên website đăng kí môn học của trường [H8.08.03.07]; thống kê SV thôi học, tốt nghiệp (hàng năm) của Trường [H8.08.03.11].

### 2. Điểm mạnh

Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau giúp giảng viên, cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học.

### 3. Điểm tồn tại

Sinh viên chưa kịp thời nêu những vướng mắc để cố vấn học tập hỗ trợ giải quyết. Mặt khác sinh viên còn chủ quan nên cập nhật những thông tin qua phần mềm quản lý đào tạo bị chậm, muộn.

### 4. Kế hoạch hành động

<b>T T</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
1	Khắc phục tồn tại	- Tăng cường vai trò của cố vấn học tập trong việc cảnh báo sớm những trường hợp nợ, thiếu tín chỉ, nhắc nhở sinh viên báo cáo và trao đổi thường xuyên, cập nhật hơn về tình hình học tập cũng như các khó khăn chung để CVHT kịp thời xử lý, hỗ trợ.	Khoa Nghệ thuật	Từ tháng 6/2024
2	Phát huy điểm mạnh	Phát huy vai trò của cố vấn học tập, tăng cường trao đổi bằng các buổi sinh hoạt, báo cáo định kỳ về tình hình học tập chung của các	BCN Khoa	Bắt đầu từ năm 2024

		lớp.		
--	--	------	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học**

1. Mô tả

Hàng năm Ban chủ nhiệm Khoa Nghệ thuật phân công cố vấn học tập cho từng lớp học [H8.08.04.02]. Các cố vấn học tập là những GV có kinh nghiệm, am hiểu nội dung, chương trình và phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ, nhiệt tình với công tác học sinh SV; hiểu rõ quy chế đào tạo tín chỉ, quy chế học sinh SV; quy định đánh giá kết quả rèn luyện SV. Quy định về công tác cố vấn học tập trong đào tạo hệ chính quy được nêu rất rõ trong các quy định do Nhà trường ban hành [H8.08.04.03].

Với sự chỉ đạo của Nhà trường và Ban chủ nhiệm Khoa Nghệ thuật, các cố vấn học tập và bộ phận tư vấn việc làm đã thực hiện tốt các chức năng và nhiệm vụ được giao. NH được tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập và việc làm [H8.08.04.16].

- Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch đào tạo và tình hình cụ thể của nhóm SV được phân công, các cố vấn học tập lên kế hoạch cố vấn cả năm gửi về Khoa và thông báo cho SV, cuối mỗi học kỳ gửi báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch cố vấn về Khoa [H8.08.04.03]. Ban chủ nhiệm khoa, cụ thể là Phó trưởng khoa phụ trách đào tạo trực tiếp theo dõi, quản lý, kiểm tra, giám sát và đôn đốc đội ngũ giáo viên cố vấn học tập thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ được giao.

- Vào đầu năm học, Khoa Nghệ thuật có kế hoạch triển khai các hoạt động thực tập, thực hành, thực tế cho SV. Các hoạt động này thường diễn ra ở các cơ sở thực hành là các trường phổ thông. GV hướng dẫn SV đi thực tập, thực tế là những cán bộ có kinh nghiệm giảng dạy, quản lý SV. Trong các kì thực hành, thực tập, SV được trực tiếp lên lớp giảng dạy hoặc làm công tác chủ nhiệm lớp. Sau mỗi đợt thực tập các em đều có những buổi trao đổi cùng GV, giáo viên cả lý thuyết và thực hành để một lần nữa nhìn lại những điều đã học và cách thức áp dụng vào thực tế sao cho hiệu quả nhất. Ngoài ra, các em cũng được các giáo viên truyền cảm hứng, bồi dưỡng lòng yêu nghề, sẵn sàng đối mặt với những khó khăn thử thách của nghề nghiệp [H8.08.04.10].

- Với đặc trưng là SV khối ngành sư phạm, SV Khoa Nghệ thuật có Chương trình rèn luyện NVSP hàng năm. Đây là chương trình chung của toàn Trường nhưng

mỗi ngành học đều xây dựng các hoạt động đặc thù của chuyên ngành. Để các hoạt động rèn luyện NVSP mang tính chất xuyên suốt năm học, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp của SV ngành SPMT, Khoa Nghệ thuật đã tổ chức các hoạt động như: Tập giảng dạy, đồ dùng học tập, xử lý tình huống, hùng biện... luôn thu hút sự tham gia của các em SV. Nhiều em trưởng thành về phong cách giảng dạy, về cách thức làm việc với học sinh thông qua những hoạt động này [H8.08.04.015].

SPMT là một ngành rất đặc thù, trong thực tiễn nhu cầu giáo viên mỹ thuật rất cao. Để nắm bắt thực trạng việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, Trường và khoa coi trọng các nghiên cứu thực tiễn về việc làm của SV sau khi ra trường. Trường đã chỉ đạo khoa khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp qua các năm [H8.08.04.06].

Từ năm 2018 đến nay, Nhà trường đã tổ chức Ngày hội việc làm và Khoa Nghệ thuật cũng tham gia để giới thiệu với các đơn vị tuyển dụng. Các đơn vị sử dụng nhân lực đã có cơ hội tìm hiểu và xác tín niềm tin về chất lượng đào tạo của Nhà trường; đồng thời truyền thông về đơn vị cũng như các vị trí việc làm cần tuyển dụng và kết nối, phỏng vấn trực tiếp với SV của Trường [H8.08.04.14]. Nhiều gian hàng được trưng bày và hoạt động hấp dẫn được tổ chức. Đây là cơ hội tốt giúp SV, đặc biệt là SV năm cuối tiếp cận trực tiếp với nhà tuyển dụng, nắm bắt được cơ hội nghề nghiệp, đồng thời có được những hiểu biết bổ ích cho việc làm trong tương lai. Khoa Nghệ thuật tổ chức rất nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ để cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH [H8.08.04.17].

Để hỗ trợ sinh viên có những cơ hội việc làm từ rất sớm, các thông tin tuyển dụng của các cơ sở gửi tới khoa, hoặc bằng các nguồn khác nhau mà cán bộ giảng viên trong khoa có được đều thông tin tới sinh viên trên bảng thông báo, Facebook của khoa (<https://www.facebook.com/khoanghethuat>).

Đối với những SV mới nhập học, sau một tháng học tập, Lãnh đạo Khoa chỉ đạo liên chi Đoàn, cố vấn học tập, ban cán sự lớp... tổ chức Chương trình Chào tân SV, mỗi năm sẽ có những chủ đề và cách thức tổ chức khác nhau. Đây là cuộc gặp mặt SV khóa mới để giới thiệu về lịch sử phát triển, cơ cấu tổ chức, đội ngũ GV, chương trình đào tạo, phương thức đào tạo, phương pháp học tập trong trường đại học và một số lưu ý trong quá trình học. Trong buổi gặp mặt với SV khóa mới, luôn có mặt đại diện BCN Khoa, giáo vụ, cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, các trợ lý khác và cán bộ GV của Khoa để giải đáp và tư vấn cho SV [H8.08.04.12].

Để khuyến khích SV học tập và nghiên cứu, hàng năm Nhà trường và các tổ chức đoàn thể có các chính sách học bổng, trợ cấp xã hội và học bổng khuyến khích học tập, khen thưởng động viên kịp thời trong những dịp đặc biệt: khen thủ khoa đầu

vào, khen thực tập sư phạm, khen NCKH, khen các cá nhân và tập thể, khen tốt nghiệp (thủ khoa, xuất sắc, giỏi) [H8.08.04.11], [H8.08.04.13], [H8.08.04.14].

### 2. Điểm mạnh

Khoa Nghệ thuật có quy trình/ kế hoạch và các nguồn lực triển khai tốt các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa mang tính đặc thù của ngành giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH.

Khoa Nghệ thuật tổ chức rất nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ để cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH.

### 3. Điểm tồn tại

Tăng cường hơn nữa việc thúc đẩy, khích lệ sinh viên NCKH.

### 4. Kế hoạch hành động

<b>T T</b>	<b>Mục c tiê u</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khích lệ, động viên và hỗ trợ để sinh viên tham gia NCKH, có nhiều bài NCKH hơn nữa.	Khoa chỉ đạo LCD, cố vấn học tập phối hợp thực hiện	2024-2025
		- Nâng cao chất lượng hướng dẫn và tư vấn của cố vấn học tập, tư vấn hỗ trợ việc làm cho SV.	Cố vấn HT của Khoa	
			Khoa chỉ đạo bộ phận cố vấn học tập và tư vấn việc làm.	
2	Phát huy điểm mạnh	Trong công tác TTSP, NVSP phát huy vai trò của cán bộ và sinh viên của ngành đặc thù, tạo ấn tượng tốt cho các cơ sở đào tạo liên kết thực tập. Các sân chơi, CLB tăng cường các hình thức tham gia để thu hút nhiều sinh viên tham gia và trải nghiệm nâng cao chuyên môn, kỹ năng.	Toàn thể giảng viên của Khoa Nghệ thuật	2024-2025

### 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

## **Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.**

### *1. Mô tả*

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội có khuôn viên thoáng đãng, sạch sẽ, tiện lợi với nhiều khu vực chức năng trên tổng diện tích lớn. Trường có nhiều hệ thống cây xanh, ghế đá, hệ thống đường đi rộng, dễ dàng di chuyển và tiếp cận các toà nhà, giảng đường và các khu vực chức năng khác đã tạo nên môi trường thoải mái, thân thiện với người học [H8.08.05.01], [H8.08.05.04]. Nhà trường và Khoa thường xuyên tổ chức hoạt động văn hóa văn nghệ, vui chơi giải trí, thể dục thể thao, hoạt động học thuật, hướng nghiệp... để tạo môi trường tâm lý thoải mái, giúp sinh viên yên tâm học tập và nghiên cứu. Nhà trường tiếp tục hoàn thiện việc đầu tư xây dựng cơ bản theo quy hoạch tổng thể của Trường để hình thành hệ thống giảng đường, nhà làm việc, kí túc xá, các công trình phụ trợ đồng bộ, đáp ứng quy mô đào tạo và nghiên cứu khoa học. Trường có hệ thống sân bóng đá, bóng rổ, bóng chuyền và nhà thi đấu đa năng tiêu chuẩn, có thể phục vụ hầu hết nhu cầu tập luyện và thi đấu của sinh viên nằm trên diện tích 3.868m<sup>2</sup>. [H8.08.05.01], [H8.08.05.03].

Hàng năm, sinh viên ngành Nghệ thuật được lấy ý kiến đánh giá về môi trường môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường, Khoa theo phiếu khảo sát chung của Nhà trường đối với người học. Các khảo sát này được thực hiện vào mỗi cuối năm học do TT ĐBCL của Nhà trường thực hiện thông qua các cố vấn học tập tại Khoa. Số liệu thống kê năm 2019, 2020 cho thấy 100% sinh viên Khoa Nghệ thuật hài lòng với môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường và Khoa [H8.08.05.09].

Khu Kí túc xá có hệ thống phòng ốc hiện đại, thoáng mát, với tổng diện tích sử dụng là 46.502 m<sup>2</sup>, gồm 237 phòng ở với sức chứa 1145 sinh viên, bình quân diện tích 8,3 m<sup>2</sup> sử dụng/1 sinh viên; được trang bị điện sáng và nguồn nước sạch, an ninh đầy đủ. Ngoài ra, sinh viên được dùng wifi miễn phí phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và giải trí [H8.08.05.01].

Công tác khám sức khỏe, quy định về quy tắc ứng xử và công tác đảm bảo an toàn cho người học được quy định rõ ràng và triển khai thường xuyên, hiệu quả. Hàng năm, sinh viên được thăm khám sức khỏe cơ bản định kỳ và hướng dẫn tham gia các hoạt động tích cực của y tế [H8.08.05.10]. Sinh viên được cung cấp Cẩm nang sinh viên và được phổ biến các văn bản về quy tắc ứng xử của cán bộ cũng như học sinh, sinh viên trong Nhà trường [H8.08.05.07]. Công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn học đường/an toàn vệ sinh thực phẩm được Trường, Khoa quan tâm chỉ đạo và giám sát hiệu quả [H8.08.05.08].

### *2. Điểm mạnh*

Người học được học tập, nghiên cứu khoa học và phát triển đầy đủ cả về thể chất, tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp.

### 3. Điểm tồn tại

Dù có nhà thi đấu đa năng, sân bóng song sinh viên mới chỉ được sử dụng trong các giờ chính khóa, các giờ ngoại khóa và thứ 7 chủ nhật chưa được tiếp cận để rèn luyện và nâng cao sức khỏe.

### 4. Kế hoạch hành động

<b>T T</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
1	Phát huy điểm mạnh	Tạo điều kiện cho sinh viên có đầy đủ điều kiện cho việc tập luyện và học tập: Có nhiều không gian sinh hoạt chuyên môn, các phòng chức năng để trải nghiệm ngành nghề đặc thù.	Có vấn học tập, Liên chi đoàn	8/2024
	Khắc phục điểm tồn tại	Một bộ phận sinh viên còn chưa tận dụng các khuôn viên của trường để tổ chức các hoạt động trải nghiệm thể thao, văn hoá văn nghệ.	Có vấn học tập, Liên chi đoàn	8/2024

### 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

#### **Kết luận về tiêu chuẩn 8:**

Công tác tuyển sinh của Nhà trường, Khoa được thực hiện đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Chính sách tuyển sinh của Khoa với những tiêu chí và phương pháp tuyển sinh rõ ràng, được cập nhật và được công khai đã giúp cho khoa có thể tuyển được thí sinh có chất lượng và phù hợp. Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau giúp giảng viên, cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học.

Trong quá trình hỗ trợ người học, việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được Khoa Nghệ thuật thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, thực hiện nhiều lần, giúp giảng viên, cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của người học.

Ban chủ nhiệm khoa, Ban chấp hành Liên chi đoàn - Hội sinh viên, giảng viên tổ chức nhiều hoạt động tư vấn, hỗ trợ hoạt động học tập, giúp sinh viên nâng cao thành tích học tập và tìm kiếm cơ hội việc làm khi ra trường; các hình thức hoạt động ngoại khóa đa dạng và được tổ chức thường xuyên, thiết thực (tham gia câu lạc bộ, nghiên cứu

khoa học, tham gia công tác tình nguyện...). Mặt khác, người học được học tập, nghiên cứu khoa học và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp.

### Đánh giá tiêu chuẩn 8:

Tiêu chí	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 8.1					X		
Tiêu chí 8.2					X		
Tiêu chí 8.3					X		
Tiêu chí 8.4					X		
Tiêu chí 8.5					X		
Điểm tiêu chuẩn	5,00						

### Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

#### Mở đầu

Để đảm bảo cho chất lượng đào tạo và nghiên cứu, học tập. Trường ĐHSPHN luôn chuẩn bị đầy đủ về cơ sở vật, trang thiết bị. Điều này được thể hiện thông qua hệ thống làm việc, phòng học, phòng chức năng, hệ thống phòng thí nghiệm và thực hành, có trung tâm thư viện hiện đại, hệ thống công nghệ thông tin bao phủ rộng khắp bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến. Nhà trường cũng đầu tư hệ thống sân vận động, ký túc xá, trạm y tế nhằm chăm lo, đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn cho cán bộ, sinh viên trong toàn trường.

**Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.**

#### 1. Mô tả

Trường ĐHSPHN có đủ giảng đường được trang bị đầy đủ trang thiết bị phù hợp để phục vụ hoạt động học tập của sinh viên [H9.09.01.01]. Nhà trường cũng có trung tâm nghiên cứu và phát triển nghiệp vụ sư phạm để phục vụ nhu cầu thực hành của sinh viên với hệ thống phòng học tiêu chuẩn, phòng máy tính đầy đủ [H9.09.01.02]. Ngoài các phòng trên, trường ĐHSPHN có hệ thống các phòng họp/tổ chức sự kiện dành cho cán bộ, giảng viên và sinh viên, có một khu riêng với diện tích rộng làm hội trường lớn, hội trường 11/10 có sức chứa 2000 ngàn sinh viên, cùng với các phòng họp khác nhỏ hơn bố trí ở các tòa nhà trong khuôn viên của trường như hội trường nhà K, hội trường nhà B cũng có sức chứa khoảng 300 sinh viên và cán bộ giảng viên

trong trường [H9.09.01.01]. Nhà trường có đầy đủ các phòng thực hành như phòng thực hành máy tính, phòng thí nghiệm với những thiết bị hiện đại, phù hợp và đáp ứng được nhu cầu của sinh viên. Ngoài ra, để phục vụ các hoạt động của sinh viên trường có hệ thống nhà thi đấu, sân vận động cũng như hệ thống ký túc xá dành cho sinh viên, đáp ứng đầy đủ các nhu cầu của sinh viên và cán bộ nhà trường. [H9.09.01.01].

Khoa Nghệ Thuật hiện tại đang được nhà trường bố trí ở một khu riêng dành cho cán bộ và giảng viên tại tầng 6, nhà D3 gồm có 5 phòng: phòng chủ nhiệm khoa, phòng phó chủ nhiệm khoa, phòng chung cho các tổ bộ môn/phòng giảng viên, phòng hành chính/giáo vụ và phòng đa năng/phòng họp. Các phòng đều được kết nối wifi/internet riêng của khoa. Phòng hành chính, phòng chủ nhiệm khoa và phó chủ nhiệm khoa được trang bị đầy đủ các phương tiện để ban chủ nhiệm khoa làm việc và điều hành như hệ thống máy tính, bàn ghế tiếp khách, hệ thống bàn làm việc tiêu chuẩn, tủ hồ sơ. Phòng chung cho các tổ bộ môn có diện tích 20m<sup>2</sup> với đầy đủ hệ thống bàn làm việc cho các giảng viên các tổ có thể cùng làm việc một thời điểm và sử dụng để họp chuyên môn. Phòng đa năng/phòng họp có diện tích 45 m<sup>2</sup>, trang bị hệ thống bàn ghế vừa để họp Khoa và sử dụng các hoạt động sinh hoạt chuyên môn cùng các hoạt động khác, phòng này cũng được trang bị hệ thống tủ sách để làm phòng thư viện của Khoa [H9.09.01.05; H9.09.01.03]. Hàng năm, Khoa đều có những đề xuất về việc bổ sung và thay mới các trang bị và cơ sở vật chất và được duyệt theo nhu cầu. [H9.09.01.04]. Sinh viên và giảng viên khoa Nghệ Thuật được sử dụng hệ thống các phòng học tại nhà D3, nhà V, nhà K và một số giảng đường tại các khu nhà khác trong Trường, phòng học có diện tích vừa đủ và khá tiện lợi trong công tác học tập và giảng dạy. Hầu như tất cả các phòng đều thoáng, sạch, có lắp đặt hệ thống điều hòa, quạt, hệ thống phục vụ việc học tập, để phục vụ cho chuyên ngành sư phạm mỹ thuật khoa nghệ thuật bố trí các phòng 602, 603, 604, 605, 606 được trang bị cơ sở vật chất đặc thù cho sinh viên và giảng viên ngành sư phạm mỹ thuật như: Bàn đá, bàn xoay sắt, bàn ghế kê mẫu, giá vẽ sắt, tượng mẫu thạch cao, bể nước, khung tranh, pano dán tranh, máy in tranh áp lực [H9.09.01.05]; [H9.09.01.06].

Qua khảo sát lấy ý kiến phản hồi của giảng viên, người học về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành của Nhà trường và về hệ thống phòng học, giảng đường lớn, hệ thống trang thiết bị phục vụ CTĐT ngành Sư phạm



Mỹ thuật, được 95% người học, giảng viên đánh giá mức độ “tốt” [H9.09.01.07]; [H9.09.01.08].

## 2. Điểm mạnh

Khuôn viên trường rộng rãi, thoáng mát, đầy đủ các phòng làm việc, phòng chức năng, phòng học với những trang thiết bị phù hợp, hiện đại đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH của sinh viên, giảng viên và các cán bộ. Cơ sở vật chất của Khoa cũng được cung cấp và thiết kế phù hợp với môi trường làm việc của giảng viên trong khoa, được thường xuyên bổ sung, cập nhật và thay mới.

## 3. Điểm tồn tại

Một số phòng học vẫn còn có máy chiếu cũ, hình ảnh trình chiếu không rõ nét, mờ, nhòe. Do thời gian sử dụng một số trang thiết bị đã xuống cấp.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thay thế máy chiếu tại các phòng học có máy chiếu cũ, hình ảnh trình chiếu không rõ nét, mờ, nhòe, đầu tư và sửa chữa những trang thiết bị đã xuống cấp	Phòng Quản trị	năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì khuôn viên trường rộng rãi, thoáng mát, đầy đủ các phòng làm việc, phòng chức năng, phòng học với những trang thiết bị phù hợp, hiện đại đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH của sinh viên, giảng viên và các cán bộ			

## 5. Tự đánh giá: 5/7

**Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.**

### 1. Mô tả

Trường ĐHSPTHN có TT-TV với đầy đủ phòng đọc, trang thiết bị, nguồn học liệu phù hợp phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho sinh viên.

TT – TV là một tòa nhà độc lập 4 tầng có diện tích sử dụng khoảng 5.881m<sup>2</sup> và 1.200 chỗ ngồi với đầy đủ trang thiết bị và bàn ghế chuyên dụng, phù hợp với hoạt động của

thư viện [H9.09.02.01] [H9.09.02.02]. Hiện nay, đội ngũ cán bộ chuyên môn của Trung Tâm Thông tin – Thư viện gồm 30 người (27 viên chức, 03 người lao động, nam 6 người, nữ 24 người) với cơ cấu tổ chức gồm có ban giám đốc (02 người) và 02 tổ chuyên môn (tổ nghiệp vụ tin học, tổ phục vụ bạn đọc). Về trình độ, 100% cán bộ chuyên môn có trình độ cử nhân trở lên trong đó có 13 thạc sĩ chiếm 48,1%, 17 đại học và trình độ khác [H9.09.02.01]. Những năm gần đây, Trung tâm Thông tin-Thư viện đã có nhiều cải tiến trong công tác tổ chức hoạt động, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về thông tin tài liệu, học tập, giảng dạy, nghiên cứu của đông đảo cán bộ, giảng viên và sinh viên toàn trường. Ngoài ra TT-TV còn hưởng ứng tổ chức hoạt động ngày sách Việt nam khuyến khích các bạn đọc đến với Thư viện và tiếp tục khẳng định vai trò, tầm quan trọng của sách đối với việc nâng cao trí thức, giáo dục và rèn luyện nhân cách con người, khuyến khích và phát triển phong trào đọc sách trong cộng đồng, huy động mọi nguồn lực xã hội để tổ chức Ngày sách và văn hoá đọc Việt Nam theo hướng đa dạng, phong phú [H9.09.02.03].

Trung tâm có đầy đủ các các văn bản thông báo công khai thời gian phục vụ bạn đọc, nội quy, quy định cũng như các thông báo hướng dẫn tra cứu tài liệu và sử dụng thiết bị tại Trung tâm Thông tin – Thư viện hàng năm. Đặc biệt, trong nhiều năm qua, Trung tâm đã mở cửa phục vụ ngoài giờ tất cả các buổi trưa và buổi tối trong tuần [H9.09.02.04].

Trung tâm Trung tâm hiện tại có 06 phòng đọc với hơn 1200 chỗ ngồi; quản lý hơn 114.010 đầu tài liệu với gần 289.100 bản in ấn; cơ sở dữ liệu điện tử hơn 115.257 biểu ghi thư mục, (tính đến 30/6/2023); Tài liệu số có: 15.379 luận án, luận văn, 14.746 bài tạp chí, 246 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, cấp Nhà nước, 281 tên sách. Trung Tâm Thông tin - Thư viện trang bị 9 máy in; 9 đầu đọc mã vạch; 5 máy quét; 3 thiết bị lưu trữ; 16 hệ thống Switch; 5 Access point; 1 máy chiếu; 32 máy điều hòa không khí; nhiều thiết bị nghe nhìn và các thiết bị khác [H9.09.02.01]. Trung tâm Thông tin - Thư viện có nội quy, yêu cầu khi mượn tài liệu tại các phòng chức năng riêng biệt [H9.09.02.04]. Đồng thời, Trung tâm Thông tin - Thư viện được trang bị phần mềm Libol 8.0 và có phân hệ tra cứu tài liệu (OPAC); ngoài ra Trung tâm hỗ trợ thêm cho bạn đọc tra cứu trên hệ thống mục lục truyền thống và thư mục thông báo sách mới [H9.09.02.01].

Hàng năm, Trung tâm Thông tin – Thư viện luôn có những thông báo công khai gửi

đến các đơn vị trong toàn trường về việc bổ sung tài liệu cũng như tài liệu đã mua để cán bộ, sinh viên, học sinh trong toàn trường biết và tham khảo [H9.09.02.06]. Nhà trường cũng luôn dành một khoản kinh phí thường xuyên để đầu tư mua tài liệu bổ sung (sách, báo, tạp chí) cho Trung tâm theo đề nghị bổ sung tài liệu thực tế của các Khoa hàng năm [H9.09.02.07]. Các phòng chức năng của Trung tâm có thể dễ dàng thống kê số lượt bạn đọc và số lượt tài liệu được mượn, trả; cũng như quản lý từng tài liệu sinh viên đã mượn [H9.09.02.08].

Công tác phục vụ bạn đọc luôn được chú trọng, bên cạnh các kho đóng, Trung tâm đã tổ chức các kho phục vụ theo hình thức mở để người đọc được trực tiếp vào kho lựa chọn tài liệu, hình thức phục vụ này không những tiết kiệm được thời gian tra tìm tài liệu mà còn kích thích hứng thú của bạn đọc. Phòng đọc đa phương tiện cũng đã thu hút được một số lượng lớn bạn đọc đến sử dụng các thiết bị, các dạng tài liệu điện tử cho mục đích học tập nghiên cứu. Tổng số lượt bạn đọc đến thư viện trong 5 năm gần đây là 267.623 lượt [H9.09.02.08].

Khoa Nghệ Thuật có phòng tư liệu riêng tích hợp trong phòng họp chung để sinh viên có thể tiếp cận có thể dành cho 15 sinh viên tra cứu tài liệu cùng một thời điểm. Sinh viên và giảng viên trong khoa, ngoài nguồn tài liệu tại TT TT-TV trường còn có thể tham khảo thêm tài liệu tại phòng tư liệu khoa. Hầu hết nhu cầu về sách và tài liệu tham khảo của giảng viên và sinh viên trong Khoa đều được đáp ứng đầy đủ đặc biệt là các giáo trình, sách và tài liệu tham khảo, tài liệu bài giảng của từng môn học [H9.09.02.11]. Khoa cũng có nguồn tài liệu đặc thù về ngành Sư phạm Mỹ Thuật phong phú do có sự đóng góp rất tích cực từ mỗi giảng viên trong Khoa đây là một nguồn tài liệu vô cùng phong phú cho sinh viên có thể tra cứu những thông tin mới nhất, cập nhật nhất. Hệ thống tài liệu trong phòng tư liệu khoa đều được sắp xếp khoa học để sinh viên có thể dễ dàng tiếp cận [H9.09.02.10].

Hàng năm, TT TT-TV có lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về các nguồn học liệu và chất lượng phục vụ của TT TT-TV. Nhìn chung, giảng viên, người học cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của hệ thống thư viện của Nhà trường. [H9.09.02.09]

## **2. Điểm mạnh**

Trung tâm TT-TV của Trường có đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng cơ bản nhu cầu cho người học và giảng viên. Giảng viên và người học có thể tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và tải về cơ sở dữ liệu của Nhà

trường, các thư viện trong và ngoài nước.

### 3. Điểm tồn tại

Cần tăng cường bổ sung các giáo trình điện tử để thuận tiện cho việc nghiên cứu, học tập của sinh viên.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Bổ sung nguồn tài liệu, giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập cho ngành Sư phạm Mỹ thuật trên trang web của Khoa Cần tăng cường bổ sung các giáo trình điện tử để thuận tiện cho sinh viên học tập và nghiên cứu	Khoa Nghệ Thuật	2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Phát huy nguồn tài liệu sách Mỹ thuật tại khoa Nghệ Thuật	Khoa Nghệ Thuật	2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

### Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

#### 1. Mô tả

Nhà trường có hệ thống phòng thí nghiệm, phòng thực hành phục vụ đào tạo và nghiên cứu với cơ sở vật chất, trang thiết bị đầy đủ và hiện đại. Đối với các khoa cần phòng thí nghiệm như sinh học, hóa học, vật lý...nhà trường có riêng mỗi phòng thí nghiệm tại các khoa đó [H9.09.03.01].

Ngoài hệ thống phòng thí nghiệm, nhà trường cũng quan tâm đến việc đầu tư các phòng thực hành giảng dạy cho sinh viên tại trung tâm NC&PT Nghiệp vụ Sư phạm với các thiết bị hiện đại để phục vụ việc thực hành giảng dạy của sinh viên như hệ thống phòng học chuẩn, bàn ghế dễ tiếp cận, máy chiếu, bảng phấn, bảng viết [H9.09.03.01]. Đối với các môn đặc chuyên ngành mỹ thuật có sử dụng máy tính nhà trường đã bố trí cho sinh viên khoa Nghệ thuật tại các giảng đường nhà K, hay các môn có thực hành máy tính như môn Tin học chuyên ngành sư phạm Mỹ thuật thì được bố trí tại tầng 5 Nhà Trường đã đầu tư đầy đủ các phòng thực hành tin học (14 phòng tại tầng 5 và tầng 8 nhà K1) và các phòng thực hành tiếng (5 phòng từ tầng 8 đến tầng 11 nhà K1). Các phòng thực hành này đều có trang thiết bị phù hợp như hệ

thông máy tính có kết nối internet (435 bộ), máy chủ, hệ thống máy chiếu (18 bộ), hệ thống âm thanh-video-loa đài (đủ cho 14 phòng thực hành) và các phần mềm cơ bản phục vụ đào tạo (MS Windows 10, MS. Office 2010, Unikey) [H9.09.03.01]. [H9.09.03.03]. Đặc thù ngành Sư phạm Mỹ Thuật là các hoạt động thực hành vẽ và nghiên cứu của sinh viên được diễn ra tầng 6 nhà D3 có đầy đủ trang thiết bị để phục vụ cho ngành học Sư phạm Mỹ thuật bao gồm các phòng 602, 603, 604, 605, 606 được trang bị cơ sở vật chất đặc thù cho sinh viên và giảng viên ngành sư phạm mỹ thuật như: Bàn đá, bàn xoay sắt, bàn ghế kê mẫu, giá vẽ sắt, tượng mẫu thạch cao, bể nước, khung tranh, pano dán tranh, máy in tranh áp lực [H9.09.03.02].

Hàng năm, nhà trường đều tiến hành lấy phiếu khảo sát của người học về công tác giảng dạy của giảng viên và khảo sát về khoa ngành học để làm cơ sở cho việc đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị. Nhà trường luôn coi trọng các ý kiến đánh giá của người học và các bên liên quan [H9.09.03.05] về mức độ hài lòng đối với hệ thống PTN, PTH và các trang thiết bị phục vụ đào tạo. Theo thang đánh giá 5 bậc từ hoàn toàn không đồng ý (mức 0) đến hoàn toàn đồng ý (mức 4), trên 88% người học chọn mức 3 (đồng ý về cơ bản) và mức 4 (Hoàn toàn đồng ý) với đánh giá “Cơ sở vật chất/trang thiết bị của Trường đáp ứng tốt các yêu cầu thực hành của ngành học. Kết quả khảo sát lấy ý kiến của GV cho thấy trên 69% hài lòng, chọn mức 3 (đồng ý về cơ bản) và mức 4 (Hoàn toàn đồng ý) với đánh giá “Cơ sở vật chất/trang thiết bị của Trường đáp ứng tốt các yêu cầu thực hành của ngành học [H9.09.03.05].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

## 3. Điểm tồn tại

Diện tích của các phòng thực hành chưa đáp ứng được được thực hành nghề của sinh viên

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cải tạo lại các phòng thực hành phù hợp với chuyên ngành đặc thù của ngành sư phạm Mỹ thuật	Khoa Nghệ thuật, Trường ĐHSPTHN	Năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm	Tiếp tục đảm bảo phòng làm việc, phòng học, phòng thí	Trường ĐHSPTHN	Năm học 2024-2025	

	manh	nghiện, thực hành được bố trí hợp lý và đáp ứng yêu cầu đào tạo của nhà trường			
--	------	--	--	--	--

## 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.**

### 1. Mô tả

Cổng thông tin điện tử của Trường ĐHSPHN tại địa chỉ [hnu.edu.vn](http://hnu.edu.vn) hoạt động hiệu quả, nội dung phong phú; cập nhật đầy đủ các mặt hoạt động của Nhà trường. Mọi thông tin về Nhà trường như công tác tuyển sinh, năng lực đào tạo, đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất đều được chia sẻ đầy đủ trên cổng thông tin này [H9.09.04.04]. Người học có thể tìm kiếm các thông tin cần thiết nhanh chóng và thuận lợi. Cũng trên cổng thông tin này, mỗi cán bộ được cấp một không gian riêng (có tài khoản và password) để cập nhật thông tin cá nhân, và chia sẻ tài liệu giảng dạy với đồng nghiệp và sinh viên. Ngoài ra, Nhà trường cũng dành một server riêng truy cập nội bộ tại địa chỉ <http://10.1.1.88> cho phép sinh viên và giảng viên lưu trữ và chia sẻ dữ liệu chung. Để thuận tiện cho công tác quản lý và sử dụng trang thông tin điện tử, và hệ thống mạng, trường cũng đã có các quy định cụ thể cho các hoạt động tại trang thông tin điện tử và hệ thống mạng, dịch vụ mạng của trường [H9.09.04.05]; [H9.09.04.10].

Khoa Nghệ thuật có trang thông tin điện tử với đầy đủ nội dung và giao diện đẹp, thông tin về Cơ sở vật chất Khoa, lý lịch khoa học của cán bộ giảng viên, cơ cấu khoa, các bài viết, thông báo và nguồn tư liệu cũng như các thông tin tuyển sinh. Trang web của Khoa được thường xuyên cập nhật và giao cho một nhóm cán bộ quản [H9.09.04.03]

Nhà Trường đã đầu tư đưa vào sử dụng mạng lưới CNTT hiện đại và đồng bộ [H9.09.04.02]. Tất cả các giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng nghiên cứu, thư viện và kí túc xá đều có mạng Internet với tốc độ 2Gbps [H9.09.04.01], [H9.09.04.06]. Nhà Trường nói chung và khoa Nghệ thuật nói riêng đều có website, các cổng thông tin trên hệ thống website đã hỗ trợ phục vụ đắc lực cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và các công tác khác của nhà trường [H9.09.04.03]. Không chỉ đối với người học, Nhà trường cũng đã sử dụng phần mềm để quản lý giờ dạy/giờ nckh/các nhiệm vụ khác của giảng viên (<https://qlnt.hnu.edu.vn/Account/Login>). Nhằm đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng cao, nhà trường đã đầu tư trang thiết bị, hỗ trợ CNTT đáp ứng yêu cầu dạy và học trực tuyến như 01 phòng máy chủ đạt chuẩn Tie2 đáp ứng khoảng 20.000 người học cùng, hệ thống

lưu trữ khoảng 50T, hạ tầng mạng và máy chủ phục vụ tốc độ 10Gbps nội bộ (LAN Network), hệ thống cáp quang kết nối 22 toà nhà trong trường, 01 phòng sản xuất học liệu (Studio) trường quay ảo 3D, 06 phòng học trực tuyến [H9.09.04.10]. Cũng qua hệ thống học trực tuyến này, nhà trường đã tổ chức các lớp bồi dưỡng cho các cán bộ các tỉnh và đào tạo trực tuyến cho sinh viên trong trường. Đồng thời với đó là tổ chức tập huấn nâng cao nghiệp vụ đào tạo trực tuyến cho các khoa và bộ môn, nhằm khuyến khích cán bộ giảng viên áp dụng CNTT trong đào tạo [H9.09.04.12].

Nhà Trường cũng đã thành lập Trung tâm CNTT để làm công việc chuyên trách quản lý CNTT cho cả trường [H9.09.04.09];[H9.09.04.08]. Để duy trì hoạt động của hệ thống trang thiết bị CNTT hiện có, Nhà Trường luôn có thông báo để khuyến nghị các đơn vị kiểm tra, rà soát và đề xuất duy tu bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng về CNTT để hỗ trợ phục vụ tốt nhất hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học [H9.09.04.10].

Để hệ thống CNTT hoạt động ổn định, an toàn, Nhà Trường đã đầu tư kinh phí mua các phần mềm có bản quyền, phần mềm bảo vệ hệ thống và đầu tư mua mới, nâng cấp hệ thống CNTT hiện có [H9.09.04.10]. Để đáp ứng và phục tốt cho chương trình đào tạo nhà trường đã tổ chức đánh giá phản hồi người học, giảng viên và các bên liên quan về mức độ phù hợp của hệ thống CNTT [H9.09.04.11].

## 2. Điểm mạnh

Hệ thống công nghệ thông tin của nhà trường đồng bộ, hiện đại. Các hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH và quản lí của Nhà trường được tin học hóa sử dụng hệ thống thông tin điện tử và các phần mềm chuyên dụng. Sinh viên và cán bộ giảng viên có thể dễ dàng tiếp cận mạng internet, dữ liệu trực tuyến, làm thủ tục và đăng ký tín chỉ qua mạng.

## 3. Điểm tồn tại

Tốc độ đường truyền internet đôi lúc còn chậm, có lúc chưa đáp ứng hoàn toàn nhu cầu truy cập của người dùng trong giảng dạy và nghiên cứu

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tốc độ đường truyền internet đôi lúc còn chậm, có lúc chưa đáp ứng hoàn toàn nhu cầu truy cập của người dùng trong giảng dạy và nghiên cứu	Khoa Nghệ Thuật Trường ĐHSHPN	2024-2025	
		Đa dạng hoá các phần mềm soạn	Trường	2024-	

		thảo bài giảng và kỹ thuật giảng dạy trực tuyến	ĐHSPHN	2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì Hệ thống công nghệ thông tin của nhà trường đồng bộ, hiện đại...	Trường ĐHSPHN	2024-2025	

## 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

### Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

#### 1. Mô tả

Trường ĐHSPHN luôn chú trọng đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn cho người sử dụng cơ sở vật chất và các trang thiết bị. Việc đề xuất kế hoạch và tổ chức công tác và phân công y tế trường học nhằm chăm sóc và bảo vệ sức khỏe ban đầu, đảm bảo môi trường và sức khỏe cho giảng viên, cán bộ và người học trong trường, nhà trường đã có những quy định về môi trường và sức khỏe [H9.09.05.01], [H9.09.05.02]; [H9.09.05.12]. Nhà trường cũng thành lập Ban chỉ đạo phòng cháy, chữa cháy và Ban an toàn vệ sinh lao động để trực tiếp chỉ đạo thực hiện các hoạt động về phòng cháy chữa cháy và an toàn vệ sinh trong toàn trường [H9.09.05.03]; [H9.09.05.05];[H9.09.05.08]. Đồng thời, Nhà trường đã kí hợp đồng với Công ty vệ sinh môi trường để đảm bảo vệ sinh các phòng học, các khu giảng đường trong khuôn viên toàn trường [H9.09.05.16].

Về việc bảo vệ sức khỏe cho cán bộ và học viên sinh viên, Trường có Trạm Y tế riêng với đầy đủ các trang thiết bị y tế đáp ứng nhu cầu được trợ giúp kịp thời của sinh viên khi gặp vấn đề về sức khỏe [H9.09.05.13]. Trạm Y tế phối hợp với các đơn vị, phòng, ban trong trường thường xuyên tổ chức các đợt khám sức khỏe định kỳ, mở các đợt tuyên truyền, truyền thông, tư vấn về giới tính, sức khỏe sinh sản, tham gia bảo hiểm bắt buộc cho sinh viên, cán bộ [H9.09.05.15]; [H9.09.05.14]; [H9.09.05.17].

Công tác phòng cháy - chữa cháy của Nhà trường luôn được đảm bảo và thực hiện triệt để trong khuôn viên toàn trường. Tất cả các tòa nhà đều được bố trí hệ thống phòng cháy chữa cháy. Mọi hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn trước hết phải được thực hiện bằng lực lượng và phương tiện tại chỗ [H9.09.05.03];[H9.09.05.09]. Nhà trường sẵn sàng lực lượng, phương tiện, phương án và các điều kiện để ứng phó kịp thời khi có cháy nổ để hạn chế thấp nhất các hậu quả



về người và tài sản [H9.09.05.08] Trường có những quy định chung về phòng cháy chữa cháy, thường xuyên kiểm tra hệ thống phòng cháy chữa cháy trong khuôn viên trường, thường xuyên cử cán bộ đi tập huấn về công tác phòng cháy chữa cháy [H9.09.05.05];[H9.09.05.10].

Công tác bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội trong trường học được ban giám hiệu quan tâm. Nhà trường có bộ phận Bảo vệ thường xuyên được bồi dưỡng về nghiệp vụ, chuyên môn để bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh cho Nhà trường [H9.09.05.04];[H9.09.05.06];[H9.09.05.11]. Bộ phận này thường xuyên được cung cấp thông tin về tình hình trật tự, an ninh của địa phương nơi Trường đóng qua hội nghị tổng kết công tác an ninh cụm. Nhà trường có các quy định rõ ràng, cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của Phòng Bảo vệ. Nhân viên bảo vệ được trang bị phương tiện và trang phục đáp ứng yêu cầu của công việc. Đội ngũ chuyên trách bảo vệ làm việc theo đúng quy định và yêu cầu của Trường và đạt nhiều thành tích cao [H9.09.05.07] Nhà trường đã có những lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật, như bố trí lối đi, thang máy tại một số các tòa nhà, KTX. Tuy nhiên, một số tòa nhà xây dựng trước đây chưa có phòng vệ sinh riêng và đường dành riêng cho người khuyết tật [H9.09.05.18].

Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về công tác vệ sinh môi trường và an toàn cho thấy hầu hết đề có những ý kiến tích cực về công tác này [H9.09.05.19].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho cán bộ và sinh viên; có phòng y tế độc lập phục vụ tốt nhu cầu y tế của cán bộ và sinh viên.

## 3. Điểm tồn tại

Một số tòa nhà xây dựng trước đây chưa có phòng vệ sinh riêng và đường dành riêng cho người khuyết tật.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng phòng vệ sinh riêng và dành riêng cho người khuyết tật tại các tòa nhà chưa có	Trường ĐHSPHN	Năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Cung cấp đầy đủ các hướng dẫn về vệ sinh an toàn cho sinh viên cũng như những dữ liệu về y tế cho sinh viên	Phòng bảo vệ và Trạm y tế Trường	Năm học 2024-2025	

			ĐHSPHN		
--	--	--	--------	--	--

## 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

### Kết luận tiêu chuẩn 9:

Trường ĐHSPHN khuôn viên trường rộng rãi, thoáng mát, đầy đủ các phòng làm việc, phòng chức năng, phòng học với những trang thiết bị phù hợp, hiện đại đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH của sinh viên, giảng viên và các cán bộ. Cơ sở vật chất của Khoa cũng được cung cấp và thiết kế phù hợp với môi trường làm việc của giảng viên trong khoa, được thường xuyên bổ sung, cập nhật và thay mới. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp, đặc biệt có Trung tâm rèn luyện nghiệp vụ sư phạm hiện đại phục vụ cho hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm của sinh viên, hỗ trợ các hoạt động đào tạo khác và hoạt động nghiên cứu khoa học. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho các ngành; Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn đều đạt yêu cầu.

### Tự đánh giá tiêu chuẩn 9:

Tiêu chí	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 9.1					5		
Tiêu chí 9.2					5		
Tiêu chí 9.3					5		
Tiêu chí 9.4					5		
Tiêu chí 9.5					5		
Điểm tiêu chuẩn	5.0						

## Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng.

### Mở đầu

Trường ĐHSPHN rất chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo. Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan để thiết kế và phát triển chương trình dạy học. Công tác nâng cao chất lượng được thực hiện chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (giảng viên, người học, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, chuyên gia) để thiết kế và phát triển, cải tiến chương trình dạy học đến việc thường xuyên rà soát để đảm bảo

chất lượng quá trình dạy-học phù hợp với chuẩn đầu ra. Ngoài ra, việc áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến việc dạy và học, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích như phòng thí nghiệm, thư viện, trung tâm công nghệ thông tin... tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan có tính hệ thống cũng luôn được đánh giá và cải tiến

### **Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học**

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Trường và Khoa đã và đang thực hiện các quy trình quản lý nâng cao chất lượng một cách chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (giảng viên, người học, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, cán bộ quản lý, nhân viên... ) để thiết kế và phát triển chương trình dạy học đến việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

Trung tâm Đảm bảo chất lượng là đơn vị đầu mối để thu thập thông tin phản hồi từ phía các bên liên quan (cựu SV, nhà khoa học chuyên môn, GV, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động...) để làm cơ sở tham mưu cho Nhà trường trong công tác đảm bảo chất lượng [H10.10.01.01; H10.10.01.02].

Trung tâm đã ban hành Hướng dẫn quy trình, công cụ, phương pháp thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để làm cơ sở tham mưu cho ban giám hiệu trong hoạt động bảo đảm chất lượng nhà trường [H10.10.01.03] gồm 7 bước cụ thể như sau:

- + *Bước 1: Xây dựng kế hoạch khảo sát. Các khoa đào tạo lập kế hoạch khảo sát chi tiết theo kế hoạch của nhà trường và gửi lên TT ĐBCL.*
- + *Bước 2: Tổ chức thu thập thông tin: TT ĐBCL chuẩn bị phiếu khảo sát; ban hành công văn chỉ đạo triển khai khảo sát; phối hợp với các Khoa để triển khai điều tra các đối tượng liên quan*
- + *Bước 3: Xử lý thông tin và phân tích kết quả (phân loại phiếu, sử dụng phần mềm SPSS để xử lý dữ liệu thu thập được; phân tích kết quả)*
- + *Bước 4: Viết báo cáo tổng hợp từ các thông tin thu thập được*
- + *Bước 5: Công bố báo cáo tổng hợp. TT ĐBCL công bố báo cáo và gửi kết quả đến hiệu trưởng, gửi dữ liệu tách riêng đến các đơn vị liên quan.*
- + *Bước 6: Cải tiến và thực hiện cải tiến. Các đơn vị họp thảo luận về kết quả đánh giá, lập kế hoạch cải tiến và gửi kế hoạch cải tiến cho TT ĐBCL.*
- + *Bước 7: Lưu trữ dữ liệu khảo sát và minh chứng.*

Hàng năm, trung tâm thực hiện lấy ý kiến của SV về chất lượng giảng dạy học phần cuối mỗi kỳ, lấy ý kiến của nhà khoa học chuyên môn, GV, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên về CTĐT, lấy ý kiến của SV năm cuối về chất lượng khóa/ngành đào tạo, lấy ý kiến của người học đối với đội ngũ phục vụ (cán bộ hành chính)... [H10.10.01.04; H10.10.01.05; H10.10.01.06].

Kết quả ý kiến khảo sát lấy ý kiến của sinh viên về CTĐT, CTDH, phương pháp giảng dạy của GV đã được thu thập và xử lý và là cơ sở để Khoa [H10.10.01.07; H10.10.01.08].

Từ năm 2019 đến nay Khoa đã có 2 lần chỉnh sửa CTĐT, CTDH. Một lần chỉnh sửa dựa trên cơ sở góp ý của các bên chuyên gia vào năm 2019 (và được phê duyệt năm 2020). Hội đồng Khoa đã dựa trên những ý kiến góp ý của chuyên gia, giảng viên, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, sinh viên để rà soát và xây dựng CTĐT, CTDH ngành SPMT năm 2020 [H10.10.09; H10.10.10; H10.10.11]. Khoa cũng chủ động tìm hiểu để tham khảo CTDH về ngành SPMT của các trường đại học trong nước. Ở trong nước, chương trình của khoa đã có đối sánh với CTĐT ngành SPMT của trường Đại học Mĩ thuật TP Hồ Chí Minh và Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương về mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra chương trình, khung chương trình [H10.10.01.10]. Từ các ý kiến góp ý của chuyên gia, giảng viên cơ sở thực hành và nhà tuyển dụng, cũng như từ đối sánh với các chương trình tương đương, khoa đã xây dựng và thông qua Hội đồng nghiệm thu, tiến hành xây dựng đề cương chi tiết học phần và chương trình thực hành cho sinh viên chính quy. Các ý kiến này đã được HĐKH&ĐT khoa tiếp thu và được thể hiện trong điều chỉnh chương trình năm 2020, giảm số tín chỉ ở một số học phần thực hành mỹ thuật, chuyển một số học phần bắt buộc sang tự chọn. Tăng số tín chỉ cho các học phần về phương pháp dạy học chuyên ngành, nghiệp vụ sư phạm để đảm bảo sự hợp lí về dung lượng các học phần, có nhiều nội dung liên quan trực tiếp đến chương trình môn Mĩ thuật ở phổ thông. Đến năm 2022, khoa Nghệ thuật tiếp tục tổ chức chỉnh sửa CTĐT, bổ sung, cập nhật thêm giáo trình, tài liệu tham khảo ở một số đề cương học phần. Bổ sung điều kiện tiên quyết cho các học phần chuyên ngành mỹ thuật [H10.10.01.12]. Bên cạnh đó, Khoa còn tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm về dạy học SPMT, cũng như lấy ý kiến của các chuyên gia, các cơ sở thực hành và thực tập về chương trình đào tạo [H10.10.01.13].

So với CTDH năm 2015, CTDH năm 2020 và 2022 không có sự thay đổi nhiều về tổng số tín chỉ, nhưng đã có sự điều chỉnh về số lượng các tín chỉ của các khối kiến thức. Cụ thể: Tăng số lượng tín chỉ ở các khối kiến thức chung (từ 20TC lên 35TC); khối kiến thức đào tạo và rèn luyện NVSP (từ 34TC lên 35TC) và giảm số tín chỉ ở khối kiến thức chuyên ngành (71TC xuống 66TC). Như vậy, chương trình ngành

SPMT năm 2020 đã có sự điều chỉnh phù hợp với chủ trương chung của trường ĐHSPHN [H10.10.01.12].

Về đề cương học phần, chương trình ngành SPMT năm 2020 chuyển từ tiếp cận xây dựng chương trình theo chuẩn kiến thức, kỹ năng sang tiếp cận năng lực. Đến năm 2022 khi chương trình đã được thực hiện được 3 năm, khoa có chỉnh sửa giảm bớt điều kiện tiên quyết ở một số học phần, đổi tên một số học phần. Thay đổi hình thức kiểm tra, đánh giá ở một số học phần. Bổ sung, cập nhật thêm giáo trình, tài liệu tham khảo ở một số đề cương học phần cho phù hợp [H10.10.01.12].

Các buổi tổng kết kiến tập, thực tập tại các cơ sở thực hành hàng năm là buổi trao đổi giữa giáo viên hướng dẫn thực hành và sinh viên với BCN khoa về công tác tổ chức, nội dung thực tập, những thắc mắc của sinh viên về sự khác biệt và những điều chưa được học khi tiếp cận với thực tiễn...như: Ý kiến sinh viên về vận dụng các kiến thức và kỹ năng khi làm việc với cá nhân, nhóm và cộng đồng ... là căn cứ cho Khoa, ngành rà soát, xây dựng và chỉnh sửa chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội [H10.10.01.13]. Lần chỉnh sửa này tập trung vào cập nhật các tài liệu tham khảo, điều chỉnh mục tiêu một số học phần, điều chỉnh bổ sung thêm một số phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá ở một số học phần.

Năm 2019, 2020, 2021, Nhà trường đã ban hành Quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học. Quy trình được quy định thống nhất gồm 7 bước. Từ năm 2019 đến nay, Quy trình thiết kế và phát triển CTDH do nhà trường ban hành xác định mục tiêu của CTĐT, xây dựng CDR của CTĐT và từng môn học cũng như có phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với thực tiễn người học và nhu cầu nhà tuyển dụng. Để hoàn thiện CTĐT và CDR, Khoa cũng đã tiến hành thẩm định chương trình đào tạo mới được xây dựng. Căn cứ vào hướng dẫn của nhà trường ở trên, năm 2019, Khoa Nghệ thuật, ngành SPMT đã tiến hành lấy ý kiến của các bên liên quan như nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, ý kiến của các chuyên gia giảng viên. Các cuộc thảo luận nhóm tập trung do khoa NT tổ chức để đưa CTDH ra lấy ý kiến chuyên gia, sinh viên, đều được đánh giá tốt về cấu trúc, tính logic và tích hợp của chương trình về tính đáp ứng với nhu cầu phát triển của ngành nghề trong thực tế. Cụ thể, chuyên gia đánh giá chương trình dạy học có sự thống nhất chung với các chương trình dạy học của các cơ sở khác đào tạo về SPMT ở Việt Nam, có sự thống nhất và logic về thứ tự giảng dạy các môn học lý thuyết và thực hành. Sinh viên đánh giá các học phần trong chương trình đều phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông. Hội đồng khoa học Khoa NT cùng nhóm chuyên gia tiếp tục rà soát lại CTĐT, CTDH. CTĐT được điều chỉnh lại như, thay đổi dạy học phần tự chọn theo yêu cầu thực tế, bổ sung những học phần theo nhu cầu của sinh viên và nhà tuyển dụng. Thiết kế lại nội dung đề cương của mỗi học phần đảm bảo sự phù hợp, logic

và đáp ứng với CDR của mỗi học phần, đồng thời áp dụng tổ hợp các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá đa dạng như bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận, thuyết trình, kiểm tra trắc nghiệm - thi tự luận, thực hành, thực tập vv... phù hợp cho mỗi học phần nhằm giúp người học phát triển tốt các kỹ năng cần thiết và đáp ứng được CDR.

Như vậy, hệ thống thu thập thông tin từ Trường đến Khoa về những phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (sinh viên, cựu người học, nhà sử dụng lao động, giảng viên...) được sử dụng để làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình.

#### 1. Điểm mạnh

Có hệ thống thu thập thông tin từ Trường đến Khoa về những phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (sinh viên, cựu người học, nhà sử dụng lao động, giảng viên...) được sử dụng để làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình.

#### 2. Điểm tồn tại

Một số bước trong quy trình thu thập thông tin về những phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan vẫn chưa thực hiện được thường xuyên hoặc một số hoạt động thu thập chưa được mở rộng đa dạng.

Số lượng ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động, cựu người học còn chưa nhiều. Chưa thực hiện thu thập ý kiến phản hồi từ chuyên gia nước ngoài.

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện thường xuyên và bổ sung hoạt động thu thập mở rộng việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan trong việc thiết kế và phát triển CTDH Tăng cường số lượng lấy ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động, cựu người học Thu thập lấy ý kiến từ chuyên gia nước ngoài	Khoa NT, Ngành SPMT TT ĐBCL	Năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan (SV, CB quản lý, nhà sử dụng lao động và cựu SV...) Duy trì họp HĐKH&ĐT Trường và Khoa định kỳ về rà soát CTDH, CTĐT nhằm đảm bảo cập nhật CTĐT 2 năm/lần.	TT ĐBCL Phòng Đào tạo Khoa NT	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

## **Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến**

1.

### *Mô tả hiện trạng*

CTDH, CTĐT cử nhân SPMT theo học chế tín chỉ được thiết kế đảm bảo đúng yêu cầu của Bộ GD&ĐT. Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT quy định rõ về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu năng lực và người học phải đạt được và quy trình xây dựng, thẩm định ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học. Trên cơ sở này, CTĐT cử nhân SPMT được thiết kế gồm 135 tín chỉ (phù hợp với mức tối thiểu 120 tín chỉ đến 150 - 180 tín chỉ quy định trong thông tư 07/2015), các yêu cầu kiến thức, kỹ năng và năng lực của cử nhân SPMT phù hợp với yêu cầu năng lực tối thiểu của người tốt nghiệp chương trình giáo dục đại học theo thông tư 07/2015. Nhà trường và Khoa NT, ngành SPMT cũng căn cứ Thông tư 08/2011/TT-BGDĐT, về quy định điều hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng để đảm bảo các yêu cầu về quản lý chương trình, cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên phù hợp với yêu cầu mở ngành đào tạo và thẩm định chương trình đào tạo [H10.10.02.01]

Ngoài ra, chương trình cũng được căn cứ vào vào CDR được ban hành năm 2009 và theo Quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học của Trường ĐHSPHN [H10.10.02.02].

Hướng dẫn quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học và chương trình Bồi dưỡng của Trường ĐHSPHN ngày 21/09/2021, CTDH trong CTĐT Cử nhân Sư phạm MT được thiết kế và phát triển theo quy trình cụ thể, gồm các bước như sau [H10.10.02.02] :

*Bước 1: Khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực theo trình độ và ngành/ chuyên ngành đào tạo; khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp ngành/chuyên ngành đào tạo kết hợp với yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp.*

*Bước 2: Xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của CTĐT;*

*Bước 3: Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT, xây dựng CTĐT đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra;*

*Bước 4: Đối chiếu, so sánh với CTĐT cùng trình độ, cùng ngành/ chuyên ngành của các cơ sở đào tạo khác ở trong nước và nước ngoài để hoàn thiện CTĐT;*

*Bước 5: Thiết kế đề cương chi tiết các học phần theo CTĐT đã xác định;*

*Bước 6: Tổ chức hội thảo lấy ý kiến của GV, cán bộ quản lý trong và ngoài cơ sở đào tạo, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan và người đã tốt nghiệp (nếu có) về CTĐT;*

*Bước 7: Hoàn thiện dự thảo CTĐT trong cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên*

liên quan và trình Hội đồng khoa học và đào tạo của cơ sở đào tạo xem xét tiến hành các thủ tục thẩm định và áp dụng;

*Bước 8: Đánh giá và cập nhật thường xuyên nội dung chương trình môn học và phương pháp giảng dạy dựa trên các tiến bộ mới của lĩnh vực chuyên ngành và yêu cầu của việc sử dụng lao động.*

Nhà trường đã ra công văn yêu cầu các Khoa, bộ môn trực thuộc trường rà soát CĐR và CTĐT và ra quyết định về việc ban hành khung chuẩn đầu ra, hướng dẫn các quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT trình độ ĐH [H10.10.02.03]. Nhà trường đã thành lập Ban xây dựng CTĐT Đại học và Sau ĐH, Hội đồng Khoa thực hiện rà soát, xem xét những nội dung, hoạt động đã thực hiện theo quy trình phát triển CTDH của Bộ GD&ĐT, đã có khảo sát nhu cầu của nhà tuyển dụng; Xác định mục tiêu CTĐT; Thiết kế đề cương chi tiết các học phần của CTĐT....

Hội đồng Khoa đã họp và thống nhất:

- Hoàn thiện, chỉnh sửa chuẩn đầu ra. Xây dựng ma trận chuẩn đầu ra và nội dung chương trình.
- Rà soát các học phần bắt buộc, tự chọn ở các khối kiến thức. Cập nhật, điều chỉnh nội dung các môn học/học phần trong chương trình.
- Đối với các nhóm chuyên môn, tập trung xem xét, rà soát, điều chỉnh: Mục tiêu/chuẩn năng lực cần hình thành, nội dung học phần, Tài liệu tham khảo; Vấn đề kiểm tra, đánh giá của học phần. Nên giảm số tín chỉ ở một số học phần thực hành mỹ thuật, chuyển một số học phần bắt buộc sang tự chọn. Tăng số tín chỉ cho các học phần về phương pháp dạy học chuyên ngành, nghiệp vụ sư phạm để đảm bảo sự hợp lý về dung lượng các học phần và bởi vì đây là những học phần có nhiều nội dung liên quan trực tiếp đến chương trình môn Mỹ thuật ở phổ thông.
- Khoa sẽ lên kế hoạch để định kỳ khảo sát nhu cầu, đánh giá của sinh viên, cựu học viên, các bên có liên quan để phát triển chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

Trong thiết kế và phát triển dạy học năm 2020 [H10.10.02.04; H10.10.02.05] cho phù hợp với tình hình của Khoa. Khoa đã bám sát các bước theo quy trình hướng dẫn của nhà trường để thiết kế và phát triển CTDH theo yêu cầu CĐR, phù hợp với CTĐT của các cơ sở đào tạo trong nước.

CTĐT có mục tiêu đào tạo cụ thể, đã xây dựng được CĐR của CTĐT, và xây dựng được CĐR của từng môn học. Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức môn học, xây dựng CTDH đảm bảo mục tiêu đào tạo và CĐR. Xây dựng ma trận các học phần qua các sơ đồ trực quan để xác định các vấn đề liên kết trong CTDH. Đã xác định và thiết lập phương pháp đánh giá trong quá trình dạy học Dựa trên ý kiến của các bên liên



quan đã cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH phù hợp với thực tiễn. [H10.10.02.06]

Như vậy, quy trình thiết kế và phát triển CTDH năm 2019-2022 đã được cải tiến so với năm 2017. Theo Quy trình đó, Trường ĐHSPHN, Khoa Nghệ thuật, ngành SPMT đã tiến hành khảo sát ý kiến của các bên liên quan lấy ý kiến phản hồi về CTĐT khỏi các ngành đặc thù. Ngành SPMT đã hoàn thiện CDR môn học 2020 và chỉnh sửa đề cương chi tiết học phần theo CDR mới năm 2022 [H10.10.02.07; H10.10.02.08; H10.10.02.09].

Khoa NT, ngành SPMT từ năm 2019 đã thực hiện việc thiết kế và phát triển CTDH có quy trình cụ thể, đồng thời thực hiện rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTDH và đã có những cải tiến. CTĐT có mục tiêu đào tạo cụ thể, đã xây dựng được CDR của CTĐT, và xây dựng được CDR của từng môn học. Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức môn học, xây dựng CTDH đảm bảo mục tiêu đào tạo và CDR. Xây dựng ma trận các học phần qua các sơ đồ trực quan để xác định các vấn đề liên kết trong CTDH. Đã xác định và thiết lập phương pháp đánh giá trong quá trình dạy học. Dựa trên ý kiến của các bên liên quan đã cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH phù hợp với thực tiễn.

## 2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển CTDH đã được thiết lập, được đánh giá và cải tiến đúng quy trình.

## 3. Điểm tồn tại

Mặc dù đã thực hiện các quy trình thiết kế và phát triển CTDH, nhưng việc rà soát đánh giá vẫn chưa thực sự làm tốt, ý kiến phản hồi từ các nhà sử dụng người lao động chưa thực sự được chú trọng, nên việc cải tiến còn chậm.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Kết nối với đồng đảo các nhà tuyển dụng để lấy ý kiến phản hồi về quy trình thiết kế, phát triển CTDH	Khoa NT, Ngành SPMT	Năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa tiếp tục thực hiện các quy trình thiết kế và phát triển CTDH Thực hiện rà soát, đánh giá, là cơ sở để cải tiến CTDH ngành SPMT	Khoa NT, Ngành SPMT, Toàn thể GV	Năm học 2024-2025

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

**Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra**

*1. Mô tả hiện trạng*

Trường ĐHSPHN và Khoa NT, ngành SPMT tiến hành rà soát và đánh giá quá trình dạy và học chuyên ngành SPMT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Nhà trường ban hành các quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ ĐH theo hệ thống tín chỉ [H10.10.03.01] Ban chủ nhiệm Khoa Nghệ thuật cũng căn cứ vào đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT cử nhân SPMT [H10.10.03.02], rà soát hoạt động dạy học cũng như đánh giá kiểm tra, kết quả học tập của sinh viên theo cơ chế đào tạo tín chỉ. Các quy định về hoạt động dự giờ, đánh giá giờ giảng của giảng viên trong khoa mục đích để các giảng viên có thể học hỏi, tự đánh giá về việc sử dụng các phương pháp dạy học tích cực đáp ứng yêu cầu mục tiêu chương trình môn học, phục vụ công tác đánh giá quá trình dạy học của giảng viên. Kế hoạch phân công giảng viên tham gia dự giờ và họp đánh giá về hoạt động dạy học của giảng viên trong tổ bộ môn nhằm đóng góp ý kiến cho các giảng viên về nội dung bài giảng, cách thức tổ chức dạy học, các phương pháp giảng dạy, cách thức tiến hành kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV [H10.10.03.03].

Mỗi học kỳ, Khoa thường tổ chức các cuộc họp giữa Ban lãnh đạo Khoa và Hội đồng khoa học Khoa nhằm mục đích kịp thời nắm bắt về tình hình chung của SV cũng như công tác đào tạo, thi cử, kiểm tra, đánh giá [H10.10.03.04; H10.10.03.05; H10.10.03.06; H10.10.03.07]. Bên cạnh đó, kết thúc mỗi học kỳ, Trung tâm ĐBCL của trường đều phối hợp cùng Khoa tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học liên quan tới chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên, hoạt động kiểm tra đánh giá. Giảng viên được đánh giá trên các tiêu chí về phẩm chất, mức độ và hiệu quả hoạt động dạy học trên lớp. Hoạt động kiểm tra, đánh giá được đánh giá về hình thức và phương pháp. Kết quả thu được cho thấy nhìn chung giảng viên có chất lượng giảng dạy đạt hiệu quả tốt và được SV đánh giá cao [H10.10.03.08]. Liên tục qua các năm từ 2019 đến 2023, giảng viên Khoa NT đã thực hiện tương đối tốt về nề nếp dạy học, kỹ năng tổ chức quản lý lớp, thái độ ứng xử với sinh viên, nội dung dạy học, phương pháp giảng dạy, hoạt động kiểm tra đánh giá. Đây cũng là một kênh thông tin góp phần đánh giá hiệu quả giảng dạy, xếp loại cán bộ hàng năm, bình bầu thi đua khen thưởng các cấp.

Việc đánh giá kết quả của người học cũng được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích với CĐR. Quá trình xây dựng nội dung kiểm tra, đánh giá từng học phần bám sát vào mục tiêu và CĐR học phần. Các học phần đều được quy

định về phân nhiệm CDR của chương trình đào tạo, và xây dựng quy trình cách thức đánh giá bám sát các mục tiêu học phần và chương trình đào tạo.

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được Nhà trường quy định rõ trong đề cương chi tiết học phần và quy chế đào tạo tín chỉ của trường, chỉ rõ hình thức, thời gian và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá [H10.10.03.02]. Các lần kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ bao gồm: ý thức học tập (chuyên cần, thái độ), đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Trong đó, đối với đào tạo theo hệ thống tín chỉ được quy định điểm chuyên cần chiếm trọng số là 10% trong tổng số điểm, điểm giữa kỳ chiếm 30%; điểm thi kết thúc học phần là 60%. Hội đồng khoa học của khoa đã ban hành văn bản quy định về quy trình thực hiện các hình thức đánh giá, kiểm tra kết quả học tập của sinh viên, hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần được đa dạng hóa theo yêu cầu và sự chủ động của giảng viên nhằm đáp ứng mục tiêu học phần, bao gồm: thi thực hành, thi viết, làm bài tiểu luận cá nhân, nhóm,... [H10.10.03.09]. Các hình thức kiểm tra, đánh giá môn học được thực hiện theo đề cương chi tiết của từng học phần đã được thay đổi, chỉnh sửa và bổ sung trong đề cương chi tiết của mỗi học phần. Các hình thức kiểm tra đánh giá như: thi thực hành, thi viết, làm bài tiểu luận cá nhân, nhóm, ... phù hợp với đặc thù của từng môn học và các tổ bộ môn. Kết quả học tập của sinh viên còn được đánh giá thông qua thực tập, thực hành, NCKH của SV nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng với CDR [H10.10.03.10]. Việc ra đề, chấm thi đều được thực hiện theo quy trình chặt chẽ, đảm bảo tính khách quan, chính xác và được quy định cụ thể trong văn bản của Nhà trường và Khoa cũng tiến hành rà soát, đánh giá vào cuối năm học [H10.10.03.11].

Trong tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh trên toàn TG, Nhà trường đã thành lập tổ công tác: Tổ chức nghiên cứu, xây dựng và triển khai hệ thống LMS-TEMIS và cơ sở hạ tầng CNTT tại trường ĐHSPHN để có thể tiến hành triển khai dạy và học qua mạng cho SV, đồng thời tập huấn cho GV sử dụng hệ thống quản lý học tập qua mạng [H10.10.03.12]. Việc kiểm tra, đánh giá vẫn được thực hiện đầy đủ, và việc báo cáo công tác đào tạo qua mạng được thực hiện đầy đủ trong năm học 2019-2020.

Qui định về công tác CVHT trong đào tạo ĐH và chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường ĐHSPHN [H10.10.03.13], thực sự đã đem lại nhiều lợi ích thiết thực trong việc hỗ trợ người học, đồng thời có thể tiếp cận được những ý kiến phản hồi sát thực nhất trong quá trình đào tạo. Việc phân công cán bộ, GV làm công tác CVHT các năm được khoa đề xuất lên trường và trường ra quyết định là một qui trình chặt chẽ, đem lại hiệu quả thiết thực [H10.10.03.14], là một trong những kênh đánh giá thường xuyên để đảm bảo độ tương thích và phù hợp với CDR.

Quy chế Thực tập sư phạm của trường ĐHSPTN [H10.10.03.15] được ban hành phù hợp với ngành đào tạo cử nhân SPMT và các ngành SP nói chung. Thực tập SP là nội dung bắt buộc trong chương trình đào tạo GV. Khoa phân công các GV có kinh nghiệm, có chuyên môn nghiệp vụ tốt, có tinh thần trách nhiệm cao để hướng dẫn SV về nghiệp vụ và TTSP, phân công cán bộ giảng dạy làm nhiệm vụ Trưởng đoàn thực tập [H10.10.03.16]. Trong thời gian TTSP, SV xây dựng kế hoạch thực tập từng đợt, từng tuần và thông qua GV hướng dẫn của trường thực tập, soạn GA, dự giờ, tổ chức hoạt động giáo dục HS lớp chủ nhiệm... TTSP nhằm tổ chức cho sinh viên tham gia vào cuộc sống nghề nghiệp trong nhà trường phổ thông, vận dụng kiến thức Tâm lý học, GD học và kiến thức chuyên ngành MT vào các hoạt động thực tiễn ở trường PT để hình thành năng lực GD và nâng lực dạy học cơ bản, hình thành ý thức, thái độ tích cực của SV sư phạm đối với nghề nghiệp và chủ động, sáng tạo tự rèn luyện nâng cao năng lực nghề nghiệp bản thân. Tổng kết TTSP hằng năm [H10.10.03.10] là cơ sở cho việc thẩm định sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập với CDR

Nhờ rà soát, cập nhật thường xuyên nên các giảng viên của khoa luôn đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên: dạy học giải quyết vấn đề, dạy học theo dự án, dạy học dựa vào tình huống. Các phương pháp đánh giá chú trọng đánh giá thường xuyên, đa dạng, đánh giá quá trình, đánh giá thông qua hoạt động và sản phẩm hoạt động.

## 2. Điểm mạnh

Quá trình dạy và học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra. Quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện đồng bộ, nghiêm túc, các hình thức kiểm tra đánh giá được thiết kế đa dạng, linh hoạt, phù hợp với chuẩn đầu ra.

## 3. Điểm tồn tại

Việc kiểm tra đánh giá theo quy trình đã được ban hành nhưng vẫn còn một bộ phận giảng viên chưa thực hiện đồng bộ và thường xuyên.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đồng bộ hóa trong việc đánh giá quá trình dạy học của các giảng viên thông qua các hoạt động dự giờ, trao đổi chuyên môn khoa học trong tổ, lấy ý kiến của đồng nghiệp trong Khoa....	Giảng viên ngành SPMT	Từ năm học 2024 -2025

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát chương trình dạy học, đề cương chi tiết các học phần. Thực hiện điều chỉnh định kỳ các phương pháp giảng dạy và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập, TTSP của SV đáp ứng yêu cầu CDR.	Giảng viên ngành SPMT	Từ năm học 2024-2025
---	--------------------	--	-----------------------	----------------------

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

#### **Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học**

##### *1. Mô tả hiện trạng*

NCKH và đào tạo có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, NCKH tạo cơ sở cho việc thực hiện tốt hơn hoạt động dạy và học. Trong các quyết định về việc qui định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với GV của trường ĐHSPHN, cùng các bổ sung sửa đổi hằng năm thì nhiệm vụ NCKH là một phần quan trọng để đánh giá chất lượng đội ngũ GV [H10.10.04.01; H10.10.04.02]. Trường đã nhận thức rõ về điều này nên đã có văn bản quy định về hoạt động khoa học và công nghệ [H10.10.04.03]. Hằng năm, Trường cũng như khoa NT khuyến khích các GV và SV tham gia NCKH trong đó thể hiện mục tiêu sử dụng kết quả đó phục vụ việc dạy và học. Việc GV, SV tham gia NCKH không những bổ sung thường xuyên và chuyên sâu kiến thức mà còn có thể sử dụng những nghiên cứu đó để phục vụ thiết thực cho việc dạy-học. Đối với GV NCKH là nhiệm vụ được quy định và trường có các hình thức hỗ trợ động viên phù hợp và được khen thưởng kịp thời. Từ năm 2019 đến nay, các giảng viên Khoa NT, ngành SPMT có các đề tài NCKH, các bài báo, sách và tham gia nhiều hoạt động sáng tác và trưng bày tranh trong nước và quốc tế [H10.10.04.04]. Những đề tài NCKH của Khoa đều có mối liên quan với dạy và học, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của Khoa.

Công tác xuất bản sách, giáo trình phục vụ học tập cũng được GV đặc biệt quan tâm, đã có rất nhiều cuốn sách được xuất bản. Những tài liệu này là tâm huyết của các Giảng viên của Khoa NT, nhằm mang lại cho người học những tài liệu học có sự đầu tư chín chu về mặt chất lượng, dựa trên nhu cầu cũng như trình độ thực tế của SV và nhu cầu của nhà tuyển dụng, phục vụ cho hoạt động đào tạo của Khoa. Bên cạnh đó, các giảng viên trong khoa có tham gia viết bài cho các tạp chí, hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về nâng cao chất lượng, phương pháp giảng dạy để phục vụ cho quá trình dạy và học của Khoa. Hằng năm, Khoa tổ chức các buổi seminar khoa học thiết thực và hiệu quả [H10.10.04.05], đồng thời khuyến khích và tổ chức các cuộc triển lãm trưng bày tác phẩm của GV tại trường. Nhiều GV thường xuyên tham gia các triển lãm trưng bày tác phẩm trong và ngoài nước [H10.10.04.04].

Khoa NT được sự hỗ trợ của Nhà trường và phối hợp với các ban ngành đã thường

xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học; tổ chức hội nghị Sinh viên nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao tinh thần học hỏi giao lưu giữa các GV cũng như người học trong toàn khoa. Hội nghị SV NCKH của sinh viên cũng được triển khai định kỳ hằng năm [H10.10.04.06]. SV tham gia NCKH được vận dụng những kiến thức lý thuyết trong thực hành và luôn được khích lệ bởi các quyết định trao thưởng kịp thời từ nhà trường. Những báo cáo khoa học của SV đã giúp SV hiểu và tăng khả năng và trau dồi năng lực nghiên cứu, biết vận dụng những kiến thức và thực tiễn [H10.10.04.07; H10.10.04.08]. Quá trình GV NCKH và hướng dẫn SV NCKH cũng là cơ sở để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV. Khoa luôn khuyến khích SV tham gia các triển lãm trưng bày tác phẩm của SVMT trong nước và có nhiều kết quả tốt, đạt được nhiều giải thưởng và bằng khen [H10.10.04.09].

Các hoạt động trong tuần rèn luyện NVSP được thực hiện định kỳ hằng năm trong khoa và nhà trường đem lại những kiến thức bổ ích, làm tiền đề cho việc TTSP ở các trường PT. Trong tuần này SV được tìm hiểu về nghề đào tạo GDMT ở trường PT, vai trò của GD NT trong GD toàn diện cho HS, tìm hiểu nội dung chương trình và nhiệm vụ của GV Mĩ thuật, trao đổi thảo luận về hoạt động trải nghiệm, luyện tập, thực hành kiến tập, nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp cho SV. Ngoài ra SV còn được hướng dẫn xây dựng kế hoạch giảng dạy và công tác chủ nhiệm, thực hành xử lý tình huống trong quá trình dạy học [H10.10.04.10]

## 2. Điểm mạnh

Kết quả NCKH của GV và SV được sử dụng để cải tiến vào việc dạy và học ở mức khá tốt, phong phú, đa dạng.

## 3. Điểm tồn tại

Do đặc thù nghề nghiệp luôn gắn với thực hành nên một bộ phận giảng viên chưa chú trọng vào các đề tài NCKH hay viết báo, sách mà chủ yếu sáng tác tác phẩm phù hợp với chuyên môn giảng dạy.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Các giảng viên cần tích cực tham gia NCKH và công bố các kết quả NCKH qua các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế, cũng như hội thảo khoa học trong nước và quốc tế liên quan đến phương pháp giảng dạy và kiểm tra	Khoa NT, ngành SPMT	Hằng năm

		đánh giá người học.		
2	Phát huy điểm mạnh	Các giảng viên tiếp tục tích cực, chủ động trong tham gia các đề tài NCKH cấp Bộ, cấp Trường ... Công bố các tác phẩm Mĩ thuật, là những nghiên cứu phục vụ cho hoạt động đào tạo của Khoa.	Khoa NT, ngành SPMT	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

### **Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến**

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Tất cả chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng công tác giảng dạy, học tập, NCKH. Nhà trường luôn xác định nhiệm vụ trọng tâm của chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) đó là thái độ phục vụ và chất lượng phục vụ. Việc cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích này phải dựa trên những báo cáo đánh giá các mức độ đáp ứng của các dịch vụ này. Để có hiệu quả trong việc đánh giá chất lượng dịch vụ, nhà trường đã ra văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích.

Nhà trường đã ban hành văn bản hướng dẫn quy trình lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan. Trong đó, có nội dung lấy ý kiến phản hồi của người học về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác [H10.10.05.01]. Quy trình cụ thể như sau:

+ *Bước 1: Xây dựng kế hoạch khảo sát. Các khoa đào tạo lập kế hoạch khảo sát chi tiết theo kế hoạch của nhà trường và gửi lên TT ĐBCL.*

+ *Bước 2: Tổ chức thu thập thông tin: TT ĐBCL chuẩn bị phiếu khảo sát; ban hành công văn chỉ đạo triển khai khảo sát; phối hợp với các Khoa để triển khai điều tra các đối tượng liên quan*

+ *Bước 3: Xử lý thông tin và phân tích kết quả (phân loại phiếu, sử dụng phần mềm SPSS để xử lý dữ liệu thu thập được; phân tích kết quả)*

+ *Bước 4: Viết báo cáo tổng hợp từ các thông tin thu thập được*

+ *Bước 5: Công bố báo cáo tổng hợp. TT ĐBCL công bố báo cáo và gửi kết quả đến hiệu trưởng, gửi dữ liệu tách riêng đến các đơn vị liên quan.*

+ *Bước 6: Cải tiến và thực hiện cải tiến. Các đơn vị họp thảo luận về kết quả đánh giá, lập kế hoạch cải tiến và gửi kế hoạch cải tiến cho TT ĐBCL.*

+ *Bước 7: Lưu trữ dữ liệu khảo sát và minh chứng.*

**Hoạt động của thư viện:** Nhà trường có một trung tâm thư viện khá lớn cho cán bộ và SV toàn trường. Các tài liệu và học liệu trong thư viện được cập nhật và mua bổ sung hàng năm để phục vụ nhu cầu của bạn đọc. Dựa trên Hướng dẫn quy trình lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan, hàng năm thư viện nhà trường cũng đã định kỳ lấy ý kiến phản hồi của GV, SV về mức độ đáp ứng tài liệu của thư viện, thư viện điện tử phục vụ công tác đào tạo và NCKH của GV, SV [H10.10.05.02; H10.10.05.03]. Thực hiện kiểm kê, đánh giá chất lượng của thư viện [H10.10.05.04; H10.10.05.05]. Trên cơ sở lấy ý kiến đánh giá, thư viện đề xuất với BGH nhà trường về việc tiến hành mua sắm, bổ sung các thiết bị để cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, như bổ sung sách, báo, mua bán các phần mềm điện tử ... [H10.10.05.06; H10.10.05.07; H10.10.05.08]. Ngoài việc sử dụng thư viện chung của trường, tại các bộ môn trong Khoa có phòng tư liệu của bộ môn lưu trữ các sách, khoá luận, luận văn tốt nghiệp cho các SV có thể mượn đọc tham khảo và nghiên cứu dưới dạng bản cứng. Thư viện cũng bổ sung trang thiết bị, máy tính phục vụ tra cứu tài liệu bạn đọc; HD khai thác sử dụng tài liệu số phục vụ học tập trực tuyến do ảnh hưởng COVID-19 (năm 2019, 2020) [H10.10.05.09; H10.10.05.10; H10.10.05.11]. Hàng năm, Trường và Khoa đều tiến hành lấy ý kiến của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng ngành, khóa đào tạo, trong đó có nội dung về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) [H10.10.05.02]. Kết quả khảo sát của Thư viện năm 2019 cho thấy 85% bạn đọc cho rằng tra cứu thuận lợi trên cơ sở dữ liệu và 15% bạn đọc cho là khó khăn, hoặc 38% ý kiến bạn đọc cho là CSVC thư viện tốt, 55% cho là khá và 7% cho là trung bình. Năm 2021 kết quả đánh giá của SVTN về cơ sở vật chất, hệ thống CNTT, tài liệu đáp ứng các yêu cầu đào tạo có mức độ hài lòng trung bình của các nội dung là 92,1%.

**Hoạt động của hệ thống Công nghệ thông tin:** Nhà trường có hệ thống mạng Internet dùng chung cho toàn trường. Hệ thống này được trang bị rộng khắp khuôn viên Trường, Thư viện và trong Kí túc xá, bao gồm cả mạng không dây (wi-fi) và mạng có dây (cable). Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động quản lý của trường. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản trị mạng (Trung tâm Công nghệ thông tin), đảm bảo hệ thống mạng hoạt động thông suốt. Để đảm bảo hoạt động sử dụng CNTT có mục đích và hiệu quả, việc nâng cấp và bảo trì các hệ thống phần mềm phục vụ, hỗ trợ công tác dạy và học được thực hiện thường xuyên nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo



và nghiên cứu, theo dõi phản hồi người học và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống công nghệ thông tin, nhà trường đã xây dựng và ban hành một số văn bản về quy chế quản lý hệ thống mạng và sử dụng dịch vụ mạng của trường ĐHSPTH, đảm bảo có sự hỗ trợ, đáp ứng tất cả nhu cầu sử dụng máy tính, mạng của các đơn vị, giảng viên và người học, quy chế hoạt động của Cổng thông tin điện tử Trường ĐHSPTH có ban biên tập và quản trị viên hệ thống để quảng bá hình ảnh của Trường và cung cấp thông tin cũng như tiếp nhận mọi ý kiến đóng góp và trao đổi nhằm nâng cao chất lượng phục vụ [H10.10.05.12]. Ngày 24/10/2019, Nhà trường đã được Bộ GD&ĐT phê duyệt đề án “Nâng cao năng lực về cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ thông tin trong khuôn khổ chương trình ETEP tại Trường ĐHSPTH” với mục tiêu: Phát triển cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng CNTT, hệ thống thông tin phục vụ cho công tác đào tạo và bồi dưỡng giảng viên của Trường ĐHSPTH [H10.10.05.13; H10.10.05.14; H10.10.05.15; H10.10.05.16; H10.10.05.17]. Ngoài ra nhà trường còn chú trọng hỗ trợ SV như tập huấn phần mềm đào tạo tín chỉ, trang Web hướng dẫn đăng ký tín chỉ. Trong thời gian phòng chống dịch Covid hệ thống đào tạo trực tuyến đã được triển khai kịp thời và đạt được những hiệu quả nhất định trong đào tạo [H10.10.05.18; H10.10.05.19].

***Tư vấn hỗ trợ người học về công tác đào tạo, tư vấn việc làm:*** Cố vấn học tập của Khoa tổ chức họp lớp định kỳ; nhân viên văn phòng khoa hướng dẫn, giải quyết các vấn đề học vụ cho SV kịp thời/hiệu quả; Các thông tin liên quan quá trình học của SV được cung cấp kịp thời: lịch học/lịch thi/đăng ký học phần được công khai để SV dễ dàng sắp xếp thời gian học theo học chế tín chỉ; Cán bộ nhân viên thân thiện nhiệt tình tư vấn hỗ trợ SV về các vấn đề đào tạo...). Nhà trường và Khoa còn thường xuyên tập huấn bổ sung kiến thức và kỹ năng cho SV Sư phạm. Việc bảo đảm sức khỏe trong thời gian học tập cũng được nhà trường quan tâm tới từng SV, như là việc khám sức khỏe, tư vấn tâm lý cho SV [H10.10.05.20; H10.10.05.21; H10.10.05.22] và phun hóa phòng dịch được làm thường xuyên [H10.10.05.23]. Trong thời gian dịch Covid 19, nhà trường và khoa đã rất nỗ lực giúp đỡ, hỗ trợ SV có hoàn cảnh khó khăn rất kịp thời. Để có thể thấu hiểu SV hơn nữa, Nhà trường luôn tổ chức giao lưu đối thoại để tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của SV, định kỳ tổ chức các ngày hội việc làm; có mạng lưới cựu SV tại website: [allumni.hnue.edu.vn](http://allumni.hnue.edu.vn) cung cấp thông tin việc làm... [H10.10.05.24; H10.10.05.25; H10.10.05.26; H10.10.05.27].

Như vậy, có thể thấy, dựa trên mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ, nhà trường thường xuyên thực hiện cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ [H10.10.05.28].

Với những nỗ lực không ngừng trong việc cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ,

Trường ĐHSPHN nói chung và Khoa NT, ngành SPMT nói riêng luôn mong muốn cung cấp các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đạt chất lượng nhất cho cán bộ, giảng viên và người học

### 2. Điểm mạnh

Chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được cải tiến kịp thời theo từng năm học dựa trên phản hồi và đánh giá của người học

### 3. Điểm tồn tại

Khoa chưa xây dựng được kế hoạch về dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, chưa có kiến nghị và đề xuất kịp thời.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát lại chất lượng của các thiết bị máy móc ở các giảng đường và thay thế những thiết bị đã sử dụng lâu, không còn tốt, đồng thời nâng cấp hệ thống mạng wifi ổn định hơn nhằm phục vụ công tác dạy và học. Phát triển thư viện tài liệu tham khảo tại Khoa để có thể đáp ứng nhu cầu tra cứu của GV và SV	Nhà trường và Khoa NT, ngành SPMT	Từ năm học 2024 -2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục và định kỳ lấy ý kiến của các bên liên quan để nâng cấp, cải tiến dịch vụ đáp ứng yêu cầu dạy và học.	Nhà trường (Thư viện, TTCN...) và Khoa NT, ngành SPMT.	Hàng năm

5. Tự đánh giá : Đạt mức 5/7

**Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến**

#### 1. Mô tả hiện trạng

Trung tâm Đảm bảo chất lượng và khảo thí được thành lập theo Quyết định số 437/QĐ-ĐHSPHN, ngày 21/03/2005 và có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong công tác đánh giá, kiểm định, đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường; đồng thời nghiên cứu, tư vấn về tổ chức Tự đánh giá định kỳ, theo

các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ GD&ĐT, của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục quốc gia, khu vực. Trung tâm là đầu mối thu thập các thông tin phản hồi của các bên liên quan đến các hoạt động của nhà trường và đã được đổi tên đơn vị theo QĐ 4573 năm 2018 [H10.10.06.01].

Năm 2021, Nhà trường ban hành Quyết định số 5376b/QĐ-ĐHSPHN quy định công tác ĐBCL nội bộ [H10.10.06.02]. Trong quy định đã đưa ra quy định về hệ thống khảo sát các bên liên quan. Trên cơ sở đó, Trung tâm Đảm bảo chất lượng xây dựng hướng dẫn quy trình lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan, trong đó có chỉ rõ công cụ, phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý, sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan [H10.10.06.03; H10.10.06.04; H10.10.06.05; H10.10.06.06].

Hàng năm, Trung tâm đảm bảo chất lượng phối hợp cùng Khoa Nghệ thuật thực hiện công tác lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về công tác giảng dạy của GV tiến hành định kỳ 2 lần/năm học sau khi thi kết thúc học phần; Lấy ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối về chất lượng ngành/ khóa đào tạo tiến hành 1 lần/năm sau khi SV năm cuối kết thúc thi tốt nghiệp cuối khóa ; Khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau 1 năm tốt nghiệp tiến hành 1 lần/năm [H10.10.06.07; H10.10.06.08; H10.10.06.09; H10.10.06.10]. Ngoài ra, Trung tâm còn thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (người học, cựu người học, GV, nhà tuyển dụng) về chương trình đào tạo; Lấy ý kiến của người học về cán bộ hành chính; Lấy ý kiến của người học về các dịch vụ công [H10.10.06.11; H10.10.06.12; H10.10.06.13].

Việc thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi được thực hiện đúng trình tự, khoa học. Phương pháp sử dụng đa dạng, các công cụ sử dụng có độ tin cậy. Kết quả phản hồi thu được là căn cứ để trường tiến hành rà soát, đánh giá và điều chỉnh cải tiến chương trình đào tạo ngành SPMT và nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích [H10.10.06.14].

Cơ chế thu thập thông tin của các bên liên quan cũng được rà soát và cải tiến điều chỉnh cho phù hợp nhằm thu thập thông tin chuẩn xác nhất. Điều này được thể hiện ở hệ thống các phiếu khảo sát thu thập thông tin của các bên liên quan, ví dụ như: *Mẫu phiếu lấy ý kiến của người học về công tác giảng dạy năm học 2017-2018* có 30 câu hỏi với 4 mức đánh giá: không đồng ý, phân vân, đồng ý và hoàn toàn đồng ý đã được thay thế bằng mẫu phiếu mới là *Mẫu phiếu lấy ý kiến phản hồi của người học đối với giảng viên* với 16 câu hỏi ở 5 mức độ đánh giá: cần cải thiện, đạt, khá, tốt và xuất sắc sau khi gửi lấy ý kiến của các bên liên quan [H10.10.06.15; H10.10.06.16]. Bên cạnh đó, năm học 2021 - 2022, Trung tâm Đảm bảo chất lượng đã xây dựng kế hoạch cải tiến hoạt động lấy ý kiến các bên liên quan và triển khai thực hiện các hoạt động cải tiến trong kế hoạch nhằm cải tiến cơ chế phản hồi các

bên liên quan [H10.10.06.17]. Một số cải tiến nổi bật về hoạt động lấy ý kiến các bên liên quan bao gồm thu thập phản hồi của người học về các hoạt động của trường (online), thu thập phản hồi của các bên liên quan về chính sách hỗ trợ người học khó khăn, dân tộc thiểu số... của trường để điều chỉnh chính sách.

Bên cạnh việc thu thập thông tin của Trung tâm đảm bảo chất lượng, với mục đích nâng cao chất lượng đào tạo, dạy học của ngành SPMT. Khoa Nghệ thuật cũng chủ động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan hằng năm. Đến năm 2020-2021 thực hiện lấy ý kiến một cách hệ thống tất cả các bên góp ý cho chương trình đào tạo, chương trình dạy học đã có báo cáo cải tiến hoạt động khảo sát các bên liên quan [H10.10.01.18]. Năm học 2023 - 2024, công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đối với các khảo sát thường xuyên và khảo sát định kỳ bước đầu được thực hiện thông qua phân hệ khảo sát E-survey trong phần mềm quản lý tổng thể PSC tại địa chỉ:

<http://esurvey.hnue.edu.vn/Systems/Security/Login.aspx> [H10.10.01.19]. Trong học kì 1, năm học 2023 - 2024, TT ĐBCL đã triển khai khảo sát đánh giá chất lượng giảng dạy các học phần chung được thực hiện khảo sát thí điểm qua phần mềm E – survey (đối với SV k73) [ H10.10.06.20]. Sang học kì 2, TT đã triển khai khảo sát hoàn toàn trên phần mềm E-survey đối với khảo sát đánh giá chất lượng giảng dạy và khảo sát chất lượng ngành/khoá đào tạo [H10.10.06.21].

Căn cứ vào các thông tin và kết quả phản hồi là cơ sở để Khoa tiến hành rà soát, đánh giá và có hướng điều chỉnh cải tiến chương trình cải tiến chất lượng dạy học, điều chỉnh chương trình dạy học cho phù hợp, cân đối giữa lý thuyết và thực hành, sử dụng tích cực các phương pháp dạy học tích cực từ đó cải tiến chất lượng ngày một tốt hơn [H10.10.06.21].

## 2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi các bên liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống và đã nhận được các ý kiến đóng góp của các bên liên quan cho các hoạt động của Nhà trường đặc biệt là về CTĐT, CTDH, đánh giá hoạt động giảng dạy của GV.

## 3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng về CTĐT chưa được hiệu quả.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành

1	Khắc phục điểm tồn tại	Kết nối với các nhà tuyển dụng lao động và sử dụng đa dạng hóa PP thu thập lấy ý kiến phản hồi từ NSDLĐ. Chủ động định kỳ lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng về CTĐT để làm căn cứ rà soát, điều chỉnh CTĐT phù hợp với thực tiễn.	Khoa NT, TTĐBCL	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường và Khoa tiếp tục định kỳ lấy các ý kiến phản hồi từ các bên liên quan để thực hiện cải tiến CTDH.	Nhà trường và Khoa TLGD	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 10***

Công tác nâng cao chất lượng đào tạo ngành SPMT được Trường ĐHSPHN và Khoa NT hết sức quan tâm nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội và các nhà tuyển dụng. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ các chuyên gia, giảng viên, người học, nhà tuyển dụng và cựu sinh viên được chú trọng và thực hiện đầy đủ, có hệ thống và thường xuyên hàng năm. Các thông tin phản hồi là cơ sở để xây dựng, hoàn thiện và cải tiến CTDH. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên theo quy trình chặt chẽ để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

Các nghiên cứu khoa học thông qua đề tài; các loại sách; bài báo cho hội nghị, hội thảo luôn được các giảng viên, sinh viên trong khoa quan tâm và đẩy mạnh, và trở thành cơ sở cho việc cải tiến và nâng cao các phương pháp dạy và học. Đặc biệt, với đặc thù là ngành có nhiều thực hành sáng tác Mĩ thuật nên Nhà trường và Khoa đã tạo cơ chế để việc sáng tác, công bố tác phẩm cho GV và SV trong khoa là những NCKH mang tính thiết thực và được sử dụng trong cải tiến chất lượng dạy và học.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng học thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, các dịch vụ hỗ trợ khác) thường xuyên được rà soát và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho giảng viên và người học trong dạy-học và nghiên cứu khoa học.

Việc thu thập ý kiến phản hồi từ người học của Trung tâm ĐBCL của trường được tiến hành định kỳ hàng năm và tương đối bài bản là cơ sở để nâng cao chất lượng và đã đem lại những kết quả đánh giá có hiệu quả cho sự phát triển của nhà trường.

Tuy nhiên, trong quá trình thu thập thông tin của các bên liên quan, số lượng ý kiến phản hồi của chuyên gia nước ngoài, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng còn chưa nhiều. CTDH đã được cải tiến và phát triển đã bước đầu bắt nhịp với xu thế của thị trường

lao động, phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông 2018, nhưng cần mở rộng hơn để đáp ứng với sự vận động không ngừng của xã hội. Việc đăng bài báo trên các tạp chí quốc tế của các GV trong khoa còn hạn chế. Công trình NCKH của SV chưa đồng đều hàng năm, số lượng bài báo đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành còn chưa nhiều. Một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa kịp thời đáp ứng cho việc đổi mới CTĐT do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của nhà trường. Việc lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng về CTĐT chưa chủ động và thường xuyên.

### Đánh giá tiêu chuẩn 10

Tiêu chuẩn 10	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 10.1					5		
Tiêu chí 10.2					5		
Tiêu chí 10.3					5		
Tiêu chí 10.4					5		
Tiêu chí 10.5					5		
Tiêu chí 10.6							
Điểm tiêu chuẩn	5.0						

### Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

#### Mở đầu

Kết quả đầu ra là tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá chất lượng của CTĐT. Nhà trường có các công cụ để giám sát kết quả đầu ra thông qua việc theo dõi, đánh giá tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỉ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp của các chuyên ngành được đào tạo. Căn cứ trên kết quả giám sát hàng năm, nhà trường phối hợp cùng khoa đưa ra các biện pháp để hỗ trợ người học và cải tiến chất lượng CTĐT.

Trong CTĐT, việc NCKH được xem là hoạt động song hành với hoạt động học tập của SV, tham gia NCKH giúp SV nâng cao năng lực thực hành, củng cố và vận dụng sáng tạo kiến thức lý thuyết, thực hành vào NCKH. Nhận thức được vai trò của hoạt động này, nhà trường và khoa luôn có các chính sách động viên, khuyến khích SV tham gia vào hoạt động NCKH theo các cấp độ và loại hình khác nhau với mục đích nâng cao kết quả đầu ra.

Bên cạnh việc giám sát của nhà trường thì kết quả đầu ra được đánh giá khách quan thông qua mức độ hài lòng của các bên liên quan gồm GV, SV và nhà tuyển dụng. Sự

phản hồi của các bên liên quan đối với chất lượng SV tốt nghiệp là căn cứ để điều chỉnh, cải tiến CTĐT, đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng và sử dụng lao động tốt nghiệp chuyên ngành cử nhân Sư phạm Mĩ thuật của xã hội.

### **Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng**

#### **1. Mô tả**

Để có thể xác lập và giám sát được tỷ lệ sinh viên thôi học và sinh viên tốt nghiệp, nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng đào tạo là bộ phận chuyên trách quản lý theo dõi quá trình học tập, tốt nghiệp, thôi học... của sinh viên toàn trường, cùng với sự hỗ trợ của giáo vụ khoa và cán bộ quản lý SV các khoa [H11.11.01.01; H11.11.01.02]. Giai đoạn từ 2019 – 2023, nhà trường sử dụng phần mềm Unisoft (công đăng kí tín chỉ cho SV tại: daotao.hnue.edu.vn) cho tới học kì 2 năm học 2023 - 2024, Trường ĐHSPTHN sử dụng phần mềm quản lý tổng thể PSC (công đăng ký tín chỉ trên phần mềm tại địa chỉ: tinchi.hnue.edu.vn) để quản lý quá trình học tập của SV, theo dõi và cập nhật danh sách SV khi có sự biến động như: SV tốt nghiệp, SV thôi học hay bảo lưu [H11.11.01.03].. Bên cạnh công cụ này, các quy định chung về đào tạo cũng như quy trình xét tốt nghiệp hay thôi học đã được quy định rõ trong quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHSPTHN [H11.11.01.04]. Ngoài ra, để tăng cường cho công tác quản lý và tư vấn học tập cho SV, từ năm 2019, nhà trường đã ban hành quyết định phân công và giao nhiệm vụ cho cán bộ làm công tác CVHT. Theo đó, chức năng và nhiệm vụ của CVHT được quy định rõ ràng, thầy cô là CVHT có trách nhiệm theo dõi quá trình học tập của SV từ khi vào trường đến khi tốt nghiệp, từ đó có các biện pháp tư vấn, hỗ trợ kịp thời giúp SV xây dựng kế hoạch học tập khoa học, hợp lí, hạn chế tình trạng thôi học và chậm tốt nghiệp [H11.11.01.05].

Về việc thôi học của SV, các CVHT chủ động nắm bắt thông tin từ SV, tìm hiểu cụ thể nguyên nhân khiến SV có nguyện vọng dừng học, SV buộc thôi học... Dựa trên thông tin thu thập được, CVHT sẽ phối hợp cùng ban cán sự lớp, ban chủ nhiệm khoa, đoàn thanh niên để đưa ra các tư vấn phù hợp nhằm hỗ trợ, động viên và khuyến khích SV tiếp tục học tập, [H11.11.01.06]. Trong trường hợp SV muốn bảo lưu kết quả học tập hay thôi học, căn cứ trên quy trình đã quy định trong quy chế đào tạo, khoa sẽ tiếp nhận và chuyển đơn của người học lên trường, căn cứ vào đó nhà trường sẽ ra các quyết định bảo lưu, thôi học cho từng SV [H11.11.01.07]. Dựa trên các quyết định này, các CVHT, cán bộ quản lý SV theo dõi được biến động số lượng SV từng lớp/khóa, thống kê được tỷ lệ thôi học của SV (Bảng 11.1.1) [H11.11.01.08].

#### **Bảng 11.1.1. Tình hình sinh viên thôi học CTĐT ngành cử nhân Sư phạm Mĩ**

**thuật giai đoạn 2019 – 2024**

TT	Năm học	Tổng số SV toàn khoa (1)	Số SV thôi học toàn khóa		Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
			Số lượng (2)	Tỉ lệ (%) (3)	Số lượng (4)	Tỉ lệ (%) (5)	Số lượng (6)	Tỉ lệ (%) (6)	Số lượng (7)	Tỉ lệ (%) (7)	Số lượng (8)	Tỉ lệ (%) (8)
1	2019 – 2020	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	2020 – 2021	41	1	2,4	0	0	1	2,4	0	0	0	0
3	2021 - 2022	49	2	4,1	0	0	1	2,05	1	2,05	0	0
4	2022- 2023	84	3	3,6	0	0	1	1,2	2	2,4	0	0
5	Kì 1 2023- 2024	133	1	0,8	0	0	0	0	1	0,8	0	0
Trung bình		67,4	1,4	2,18	0	0	0,6	1,13	0,8	1,05	0	0

Số liệu thống kê cho thấy, tỉ lệ SV thôi học của ngành cử nhân Sư phạm Mĩ thuật trong giai đoạn 2019 -2024 là tương đối thấp (trung bình 3 %/năm). Trong đó, tỉ lệ SV thôi học tập trung từ năm thứ hai đến năm thứ ba, với nguyên nhân chính là do tâm lí ngành nghề của SV chưa ổn định, SV lo lắng về cơ hội việc làm sau tốt nghiệp, hay do áp lực về định hướng nghề nghiệp của gia đình. Các trường hợp thôi học ở năm 2 thường do SV bảo lưu kết quả sau khi học xong năm thứ nhất để thi lại đại học sau đó chuyển trường. Bên cạnh đó giai đoạn 2020 – 2023, tỉ lệ sinh viên thôi học tăng lên không nhiều so với giai đoạn trước đó, chủ yếu là các lí do: Sinh viên bị tác động bởi việc lựa chọn ngành học, cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp, do kết quả học tập không đạt được như mong đợi.

Về tỉ lệ tốt nghiệp của SV, khi SV hoàn thành CTĐT, đủ điều kiện tốt nghiệp, SV đăng kí và viết đơn xin xét tốt nghiệp, Khoa sẽ thành lập hội đồng họp và xét tốt nghiệp, gửi kết quả lên nhà trường [H11.11.01.09]. Dựa trên kết quả xét tại Khoa,



nhà trường sẽ thành lập hội đồng xét tốt nghiệp và ra quyết định công nhận và cấp bằng tốt nghiệp kèm theo danh sách SV tốt nghiệp [H11.11.01.10]. Quyết định này được công bố công khai và gửi về khoa để lưu trữ. Hàng năm, nhà trường tiến hành xét tốt nghiệp theo 2 đợt, đợt 1 được tiến hành vào tháng 5 dành cho các SV đủ điều kiện tốt nghiệp sau 4 năm học tập và đợt 2 được thực hiện vào khoảng tháng 7 đến tháng 9, dành cho các SV tốt nghiệp sau hơn 4 năm khi tích lũy đủ TC của CTĐT. Bắt đầu từ năm học 2017-2018, nhà trường tổ chức thêm 1 đợt xét tốt nghiệp vào tháng 2 (học kì 1 của năm học), dành cho các SV hoàn thành CTĐT trước hạn và các SV chưa đủ điều kiện xét tốt nghiệp đợt 1 và đợt 2 năm trước đó. Dựa trên quyết định này, khoa tiến hành lập danh sách và theo dõi tỉ lệ SV tốt nghiệp của từng khóa học (Bảng 11.1.2).

Số liệu thống kê trong bảng 11.2 cho thấy, tỉ lệ SV tốt nghiệp so với số SV tuyển vào của ngành cử nhân sư phạm Mỹ thuật dao động từ 66,7% đến 100%. Trong đó, tỉ lệ SV tốt nghiệp cao nhất nằm ở khóa 66, 67 và thấp nhất ở khóa 68 Tỉ lệ SV tốt nghiệp được so sánh với số SV nhập học, do đó khi số lượng SV thôi học cao thì kéo theo tỉ lệ SV tốt nghiệp giảm. Số lượng SV tốt nghiệp được CVHT các lớp theo dõi, giám sát và đưa ra các biện pháp hỗ trợ kịp thời nhằm hạn chế tỉ lệ SV chậm hay không tốt nghiệp được [H11.11.01.11].

**Bảng 11.1.2 Tỉ lệ tốt nghiệp và thời gian tốt nghiệp trung bình CTĐT ngành sư phạm Mỹ thuật giai đoạn 2019 – 2024**

TT	Năm nhập học	Tổng số SV nhập học (1)	Tổng số SV thôi học (2)	Tổng số SV tốt nghiệp		SVTN đúng hạn		SVTN năm 5		SVTN năm 6		Thời gian TN trung bình (7)
				Số lượng (3a)	Tỷ lệ (3b)	Số lượng (4a)	Tỷ lệ (4b)	Số lượng (5a)	Tỷ lệ (5b)	Số lượng (6a)	Tỷ lệ (6b)	
1	2015	K657	1	6	85,7	6	85,7	0	0	0	0	4
2	2016	K665	0	5	100	4	80	0	0	1	20	4,4
3	2017	K676	0	6	100	6	100	0	0	0	0	4
4	2018	K683	0	2	66,7	2	66,7	0	0	1	0	4,6
5	2019	K6914	0	13	92,9	13	92,9	1	0	0	0	4,1
Tổng/trung bình		35	1	22	89,1	31	85,1	1	0	2	0	4,2

Khoa Nghệ thuật đã tiến hành đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp đối với một số ngành cử nhân

sur phạm, kết quả đối sánh được tổng hợp trong bảng 11.1.3.

**Bảng 11.1.3. Bảng đối sánh tỉ lệ SV tốt nghiệp ngành cử nhân Sur phạm Mĩ thuật với các CTĐT sur phạm trong giai đoạn 2019-2023**

Năm học	Tỉ lệ % SV tốt nghiệp		
	CTĐT ngành Sur phạm Mĩ thuật	CTĐT ngành Sur phạm Sinh học	CTĐT ngành Giáo dục thể chất
2018-2019	85,7	80	79
2019-2020	100	81,2	81,25
2020-2021	100	87,8	61,3
2021-2022	66,7	84,8	90,3
2022-2023	92,9	84,6	63,2

Căn cứ vào kết quả đối sánh cũng như việc trao đổi, thảo luận tìm hiểu nguyên nhân thôi học, chậm tốt nghiệp của SV tại các cuộc họp, khoa tổ chức các cuộc họp để đề xuất các giải pháp để giảm tỉ lệ SV thôi học, tăng tỉ lệ SV tốt nghiệp của ngành sur phạm Mĩ thuật. phân tích cho thấy, bản khoản về cơ hội việc làm sau tốt nghiệp, dao động trong việc chọn trường, chọn nghề là những nguyên nhân chính dẫn đến việc thôi học của SV. Để giảm tỉ lệ thôi học của SV ngành Sur phạm Mĩ thuật, BCN Khoa đưa ra các giải pháp như: Tăng cường vai trò của CVHT trong việc tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của SV, giúp các em ổn định tâm lí và yên tâm học tập; Liên chi đoàn tổ chức các buổi ngoại khóa, tọa đàm về phương pháp học tập, cơ hội việc làm, kĩ năng sống để tân SV có thể hòa đồng và nhận thêm sự giúp đỡ của các SV khóa trên. Cuộc họp cũng chỉ ra những lí do khiến SV chậm tốt nghiệp như việc lập gia đình sớm; kết quả học tập thấp nên SV có nhu cầu học lại để cải thiện điểm ; học song song hai văn bằng; đăng kí tín chỉ không đúng thời gian quy định; đăng kí số tín chỉ nhiều quá khả năng, năng lực học tập; ý thức học tập chưa cao. Một số giải pháp đã được khoa đưa ra nhằm tăng tỉ lệ SV tốt nghiệp như: CVHT tư vấn, hỗ trợ SV hiểu rõ CTĐT, lựa chọn đăng kí các môn học, tín chỉ theo quy định và phù hợp với năng lực của bản thân; xây dựng các nhóm SV cùng học tập; Quản lí SV sát sao, cảnh báo sớm những trường hợp có nguy cơ thôi học, buộc thôi học để tư vấn về kế hoạch học tập hiệu quả cho SV,... [H11.11.01.11].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có công cụ và hệ thống quản lý, giám sát tỉ lệ thôi học và tỉ lệ tốt nghiệp của SV chặt chẽ, qua các bước đi từ cấp khoa với đội ngũ CVHT, cán bộ quản lí SV, giáo vụ khoa đến cấp trường với đơn vị chịu trách nhiệm chính là phòng đào tạo thông qua công cụ giám sát là phần mềm Unisoft. Từ đây, số SV thôi học, tốt nghiệp được cập nhật chính xác, mặt khác, việc phân tích, tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra các biện

pháp hỗ trợ người học tốt nghiệp đúng hạn, giảm thiểu tỉ lệ SV thôi học cũng đã được triển khai khá hiệu quả thông qua đội ngũ CVHT.

### 3. Điểm tồn tại

Vẫn còn một số SV thôi học và tỉ lệ tốt SV tốt nghiệp chưa đúng thời gian qui định so với số SV nhập học. Xu hướng sinh viên tốt nghiệp đúng hạn chưa tăng lên so với các năm trước.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Giảm tỉ lệ thôi học thông qua việc thường xuyên tổ chức các buổi tọa đàm, ngoại khóa tìm hiểu, hướng dẫn sinh viên các khóa mới về phương pháp học tập ở đại học, phát triển kỹ năng nghề nghiệp	Phòng CTCT-HSSV Khoa Nghệ thuật, LCD Khoa Nghệ thuật.	Thực hiện hàng kì, hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tăng cường vai trò của CVHT trong hoạt động tư vấn, giám sát kế hoạch học tập của SV. Duy trì và nâng cấp chất lượng của phần mềm quản lý đào tạo.	CVHT Phòng Đào tạo.	Hàng năm

### 5. Tự đánh giá: đạt 4/7

#### Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

##### 1. Mô tả

Trong quá trình học tập của SV, thông qua phần mềm quản lý đào tạo, phòng đào tạo phối hợp cùng giáo vụ và CVHT của khoa chịu trách nhiệm trong việc theo dõi, thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của người học [H11.11.01.01; H11.11.01.02]. Ngay từ khi SV vào trường, nhà trường tiến hành xây dựng kế hoạch đào tạo, trong đó xác lập được thời gian tốt nghiệp trung bình của người học tham gia CTĐT. Theo đó, người học ngành cử nhân sư phạm Mĩ thuật sẽ phải hoàn thành 136 tín chỉ theo chương trình đại học thường là trong 4 năm với thời gian hoàn thành chương trình tối đa là 6 năm, thời gian tối thiểu là 3 năm [H11.11.01.04].

Trên hệ thống quản lý đào tạo Unisoft, mỗi SV được cấp một mã và mật khẩu để truy cập hệ thống và quản lý, theo dõi kết quả học tập của mình. Trên trang cá nhân này,

SV sẽ biết được số tín chỉ mình đã tích lũy, điểm tích lũy được, các môn học đã hoàn thành, từ đó có thể lập kế hoạch học tập và tốt nghiệp phù hợp cho bản thân [H11.11.01.03]. Ngoài Phòng Đào tạo, giáo vụ khoa, các CVHT cũng theo dõi được kết quả học tập của SV mình quản lý, việc này sẽ giúp cho giáo vụ khoa và các CVHT tư vấn, hỗ trợ người học kịp thời. Đặc biệt là các SV có thành tích học tập chưa cao thường do nợ môn hay hoàn cảnh cá nhân như: kết hôn; sinh con trong quá trình học tập... Dựa trên việc tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến nguy cơ chậm tốt nghiệp của người học, các CVHT sẽ tiến hành tư vấn, đưa ra các giải pháp hỗ trợ SV tốt nghiệp đúng hạn [H11.11.01.06]. Bên cạnh đó, nhà trường phối hợp cùng khoa đưa ra cảnh báo học tập cho SV khi họ không hoàn thành kế hoạch học tập như :Chưa tích lũy đủ số tín chỉ; điểm trung bình chung tích lũy thấp. Cảnh báo học tập được thông báo trên trang cá nhân của SV và gửi tới các CVHT, cán bộ quản lý SV, giáo vụ khoa, từ đó các bộ phận chuyên trách nắm được thông tin và có giải pháp hỗ trợ người học kịp thời. [H11.11.02.01]

Để hỗ trợ cho các SV thuộc nhóm cảnh báo học tập cải thiện kết quả học tập, hoàn thành CTĐT đúng hạn, nhà trường đã tổ chức học kì 3 vào khoảng tháng 6 đến tháng 8 hàng năm. Ngoài 2 học kì chính, học kì 3 cũng là cơ hội cho các SV muốn nâng cao kết quả học tập hoặc rút ngắn thời gian tốt nghiệp. Việc đăng kí các môn trong học kì 3 được thông báo trên phần mềm quản lý đào tạo cũng như được quy định rõ trong Sổ tay SV từ năm 2019 [H11.11.02.02; H11.11.02.03]. Các môn học được bố trí trong học kì 3 thường là các môn thuộc khối kiến thức chung, chỉ có 1 số ít môn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, do quy định về số lượng SV của lớp TC.

**Bảng 11.2.1. Thời gian tốt nghiệp trung bình của người học ngành Sư phạm Mĩ thuật trong giai đoạn 2019-2024**

Năm học	Số SV tốt nghiệp sau thời gian		Thời gian tốt nghiệp trung bình (năm)
	4 năm	Trên 4 năm	
2015- 2019	6		4
2016- 2020	4	1	4,4
2017 – 2021	6		4
20198- 2022	2	1	4,6
2019 – 2023	13	1	4,2

Thông qua việc theo dõi thời gian nhập học đối chiếu với thời gian tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Sư phạm Mĩ thuật được xác lập trong bảng 11.1.2 [H11.11.01.08; H11.11.01.10]. Số liệu thu được cho thấy, giai đoạn năm

2019 - 2023, phần lớn SV tốt nghiệp đúng hạn (hoàn thành chương trình học trong 4 năm), tỉ lệ SV tốt nghiệp chậm (sau 1 năm) so với đúng hạn trung bình là 0,4%, dao động từ 0,2 – 0,6% (số liệu tính toán từ bảng 11.1.2). Trong đó, năm 2019 không có sinh viên chậm tốt nghiệp nên thời gian tốt nghiệp là 100% đúng hạn. Trong khi năm 2022 và 2023 thời gian tốt nghiệp trung bình của khóa là 4,2- 4,6 năm. Thời gian tốt nghiệp trung bình tăng ở thời điểm này liên quan tới việc SV còn nợ một số học phần chưa học qua, vì vậy không đủ điều kiện xét tốt nghiệp đúng hạn. Đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Sư phạm Mĩ thuật với một số ngành đào tạo khác trong trường cho thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Sư phạm Mĩ thuật không ngắn hơn so với thời gian tốt nghiệp trung bình (tính theo năm) của sinh viên các khoa sư phạm khác trong nhà trường. (Bảng 11.2.2).

**Bảng 11.2.2. Bảng đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình (tính theo năm) của SV ngành Sư phạm Mĩ thuật với các CTĐT khác trong giai đoạn 2019 - 2024**

CTĐT	Thời gian tốt nghiệp trung bình vào năm				
	2019	2020	2021	2022	2023
Sư phạm Mĩ thuật	4	4,4	4	4,6	4,2
Sư phạm Sinh học	4,3	4,1	4,05	4,04	3,9
Giáo dục thể chất	4,12	4,2	4,2	4,1	4,4

Như vậy có thể thấy, mặc dù không có SV tốt nghiệp sớm nhưng đa số SV tốt nghiệp đúng hạn nên thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành cử nhân Sư phạm Mĩ thuật khá tốt, kết quả này cho thấy được hiệu quả trong công tác hỗ trợ của CVHT, ưu điểm của phần mềm quản lý đào tạo – hệ thống giúp SV kiểm soát được kế hoạch học tập. Kết quả về tỉ lệ SV tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp được thống kê, phân tích trong các báo cáo tổng kết hàng năm của khoa Nghệ thuật hay các cuộc họp thường kì nhằm thảo luận về các giải pháp để SV tốt nghiệp đúng hạn hoặc rút ngắn thời gian tốt nghiệp của SV. Đặc biệt việc thực tập sư phạm của SV được tiến hành sớm hơn và tập trung vào kì 1 của năm cuối cũng giúp SV có thể rút ngắn thời gian tốt nghiệp. Tuy nhiên, để tốt nghiệp được sớm SV cần hoàn thành đầy đủ số lượng tín chỉ của chương trình cử nhân sư phạm Mĩ thuật theo quy định trong quy chế đào tạo. Do nhiều môn học có điều kiện tiên quyết nên việc sắp xếp các môn học thường theo các kì học, môn học sau cần có điều kiện tiên quyết là môn học trước, số lượng các học phần được tổ chức học trong học kì 3 của chuyên ngành còn hạn chế., do đó, các giải pháp được khoa đưa ra tập trung vào việc đảm bảo SV tốt nghiệp đúng hạn như: Tư vấn để SV tăng cường và bổ sung số lượng tín chỉ cần tích lũy thông qua việc đăng kí học học kì 3, giám sát chặt chẽ tiến trình học tập của SV

đặc biệt là SV bị cảnh báo học tập, tạo nhóm trong lớp để hỗ trợ nhau về phương pháp học tập,...[H11.11.01.11; H11.11.02.04].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có hệ thống theo dõi, giám sát chặt chẽ kế hoạch học tập của SV, do đó thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Sư phạm Mĩ thuật được xác lập và giám sát. Khoa có các giảng viên là CVHT sát sao và luôn sẵn sàng hỗ trợ cho SV trong việc lên kế hoạch học tập phù hợp với năng lực và hoàn cảnh cá nhân giúp tăng số lượng SV tốt nghiệp đúng hạn từ đó giảm thời gian tốt nghiệp trung bình.

## **3. Điểm tồn tại**

Do nhiều môn học có điều kiện tiên quyết nên việc sắp xếp các môn học thường theo các kì học, môn học sau cần có điều kiện tiên quyết là môn học trước; số lượng các học phần được tổ chức học trong học kì 3 của chuyên ngành còn hạn chế.

## **4. Kế hoạch hành động**

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Thiết kế CTĐT hợp lí; xem xét giảm bớt điều kiện tiên quyết của một số học phần chuyên ngành; tăng số lượng các môn học chuyên ngành trong học kì 3 để rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của người học. Thực hiện thêm việc đối sánh về thời gian tốt nghiệp để phục vụ việc cải tiến CTĐT.	Khoa Nghệ thuật; P. Đào tạo,	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tăng cường hoạt động giám sát kế hoạch học tập của SV thông qua việc liên hệ chặt chẽ giữa CVHT, Giáo vụ Khoa và SV.	P. Đào tạo Khoa Nghệ thuật	Hàng năm

## **5. Tự đánh giá: đạt 4/7**

**Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.**

### **1. Mô tả**

Để có thể tính được tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp, Trường Đại Học Sư Phạm đã có đơn vị chuyên trách là Trung tâm đảm bảo chất lượng thực hiện khảo sát và xác lập tỷ lệ có việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp [H11.11.03.01]. Để xác lập và giám sát tỷ lệ có việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp, hàng năm trung tâm ĐBCL đều có kế hoạch cụ thể, kết hợp với các khoa, phòng ban trong trường thu thập thông tin về tỷ lệ việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên toàn trường [H11.11.03.02]. Về phía

khoa đã cử một chuyên viên văn phòng chuyên trách việc liên hệ chặt chẽ với sinh viên sau khi ra trường và phối kết hợp với trung tâm đảm bảo chất lượng của trường để thực hiện quy trình thống kê, lưu trữ danh sách người tốt nghiệp có việc làm, vị trí việc làm, thu nhập bình quân, đơn vị công tác... Thêm vào đó, khoa cũng thành lập hội cựu người học để có thể liên hệ chặt chẽ với các sinh viên sau khi ra trường. Hình thức tổ chức khảo sát bao gồm gọi điện thoại, khảo sát qua mạng internet (đăng mẫu phiếu lên website nhà trường, cung cấp đường link cho các đối tượng sinh viên tốt nghiệp truy cập và trả lời phiếu, gửi chuyển kết quả trực tiếp vào hộp thư của ban khảo sát. Việc gửi đường link có thể thông qua mạng xã hội (facebook,...), qua email hoặc tin nhắn điện thoại. Căn cứ vào báo cáo tình trạng việc làm trong 05 năm gần đây, khoa đã có thống kê tỉ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp, môi trường làm việc cụ thể như sau [H11.11.03.03; H11.11.03.04; H11.11.03.05]

**Bảng 11.3.1. Thống kê tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp CTĐT ngành Sư phạm Mĩ thuật giai đoạn 2019 – 2023**

Năm tốt nghiệp	Tỉ lệ sinh viên có việc làm sau 12 tháng						Tiếp tục học tập
	Tỉ lệ SV có việc làm	Tỉ lệ việc làm liên quan đến CTĐT	Nhà nước	Liên doanh	Tư nhân	Tự tạo việc làm	
2019	83,3	83,3	2	0	3	0	0
2020	80	80	2	2	0	0	0
2021	50	33,3	1	0	1	1	1
2022	100	100	2	0	0	0	0
Trung bình	78,3	74,1	1,75	0,5	1,0	0,25	0,25

Qua các số liệu thống kê trong 4 năm trở lại đây cho thấy tỉ lệ sinh viên có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp của khoa luôn ở mức cao từ 50% - 100% , số lượng sinh viên làm việc trong các cơ quan nhà nước hàng năm chiếm tỉ lệ thấp nhưng tương đối ổn định và không thay đổi nhiều giữa các năm, số SV tự tạo việc làm vẫn còn nhưng chiếm số ít trong thời gian qua. Hàng năm dựa trên báo cáo tổng kết về tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp của trung tâm Đảm bảo chất lượng, khoa nghệ thuật đã tiến hành đối sánh với kết quả điều tra của các ngành đào tạo khác trong trường nhằm đưa ra các biện pháp nâng cao tỉ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp (Bảng 11.3.2).

**Bảng 11.3.2. Bảng đối sánh tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm của ngành Sư phạm Mĩ thuật với các CTĐT khác trong giai đoạn 2019-2024**

Khóa học	Tỉ lệ % người học TN có việc làm		
	CTĐT đào tạo được đánh giá	CTĐT ngành Sư phạm Sinh học	CTĐT Ngành giáo dục thể chất
2015 -2019	83,3	88,3	81,8
2016 -2020	80	87,8	83,3
2017 -2021	50	89,8	77,8
2018 - 2022	100	90,6	89,2

Kết quả đối sánh tổng hợp ở bảng 11.3.2 cho thấy, tỉ lệ SV tốt nghiệp ngành Sư phạm Mĩ thuật có việc làm phần lớn cao hơn ngành Sư phạm Sinh học và ngành giáo dục Thể chất ở các năm 2022 trong giai đoạn 2019– 2023. Các năm 2019,2020,2021 có tỉ lệ SV có việc làm tương đương hoặc thấp hơn so với các khoa được so sánh trong nhà trường.

Để tạo cơ hội cho SV năm cuối tìm kiếm việc làm cũng như tăng tỉ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp, hàng năm nhà trường tiến hành tổ chức ngày hội việc làm với sự tham gia phối hợp của nhiều phòng ban như: Phòng Công tác chính trị- học sinh SV, phòng Hành chính- Đối ngoại, phòng Đào tạo [H11.11.03.06].

Về phía khoa, dựa trên kết quả điều tra về tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp và đối sánh với các ngành đào tạo khác, khoa tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao tỉ lệ SV có việc làm trong các cuộc họp khoa với các CVHT và cán bộ quản lí SV [H11.11.03.07]. Kết quả tìm hiểu cho thấy nguyên nhân SV chưa tìm được việc làm thường là: SV có nhu cầu tiếp tục học nâng cao; địa phương không có đợt tuyển dụng giáo viên; không có, không biết thông tin tuyển dụng; người học đã đi dạy hợp đồng nhưng lương thấp nên nghỉ để tìm kiếm công việc khác, vv. [H11.11.03.03]. Dựa trên các nguyên nhân này, khoa đã đưa ra và thực hiện một số giải pháp như: Xin ý kiến các trường phổ thông về chất lượng nhân lực được đào tạo từ khoa để từ đó nâng cao chất lượng đào tạo [H11.11.03.08]; Giới thiệu đến người học các đơn vị đang có nhu cầu tuyển dụng thông qua các kênh thông tin trực tuyến như Fanpage của khoa, kênh thông tin của Liên chi đoàn, hay trực tiếp qua điện thoại và kênh của cựu sinh viên. Bên cạnh đó, các CVHT và cán bộ quản lí SV được yêu cầu giữ liên lạc thường xuyên với SV tốt nghiệp nhằm tìm hiểu về tình trạng việc làm, vị trí việc làm cũng như nguyên nhân của chưa có việc làm của SV sau tốt nghiệp để có thể hỗ trợ cho người học một cách kịp thời.



## 2. Điểm mạnh

Nhà trường phối hợp cùng với khoa liên hệ thường xuyên với người tốt nghiệp, hoạt động khảo sát tỉ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp được thực hiện hàng năm, với số lượng SV phản hồi đông đảo. Thông tin giới thiệu việc làm được cập nhật thường xuyên trên các nhóm zalo, facebook cựu người học, gọi điện thoại trực tiếp,...

## 3. Điểm tồn tại

Tỉ lệ SV có việc làm còn chưa ổn định, vẫn còn một tỉ lệ nhỏ SV làm việc không liên quan đến ngành được đào tạo.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức hoạt động tư vấn tìm kiếm việc làm, tập huấn các kỹ năng mềm cho SV năm cuối trong hoạt động phỏng vấn, viết đơn xin việc; đồng thời nâng cao hiệu quả của hoạt động Ngày hội việc làm. Phối hợp chặt chẽ giữa cán bộ quản lý SV và CVHT trong việc khảo sát tình hình việc làm của SV.	Phòng CTCT-HSSV CVHT	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động liên kết các nhà tuyển dụng (các trường phổ thông, viện nghiên cứu, vv. ) để đưa thông tin tuyển dụng đến SV nhanh và hiệu quả hơn. Duy trì việc kết nối với SV sau tốt nghiệp.	Khoa Nghệ thuật TT ĐBCL; P. CTCT-HSSV	Hàng năm

## 5. Tự đánh giá: đạt 4/7

### Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

#### 1. Mô tả

Phòng Khoa học và Công nghệ là đơn vị được giao nhiệm vụ lập kế hoạch và triển khai hoạt động SV NCKH. Dựa trên kế hoạch được phê duyệt, trợ lý khoa học, Đoàn Thanh niên xây dựng kế hoạch, triển khai thông báo đến các chi Đoàn để sinh viên đăng ký các loại hình nghiên cứu khoa học theo cá nhân, nhóm. Trợ lý khoa học gửi danh sách các đề tài nghiên cứu phù hợp với các tổ bộ môn, từ đó các tổ bộ môn

phân công giảng viên hướng dẫn, hỗ trợ sinh viên trong quá trình nghiên cứu. Trong quá trình SV thực hiện nghiên cứu, các giảng viên luôn quan tâm hướng dẫn, chú ý đến chất lượng, thời gian thực đề tài theo đúng tiến độ [H11.11.04.01; H11.11.04.02; H11.11.04.03].

Thống kê ở Bảng 11.4.1 cho thấy, SV Mĩ thuật chủ yếu tham gia các nghiên cứu như: làm đề tài khoa học, triển lãm tranh sinh viên cấp khoa, triển lãm tranh SV toàn quốc

*Bảng 11.4.1. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên CTĐT ngành CNSP Mĩ thuật giai đoạn 2019 – 2024*

TT	Nội dung	Số lượng SV tham gia/giải thưởng				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Loại hoạt động NCKH và số SV tham gia					
	1.1. Đề tài NCKH SV	5	7	9	0	3
	1.2. Triển lãm tranh	0	2	2	36	30
	1.3. Khác	0	0	0	0	0
2	Tổng số SV tham gia các loại hình	5	9	11	36	33
3	Tỷ lệ % SV tham gia NCKH/tổng số SV	16,6	21,95	22,44	42,85	24,8
4	Kinh phí hoạt động TB/năm	4,8	4,8	4,8	4,8	4,8

Hội nghị sinh viên NCKH cấp khoa được tổ chức thường niên nhằm tổng kết, đánh giá hiệu quả của hoạt động NCKH đồng thời tuyển chọn các đề tài tham gia hội nghị sinh viên NCKH cấp trường Khi tham gia Hội nghị, SV đồng thời được rèn luyện khả năng báo cáo và viết bài báo khoa học. Các báo cáo khoa học đều được in trong kỷ yếu của hội nghị hàng năm, một số báo cáo tốt được hội đồng khoa học khoa đánh giá và trao giải [H11.11.04.04; H11.11.04.05]. . Đây cũng là động lực thúc đẩy các SV tìm tòi, nghiên cứu để hướng đến việc công bố kết quả nghiên cứu của mình Kinh phí dành cho hoạt động NCKH của SV được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường [H11.11.04.06; H11.11.04.07].

Trong 5 năm gần đây tỉ lệ SV ngành Sư phạm Mĩ thuật tham gia vào hoạt động NCKH ở cấp khoa dao động từ 16,6 % đến 42,85% (Bảng 11.4.1) Qua kết quả thống kê cho thấy tỉ lệ SV tham gia NCKH và đạt giải thưởng cấp khoa đã đánh giá đúng chất lượng nghiên cứu dựa trên số lượng đề tài, tác phẩm tham gia.[H11.11.04.02; H11.11.04.04].

**Bảng 11.4.3. Thống kê tỉ lệ (%) SV ngành cử nhân sư phạm Mĩ thuật tham gia**

**NCKH và nhận giải thưởng NCKH các cấp giai đoạn 2019 – 2024**

Năm học	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Tổng SV ngành SPMT	30	41	49	84	133
Tỉ lệ % SV tham gia NCKH, triển lãm tranh cấp Khoa	16,6	21,95	22,44	42,85	24,8
Tỉ lệ % SV được giải cấp Khoa	6,6	7.31	6,12	5,95	3,75
Tỉ lệ% SV tham gia NCKH cấp Trường	3,3	2,43	2,04	0	Chưa tổ chức
Tỉ lệ % SV được giải thưởng cấp Trường	3,3	2,43	2,04	0	Chưa tổ chức

Để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên được nâng cao cả về chất lượng và số lượng, trong tầm nhìn đến năm 2030 của trường ĐHSPHN. [H11.11.04.08].

khoa Nghệ thuật phát triển nguồn học liệu số, cùng việc mở rộng cơ chế tài chính cho hoạt động nghiên cứu khoa học như: Tăng kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên từ nguồn kinh phí thường xuyên của khoa, hay kêu gọi tài trợ từ nguồn quỹ các đề tài của thầy cô. Bên cạnh đó, tăng cường hơn nữa các hợp tác quốc tế trong nghiên cứu và thành lập những nhóm nghiên cứu kết hợp giữa thầy cô và sinh viên để nâng cao hiệu quả NCKH

**2. Điểm mạnh**

Hoạt động NCKH của SV được quan tâm, giám sát và hỗ trợ cả về chuyên môn và kinh phí thực hiện từ nhiều cấp độ gồm giáo viên hướng dẫn, bộ môn, khoa và nhà trường. Đặc biệt ngoài các đề tài NCKH sinh viên còn tham gia hoạt động chuyên môn Triển lãm tranh (sáng tác tranh)

**3. Điểm tồn tại**

SV chưa nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động NCKH nên số lượng SV tham gia đề tài NCKH còn hạn chế.

**4. Kế hoạch hành động**

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành

1	Khắc phục tồn tại	Đoàn Thanh niên kết hợp với Trợ lý NCKH tổ chức các buổi tọa đàm giúp SV hiểu rõ vai trò NCKH trong quá trình học tập và dạy học sau này.	Khoa Nghệ thuật	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì và mở rộng các hoạt động khuyến khích SV tham gia các đề tài NCKH, Triển lãm tranh các cấp.	Khoa Nghệ thuật	Hàng năm

5. *Tự đánh giá:* Đạt 4/7

### **Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng**

#### **1. Mô tả**

Trung tâm ĐBCL, được Trường ĐHSPHN thành lập theo quyết định số 4573/QĐ-ĐHSPHN. Trung tâm có nhiệm vụ khảo sát, tiếp nhận thông tin phản hồi từ các bên liên quan gồm GV, SV, cựu người học, nhà tuyển dụng [H11.11.03.01]. Đồng thời, Trung tâm ĐBCL cũng được giao chủ trì và làm nòng cốt trong việc xây dựng các công cụ và tổ chức thực hiện các hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong nhà trường. Theo đó, trung tâm đã xây dựng và ban hành hướng dẫn quy trình, công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan [H11.11.05.01]. Hàng năm, bằng cách sử dụng các công cụ khảo sát là phỏng vấn, bảng hỏi và phiếu khảo sát (online/offline), trung tâm đã thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi về 5 vấn đề bao gồm: Ý kiến phản hồi của người học đối với hoạt động giảng dạy; Ý kiến SV về cán bộ hành chính tại Khoa đào tạo; Ý kiến của SV về chất lượng Khóa/ngành đào tạo; Khảo sát tình hình việc làm của cựu SV; Phản hồi của người học đối với dịch vụ giáo dục của nhà trường. Các ý kiến sau khi thu thập sẽ được trung tâm Đảm bảo chất lượng xử lý, phân tích kết quả, báo cáo tổng hợp và cuối cùng là phổ biến đến các bên liên quan để thực hiện cải tiến chất lượng [H11.11.05.02; H11.11.05.03; H11.11.05.04; H11.11.05.05].

Nhằm nâng cao hiệu quả của việc cải tiến chất lượng CTĐT, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động, cũng như đánh giá chính xác mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với CTĐT, năm 2020, thực hiện nhiệm vụ do BGH trường ĐHSPHN giao cho trung tâm ĐBCL triển khai khảo sát GV, cựu SV và Nhà tuyển dụng về chất lượng CTĐT cũng như chất lượng của người lao động là SV tốt nghiệp từ nhà trường [H11.11.05.06]. Khảo sát được tiến hành trên 705 SV tốt nghiệp năm 2022; 441 GV khối ngành đặc thù và 303 nhà tuyển dụng lao động, trong đó, khoa Nghệ thuật có 31 SV, 13 GV và 09 nhà tuyển dụng lao động tham gia khảo sát. Cụ thể, kết quả phản hồi của SV tốt nghiệp khoa Nghệ thuật về CTĐT đặt trong đối sánh với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực đặc thù cho thấy, SV tốt nghiệp từ khoa Nghệ

thuật có phản hồi tích cực nhất về mục tiêu và CĐR của CTĐT; về mức độ đạt được của các kỹ năng; về năng lực cơ bản và phản hồi tốt về các nội dung khác.

Song song với việc lấy ý kiến của SV, trung tâm cũng tiến hành khảo sát phản hồi của GV về CTĐT, kỹ năng và năng lực đạt được của SV sau 4 năm học. GV Khoa Nghệ thuật đánh giá chưa cao về năng lực đạt được của SV sau khi tốt nghiệp (xếp thứ 7 trong 7 CTĐT được khảo sát) và mức độ các kỹ năng đạt được, với điểm số khảo sát thu được xếp thứ 7 trong 7 CTĐT được khảo sát. Về phía nhà tuyển dụng, kết quả phản hồi cho thấy, SV tốt nghiệp được đánh giá tương đối tốt ở các vấn đề như: Kiến thức ngành/ chuyên ngành; kỹ năng nghiệp vụ, năng lực vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn công việc, khả năng người lao động giải quyết công việc tốt, năng lực tự học, tự nghiên cứu,.. Trong khi cần cải thiện một số kỹ năng như: năng lực sử dụng ngoại ngữ, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin; Kỹ năng khai thác, phân loại xử lý dữ liệu/thông tin.

Ngoài việc khảo sát ý kiến của các bên liên quan, nhà trường còn thường xuyên tổ chức các buổi giao lưu, đối thoại, gặp mặt để trực tiếp lắng nghe ý kiến của người học và cán bộ, GV trong trường, cụ thể, hoạt động giao lưu giữa Lãnh đạo nhà trường với đại biểu SV, học viên sau đại học được tổ chức thường niên với những nội dung đối thoại bám sát với nhu cầu được trao đổi của người học như: Công tác đào tạo, công tác NCKH, công tác học sinh-SV, cơ sở vật chất phục vụ học tập, sinh hoạt của SV,... [H11.11.05.07]. Bên cạnh đó, đầu năm học, hội nghị đại biểu cán bộ, viên chức cũng được tổ chức từ cấp khoa đến cấp trường nhằm tổng kết các hoạt động của năm học trước, thông qua nhiệm vụ của năm học mới và lắng nghe, trao đổi nguyện vọng của cán bộ, viên chức với Lãnh đạo hướng đến việc xây dựng, phát triển khoa và trường .[H11.11.05.08; H11.11.05.09].

Dựa trên việc khai thác, xử lý các thông tin phản hồi của các bên liên quan, thực hiện việc đối sánh thông qua các báo cáo kết quả lấy ý kiến hàng năm, nhà trường đã nỗ lực tiến hành cải tiến chất lượng CTĐT thông qua điều chỉnh chuẩn đầu ra, chương trình dạy học và NCKH thông qua việc đầu tư trang thiết bị máy móc, tài liệu, giáo trình phục vụ giảng dạy và NCKH [H11.11.05.10]; Việc kiểm kê tài sản cũng được thực hiện hàng năm nhằm kịp thời bảo trì, bảo dưỡng các trang thiết bị phục vụ dạy học. [H11.11.05.11].

Bên cạnh đó, khoa đã đưa ra một số giải pháp nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, thông qua việc giao cho các bộ môn, tổ chức Đoàn thanh niên thiết kế các nội dung tọa đàm, seminar hay một số cuộc thi liên quan đến việc nâng cao kỹ năng nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng ứng dụng CNTT . Ngoài ra, các kỹ năng mềm hay một số năng lực nghề nghiệp khác cũng đã được tăng cường cho SV thông qua tuần lễ rèn luyện NVSP diễn ra thường niên vào tháng 11. Trong tuần lễ này,

nhieu nội dung đã được tổ chức cho Svhạt động như: Kỹ năng quản lí lớp học, kĩ năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, kĩ năng tổ chức trò chơi, kĩ năng thiết kế tư liệu, phương tiện học tập... Các hoạt động này được xây dựng và đổi mới hàng năm dựa trên phản hồi của SV nhằm rèn luyện và ứng dụng tốt các kĩ năng nghề nghiệp trên nền tảng các kiến thức chuyên môn đã được tiếp cận trong CTĐT.[H11.11.05.12].

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có hệ thống các đơn vị chuyên trách, có quy trình, công cụ và phương pháp để tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan. Vì vậy mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh. Việc đầu tư trang thiết bị phục vụ cải tiến CTĐT và NCKH được thực hiện thường niên, có cải tiến dựa trên phản hồi của SV, GV.

### **3. Điểm tồn tại**

Việc lấy ý kiến khảo sát về mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng còn chưa được tiến hành một cách hiệu quả.

### **4. Kế hoạch hành động**

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Liên kết chặt chẽ với các cơ sở sử dụng lao động là các SV sau tốt nghiệp để thu thập ý kiến phản hồi về chất lượng đào tạo.	TT ĐBCL Khoa Nghệ thuật	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, CDR của SV, đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan. Duy trì việc lấy ý kiến phản hồi của SV, GV, nhà tuyển dụng về các vấn đề liên quan đến CTĐT; hoàn thiện phiếu lấy ý kiến, mở rộng hình thức lấy ý kiến.	TT ĐBCL Khoa Nghệ thuật	Hàng năm

### **5. Tự đánh giá:** đạt 4/7

#### **Kết luận về tiêu chuẩn 11**

Với sự hỗ trợ của phần mềm quản lí học tập cùng các CVHT, cán bộ Giáo vụ, quản lí SV của khoa Nghệ thuật và hoạt động giám sát chung của nhà trường, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp của SV được giám sát chặt chẽ. Sau khi tốt nghiệp,

khoa và nhà trường vẫn giữ liên lạc thường xuyên với người học nhằm thu thập thông tin về tình hình việc làm, đồng thời có các hình thức hỗ trợ, giới thiệu việc làm cho SV tốt nghiệp. Hoạt động NCKH của SV được quan tâm, giám sát và hỗ trợ cả về chuyên môn và kinh phí thực hiện từ nhiều cấp độ gồm giáo viên hướng dẫn, bộ môn, khoa và nhà trường. Với sự quan tâm này, đã thu hút được đông đảo SV tham gia NCKH, song song với các hoạt động này, nhà trường đã xác lập được hệ thống các đơn vị, quy trình, công cụ và phương pháp để tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan gồm GV, SV, nhà tuyển dụng. Thông qua các báo cáo phản hồi, nhà trường và khoa đưa ra các kế hoạch điều chỉnh nhằm cải thiện chất lượng đào tạo. Tuy nhiên, tỉ lệ SV thôi học vẫn còn cao, không có SV tốt nghiệp trước hạn, tỉ lệ SV tham gia NCKH, triển lãm tranh khá cao nhưng số lượng SV được giải thưởng ở cấp trường còn thấp do chỉ tiêu gửi bài NCKH cấp trường của ngành Sư phạm Mĩ thuật chỉ được 1 đề tài. Việc thu thập thông tin về tính hình việc làm của SV tốt nghiệp cho thấy, đa số các năm điều tra, tỉ lệ SV có việc làm khá cao (từ 50% đến 100%) nhưng một bộ phận nhỏ SV làm các công việc không liên quan đến chuyên ngành đào tạo và một số không phản hồi phiếu khảo sát. Ngoài ra, chất lượng SV sau tốt nghiệp đã được phản hồi và đánh giá tốt bởi các nhà tuyển dụng tuy số lượng còn hạn chế.

### **Đánh giá tiêu chuẩn 11**

Tiêu chuẩn 11	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 11.1				4			
Tiêu chí 11.2				4			
Tiêu chí 11.3				4			
Tiêu chí 11.4				4			
Tiêu chí 11.5				4			
Điểm tiêu chuẩn	4,0						

## **PHẦN III. KẾT LUẬN**

### **3.1. Những điểm mạnh của chương trình đào tạo trình độ đại học ngành SPMT**

Bộ giáo dục và đào tạo cho phép trường ĐHSPHN mở mã ngành SPMT theo quyết định số ...../QĐ-BGD&ĐT ngày .../.../... 200. Chương trình đào tạo cử nhân SPMT dân được xây dựng trên cơ sở chương trình giáo dục đại học đào tạo theo hệ thống tín chỉ và quy chế đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường ĐHSPHN được ban hành theo quyết định số 122//QĐ-ĐHSPHN-ĐT ngày 9/1/2015 và quyết định số 3980/QĐ-ĐHSPHN ngày 21/9/2021. Năm 2019, CTĐT mới được ban hành theo tiếp cận chuẩn năng lực. Với những chính sách bao quát và toàn diện để thực hiện sứ mệnh và tầm nhìn và đảm bảo chất lượng giáo dục, từ khi thành lập cho tới nay, Khoa NT luôn là địa chỉ đi đầu trong việc đào tạo cử nhân ngành SPMT của cả nước.

Mục tiêu của CTĐT cử nhân Giáo dục công dân (CTĐT) xác định rõ ràng trong CTĐT đại học ngành SPMT năm 2020, được chỉnh sửa, cập nhật trong CTĐT đại học ngành SPMT ban hành theo quyết định số ...../QĐ- ĐHSPHN ngày... tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPHN.

Mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành SPMT được xác định rõ ràng, thể hiện được sứ mạng của trường ĐHSPHN, đáp ứng đòi hỏi đổi mới thực tiễn, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học trong Luật Giáo dục đại học. Mục tiêu được cụ thể hóa trên các khía cạnh phẩm chất và năng lực của sinh viên, hướng tới việc phát triển nghề nghiệp trong tương lai và phát triển toàn diện sinh viên ngành SPMT.

Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần của khoa NT đã thể hiện được đầy đủ các thông tin cần thiết cho các bên liên quan tiếp cận, đã công khai để các bên liên quan có thể tiếp cận dễ dàng. Các đề cương học phần có mô tả tiếp cận theo hướng năng lực một cách cụ thể thông qua các ma trận liên hệ giữa CTĐT, mục tiêu đào tạo với từng mục tiêu, nội dung trong học phần.

CTDH của hệ Cử nhân SPMT được xây dựng dựa trên CĐR. Mỗi học phần trong CTDH đều đóng góp để đạt được CĐR. CTDH có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

Triết lý giáo dục của Trường đã được công bố rõ ràng, được cán bộ, GV và nhân viên trong toàn trường cũng như toàn khoa hiểu rõ và bước đầu thực hiện và bước đầu giới thiệu tới các bên liên quan. Các PPGD/học tập trong CTĐT được thiết kế phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho người học, nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu/tự học, khả năng học tập suốt đời cho người học.



Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Tùy vào việc đáp ứng CDR học phần mà mỗi học phần quy định phương pháp đánh giá kết quả học tập. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời trên trang quản lý học tập nên người học có thể chủ động theo dõi và đưa ra quyết định cải thiện việc học tập. Khi có bất cứ khiếu nại gì về kết quả đánh giá, người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập thông qua hướng dẫn cụ thể theo các bước rõ ràng được quy định bằng văn bản.

Đội ngũ GV thực hiện CTĐT trình độ ĐH ngành SPMT được đào tạo đúng chuyên môn, có trình độ ngày càng cao, năng động, nhiệt huyết, có trách nhiệm, đảm bảo tốt khối lượng công tác đào tạo giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng. Việc quy hoạch và phát triển đội ngũ GV của Khoa phù hợp với chiến lược phát triển chung của Nhà trường, góp phần vào sự phát triển chung về đội ngũ nhân lực của Nhà trường. Các GV có ý thức cao trong việc tự trau dồi khả năng nghiên cứu và đào tạo, nhiều sản phẩm được ghi nhận. Chế độ đánh giá đội ngũ cán bộ của Nhà trường về cơ bản đã khích lệ, động viên được cán bộ và được công khai trong toàn Khoa.

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cho CTĐT ngành SPMT có trình độ chuyên môn đáp ứng được nhu cầu công việc, năng động, trách nhiệm. Công tác đánh giá, khen thưởng đội ngũ nhân viên được quy định rõ ràng, cụ thể, phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển chung của Nhà trường và của Khoa.

Người học được hỗ trợ thường xuyên và hiệu quả của Khoa và Nhà trường về hoạt động tư vấn học tập, hướng nghiệp, được tạo điều kiện thuận lợi nhất để phát triển năng lực học tập và NCKH, đồng thời được đưa ra ý kiến phản hồi về chất lượng dịch vụ giáo dục nhằm giúp cải tiến các hoạt động học tập và nghiên cứu.

CSVC và trang thiết bị luôn được đảm bảo. Là một trong những ngành khoa học giáo dục đang được sự quan tâm của xã hội cũng như thị trường lao động, khoa NT được Nhà trường quan tâm tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu. Môi trường làm việc và học tập trong khoa có chất lượng tốt.

Khoa NT đang thực hiện các quy trình quản lý nâng cao chất lượng một cách chặt chẽ và có hệ thống. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ theo đúng quy trình quy định của Bộ và Trường. CTĐT

được cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội.

nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho người học, nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu/tự học, khả năng học tập suốt đời cho người học.

Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Tùy vào việc đáp ứng CDR học phần mà mỗi học phần quy định phương pháp đánh giá kết quả học tập. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời trên trang quản lý học tập nên người học có thể chủ động theo dõi và đưa ra quyết định cải thiện việc học tập. Khi có bất cứ khiếu nại gì về kết quả đánh giá, người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập thông qua hướng dẫn cụ thể theo các bước rõ ràng được quy định bằng văn bản.

Đội ngũ GV thực hiện CTĐT trình độ ĐH ngành SPMT được đào tạo đúng chuyên môn, có trình độ ngày càng cao, năng động, nhiệt huyết, có trách nhiệm, đảm bảo tốt khối lượng công tác đào tạo giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng. Việc quy hoạch và phát triển đội ngũ GV của Khoa phù hợp với chiến lược phát triển chung của Nhà trường, góp phần vào sự phát triển chung về đội ngũ nhân lực của Nhà trường. Các GV có ý thức cao trong việc tự trau dồi khả năng nghiên cứu và đào tạo, nhiều sản phẩm được ghi nhận. Chế độ đánh giá đội ngũ cán bộ của Nhà trường về cơ bản đã khích lệ, động viên được cán bộ và được công khai trong toàn Khoa.

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cho CTĐT ngành SPMT có trình độ chuyên môn đáp ứng được nhu cầu công việc, năng động, trách nhiệm. Công tác đánh giá, khen thưởng đội ngũ nhân viên được quy định rõ ràng, cụ thể, phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển chung của Nhà trường và của Khoa.

Người học được hỗ trợ thường xuyên và hiệu quả của Khoa và Nhà trường về hoạt động tư vấn học tập, hướng nghiệp, được tạo điều kiện thuận lợi nhất để phát triển năng lực học tập và NCKH, đồng thời được đưa ra ý kiến phản hồi về chất lượng dịch vụ giáo dục nhằm giúp cải tiến các hoạt động học tập và nghiên cứu.

CSVC và trang thiết bị luôn được đảm bảo. Là một trong những ngành khoa học giáo dục đang được sự quan tâm của xã hội cũng như thị trường lao động, khoa NT được Nhà trường quan tâm tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu. Môi trường làm việc và học tập trong kho có chất lượng tốt.

Khoa NT đang thực hiện các quy trình quản lý nâng cao chất lượng một cách chặt chẽ và có hệ thống. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ theo đúng quy trình quy định của Bộ và Trường. CTĐT được cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội.

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được TT ĐBCL và khoa thiết lập có hệ thống và được thực hiện đa dạng. Cơ chế lấy ý kiến phản hồi được thực hiện đầy đủ theo đúng quy và được tiến hành định kỳ hàng năm.

Trường ĐHSP HN và khoa NT đã xây dựng hệ thống giám sát tỉ lệ SV tốt nghiệp, tỉ lệ SV có việc làm sau khi ra trường, hoạt động NCKH và mức độ hài lòng của người học và các bên liên quan.

Mức độ hài lòng của các bên liên quan được Nhà trường và khoa xác lập và giám sát thường xuyên. Mức độ hài lòng của GV, người học về cơ sở vật chất, môi trường tâm lý, phương pháp giảng dạy... được Nhà trường và khoa tiến hành lấy ý kiến phản hồi với nhiều hình thức.

### **3.2. Một số điểm tồn tại**

CTĐT trình độ ĐH vẫn còn những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT của cơ sở giáo dục:

Việc khảo sát các bên liên quan để xem xét điều chỉnh và cập nhật mục tiêu của CTĐT chưa được thực hiện trên phạm vi rộng; các nhà tuyển dụng chưa tích cực trong việc phản hồi về mục tiêu của CTĐT. Trong quá trình xây dựng CTĐT, CĐR được lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan về yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành khoá học, tuy nhiên sự phản hồi của các bên liên quan chưa tích cực. Hình thức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CĐR chưa đa dạng, tập trung nhiều vào khảo sát định lượng.

Các hình thức quảng bá về CTĐT ngành SPMT chưa phong phú; Việc lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan đến bản mô tả CTĐT chưa đa dạng. Các đề cương

chi tiết học phần được chỉnh sửa, cập nhật định kì, tuy nhiên do đặc thù của ngành SPMT nên còn gặp nhiều khó khăn khi so sánh, tham chiếu với chương trình quốc tế. Hình thức công bố CTĐT ngành SPMT tới các bên liên quan chưa đa dạng, phong phú.

Việc khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan như cơ sở giáo dục đào tạo, đơn vị tuyển dụng về CTDH chưa đa dạng, phong phú. Nội dung các môn học/học phần trong CTDH đạt được CDR và định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan nhưng sự phản hồi của các bên liên quan còn chưa được thường xuyên. Chưa tham khảo nhiều các chương trình dạy học trong nước trong quá trình xây dựng chương trình dạy học.

Mục tiêu đào tạo chưa được chú trọng phổ biến thường xuyên tới các nhà tuyển dụng, với xã hội. Một số học phần chưa thiết kế được các hoạt động gắn với phương pháp dạy học đa dạng, tích cực. Một số học phần chưa có sự đa dạng các phương pháp kiểm tra đánh giá, chưa chú trọng nhiều vào đánh giá quá trình. Hầu hết các học phần vẫn sử dụng phương pháp đánh giá là bài thi viết với các công cụ đánh giá là các câu hỏi tự luận (với các học phần lí thuyết) hoặc bài tập thực hành đối với các học phần Lí thuyết/thực hành/bài tập,...

Việc lấy ý kiến phản hồi của sinh viên, cựu người học về công tác phản hồi kết quả chưa được thực hiện đầy đủ. Chưa lấy ý kiến phản hồi của SV về tiếp nhận đơn khiếu nại về kết quả học tập. Các kênh thông tin tới người học về các quy định liên quan tới khiếu nại kết quả học tập còn chưa đa dạng.

Số lượng giảng viên giữa các bộ môn chưa đồng đều, số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ vẫn còn thiếu. Nhiều giảng viên đảm đương công việc ở nhiều bộ môn. Việc quy đổi tính giờ giảng dạy, giờ nghiên cứu và các công việc khác phục vụ cộng đồng ở trong và ngoài Trường vẫn còn một số chỗ chưa hợp lý. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV được xác định và phổ biến công khai, rộng rãi nhưng chưa nhận được nhiều ý kiến phản hồi về hệ các tiêu chí này. Số lượng các NCKH được công bố trên các tạp chí uy tín (có chỉ số ISI, Scopus...) chưa nhiều. Số lượng giảng viên tham gia các khóa bồi dưỡng tại nước ngoài còn rất hạn chế. Thời gian tổ chức một số khóa học chưa phù hợp. Số lượng giảng viên đạt chiến sĩ thi đua các cấp còn hạn chế.

Số lượng bài báo công bố Quốc tế có chỉ số xếp hạng còn ít so với tiềm năng đội ngũ GV trong Khoa. Việc khảo sát ý kiến phản hồi của NH đã tốt nghiệp về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên chưa được thực hiện một cách rộng rãi.

Thông tin về tuyển dụng và lựa chọn nhân viên trên hệ thống thông tin của trường chưa được sắp xếp một cách khoa học, khó cho người tìm kiếm. Ngoài ra, các tiêu chí đánh giá để tăng chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên chưa rõ ràng, chưa có tiêu chí đánh giá cụ thể cho đội ngũ nhân viên về chất lượng phục vụ đối với SV. Ví dụ như sự tích cực của đội ngũ nhân viên trong các hoạt động phong trào của SV hay việc nắm bắt tâm lý tình cảm và hoàn cảnh của SV.

Kinh phí dành cho hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ nhân viên còn hạn chế, việc bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ của cá nhân trong đội ngũ nhân viên, nếu không thuộc yêu cầu cấp thiết, bắt buộc, các cá nhân sẽ phải tự túc kinh phí. Các tiêu chí đánh giá nhiệm vụ của nhân viên chưa đảm bảo tính đặc thù của Khoa, chưa rõ vai trò của hệ thống các nhân viên hỗ trợ của Khoa. Hình ảnh và thông tin về ngành học, về đơn vị đào tạo trên Website của Khoa chưa cập nhật thường xuyên và cũng chưa thật hấp dẫn.

Phương thức tuyển sinh chưa đảm bảo đa dạng, chưa thực hiện hình thức thi tuyển theo kiểm tra, đánh giá năng lực thí sinh. Phần mềm quản lý tín chỉ đôi lúc còn đáp ứng chưa kịp thời khi có lượng SV đông cùng đăng kí thông tin, còn có hiện tượng số ít SV học năm đầu chưa thành thạo sử dụng phần mềm đăng ký tín chỉ. Việc khảo sát tìm hiểu phản hồi của NH về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn hoạt tập và hỗ trợ việc làm đã thực hiện nhưng chưa thực hiện được hàng năm. Môi trường, cảnh quan của trường và khoa còn có những chỗ chưa thật sự đẹp, khang trang để đáp ứng tốt mong đợi của NH và môi trường sư phạm. Số lượng phòng làm việc vẫn còn chưa đủ rộng rãi để các bộ môn làm việc một cách chuyên biệt. Các phòng học bàn ghế, bảng giá vẽ, bục bệ mẫu rất khó sắp xếp khi áp dụng dạy nhiều môn trong cùng một phòng, đặc biệt khó khăn khi sắp xếp để áp dụng các phương pháp dạy học mới. Thư viện trường vẫn có những tồn tại: Số lượng Tài liệu số chưa nhiều, do còn cản trở các luật bản quyền; Các tài liệu điện tử chưa được bổ sung đều đặn do hạn chế về nguồn kinh phí; Các kết nối, chia sẻ tài liệu chưa có hệ thống do kỹ thuật và yêu cầu của phần mềm chưa tương thích;

Khoa chưa cập nhật thường xuyên các tài liệu tham khảo phục vụ cho chuyên ngành sâu do các tác giả nước ngoài viết. Các máy móc, thiết bị đặc thù phục vụ chuyên ngành còn chưa được phong phú. Chất lượng mạng internet chưa ổn định, còn có sự cố ngắt mạng, dung lượng chưa cao khi số lượng SV truy cập đột ngột tăng lên vào 1 thời điểm. Một số phòng làm việc/phòng học cần được lưu ý về công tác vệ sinh kịp thời.

Việc lấy ý kiến phản hồi của sinh viên đã tốt nghiệp và nhà tuyển dụng về CTĐT chưa được thực hiện với số lượng đông đảo. Về thống kê nhu cầu của các bên liên quan trong chu kỳ đánh giá: Đã tiến hành lấy ý kiến nhưng còn rời rạc, chưa hệ thống. Các học phần còn nặng tính lý thuyết, cần tăng thời lượng thực hành và chú trọng rèn luyện kỹ năng trong các học phần phương pháp dạy học. Do tính đặc thù của ngành đào tạo nên các công trình nghiên cứu khoa học (dạng lí thuyết) của giảng viên khoa NT không nhiều bởi một số GV có năng lực sáng tạo NT tốt thường tập trung vào sáng tạo tác phẩm để triển lãm,... Công tác lấy ý kiến phản hồi của người học về áp dụng kết quả NCKH trong dạy và học chưa thực sự hiệu quả. Một số dịch vụ hỗ trợ của Nhà trường chưa được hỗ trợ kịp thời, việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích chưa được tiến hành thường xuyên trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan. Việc lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng về CTĐT gặp khó khăn và chưa đa dạng hình thức lấy ý kiến. Các khảo sát nhà tuyển dụng lao động còn chưa thường xuyên.

Tỉ lệ SV thôi học, chậm tốt nghiệp của ngành SPMT dù chiếm tỉ lệ nhỏ nhưng nếu quy ra số liệu tuyệt đối (số lượng sinh viên) vẫn là con số đáng lưu ý. Việc phân tích nguyên nhân và tìm ra giải pháp khắc phục có hiệu quả hiện tượng này chưa thực hiện được một cách triệt để. Đã có SV tốt nghiệp sớm nhưng chỉ là một tỉ lệ nhỏ, chưa tận dụng được ưu thế của đào tạo tín chỉ với 3 kì học/năm. Việc thu thập thông tin về tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp mới chỉ là bước đầu, chưa có những phân tích có tính dự báo. Khoa chưa có dữ liệu của sinh viên tốt nghiệp năm 2021. Khoa chưa có thông tin về thu nhập bình quân của sinh viên các khóa tốt nghiệp từ 2017 – 2022. Số lượng sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học chưa cao. Tất cả các đề tài đều tập trung vào khoa học giáo dục, chưa có chú ý đúng mức đến khoa học cơ bản. Số lượng đề tài đạt giải thưởng còn hạn chế, giải thưởng mới chỉ dừng lại ở cấp trường. Chưa cập nhật được dữ liệu mới nhất của một số

ngành đào tạo để có sự đối sánh cụ thể, cập nhật hơn. Các ý kiến phản hồi của các bên liên quan còn hạn chế về địa lí và chưa có khảo sát trên quy mô rộng.

### **3.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT:**

Để cải tiến chất lượng CTĐT ngành SPMT, Hội đồng khoa học và đào tạo, BCN Khoa, các tổ bộ môn và giảng viên cần thực hiện đồng bộ nhiều kế hoạch, cụ thể:

Cần tiếp tục tổ chức rà soát, đánh giá và điều chỉnh lại tiến trình đào tạo các môn học thuộc các khối kiến thức chung, ngành và chuyên ngành. Các đề xuất điều chỉnh, thay đổi mới được thông qua sẽ được đưa vào bản mô tả. Bổ sung việc tìm kiếm tham khảo các CTĐT liên quan đến ngành SPMT trên thế giới để cập nhật vào đề cương chi tiết học phần và mời các chuyên gia tọa đàm, trao đổi về chương trình SPMT ở khu vực và thế giới. Hội đồng KH&ĐT Khoa tiếp tục và thường xuyên chỉ đạo GV toàn khoa và tổ bộ môn rà soát đề cương chi tiết, cập nhật và điều chỉnh các nội dung đào tạo theo CTĐT mới. GV tham gia đào tạo cử nhân ngành SPMT thường xuyên rà soát, bổ sung, cập nhật các nội dung mới liên quan tới học phần giảng dạy. Nếu thấy hợp lý, cần thiết thì đề xuất chỉnh sửa học phần.

Mở rộng đa dạng hình thức lấy ý kiến của các bên liên quan về đề cương chi tiết học phần, trung cầu ý kiến phản hồi của sinh viên sau khi kết thúc học phần. Tiếp tục công bố, phổ biến rộng rãi CTĐT và đề cương học phần đến những bên liên quan, với hình thức đa dạng. Tham gia chương trình tư vấn tuyển sinh, ngày hội việc làm, giới thiệu quảng bá về Khoa và CTĐT cho những học sinh và các bên liên quan. Thực hiện khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CTDH bằng nhiều hình thức hơn. Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa chỉ đạo các Bộ môn và GV tiếp tục rà soát và điều chỉnh để CTDH đáp ứng CĐR tốt hơn nữa. Tăng cường liên hệ, đổi mới hình thức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về nội dung học phần trong CTDH. Tiếp tục phát huy đóng góp của các môn học/ học phần đáp ứng yêu cầu CĐR. Tham khảo thêm các chương trình dạy học trong nước để có những bổ sung, chỉnh sửa phù hợp. Cấu trúc, trình tự logic, nội dung của CTDH hợp lí, liền mạch và tham chiếu với các cơ sở giáo dục khác.

Phổ biến mục tiêu giáo dục tới các nhà tuyển dụng và xã hội bao gồm cả phụ huynh, cựu người học một cách thường xuyên. Ban hành và tuyên truyền văn bản về

triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục tới các bên liên quan một cách rõ ràng. Tăng cường trao đổi, thảo luận đổi mới phương pháp dạy học. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các phương pháp dạy học đảm bảo tính đa dạng, phong phú, tích cực đối với những học phần còn hạn chế.

Giới thiệu, quảng bá thư viện bộ môn tới người học và khai thác được các nguồn lực cho thư viện bộ môn. Xây dựng và thực hiện các PPDH tích cực và đa dạng, đồng thời cần thiết kế đa dạng về phương pháp đánh giá người học ở tất cả các học phần, phối hợp ít nhất 2 phương pháp kiểm tra đánh giá. Khảo sát ý kiến NH về các phương pháp kiểm tra đánh giá của học phần. Rà soát các phương pháp kiểm tra đánh giá đáp ứng CDR và tập huấn sử dụng cho toàn bộ cán bộ giảng viên. Lấy ý kiến của SV hàng năm về quy định kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. Kiểm tra rà soát và cập nhật về đánh giá kết quả học tập người học. Tăng cường phối hợp đa dạng các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập với các học phần chung. Tiếp tục duy trì quy trình đánh giá đảm bảo sự tin cậy, công bằng. Tiến hành lấy ý kiến người học về công tác phản hồi kết quả đánh giá. Sử dụng hiệu quả hơn nữa hệ thống quản lý đào tạo để kịp thời phản hồi kết quả tới người học. Lấy ý kiến phản hồi của SV về tiếp nhận đơn khiếu nại về kết quả học tập. Tiếp tục đảm bảo các quy định về thời gian, kết quả khiếu nại để đảm bảo công bằng với người học

Ưu tiên tuyển dụng GV nam, tạo điều kiện số GV là ThS tiếp tục đào tạo NCS. Tạo điều kiện tăng số lượng TS đủ tiêu chuẩn làm PGS. Tiếp tục thực hiện quy hoạch đội ngũ GV, NCV đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Có chính sách khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ trẻ nâng cao trình độ. Rà soát, sửa đổi cách tính giờ dạy, giờ nghiên cứu và công việc khác phục vụ tập thể, đơn vị phù hợp để phát huy năng lực và động viên kịp thời từng cá nhân GV. Tiếp tục phát huy điểm mạnh tỷ lệ GV/NH để tăng phù hợp khối lượng công việc của đội ngũ GV, cán bộ của Khoa, nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Mở thêm các diễn đàn trao đổi thông tin phản hồi về chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển. Tiếp tục xác định các tiêu chí tuyển dụng và thực hiện lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển minh bạch, công khai. Tạo điều kiện và động lực cho các GV tham gia học hỏi nhiều khóa đào tạo, đăng tải bài báo khoa học có chỉ số ISI. Tiếp tục thực hiện xác định và đánh giá năng



lực đội ngũ GV, NCV, phát huy năng lực trong giảng dạy, vận dụng các PP dạy học hiện đại trong công tác giảng dạy của GV. Tạo điều kiện cho nhiều giảng viên tham gia các khóa bồi dưỡng chuyên môn ở nước ngoài và xác định thời gian tổ chức các khóa học phù hợp. Tiếp tục xác định và tạo điều kiện để GV được bồi dưỡng, phát triển chuyên môn nghiệp vụ để có 2GV đạt chức danh Phó Giáo sư. Triển khai hợp tác với các tổ chức quốc tế, có nhiều hoạt động, chuyên đề...bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV. Khuyến khích giảng viên phấn đấu để nhiều giảng viên đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở. Tiếp tục thực hiện việc giám sát, quản trị theo kết quả công việc của GV, nghiên cứu viên đúng quy trình, đảm bảo tính minh bạch, công khai trong cán bộ, viên chức. Tiếp tục duy trì chính sách khen thưởng về kết quả công việc của GV, nghiên cứu viên tạo động lực và góp phần hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV. Trường/Khoa đưa định hướng các đề tài NCKH hàng năm để các nhóm nghiên cứu lựa chọn. Trường/Khoa có cơ chế và điều kiện hỗ trợ các nhóm NCKH trẻ. Tiếp tục đẩy mạnh NCKH, cải tiến chất lượng đào tạo, cải tiến chất lượng nghiên cứu tập trung vào các môn chuyên ngành gắn với Chương trình phổ thông và những vấn đề thực tiễn của đời sống. Thành lập nhóm nghiên cứu nòng cốt của Khoa, đứng đầu là những người có các bài báo đăng trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước để ngày càng khuyến khích và hỗ trợ các GV khác có bài báo hoặc các công trình nghiên cứu đăng tải trên các tạp chí uy tín.

Khảo sát phản hồi định kỳ các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên trong việc thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Tiếp tục hoàn thiện chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác. Nhân viên làm việc tại Khoa có đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng cần được tiếp tục tập trung bồi dưỡng. Nâng cấp hệ thống thông tin, sắp xếp lại các mục để tiện theo dõi trên trang Web của trường. Đề xuất bổ sung các tiêu chí đánh giá cụ thể để nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên. Tiếp tục rà soát hoàn thiện văn bản quy định về việc tuyển dụng bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên phù hợp tình hình thực tế. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và được

công khai rõ ràng trang thông tin điện tử của CSGD. Động viên đội ngũ nhân viên tích cực, chủ động tham gia các hoạt động khác như trợ lý, cố vấn học tập và các hoạt động phục vụ cộng đồng,... để nâng cao thành tích thi đua. Tiếp tục xác định năng lực và đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên thường xuyên, định kỳ với các tiêu chí rõ ràng, công khai. Dành thêm một phần kinh phí cho việc đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân viên nếu nhân viên tự ý thức đi học dù không thuộc yêu cầu cấp thiết, bắt buộc. Tiếp tục thực hiện các chính sách, quy định rõ ràng (khen thưởng, xử phạt) để khuyến khích đội ngũ nhân viên tham gia các khóa học bồi dưỡng. Bổ sung các tiêu chí đánh giá đặc thù nhân viên của Khoa khi đánh giá để bình xét cuối năm. Tiếp tục thực hiện việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên theo kế hoạch, công khai và minh bạch.

Thay đổi, bổ sung hình ảnh và thông tin chi tiết về ngành học, chính sách tuyển sinh thông báo trên trang web của Khoa tạo ra sự hấp dẫn và cuốn hút đối với thí sinh hơn nữa. Công khai và cập nhật thường xuyên hơn nữa các chính sách tuyển sinh. Xây dựng chiến lược, kế hoạch tuyển sinh phù hợp tiến tới xây dựng và công bố phương thức tuyển sinh với hình thức thi tuyển theo kiểm tra, đánh giá năng lực thí sinh để đảm bảo chất lượng đầu vào cho chương trình đào tạo ngành SPMT. Tiếp tục cập nhật thông tin về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn, đăng tải trên các trang web đặc biệt là trang web của khoa để tạo điều kiện cho thí sinh theo dõi. Cải thiện phần mềm quản lý tín chỉ. Hướng dẫn SV sử dụng thành thạo trang thông tin học tập cá nhân ngay thời gian đầu nhập học thông qua nhiều hình thức đa dạng.

Tăng cường sự hỗ trợ của cố vấn học tập nhằm nâng cao được nhận thức của SV về việc chủ động trong học tập và theo dõi thông tin liên quan đến việc học tập cá nhân. Duy trì nhiều hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập và rèn luyện, thông báo kịp thời cho NH. Khảo sát tìm hiểu phản hồi của NH, người tốt nghiệp về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm. Nâng cao chất lượng hướng dẫn và tư vấn của cố vấn học tập, tư vấn hỗ trợ việc làm cho SV. Tiếp tục duy trì các hoạt động đặc thù của SV ngành SPMT. Tiếp tục duy trì nghiên cứu, khảo sát tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp. Rà soát lại quy hoạch trồng cây xanh, đặt thêm ghế đá... cải thiện môi trường cảnh quan đẹp hơn, khang trang hơn. Tiếp tục duy trì và phát triển tốt môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan thông qua việc tổ chức thêm nhiều hoạt động gắn kết tâm lý giữa CB, GV và SV.

Đề xuất với trường tăng cường, cải thiện bàn ghế trang thiết bị trong các phòng học đáp ứng các phương pháp dạy học mới. Các bộ môn có kế hoạch cụ thể cho các hoạt động để sắp xếp việc sử dụng phòng (đặc biệt là phòng làm việc chung) cho hợp lý. Mặt khác, đề xuất với Nhà trường xem xét bố trí thêm phòng làm việc cho bộ môn. Tận dụng tối đa cơ sở vật chất, trang thiết bị đã có ở khoa. Đề xuất với trường và trung tâm thông tin thư viện tăng cường kinh phí để bổ sung sách chuyên ngành, ưu tiên các đầu sách trong đề cương chi tiết các học phần của chương trình đào tạo. Khuyến khích và đẩy mạnh việc viết giáo trình, sách tham khảo chuyên ngành để bổ sung phong phú nguồn tư liệu đặc thù của ngành SPMT. Tiếp tục cập nhật các tài liệu chuyên ngành bằng nhiều hình thức. Tăng cường việc trao đổi học thuật giữa các nhóm GV và giữa GV với nghiên cứu sinh của bộ môn tại phòng họp khoa. Xây dựng công tác đào tạo và nghiên cứu trong đó có các trang thiết bị phù hợp và được cập nhật được cập nhật. Cán bộ của mỗi tổ bộ môn sẽ chịu trách nhiệm thu thập thêm các tư liệu nghiên cứu đặc thù cho chuyên ngành nhằm phục vụ công tác nghiên cứu và đào tạo và tăng cường nguồn tư liệu cho phòng thực hành. Nâng cấp hệ thống CNTT, nâng cấp mạng internet, cơ sở hạ tầng CNTT. Tiếp tục tận dụng tối đa hệ thống CNTT của Nhà trường phục vụ và hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH. Tăng cường công tác vệ sinh trong các phòng làm việc và phòng học. Tiếp tục duy trì công tác đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, công tác an toàn vệ sinh môi trường.

Khoa sẽ tổ chức lấy ý kiến phản hồi của nhiều sinh viên đã tốt nghiệp và nhiều nhà tuyển dụng hơn để có thêm thông tin về việc đánh giá chất lượng sản phẩm đào tạo và nhu cầu của thị trường lao động để có hướng cải tiến chương trình đào tạo phù hợp. Khoa sẽ tiến hành thống kê nhu cầu của các bên liên quan, họp hội đồng khoa học để xem xét các ý kiến và điều chỉnh, bổ sung cho CTDH và CTĐT nếu thấy cần thiết. Tiếp tục thu thập thông tin phản hồi từ SV và cựu SV, duy trì họp HĐKH Trường và Khoa thường xuyên về rà soát CTDH, thường xuyên rà soát CTĐT. Định kỳ rà soát và điều chỉnh việc phân bố thời lượng thực hành ở tất cả các học phần. Tích cực tham vấn ý kiến các bên liên quan về CTDH, Tổ chức các hoạt động để đánh giá dạy và học của GV thường xuyên hơn; tích cực dự giờ chuyên môn; GV có kinh nghiệm chuyên môn bồi dưỡng cho GV trẻ... Tiếp tục thực hiện Đánh giá chất lượng của NH thông qua nhiều hình thức, hoạt động khác nhau. Nâng

cao năng lực ngoại ngữ và năng lực viết bài công bố quốc tế. Xây dựng công cụ hiệu quả để khảo sát ý kiến phản hồi của người học về áp dụng kết quả NCKH trong dạy và học. Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập, nghiên cứu khoa học, nâng cao trình độ chuyên môn. Hàng năm tiến hành đánh giá về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích dựa trên khảo sát thông qua phối hợp cán bộ hành chính các khoa để cải tiến chất lượng dịch vụ. Tiếp tục cung cấp các dịch vụ với CLC như thư viện, CNTT, trang thiết bị NCKH. Thời gian và phương pháp lấy ý kiến lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng cần linh hoạt hơn.

Tiếp tục thực hiện khảo sát về chất lượng giảng dạy học phần trên phạm vi toàn bộ các học phần đang giảng. Giảm tỉ lệ thôi học, chậm tốt nghiệp thông qua các biện pháp nâng cao tính hấp dẫn của CTĐT và tăng cường cảnh báo sớm cũng như những tư vấn về kế hoạch học tập cho SV. Tiếp tục giám sát chặt chẽ tình hình học tập của SV, tìm hiểu lý do thôi học của SV để có những tư vấn, định hướng kịp thời cho SV, đồng thời có phân tích, báo cáo thường xuyên về tiến độ học tập của SV, qua đó nhắc nhở, tư vấn cho SV hoàn thành các điều kiện chuẩn đầu ra, đảm bảo việc tốt nghiệp đúng thời hạn. Thiết kế kế hoạch đào tạo toàn khóa một cách tối ưu hơn để nhưng sinh viên có năng lực, có quyết tâm có khả năng tốt nghiệp sớm. Tiếp tục tiến hành rà soát, nhắc nhở SV thường xuyên, kịp thời hoàn thành các điều kiện đầu ra đặc biệt là chứng chỉ ngoại ngữ. Khảo sát về thu nhập của sinh viên sau tốt nghiệp. Tiếp tục thực hiện thống kê thường xuyên, đầy đủ về tỉ lệ có việc làm của SV sau khi tốt nghiệp. Đưa vào kế hoạch, chiến lược đào tạo của khoa các biện pháp cải tiến chất lượng NCKH của người học.

Thay đổi cách thức quản lí, tổ chức hoạt động NCKH của SV; khuyến khích SV tham gia các đề tài KHCN các cấp, hướng tới nghiên cứu ứng dụng và công bố công trình nghiên cứu. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào NCKH trong khoa, cập nhật các hướng nghiên cứu mới cho SV, xây dựng các cơ chế khuyến khích người học tham gia hoạt động NCKH. Liên kết chặt chẽ với các cơ sở sử dụng lao động là các SV sau tốt nghiệp để thu thập ý kiến phản hồi về chất lượng đào tạo. Lấy phản hồi của người tuyển dụng, sử dụng lao động trên diện rộng. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, CDR của SV, đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan. Duy trì việc lấy ý kiến phản hồi của SV, GV, nhà tuyển dụng

về các vấn đề liên quan đến CTĐT; hoàn thiện phiếu lấy ý kiến, mở rộng hình thức lấy ý kiến.

#### **3.4. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo theo Thông tư 04/2016**

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Sư phạm

Hà NộiMã: SPH

Tên CTĐT: Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành

SPMT Mã CTĐT: 7140222

## PHẦN IV. PHỤ LỤC

### 4.1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT

#### I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
  - Tiếng Việt: TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI
  - Tiếng Anh: HANOI NATIONAL UNIVERSITY OF EDUCATION
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
  - Tiếng Việt: ĐHSPTHN
  - Tiếng Anh: HNUE
3. Tên trước đây (nếu có):  
.....
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo
5. Địa chỉ: 136 Xuân Thủy, P. Dịch Vọng Hậu, Q.Cầu Giấy, Tp Hà Nội
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại:
7. E-mail: p.hcdn@hnue.edu.vn  
Số fax: 024-37547971  
Website: www.hnue.edu.vn
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 1951
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa: 1951
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1955
11. Loại hình cơ sở giáo dục:  
Công lập  Bán công  Dân lập  Tư thục
- Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

#### II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
  - Tiếng Việt: Khoa Nghệ thuật
  - Tiếng Anh:
13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:
  - Tiếng Việt: K. Nghệ thuật
  - Tiếng Anh:
14. Tên trước đây (nếu có): Sư phạm Âm nhạc – Mĩ thuật
15. Tên CTĐT
  - Tiếng Việt: Chương trình đào tạo cử nhân ngành SPMT
  - Tiếng Anh:
16. Mã CTĐT: 7140222
17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Sư phạm Âm nhạc – Mĩ thuật
18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Nhà D3 - Trường ĐHSPTHN Hà Nội
19. Số điện thoại liên hệ: Số fax:

20. E-mail: Website: [www.fpe.hnue.edu.vn](http://www.fpe.hnue.edu.vn)

21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): Quyết định số 985/QĐ-BGD&ĐT-TCCB của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngày 5/3/2003

22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2003

23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2006

### III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

24. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

Khoa NT của trường ĐHSP Hà Nội được thành lập ngày 5 tháng 3 năm 2003 theo quyết định số 985/QĐ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hơn 20 năm đã qua kể từ khi được thành lập, dù trải qua muôn vàn khó khăn, các thế hệ thầy và trò của khoa vẫn không ngừng nỗ lực phấn đấu, tâm huyết, sáng tạo và sâu sắc nghĩa tình, để hôm nay, khoa NT của trường ĐHSP Hà Nội tiếp nối truyền thống lịch sử rất đỗi tự hào của khoa, vẫn xứng đáng với vị trí là cơ sở nghiên cứu, đào tạo hàng đầu trong hệ thống các khoa đào tạo về SPMT, SPAN của các trường Sư phạm trong cả nước. Từ giảng đường của khoa, hàng ngàn các thầy, cô giáo, các nhà quản lý giáo dục đều đã và đang phát huy tốt truyền thống quý báu đó, trở thành những thầy, cô giáo tâm huyết với nghề, những nhà quản lý có uy tín, những nhà khoa học đáng tin cậy, những chiến sĩ kiên trung trên mặt trận tư tưởng của Đảng.

Với truyền thống nỗ lực phấn đấu, tâm huyết, sáng tạo và sâu sắc nghĩa tình, khoa NT quyết tâm phấn đấu học tập, nghiên cứu, rèn luyện hơn nữa để viết tiếp trang sử vẻ vang của khoa và chắc chắn sẽ không ngừng phát triển, đáp ứng tốt yêu cầu của thực tiễn đời sống và mong mỏi của các thế hệ thầy, trò.

25. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).

a) Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục đại học:

Trường ĐHSPHN chính thức được thành lập ngày 11/10/1951 theo Nghị định của Bộ Quốc gia Giáo dục. Trong quá trình phát triển, Trường mang nhiều tên khác nhau như Trường Sư phạm Cao cấp, Trường ĐHSPHN I, Trường ĐHSP-ĐHQG Hà Nội và Trường ĐHSPHN như ngày nay.

Sơ đồ tổ chức Nhà trường như sau:

a)

b) Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở thực hiện chương trình đào tạo:

### 26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
I	Hội đồng Trường					
1	Chủ tịch HĐT			GS.TS	0912922288	<a href="mailto:hungdv@hnue.edu.vn">hungdv@hnue.edu.vn</a>
II	Ban lãnh đạo Trường					

1	Hiệu trưởng	Nguyễn	1963	GS.TS, Hiệu trưởng	0906294414	<a href="mailto:minhnv@hnue.edu.vn">minhnv@hnue.edu.vn</a>
2	Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Văn Trào	1973	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	0983755460	<a href="mailto:traonv@hnue.edu.vn">traonv@hnue.edu.vn</a>
3	Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Văn Hiền		PGS.TS, Phó Hiệu	0913363623	<a href="mailto:Hiennv@hnue.edu.vn">Hiennv@hnue.edu.vn</a>
	<i>Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị</i>					
III.	<i>Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội</i>					
1.	Bí thư Đảng ủy					
2.	Chủ tịch công đoàn					
3.	Bí thư Đoàn trường					
4.	Chủ tịch Hội SV					
IV	<i>Các phòng, ban</i>					
1.	Trưởng phòng TCCB					
2.	Trưởng phòng Đào tạo					
3.	Trưởng phòng SDH					
4.	Trưởng phòng KH-CN					
5.	Trưởng phòng HC - ĐN					
6.	Trưởng phòng Công tác chính trị					



7.	Trưởng phòng KHTC					
8.	Trưởng ban Quản lý KTX					
9.	Phụ trách phòng Quản trị					
10.	Trưởng phòng Bảo vệ					
11.	Giám đốc Trung tâm TTTTV					
12.	Giám đốc TTĐT BDTX					
13.	Giám đốc Trung tâm CNTT					
14.	GD TT NC và PT NVSP					
15.	Giám đốc TTNC và SX Học liệu					
16.	Giám đốc NXB					
17.	GD phụ trách Trung tâm Đảm bảo					
18.	Viện trưởng Viện KHXH					
19	Viện trưởng Viện GDĐTQT					
V	Các bộ môn					
1.	Tổ					
2	Tổ					
3	Tổ					
4	Tổ					

5	Tổ					
---	----	--	--	--	--	--

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ:

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ:

Số lượng ngành đào tạo đại học:

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): .....

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

29. Tổng số các ngành đào tạo: 02

#### IV. Cán bộ, GV, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

30. Thống kê số lượng cán bộ, GV và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu 1 <i>Trong đó:</i>			
1.1	Cán bộ trong biên chế			
1.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn			
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả GV và thỉnh giảng <sup>2</sup> )			
	Tổng số			

31. Thống kê, phân loại GV

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế	GV hợp đồng dài	GV kiêm nhiệm là cán		



5	Thạc sĩ								
6	Đại học								
	Tổng								

Cách tính: Cột 10 = cột 3 \* (cột 5 + cột 6 + 0,3 \* cột 7 + 0,2 \* cột 9 + 0,2 \* cột 9)

<sup>4</sup> Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

34. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

T T	Trình độ/ học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ %	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)							
				Nam	Nữ	<30	30-40	41-51	51-60	>60			
1	Giáo sư, Viện sĩ												
2	Phó Giáo sư												
3	Tiến sĩ khoa học												
4	Tiến sĩ												
5	Thạc sĩ												
6	Đại học												
	Tổng												

34.1. Tuổi trung bình của GV cơ hữu:

34.2. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: GV =

34.3. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: GV =

35 Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)		
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)		
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)		
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)		

5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	Tổng		

### V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

36. Người học bao gồm học sinh, SV, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2019 - 2020							
2020 - 2021							
2021 - 2022							
2022 - 2023							
2023 - 2024							

37. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy

38.

Các tiêu chí	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024
1. Nghiên cứu sinh					
2. Học viên cao học					
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy					

Hệ không chính quy					
6. Khác....					

39. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

**Đơn vị: người**

	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024
Số lượng (người)					
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học					

40. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024
1. Tổng diện tích phòng ở (m <sup>2</sup> )	17289	17289	17289	17289	17289
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)					
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)					
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m <sup>2</sup> /người)					

41. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia NCKH

	Năm học				
	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024
Số lượng (người)					
Tỷ lệ (%) trên tổng số SV					

42. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

**Đơn vị: người**

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022

1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. SV tốt nghiệp đại học Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
4. Sv tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác....	0	0	0	0	0

(Tính cả những NH đã đủ ĐK tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

#### 43. Tình trạng tốt nghiệp của SV hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019 – 2020	2020 - 2021	2021 – 2022	2022 – 2023	2023 – 2024
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người)					
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào					
Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống câu 4 Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng					

cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
3.3. Tỷ lệ người học <i>không học</i> được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống câu 5 Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm liên quan đến ngành đào tạo (%) -Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp					
4.2. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm					
Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống kết thúc bảng này Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)					
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm %					
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)					

**Ghi chú:**

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

**VI. NCKH và chuyển giao công nghệ**

44. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:



TT	Phân loại đề tài	Hệ số **	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0						
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0						
3	Đề tài cấp trường	0,5						
4	Tổng							

Cách tính: Cột 9 = cột 3 \* (cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

\*\* Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh)

Tổng số đề tài quy đổi:

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/người)
1	2017	0	0	0
2	2018	0	0	0
3	2019	0	0	0
4	2020	0	0	0
5	2021	0	0	0

45. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài				
Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài				
Tổng số cán bộ tham gia				

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

46. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số **	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
1	Sách chuyên khảo	2,0						
2	Sách giáo trình	1,5						
3	Sách tham khảo	1,0						
4	Sách hướng dẫn	0,5						
5	Tổng							

\*\* Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh)

Tổng số sách (quy đổi):

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

47. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách				
Từ 4 đến 6 cuốn sách				
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham				

gia				
-----	--	--	--	--

48. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số **	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
1	Tạp chí khoa học quốc tế		0					
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0						
3	Tạp chí/tập san của cấp trường	0,5						
	Tổng							

\*\* Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh)

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi):

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

49. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây (xem số liệu lý lịch khoa học tự thuật)

GV cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí/tập san của trường
Từ 1 đến 5 bài báo			
Từ 6 đến 10 bài báo			
Từ 11 đến 15 bài báo			
Trên 15 bài báo			
Tổng số cán bộ tham gia			

50. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số **	Số lượng

			2019	2020	2021	2022	2023	Tổng (đã quy đổi)
1	Hội thảo quốc tế	1,0						
2	Hội thảo trong nước	0,5						
3	Hội thảo cấp trường	0,25						
4	Tổng							

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

\*\* Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh)

Tổng số bài báo cáo (quy đổi):

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

51. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỹ yếu trong 5 năm gần đây

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước (báo cáo hội trường, poster Hội thảo của Khoa và các trường khác)	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo			
Từ 6 đến 10 báo cáo			
Từ 11 đến 15 báo cáo			
Trên 15 báo cáo			
Tổng số cán bộ tham gia			

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

52. Số bằng phát minh sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2017-2018	
2018-2019	
2019-2020	
2020-2021	
2021-2022	

### 53. NCKH của người học

#### 52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây

Số lượng đề tài	Số lượng NH tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài				
Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài				
Tổng số NH tham gia				

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

#### 52.2. Thành tích NCKH của SV

(Thống kê các giải thưởng NCKH, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích NCKH	Số lượng				
		2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024
1	Số giải thưởng NCKH (cấp khoa)					
2	Số giải thưởng NCKH (cấp trường)					
3	Số bài báo được đăng, công trình được công bố					

## VII. Cơ sở vật chất, thư viện

54. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m<sup>2</sup>): 7.900m<sup>2</sup>

55. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m<sup>2</sup>): 7.900m<sup>2</sup>

56. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m<sup>2</sup>):

- Nơi làm việc: 1.700m<sup>2</sup>    Nơi học: 3.700    Nơi vui chơi giải trí: 2.500

57. Diện tích phòng học (tính bằng m<sup>2</sup>)

- Tổng diện tích phòng học: 2.200

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 4,23m<sup>2</sup>/người học

58. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện: 93 (đầu tài liệu)

59. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT: 7 máy tính (trong đó có 3 máy hỏng và 4 máy đang ở trong tình trạng sử dụng kém)

- Dùng cho hệ thống văn phòng:

- Dùng cho người học học tập:

Tỷ số máy tính dùng cho người học/người học chính quy:

### **VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng**

Từ kết quả khảo sát trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây

1. Tính đến tháng 6/2024

Tổng số GV cơ hữu (người):

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%):

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%):

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%):

2. Người học: 2023 - 2024

Tổng số người học chính quy (người):

Tỷ số người học chính quy trên:

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%):

Đánh giá của người học về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): (-)

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): (-)

3. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: tính trung bình của năm .... và .....

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%):

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%):

Thu nhập bình quân/ tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ):

4. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): (-)

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc nhưng phải đào tạo thêm (%): (-)

5. NCKH và chuyển giao công nghệ

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0 Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

6. Cơ sở vật chất

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy:

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 0

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 6,12m<sup>2</sup>/sv

### **1.2. Các tư liệu, tài liệu liên quan**